

DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC ĐẠT TIÊU CHUẨN PIC/S - GMP VÀ EU - GMP

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
Đợt 1 (theo Công văn số 144a/QLD-CL ngày 04/01/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 2 (theo Công văn số 847a/QLD-CL ngày 21/01/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 3 (theo Công văn số 1710a/QLD-CL ngày 01/02/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 4 (theo Công văn số 2232a/QLD-CL ngày 07/02/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 5 (theo Công văn số 3271/QLD-CL ngày 08/03/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 6 (theo Công văn số 3949/QLD-CL ngày 20/03/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 7 (theo Công văn số 4766/QLD-CL ngày 03/04/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 8 (theo Công văn số 5035/QLD-CL ngày 05/04/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 9 (theo Công văn số 6769/QLD-CL ngày 06/05/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 10 (theo Công văn số 7150/QLD-CL ngày 13/05/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 11 (theo Công văn số 7977/QLD-CL ngày 27/05/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 12 (theo Công văn số 9412/QLD-CL ngày 14/06/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 13 (theo Công văn số 11525/QLD-CL ngày 19/07/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 14 (theo Công văn số 13339/QLD-CL ngày 16/08/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 15 (theo Công văn số 16617/QLD-CL ngày 04/10/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 16 (theo Công văn số 21584/QLD-CL ngày 24/12/2013 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 17 (theo Công văn số 1405/QLD-CL ngày 23/01/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 18 (theo Công văn số 2438/QLD-CL ngày 25/02/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 19 (theo Công văn số 4034/QLD-CL ngày 19/03/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 20 (theo Công văn số 6683/QLD-CL ngày 25/04/2014 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
Đợt 21 (theo Công văn số 8320/QLD-CL ngày 26/05/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 22 (theo Công văn số 11586/QLD-CL ngày 08/07/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 23 (theo Công văn số 13326/QLD-CL ngày 07/08/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 24 (theo Công văn số 16300/QLD-CL ngày 23/09/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 25 (theo Công văn số 20841/QLD-CL ngày 01/12/2014 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 26 (theo Công văn số 1362 /QLD-CL ngày 23/01/2015 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 27 (theo Công văn số 6043/QLD-CL ngày 03/04/2015 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 28 (theo Công văn số 7455/QLD-CL ngày 24/04/2015 của Cục Quản lý Dược)										
20	Meiji Seika Pharma Co., Ltd. Odawara Plant	1056, Kamonomiya Odawara-shi, Kanagawa, Japan	Thuốc cốm MEIACT (Cefditoren 50mg)	Japan-GMP	5154	10/02/2015	10/02/2020	Pharmaceutical and Food Safety Bureau, Ministry of Health and Welfare, Japan	1	
Đợt 29 (theo Công văn số 11675/QLD-CL ngày 01/07/2015 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 30 (theo Công văn số 12496/QLD-CL ngày 04/08/2015 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 30 BS (theo Công văn số 17191/QLD-CL ngày 09/09/2015 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 31 (theo Công văn số 17563 /QLD-CL ngày 16/09/2015 của Cục Quản lý Dược)										
25	PT. Tanabe Indonesia	Jl. Rumah Sakit No. 104 Ujungberung Bandung 40612, Indonesia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, chất gây độc tế bào, hormon sinh dục và thuốc ngừa thai: Viên nén, viên nén bao.	PIC/S	4336/CPOB/A/I/15	15/01/2015	15/01/2020	National Agency for Drug and Food Control of the Republic of Indonesia		2
Đợt 32 (theo Công văn số 19121/QLD-CL ngày 08/10/2015 của Cục Quản lý Dược)										
12	Meiji Seika Pharma Co., Ltd., Odawara Plant	1056, Kamonomiya, Odawara-shi, Kanagawa-ken, Japan	Sản phẩm: + Fosmicin for I.V use 1g + Fosmicin for I.V use 2g + Fosmicin S for otic + Fosmicin tablets 250 + Fosmicin tablets 500	Japan-GMP	2669	11/09/2015	11/09/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
Đợt 33 (theo Công văn số 20597/QLD-CL ngày 05/11/2015 của Cục Quản lý Dược)										
12	Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Aichi Plant	1212 Aza-teramae, Gejo-cho, kasugai-shi, Aichi, Japan	Sản phẩm: NIKP-Nicardipine injection 2mg/2ml	Japan-GMP	2083	07/08/2015	28/02/2021	Japan Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
Đợt 34 (theo Công văn số 22372/QLD-CL ngày 02/12/2015 của Cục Quản lý Dược)										
8	Shionogi & Co., Ltd	7 Moriyama, Nishine, Kanegasaki-cho, Isawa-gun, Iwate 029-4503,Japan	Sản phẩm: Thuốc bột pha dung dịch tiêm truyền Doribax 250, Doribax 500 (Doripenem hydrate tương ứng Doripenem 250 mg, 500 mg)	Japan-GMP	6114	26/03/2015	26/03/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
14	PT. Tanabe Indonesia	Jl. Rumah Sakit No. 104 Ujungberung Bandung 40612, Indonesia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, chất kim tế bào, hormon sinh dục và thuốc ngừa thai: Viên nang cứng chứa thuốc kháng sinh và thuốc không chứa kháng sinh; viên nang cứng phóng thích chậm (Sustained Release Capsules).	PIC/S	4337/CPOB/A/I/15	15/01/2015	15/01/2020	National Agency for Drug and Food Control of the Republic of Indonesia		2
Đợt 35 (theo Công văn số 23938/QLD-CL ngày 29/12/2015 của Cục Quản lý Dược)										
2	PT. SOHO INDUSTRI PHARMASI	Jalan Pulo Gadung No. 6, Kawasan Industri Pulo Gadung, Jakarta Timur, Indonesia	* Thuốc không phải kháng sinh: Viên nén, viên nén bao (không bao gồm thuốc tránh thai, hormon sinh dục và các chất kim tế bào); * Thuốc kháng sinh: Viên nén, viên nén bao (không bao gồm kháng sinh betalactam và các dẫn xuất betalactam).	PIC/S-GMP	4264/CPOB/A/IX/14	30/09/2014	30/09/2019	Indonesian National Agency for Drug and Food Control (NADFC)		2
Đợt 36 (theo Công văn số 1395/QLD-CL ngày 01/02/2016 của Cục Quản lý Dược)										
13	PT. Bernofarm	Jl. Gatot Subroto No. 68 Banjarkemantren Km.18, Buduran - Sidoarjo - Jawa Timur, Indonesia	* Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm không chứa kháng sinh nhóm beta lactam (không bao gồm thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất độc tế bào)	PIC/S-GMP	4358/CPOB/A/III/15	30/03/2015	31/03/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
21	Sumitomo Dainippon Pharma Co., Ltd Suzuka Plant	1450, Yasuzuka-cho, Suzuka, Mie 513-0818, Japan	Sản phẩm: Thuốc viên nén Gasmotin tablets 5mg (Mosapride citrate anhydrous 5mg)	Japan-GMP	3325	17/10/2014	17/10/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
Đợt 37 (theo Công văn số 4031/QLD-CL ngày 18/03/2016 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
27	Lamp San Prospero SPA (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Via Della Pace, 25/A-41030 San Prospero (MO), Italia	Sản phẩm: viên nén kháng dịch vị dạ dày Esomeprazole 20mg, 40mg Tên tại Việt Nam: ASGIZOLE	EU-GMP	IT/154-5/H/2015	20/07/2015	21/02/2017	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
43	Laboratorios Richmond S.A.C.I.F. (Cơ sở đóng gói)	Elcano No 4938. (Zip Code C1427CIU), of the City of Buenos Aires, Argentina	Sản phẩm: + Thuốc bột đông khô pha tiêm truyền Trexam (Pemetrexed 500mg). Tên tại Việt Nam: Belipexade. + Thuốc bột đông khô pha tiêm Xaliplat (Oxaliplatin 50mg, 100mg). Tên tại Việt Nam: Oxaliplatin. + Dung dịch tiêm Drifen (Paclitaxel 30mg, 100mg). Tên tại Việt	PIC/S-GMP	20132014-000990 15	30/07/2015	30/07/2016	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
44	PT. Pertiwi Agung	Jl. DDN No. 16, Sukadanau, Cikarang Barat, Kabupaten Bekasi, Indonesia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam (Không bao gồm thuốc tránh thai, hormone sinh dục và chất kìm tế bào): Viên nén, viên bao.	PIC/S GMP	4484/CPOB/A/VIII/15	24/08/2015	08/09/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
Đợt 38 (theo Công văn số 4936/QLD-CL ngày 01/04/2016 của Cục Quản lý Dược)										
6	PT.AVENTIS PHARMA	Jl. Jenderal Ahmad Yani, Pulo Mas, Pulo Gadung, Jakarta Timur, Indonesia (hoặc Jl. Jenderal A.Yani, Pulo Mas, Jakarta, Indonesia)	* Thuốc không chứa betalactam và không bao gồm thuốc tránh thai, hormone sinh dục và các chất kìm tế bào: Viên nén; viên nén bao.	PICs-GMP	4411/CPOB/A/V/15	11/05/2015	31/05/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
16	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant)	9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka, Japan (2-14), Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan)	Sản phẩm: Daigaku eye drops, Ophthalmic Liquids and Solutions (naphazoline Hydrochloride 0,002%, Chlorpheniramine maleate 0,01%, Kẽm sulfate hydrate 0,1%, ε-aminocaproic Acid 1,0 %)	Japan-GMP	3120	23/11/2015	23/03/2020	Ministry of Health, Labour and welfare, Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
17	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant)	9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka, Japan (2-14), Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan)	Sản phẩm: Sanlein 0,3 ; Ophthalmic Liquids and Solutions, (purified sodium hyaluronate 3 mg/ml)	Japan-GMP	3118	23/11/2015	23/03/2020	Ministry of Health, Labour and welfare, Japan	1	
18	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant)	9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka, Japan (2-14), Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan)	Sản phẩm: Oflovid, Ophthalmic Liquids and Solutions , (ofloxacin 3 mg/ml)	Japan-GMP	3606	12/11/2015	23/03/2020	Ministry of Health, Labour and welfare, Japan	1	
23	PT. Dexe Medica	Jl. Jend. Bambang Utuyo No. 138 Palembang, Indonesia	* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -Lactam (Không bao gồm thuốc tránh thai, hóc môn sinh dục và thuốc độc tế bào): Viên nén, viên bao.	PIC/s-GMP	4676/CPOB/A/I/16	26/01/2016	02/02/2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
			* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -Lactam: Viên nén sủi bọt.		4677/CPOB/A/I/16					
			* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -Lactam (Không bao gồm thuốc tránh thai, hóc môn sinh dục và thuốc độc tế bào): Viên nang cứng.		4678/CPOB/A/I/16					
			* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm β -Lactam: Thuốc bột uống.		4679/CPOB/A/I/16					
			* Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, viên bao.		4680/CPOB/A/I/16					
			* Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nang cứng.		4681/CPOB/A/I/16					
			* Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Thuốc bột uống.		4682/CPOB/A/I/16					
			* Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Thuốc bột pha tiêm.		4683/CPOB/A/I/16					

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
24	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Lô Z01-02-03a, KCN/KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP HCM, Việt Nam	Thuốc viên nén bao phim	GMP-Nhật Bản	Number of Accreditation: AG11000002; System Filing Number: 5122708036691	08/02/2016	31/08/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan		2
Đợt 39 (theo Công văn số 6361/QLD-CL ngày 22/04/2016 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 40 (theo Công văn số 7483/QLD-CL ngày 12/05/2016 của Cục Quản lý Dược)										
13	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant)	9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka, Japan (2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan)	Sản phẩm: Sanlein Mini ; Ophthalmic Liquids and Solutions, (purified sodium hyaluronate 1 mg/ml)	Japan-GMP	3127	23/10/2015	23/03/2020	Pharmaceutical safety and enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
14	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant)	9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka, Japan (2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan)	Sản phẩm: Sanlein Mini 0.3 ; Ophthalmic Liquids and Solutions, (purified sodium hyaluronate 3 mg/ml)	Japan-GMP	3128	23/10/2015	23/03/2020	Pharmaceutical safety and enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
Đợt 41 (theo Công văn số 9375/QLD-CL ngày 10/06/2016 của Cục Quản lý Dược)										
Đợt 42 (theo Công văn số 11609/QLD-CL ngày 23/06/2016 của Cục Quản lý Dược)										
46	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Hỗn dịch nhỏ mắt Kary Uni (Pirenoxine 0.05mg/mL)	Japan-GMP	4256	20/12/2016	23/03/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
Đợt 43 (theo Công văn số 15360/QLD-CL ngày 09/08/2016 của Cục Quản lý Dược)										
2	DELPHARM LILLE SAS	Parc d'Activités Roubaix - Est, 22 rue de Toufflers CS 50070, LYS LEZ LANNOY, 59452, France	* Thuốc không vô trùng (chứa thuốc độc tế bào cytotoxics, Hormon): Viên nang cứng; viên nén * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch, thuốc công nghệ sinh học, thuốc có nguồn gốc từ người và động vật.	EU-GMP	HPF/FR/72/2016	15/04/2016		French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
10	Sandoz Ilac Sanayi Ve Ticaret A.S	Sandoz Ilac Sanayi ve Ticaret A.S Gebze Plastikciler Organize Sanayi Bölgesi Atatürk, Bulvari 9. Cadde No.1, TR-41400 Gebze-Kocaeli, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đạn; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cấm.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2016_0013	14/03/2016	29/02/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
38	PT. Kalbe Farma tbk	Jl. M.H Thamrin Blok A3-1 Kawasan Industri Delta Silikon Lippo Cikarang, Bekasi - Indonesia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim (không bao gồm kháng sinh betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục, thuốc kim tế bào)	PICS GMP	4653/CPOB/A/XII/15	23/12/2015	31/12/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
			* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (không bao gồm kháng sinh betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục, thuốc kim tế bào)	PICS GMP	4654/CPOB/A/XII/15	23/12/2015	31/12/2020			
39	PT. Kalbe Farma tbk	Jl. M.H Thamrin Blok A3-1 Kawasan Industri Delta Silikon Lippo Cikarang, Bekasi - Indonesia	* Thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả kháng sinh non-betalactam)	PICS GMP	4655/CPOB/A/XII/15	23/12/2015	31/12/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
			* Thuốc kem, thuốc mỡ (không chứa kháng sinh betalactam); thuốc đạn (không chứa kháng sinh).	PICS GMP	4656/CPOB/A/XII/15	23/12/2015	31/12/2020			

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			* Bột pha thuốc uống (không chứa kháng sinh betalactam).	PICS GMP	4657/CPOB/A/XII/15	23/12/2015	31/12/2020			
Đợt 44 (theo Công văn số 18660/QLD-CL ngày 23/09/2016 của Cục Quản lý Dược)										
13	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	4228-1, Aza Kadota, Ishishi, Karatsu-shi, Saga-ken, Japan	Dung dịch thuốc nhỏ mắt Tearbalance 0,1% (Natri hyaluronat 1mg/ml)	Japan - GMP	1641	07/06/2016	07/06/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
Đợt 45 (theo Công văn số 21743/QLD-CL ngày 03/11/2016 của Cục Quản lý Dược)										
24	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	Sản phẩm: Viên nén bao tan trong ruột Pariet 10mg.	Japan-GMP	1437	25/06/2014	11/04/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
25	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	Sản phẩm: Viên nén bao tan trong ruột Pariet 20mg.	Japan-GMP	1438	25/06/2014	11/04/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
26	PT. Aventis Pharma	Jl. Jenderal A. Yani, Pulo Mas, Jakarta, Indonesia	Sản phẩm: Viên nén Triatec 5 mg (Ramipril 5mg)	PIC/S GMP	PN.01.05.31.313.05.16.539	04/05/2016	31/05/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
32	Santen Pharmaceutical Co., Ltd Shiga Plant	348-3, Aza-suwa, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Taflotan (Tafluprost 0,015 mg/ml)	Japan - GMP	1616	04/07/2016	15/07/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
33	Santen Pharmaceutical Co., Ltd Shiga Plant	348-3, Aza-suwa, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan	* Sản phẩm: Hỗn dịch nhỏ mắt Flumetholon 0,1 (Fluorometholon 1mg/ml)	Japan - GMP	3085	20/10/2015	15/07/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
34	Santen Pharmaceutical Co., Ltd Shiga Plant	348-3, Aza-suwa, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan	* Sản phẩm: Hỗn dịch nhỏ mắt Flumetholon 0,02 (Fluorometholon 0,2 mg/ml)	Japan - GMP	4532	14/12/2015	15/07/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
55	Biocon Limited	Plot No. 2-4, Phase IV, Bommasandra-Jigani Link Road, Bangalore - 560 099, India	* Sản phẩm: Insulin Glargine BS Injection 100U/ml FFP.	Japan GMP	System filing No.: 5122708010 051	04/03/2016	04/03/2021	Pharmaceuticals and Medical Devices Agency (PMDA), Japan		2
59	Myung In Pharm.Co., Ltd.	361-12 Noha-gil, Paltan-myeon, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Dạng thuốc rắn: viên nén; viên nang; viên nén phân rã. * Thuốc tiêm: dung dịch thuốc tiêm; thuốc đông khô. * Thuốc bán rắn: thuốc kem, thuốc mỡ.	PIC/S GMP	2016-D1-2734	19/09/2016	05/09/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
60	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Sanlein Mini 0.3 (Natri hyaluronat 1,2mg/0,4ml)	Japan-GMP	825	24/05/2016	23/03/2020	Pharmaceutical safety and enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
61	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Sanlein Mini 0.1 (Natri hyaluronat 0,4mg/0,4ml)	Japan-GMP	827	24/05/2016	23/03/2020	Pharmaceutical safety and enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
62	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Diquas (Natri diquafosol 30mg/ml)	Japan-GMP	3084	20/10/2015	23/03/2020	Pharmaceutical safety and enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
63	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Taflotan-S (Tafluprost 4,5mcg/0,3ml)	Japan-GMP	3975	24/11/2015	23/03/2020	Pharmaceutical safety and enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
64	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Sancoba (Cyanocobalamin (vitamin B12) 1mg/5ml)	Japan-GMP	4063	25/11/2015	23/03/2020	Pharmaceutical safety and enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
65	Alkem Laboratories Limited	Alkem Laboratories Limited Village Thana, Baddi, Tehsil - Nalgarh, Solan, 173205 Himachal Pradesh, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; bột pha sirô ; viên nén.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2016_0064	04/08/2016	22/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
66	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan:Tarchominski e Zaklady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland	*Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dạng bào chế rắn và cấy ghép (bao gồm cả kháng sinh nhóm β - Lactam)	EU_GMP	GIF-IW-400/0196_02_05/04/294/16	26/09/2016	08/07/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
Đợt 46 (theo Công văn số 25043/QLD-CL ngày 23/12/2016 của Cục Quản lý Dược)										
12	BAG Health Care GmbH	BAG Health Care GmbH Amtsgerichtsstraße 1-5, 35423 Lich, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ động vật. * Thuốc từ dược liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0048	04/08/2016	08/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
13	Actavis UK Limited	Whiddon Valley, Barnstaple, EX32 8NS, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc đạn; viên nén.	EU-GMP	UK MIA 142 Insp GMP/GDP/IMP 142/6742-0032	11/10/2016	13/07/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
27	Mylan EPD G.K., (Tên cũ: Abbott Japan Co., Ltd.)	2-1, Inokuchi 37, Katsuyama, Fukui 911-8555, Japan	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Elthon 50mg tablets (Itopride hydrochloride 50mg)	Japan GMP	4813	24/12/2015	16/09/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
31	Withus Pharmaceuticals Co., Ltd.	103 Je2gongdan 2-gil, Miyang-myeon, Anseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	Thuốc không vô trùng: Viên nén; Viên nang (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin)	PIC/S GMP	2016-01-2398	17/08/2016	17/07/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
73	Royal Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1, Lane 1, Sung Pu Road, Niao Song District, Kaohsiung City, Taiwan, R.O.C	* Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc, hỗn dịch thuốc; thuốc kem, thuốc mỡ; viên bao phim, cốm bao phim, viên nén, viên nang cứng.	PIC/S GMP	3287	12/10/2016	19/07/2019	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
74	BAG Health Care GmbH	BAG Health Care GmbH Amtsgerichtsstraße 1-5, 35423 Lich, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Thuốc khác: Thuốc dược liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0048	04/08/2016	08/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
82	B. Braun Medical, SA	Ctra. Terrassa, 121, Rubi, Barcelona, 08191, Spain	* Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (bao gồm cả thuốc gây nghiện/hướng thần); dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc gây nghiện/hướng thần);	EU-GMP	NCF/1634/01/CAT	11/10/2016	30/09/2019	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
Đợt 47 (theo Công văn số 783/QLD-CL ngày 25/01/2017 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
2	N.V. Organon	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands (* Cách ghi khác: <i>Molenstraat 110, 5342 CC Oss, Netherlands</i> hoặc: <i>Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Netherlands</i>)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc cấy ghép và dạng rắn. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim, thuốc cốm. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người và động vật; thuốc có nguồn gốc từ nước tiểu (urine).	EU GMP	NL/H 16/1010471	03/10/2016	08/09/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
4	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A (Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	ul. Pelplinska (hoặc 19 Pelplinska Street) 19, 83-200 Starogard Gdanski, Poland.	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (nguyên liệu độc tính cao, nguyên liệu gây quái thai); thuốc cốm, thuốc cốm pha hỗn dịch uống; viên nén (nguyên liệu hoạt tính cao, nguyên liệu độc tính cao, nguyên liệu gây quái thai); viên nén bao phim.	EU-GMP	GIF-IW-400/0105_02_02/04/319/16	08/11/2016	02/09/2019	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
12	S.C. Antibiotice S.A.	Str. Valea Lupului nr.1, Iasi, Jud. Iasi, cod 707410, Romania	* Thuốc sản xuất vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: thuốc bột pha tiêm.	EU-GMP	046/2016/R O	16/12/2016	21/09/2019	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	
18	Laboratorios Lesvi, SL	Avinguda de Barcelona, 69, 08970 Sant Joan Despi (Barcelona), Spain (* Cách ghi khác: <i>Avda. Barcelona 69-08970 Sant Joan Despi, Barcelona, Spain</i>)	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ, dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần): Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	NCF/1637/01/CAT	03/11/2016	27/10/2019	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
32	B.Braun Melsungen AG	Straße 1 34212 Melsungen, Germany (*Cách ghi khác: <i>Carl - Braun - Straße 1, 34212 Melsungen, Germany</i>)	* Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: Dung dịch, nhũ tương thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon); dung dịch, nhũ tương thể tích lớn; * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	DE-HE-01-GMP-2016-0067	10/08/2016	10/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
37	Samil Pharm. Co., Ltd.	216 Sandan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea	* Viên nén; thuốc bột; thuốc cốm; si rô thuốc (dạng rắn); viên nhai. * Dung dịch, hỗn dịch nhỏ mắt. * Thuốc uống dạng lỏng; si rô thuốc (dạng lỏng); hỗn dịch thuốc uống. * Thuốc bôi da dạng lỏng; thuốc xịt mũi. * Thuốc mỡ; thuốc mỡ tra mắt; thuốc gel.	PIC/S GMP	2016-D1-2874	06/10/2016	05/09/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
43	Pabianickie Zakłady Farmaceutyczne POLFA S.A. (Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Works Polfa in Pabianice Joint-Stock Co.)	ul.Marszalka Jozefa, Pilsudskiego 5, 95-200 Pabianice, Poland	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào); thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén và viên nén bao phim) (bao gồm cả thuốc chứa hormon và steroid). * Thuốc được liệu.	EU-GMP	GIF-IW-400/0039_01_01/04/314/16	28/10/2016	01/09/2019	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
46	Samjin Pharmaceutical Co., Ltd.	52, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin). * Thuốc tiêm: Thuốc tiêm dung dịch; thuốc bột pha tiêm (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin). * Thuốc uống dạng hỗn dịch. * Thuốc mỡ.	PIC/S GMP	2016-D1-3213	09/11/2016	06/11/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
50	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Castlebar Road, Westport, Co. Mayo, Ireland. (* Cách ghi khác: Castlebar Road, Westport, County Mayo, Ireland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả hỗn dịch nhỏ mắt, dung dịch nhỏ mắt). + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc cấy ghép và dạng rắn. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học.	EU GMP	13644/M148	19/09/2016	15/07/2019	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
63	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Cravit (Levofloxacin hydrat 25mg/5mL)	Japan-GMP	1646	07/07/2016	23/03/2020	Pharmaceutical safety and Enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare, Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
68	Polfarmex S.A.	9, Józefów Str., 99-300 Kutno, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bột; Viên nén, viên bao phim; Hỗn dịch thuốc (chứa cả steroid tổng hợp). * Thuốc từ dược liệu	EU GMP	GIF-IW-400/0020_01_01/04/303/16	13/10/2016	26/08/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
69	Nectar LifeSciences Limited - Unit VI	Village Bhatolikalan - Adjoining Jharmajri E.P.I.P, P.O. Barotiwala, Tehsil - Nalagarh District Solan, Himachal Pradesh, 173205, India	* Thuốc vô trùng: thuốc bột pha tiêm (kháng sinh nhóm Cephalosporin). * Thuốc không vô trùng (nhóm Cephalosporin): - Viên nén - Thuốc bột để pha hỗn dịch uống	EU GMP	FT034/MH/001/2016	21/11/2016	08/07/2019	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		2
70	Dongkwang Pharm.Co., Ltd	115 Sandan-ro, Pyeongtaek-si Gyeonggi-do, Republic of Korea (Hàn Quốc)	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm: Dung dịch tiêm; thuốc bột tiêm; thuốc đông khô. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc dạng kem: Cao xoa, kem, gel. + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang.	PIC/S GMP	2016- D1-2834	30/09/2016	26/09/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
71	Glaxo Wellcome S.A	Avda. De Extremadura, 3. Poligono Industrial Allenduro, 09400-Aranda de Duero. (Burgos), Spain. (* Cách ghi khác: Avda. De Extremadura no 3, 09400 Aranda de Duero. (Burgos), Spain; Avenida De Extremadura 3, Aranda de Duero, Burgos, E-09400, Spain)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc phun mù dạng hỗn dịch, dung dịch để xịt mũi.	EU-GMP	3167/16	13/10/2016	26/09/2019	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	1	
Đợt 48 (theo Công văn số 3314/QLD-CL ngày 22/03/2017 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
8	Rottapharm Ltd.	Damastown Industrial Park, Mulhuddart, Dublin 15, Ireland	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc nước uống; thuốc bột pha dung dịch uống; viên nén.	EU-GMP	2016/13812/M868	30/11/2016	22/07/2019	Health Products Regulatory Authority, Ireland (HPRA)	1	
11	Fleet Laboratories Limited	94 Rickmansworth Road, Watford, Hertfordshire, WD18 7JJ, United Kingdom. Cách ghi khác: 94 Rickmansworth Road, Watford, WD18 7JJ, United Kingdom.	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa hormon)	EU-GMP	UK MIA 4394 Insp GMP/GDP 133/3787-0020	02/09/2016	19/07/2019	United Kingdom Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency	1	
14	Kolmar Korea	245 Sandan-gil, Jeonui-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc uống dạng lỏng, si rô, hỗn dịch uống, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, lotions, thuốc xịt dùng ngoài da, thuốc mỡ, thuốc kem (cream), gel.	PIC/S GMP	2016-G1-2797	20/12/2016	29/11/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
15	SK Plasma Co., Ltd.	430-11 Nambu-daero, Osan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Các sản phẩm sinh học và các sản phẩm khác [thuốc tiêm (các chế phẩm từ huyết tương)].	PIC/S GMP	2016-D1-2945	14/10/2016	06/10/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
17	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant)	9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka, Japan (2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan)	Dung dịch thuốc nhỏ mắt: Alegysal (Pemirolast 1mg); Dung dịch thuốc nhỏ mắt: Sanlein 0.1 (Hyaluronate 1mg).	Japan-GMP	5652, 5654	03/03/2015	23/03/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
19	F. Hoffmann-La Roche Ltd	Grenzacherstrasse 124, 4070 Basel, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: viên nang; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	16-2109	14/12/2016	10/11/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
22	Torrent Pharmaceuticals Ltd	Torrent Pharmaceuticals Ltd. - Indrad Plant Near Indrad Village, Taluka Kadi, District Mehsana Gujarat 382721, India (Cách viết khác: Indrad - 382721, Tal: Kadi, City: Indrad, Dist: Mehsana, India)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2016_0085	15/09/2016	16/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
40	PT. Konimex	Desa Sanggrahan, Kec. Grogol, Kabupaten Sukoharjo, Indonesia (* Cách ghi khác: Desa Sanggrahan, Kec.Grogol, Sukoharjo, Indonesia)	Thuốc uống dạng lỏng không chứa kháng sinh β -Lactam.	PIC/S - GMP	4508/CPOB/A/IX/15	11/09/2015	08/09/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
42	Advance Pharma GmbH	Wallenroder Str. 8-14, 13435 Berlin, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, viên nén bao, viên nén bao phim, thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2016_0058	24/11/2016	27/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Landesamt für Gesundheit und Soziales Berlin)	1	
47	Kotra Pharma (M) Sdn Bhd	1, 2, & 3, Jalan TTC 12, Cheng Industrial Estate, 75250, Melaka, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin; gel. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn (kem, gel, mỡ, lotion). * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm.	PIC/S GMP	563/16	08/12/2016	21/07/2019	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
52	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto Plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Cravit 1,5% (Levofloxacin hydrat 15mg/mL)	Japan-GMP	CPP: 1251	20/06/2016	23/03/2020	Pharmaceutical safety and Enviromental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare, Japan	1	
59	Capsugel Ploermel (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	ZI de Camagnon, 56800 Ploermel, France	Thuốc viên nang mềm Utrogestan 200 mg (Progesterone dạng hạt mịn 200 mg), Utrogestan 100 mg (Progesterone dạng hạt mịn 100 mg)	EU-GMP	HPF/FR/222 /2014	24/10/2014	11/04/2017	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
	Besins Manufacturing Belgium SA (Cơ sở đóng gói, kiểm nghiệm, xuất xưởng)	Groot Bijgaardenstraat 128, Drogenbos, 1620, Belgium		EU-GMP	BE/GMP/20 16/014	12/10/2016		Federal Agency for Medicines and Health Product of Belgium		
61	Berlin Pharmaceutical Industry Co., Ltd.	222 Romklao Road, Klongsampravit, Latkrabang, Bangkok 10520, Thailand	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc bột, thuốc bán rắn (bao gồm cả thuốc kem), viên nén , viên nén bao phim	PIC/S	1-2-07-17- 17-00007	23/08/2016	22/08/2019	Food and Drud Administration, Ministry of Public Health, Thailand		2
67	JW Life Science Corporation	28 Hanjin 1-gil, Songak-eup, Dangjin-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Dung dịch tiêm truyền, Nhũ tương tiêm truyền .	PIC/S GMP	2017-G1-0143	20/01/2017	08/01/2020	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
68	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Plot No 72, EPIP, Phase-I, Jharmajri, Baddi, Distt. Solan, (H.P), India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa bột kháng sinh nhóm Cephalosporins).	PIC/S-GMP	063//2016/S AUMP/GMP	29/09/2016	23/07/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
Đợt 49 (theo Công văn số 5844/QLD-CL ngày 27/04/2017 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
3	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan: Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland (Cách ghi khác: ul. A. Fleminga 2, 03-176 Warszawa, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học (thuốc Insulin)	EU-GMP	GIF-IW-400/0196_02_03/04/340/16	01/12/2016	08/09/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
5	Korea Pharma Co., Ltd	87 Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; lotions; thuốc kem, viên nén bao đường.	PIC/S-GMP	2017-D1-0125	13/01/2017	02/01/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
14	Sanofi - Aventis Deutschland GmbH	Sanofi - Aventis Deutschland GmbH Industriepark Höchst-Bruningstraße 50, H500, H590, H600, H785, H790 65926 Frankfurt am Main, Germany (* Các cách ghi khác: Industriepark Hoechst 65926 hoặc Industriepark Höchst, D-65926 hoặc Industriepark Hoechst, D-65926 hoặc Industriepark Höchst, Bruningstrasse 50, D-65926 hoặc Bruningstrasse 50, D-65926 hoặc Industriepark Höchst, Brünigstraße 50, D-65926 Frankfurt am Main, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ (chất độc tế bào/chất kìm tế bào); thuốc cấy ghép và dạng rắn (hormon và chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn. * Thuốc sinh học: + Thuốc công nghệ sinh học; + Thuốc nguồn gốc từ người hoặc động vật: Enoxaparin, Heparin Natrium. * Sản phẩm: TOUJEO, Solution for injection in pre-filled pen (Insulin glargine; 300 units/ml; 1,3,5 or 10 pre-filled pens) Tên tại Việt Nam: TOUJEO SOLOSTAR.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2016_0090	09/12/2016	13/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
20	Sance Laboratories Pvt. Ltd	VI/51B, n/c No 2, Kozhuvanal, Pala, Kottayam - 686 573, Kerala, India	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc cấy ghép và dạng rắn (thuốc bột pha tiêm): + Alemctum, powder for solution for injection 1g; 1g in bulk (Cefoperazone/ sulbactam); + Alcizon, powder for solution for injection 1g vial No 1; 2 in packs; No 10 (1x10) in pack in a box (Ceftriaxone); + Alcispec, powder for solution for injection 1g; 1g in bulk (Cefoperazone/ sulbactam); + Cepim, powder for solution for injection 1g; 1g vial No 1; No 5 (Cefepim). * Thuốc không vô trùng: + viên nang cứng: Sanceph-500 cap, capsules 500mg (Cephalexin). + thuốc bột: SANCEPH-DS 125, powder for preparation oral suspension 125mg/5ml. + Viên nén: Sanfur-500, tablets 500mg (Cefuroxime).	PIC/S GMP	061/2016/S AUMP/GMP	05/10/2016	22/07/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
22	CJ HealthCare Corporation	20, Daesosandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm truyền. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng rắn chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén, thuốc bột pha siro.	PIC/S-GMP	2017-G1-0619	10/03/2017	11/10/2019	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
23	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	647-240, Ureshinotengeji-Cho, Matsusaka-Shi, Mie, 515-2302 Japan	* Dung dịch tiêm NIKP-Karosgen injection 20ml	PIC/s-GMP	3129	23/10/2015	19/02/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
24	Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Toyama Plant 1	205-1, Shimoumezawa Namerikawa-shi, Toyama, Japan	Sản phẩm: Thuốc viên nén bao phim NIKP-Rebamipide film coated tablet 100mg.	PIC/s-GMP	3125	23/10/2015	18/03/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
30	Synthon Hispania, SL	Pol. Ind. Les Salines. C/ Castello, 1, 08830 Sant Boi de Llobregat (Barcelona); Spain	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên bao (bao gồm cả chất gây nghiện, hướng thần); viên nang cứng; pellet, thuốc bột gói.	EU-GMP	NCF/1646/001/CAT	27/12/2016	17/11/2019	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
32	Hankook Korus Pharm, Co., Ltd	78 Daepungsandan-ro, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbulk-do, Republic of Korea	Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin.	PIC/S-GMP	2017-G1-0341	09/02/2017	08/01/2020	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
33	Dongkook Pharmaceutical Co., Ltd.	1103 Jingwang-ro, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Thuốc tiêm.	PIC/S-GMP	2016-G1-2269	13/10/2016	06/10/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
37	Theragen Etex Co., Ltd	58 Sandan-ro 68beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc dạng rắn: viên nén; viên nang. * Siro uống.	PIC/S-GMP	2017-D1-0781	13/03/2017	01/03/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
38	West Pharma-Producoes de Especialidades Farmaceuticas, S.A	Rua Joao de Deus, No. 11, Amadora, 2700-486, Portugal	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén (bao gồm cả thuốc có hoạt tính hormon: Letrozol), viên nén bao phim; thuốc bột; thuốc cốt.	EU-GMP	F030/S1/MH/001/2017	11/01/2017	21/09/2019	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
48	XL Laboratories Pvt. Ltd	E -1223, Phase-1, Extn. (Ghatal), RIICO Industrial Area, Bhiwadi, Dist. Alwar (Raj.), India	* Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng: Thuốc Abydium, - Thuốc si rô: thuốc Alesof, - Thuốc viên nén: Melcom - Thuốc bột pha dung dịch uống: Milistan Hot Tea Anticough, Milistan Hot Tea With Lemon	PIC/S-GMP	072/2016/SAUMP/GMP	04/11/2016	29/09/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
50	Sandoz Ilac Sanayi Ve Ticaret A.S	İnönü Mahallesi, Gebze Plastikciler Organize Sanayi Bölgesi Atatürk, Bulvarı 9. Cadde No.2, 41400 Gebze-Kocaeli, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đạn; viên nén; viên nén bao phim, thuốc cốt	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2016_0024	07/07/2016	29/02/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
61	Tolmar INC	701 Centre Avenue, Fort Collins, Colorado, 80526, United States	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (bao gồm thuốc bột đông khô pha tiêm). + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thuốc thể tích nhỏ, thuốc bán rắn	EU-GMP	NL/H 16/1009478a	23/01/2017	14/09/2019	Healthcare Inspectorate, Netherlands	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
62	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A. (Tên tiếng Ba Lan: Warszawskie Zakłady Farmaceutyczne POLFA Spolka Akcyjna)	22/24, Karolkowa Str., 01-207 Warszawa, Poland (tiếng Anh: Karolkow 22/24, 01-207, Warsaw, Poland)	* Thuốc sản xuất vô trùng: + Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có độc tính mạnh, gây nghiện, hướng tâm thần, chất nhạy cảm và hoạt chất teratogenic): hỗn dịch thuốc nhỏ mắt, dung dịch thuốc nhỏ mắt, dung dịch thuốc tiêm, thuốc tiêm nhũ tương. * Thuốc tiệt trùng cuối: + Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có độc tính mạnh, gây nghiện, hướng tâm thần, chất nhạy cảm và hoạt chất teratogenic): dung dịch thuốc tiêm, thuốc tiêm nhũ tương. * Chế phẩm sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật	EU-GMP	GIF-IW-400/0102_02_01/04/354/16	07/12/2016	19/10/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
66	PT Novell Pharmaceutical Laboratories	JL.Wanaherang No. 35 Tlajung, 16962 Gunung Putri, Bogor, Indonesia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (ống ampoule).	EU GMP	DE_BE_01_GMP_2016_0063	30/11/2016	22/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Landesamt Fur Gesundheit und Soziales)		2
70	Yungjin Pharm. Co., Ltd	66 Muha-ro, Namyang-eup, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc uống dạng rắn: viên nén; viên nang; siro khô. * Thuốc uống dạng lỏng: siro; hỗn dịch uống; nước súc miệng. * Thuốc dạng lỏng dùng ngoài; lotion. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén; viên nang; thuốc bột; siro; thuốc bột pha tiêm.	PIC/S GMP	2017-D1-0066	09/01/2017	19-10-2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
71	Medochemie Ltd. (Ampoule Injectable Facility)	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. - Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	MED07/2016/001	14/09/2016	29-07-2019	Pharmaceutical Services, Ministry of Health, Republic of Cyprus	1	
72	Mylan Laboratories Limited	F-4, F-12 M.I.D.C, Malegoan, Sinner, In-422113, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén.	EU GMP	UK GMP 20807 Insp GMP 20807/22382-0008	24/01/2017	05/12/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
73	Baxter Healthcare Corporation	Route 3, km 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784, USA	Sản phẩm Suprane (Desflurane USP, Liquid for Inhalation)	US cGMP	03-0105-2016-09-VN	31/3/2016	31/3/2018	United State Food and Drug Administration	1	
77	Valpharma international S.P.A	Via G. Morgagni, 2-47864 Pennabilli (RN), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc cốm, pellet, viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon sinh dục hoặc chất có hoạt tính hormon sinh dục).	EU-GMP	IT/318-1/H/2016	27/12/2016	20/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
79	Eli Lilly & Company	Indianapolis, IN 46285, USA	*Thuốc sản xuất vô trùng: Bột đông khô (thuốc độc tế bào), dung dịch thể tích nhỏ. *Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc bột (tiết trùng bằng chiếu tia gamma) * Thuốc công nghệ sinh học.	EU GMP	HPF/PT/12/2016	22/12/2016	16/09/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
81	Janssen Korea Ltd.	45 Jeyakongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén, nang cứng, dạng bột dùng để uống. * Siro * Dung dịch dùng ngoài	PIC/S	2017-D1-0100	13-01-2017	13-01-2018	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety of Korea		2
82	Atra Pharmaceuticals Limited	Bulding II, Plot No.H-19 MIDC Waluj Aurangabad (MS) 431133 India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén	PIC/S	038/17	06/02/2017	21-7-2019	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
85	Immacule Lifesciences Private Limited	Village Thanthewal, Ropar Road, Nalagarh, District Solan, Himachal Pradesh, IN 174101,India	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ	EU GMP	UK GMP 47115 Insp GMP 47115/1573 0061-0001	02/02/2017	17/10/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
87	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	647-240, Ureshinotengeji-cho, Matsusaka -shi, Mie, japan	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Hishiphagen combination intravenous (53mg Monoammodium Glycyrhizinate, 400mg Glycine, 22 mg L-Cysteine Hydrochloride Hydrate)	Japan GMP	1759	19/07/2016	19/02/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
89	PT. Dankos Farma	Jl. Rawa Gatel Blok III S Kav. 36 - 38, Kawasan Industri Pulogadung, Jakarta Timur, Indonesia	* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kìm tế bào: viên nén, viên nén bao phim	PIC/S GMP	4910/CPOB/A/II/17	14/02/2017	28/02/2022	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
			* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kìm tế bào: viên nang cứng		4911/CPOB/A/II/17	14/02/2017				
			* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kìm tế bào: viên nang mềm		4912/CPOB/A/II/17	14/02/2017				
			* Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kìm tế bào: thuốc uống dạng lỏng		4913/CPOB/A/II/17	14/02/2017				
			* Thuốc sản xuất vô trùng: - Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm cephalosporin.		4914/CPOB/A/II/17	14/02/2017				
			* Thuốc tiết trùng cuối và sản xuất vô trùng: - Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kìm tế bào: dung dịch, nhũ dịch và hỗn dịch tiêm thể tích nhỏ (không quá 100ml);		4916/CPOB/A/II/17	28/02/2017				
			* Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin : Viên nén và viên nén bao phim		4927/CPOB/A/II/17	28/02/2017				
			* Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin: thuốc bột uống .		4928/CPOB/A/II/17	28/02/2017				

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			* Thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin : Viên nén; viên nén bao phim * Thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin : Viên nang cứng * Thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin : thuốc bột uống		4929/CPOB/A/II/17 4930/CPOB/A/II/17 4931/CPOB/A/II/17	28/02/2017 28/02/2017 28/02/2017				
90	Cho-A Pharm.Co., LTD	318 Gwangjeong-ro, Haman-myeon, Haman-gun Gyeongsangnam-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nhai, viên nang cứng, thuốc cốm, dung dịch thuốc uống, siro.	PIC/S GMP	2017-C1-0101	17/03/2017	19/01/2020	Ministry of Food and Drug Safety (MFDS), Korea		2
93	Xian-Janssen Pharmaceutical Ltd.	34 North Wanshou Road, Xian, Shaanxi Province, 710043, China	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đặt; viên nén; thuốc bột; thuốc bán rắn.	EU-GMP	BE/GMP/2016/073	25/01/2017	27/10/2019	Federal Agency for Medicines and Health Products of Belgium		2
94	Doppel Farmaceutici S.R.L	Via Martiri Delle Foibe, 1-29016 Cortemaggiore (PC), Italia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; thuốc khung thấm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc dạng bán rắn (hóc môn hoặc các chất có hoạt tính hóc môn, trừ hóc môn sinh dục); thuốc đặt chứa hóc môn corticosteroid, viên nén (hóc môn hoặc các chất có hoạt tính hóc môn). * Thuốc sinh học: Sinh phẩm chiết xuất từ động vật: viên nang mềm chứa ethyl ester của acid béo chưa bão hòa từ dầu cá; thuốc dạng bán rắn chứa heparin và heparinoids. * Sản phẩm: Thuốc viên trứng đặt âm đạo Meclon (Clotrimazole 100mg, Metronidazole 500mg).	EU GMP	IT/18-2/H/2017	13/2/2017	21/01/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
Đợt 50 (theo Công văn số 8028/QLD-CL ngày 09/06/2017 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
6	Rottendorf Pharma GmbH	Ostenfelder Straße 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột.	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2017_0003	16/01/2017	24/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
8	AstraZeneca UK Limited	Silk Road Business Park, Macclesfield, Cheshire, SK 10 2NA, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất LHRH Agonist). + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất antieostrogen).	EU-GMP	UK MIA 17901 Insp GMP/GDP/IMP 17901/10117- 0033	07/03/2017	13/12/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
9	Ferring International Center SA	Chemin de la Vergognausz 50, 1162 St-Prex, Switzerland	* Thuốc dạng rắn: viên nén; thuốc cốm.	EU-GMP	17-0474	06/03/2017	15/09/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
14	J. Uriach y Compañia, S.A	Avinguda Camí Reial, 51-57 Polígon Industrial Riera de Caldes, 08184 - Palau - Solità i Plegamans (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả chất gây nghiện, chất hướng thần): viên nén, viên nang cứng, viên bao, viên bao đường, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc bán rắn	EU-GMP	NCF/1704/001/CAT	13/03/2017	19/01/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia - Spain	1	
16	Catalent UK Swindon Zydis Limited (Cơ sở sản xuất)	Frankland Road, Blagrove, Swindon, Wiltshire, SN5 8RU, United Kingdom	* Sản phẩm: + Viên đồng khô dạng uống Minirin Melt Oral Lyophilisate 120mcg (Desmopressin 0,12mg) + Viên đồng khô dạng uống Minirin Melt Oral Lyophilisate 60mcg (Desmopressin 0,06mg)	EU GMP	UK MIA 14023 Insp GMP/IMP 14023/4574-0017	18/10/2016	13/09/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Chemin de la Vergognausz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		EU-GMP	17-0474	06/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
22	Fresenius Kabi Norge AS	Svinesundsveien 80 and Svinesundsveien 336, HALDEN, NO-1788, Norway	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: + Dung dịch dùng ngoài da; + Dung dịch thuốc uống; + Thuốc uống dạng gel.	EU-GMP	17/00212-4	07/02/2017	14/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Na Uy		2
24	UCB Pharma SA	Chemin du Foriest, Braine-L'Alleud, 1420, Belgium	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; viên nén bao phim.	EU-GMP	BE/GMP/2016/100	10/03/2017	09/09/2019	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium	1	
26	Aurobindo Pharma Limited - Unit III	Survey no.: 313, 314 - Block I, II, III, IV, Bachupally Village, Quathubullapur Mandal, Medchal District, Telangana, 5000900, India	* Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng; - Thuốc uống dạng lỏng; - Viên nén; - Bột pha dung dịch uống.	EU-GMP	FT035/MH/001/2017	20/02/2017	07/10/2019	Portuguese National Authority of Medicines and Health Products, I.P. (INFARMED)		2
29	Kyung Dong Pharm. Co., Ltd	224-3 Jeyakdanji-ro, Yanggam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	- Viên nén, viên nang (bao gồm cả kháng sinh nhóm Cephalosporin); - Thuốc tiêm bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin; Thuốc đông khô pha tiêm; Thuốc tiêm.	PICS GMP	2017-D1-0930	29/03/2017	13/07/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
36	Hanlim Pharm. Co., Ltd.	2-27 Yeongmun-ro, Cheoin-gu, Yongin-si Gyeonggi-do, Republic of Korea.	* Viên nén; viên nang; * Thuốc tiêm; bột đông khô pha tiêm; * Dung dịch nhỏ mắt; * Dung dịch thuốc uống; siro; elixir; dung dịch thuốc xịt mũi; hỗn dịch thuốc xịt mũi. * Thuốc mỡ tra mắt; gel. * Dung dịch nhỏ tai.	PIC/S GMP	2017-D1-0532	17/02/2017	18/12/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
39	Joint Stock Company "Kievmedpreparat"	139, Saksahanskogo St., Kyiv, 01032, Ukraine.	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Thuốc bột pha tiêm. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc bột; Thuốc mỡ; gel; kem; Viên nén; Viên nén bao phim	PICS GMP	096/2016/SAUMP/GMP	26/01/2017	16/12/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
40	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	Sản phẩm: Morihepamin, thuốc tiêm.	Japan-GMP	4238	20/12/2016	06/09/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
41	Laboratorios Rubio, SA	C/. Industria, 29 Pol. Ind. Comte de Sert 08755 CASTELLBISBAL (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện/hướng tâm thần): Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	NCF/1641/001/CAT	23/11/2016	09/09/2019	Ministry of Health of Government of Catalonia - Spain	1	
43	Valpharma International S.P.A (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Via G. Morgagni, 2 - 47864 Pennabilli (RN), Italia	Sản phẩm: viên nén giải phóng có kiểm soát GLICLAZIDE 60mg MR VALPHARMA (Gliclazide 60mg).	EU-GMP	IT/318-5/H/2016	27/12/2016	20/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
44	Merck KGaA & Co. Werk Spittal	Hösslgasse 20, 9800 Spittal an der Drau, Austria (* Cách ghi khác: Hoesslgasse 20, 9800 Spittal/Drau, Austria)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén; thuốc cốm; viên bao đường. * Thuốc được liệu.	EU-GMP	INS-480021-0053-001 (3/25)	27/02/2017	10/01/2020	Austrian Federal Office for Safety in Health Care (AGES)	1	
49	Tulip Lab Pvt. Ltd.	F-20/21, Ranjangaon MIDC, Tal. Shirur, Dist-Pune, India	* Thuốc không vô trùng: viên nén (AZO 100 DT); viên nén bao phim (AZO; Levox-750; Levox-500; Tugyna-500).	PIC/S GMP	060/2016/S AUMP/GMP	29/09/2016	26/07/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
50	Haupt Pharma Munster GmbH	Haupt Pharma Munster GmbH Schleebruggenkamp 15, 48159 Munster, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén và viên nén bao (bao gồm các chất độc tố tế bào đối kháng hormon và ức chế sinh tổng hợp hormon)	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2017_0008	14/03/2017	08/12/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
57	PT. Abbott Indonesia	Jl. Raya Jakarta - Bogor Km. 37, Kel. Sukamaju, Kec. Cilodong, Depok, Jawa Barat, Indonesia. (* Cách ghi cũ: Jl. Raya Jakarta - Bogor Km. 37, Cimanggis, Depok 16415, Indonesia)	+ Thuốc uống dạng lỏng không chứa kháng sinh β -Lactam. + Thuốc bột pha dung dịch-hỗn dịch uống không chứa kháng sinh β -Lactam.	PIC/S GMP	4423/CPOB/A/V/15 4424/CPOB/A/V/15	21/05/2015	31/05/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
59	Medochemie Ltd (Factory AZ)	2 Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, Agios Athanassios, Limassol, 4101, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	MED05/2016/01	07/12/2016	29/09/2019	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	1	
60	PHARMATIS	Zone d'Activités Est n° 1, ESTREES SAINT DENIS, 60190, France	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	HPF/FR/102/2017	13/04/2017	27/01/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
65	SANTA FARMA İLAÇ SANAYİİ ANONİM ŞİRKETİ	GEBKİM Kimya İhtisas Organize Sanayi Bölgesi, Çerkeşli Yolu Üzeri, Erol Kiresepi Cad. No:8, Dilovası Kocaeli, 41455, Turkey	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; + Thuốc sirô; thuốc xịt; nước súc miệng; thuốc nhỏ mũi; thuốc nhỏ tai; thuốc xịt mũi; + Thuốc cốm; thuốc pellet; thuốc bột pha dung dịch-hỗn dịch uống; thuốc cốm pha dung dịch-hỗn dịch uống; + Thuốc mỡ; thuốc kem; gel; lotion; + Viên nén.	EU-GMP	UP/I-530-10/16-03/06; 381-10-05/244-16-13	11/11/2016	09/09/2019	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia		2
66	Biocon Limited	Parenteral Manufacturing Unit B1, Special Economic Zone, Plot No. 204, Phase IV, Bommasandra - Jigani Link Road, Bangalore, India	* Thuốc sinh học: + Insulin người tái tổ hợp; + Thuốc độc tế bào dạng đông khô.	PICS GMP	B _{7.1} MCC81 Point 10.2	17/01/2017	17/01/2020	South African Medicines Control Council (MCC)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
69	PT. Merck Tbk	JL. TB. Simatupang No. 8 Pasar Rebo, Jakarta Timur 13760, Indonesia (<i>hoặc JL. TB. Simatupang No. 8 Pasar Rebo, Jakarta 13760, Indonesia</i>)	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, thuốc chứa hormon sinh dục, thuốc chứa chất kim tế bào: viên nén và viên bao.	PIC/s-GMP	4832/CPOB/A/XII/16	16/12/2016	23/12/2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
73	Haupt Pharma Amareg GmbH	Haupt Pharma Amareg GmbH Donaustaufer Strasse 378, 93055 Regensburg, Germany	* Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh, chất độc tế bào/chất kim tế bào, hormon và các chất có hoạt tính hormon, chất miễn dịch): Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; viên nén.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2017_0024	14/02/2017	12/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
74	Sandoz Private Limited	MIDC, Plot No. 8-A/2, 8-B, T.T.C. Ind. Area, Kalwe Block, 400708 Navi Mumbai, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	INS-481703-0012-008	23/02/2017	10/01/2020	Austrian Federal Office for Safety in Health Care		2
75	Celogen Generics Private Ltd	Plot No. 646/1&2, Agrawal Industrial Estate, Somnath Road, Dabhel, Daman (UT) 396210, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU GMP	MT/010HM/2016	05/04/2016		Medicines Authority of Malta (MAM)		2
76	Pharmaceutical Manufacturing Cooperative GALENA (* Tên tiếng Ba Lan: Farmaceutyczna Spółdzielnia Pracy GALENA)	ul. Krucza 62, 50-984 Wroclaw, Poland	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; viên nén.	EU-GMP	GIF-IW-400/0047_01_01/04/337/16	02/12/2016	06/10/2019	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
77	Schnell Biopharmaceuticals, INC	16 Dumeori-gil, Yanggam-myeon, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	Viên nén; viên nang; thuốc kem; thuốc mỡ, thuốc gel.	PIC/S-GMP	2017-D1-0318	06/02/2017	15/01/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
90	USV Private Limited	H-13, H-16, H16A, H-17, H-18, H-19, H-20, H-21 và E-22, OI DC, Mahatma Gandhi Udyog Nagar, Dabhel, Daman, IN-396210, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén	EU-GMP	UK GMP 24881 Insp GMP 24881/4167 2-0004	22/03/2017	24/10/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
Đợt 51 (theo Công văn số 12957/QLD-CL ngày 25/08/2017 của Cục Quản lý Dược)										
2	Hameln Pharmaceuticals Gmbh	Hameln Pharmaceuticals GmbH Langes Feld 13, 31789 Hameln, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; hỗn dịch; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch (Vắc xin vi rút hoặc vi khuẩn bất hoạt).	EU-GMP	DE_NI_02_G MP_2017_0 004	09/03/2017	12/10/2019	Cơ quan có thẩm quyền của Đức	1	
3	Dongkoo Bio&Pharma Co., Ltd	18 Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc viên nén; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; lotion; thuốc kem; thuốc mỡ.	PIC/S-GMP	2016-D1-3771	30/12/2016	03/10/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, MFDS, Korea		2
10	Hana Pharmaceutical Co., Ltd.	13-39, Jeyakdanji-ro, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nang cứng; * Thuốc tiêm; thuốc đông khô pha tiêm.	PIC/s-GMP	2017-D1-1360	16/05/2017	27/04/2020	Gyeongin Regional Commissioner Food&Drug Administration, Korea		2
11	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở sản xuất)	124 Grenzacherstrasse, CH-4070 Basel, Switzerland	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Tarceva (Erlotinib 150mg); Viên nén bao phim Tarceva (Erlotinib 100mg);	PIC/S-GMP và EU-GMP	16-2109	16/12/2016	/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	17-0015	03/04/2017	10/11			
17	Utsunomiya Plant of Chugai Pharma manufacturing Co., Ltd (Cơ sở sản xuất)	16-3, Kiyohara Kogyodanchi, Utsunomiya city, Tochigi, Japan	* Sản phẩm: + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Actemra 80mg (Tocilizumab 80mg/4mL), Hộp 1 lọ 4 mL; + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Actemra 200mg (Tocilizumab 200mg/10mL), Hộp 1 lọ 10 mL.	Japan-GMP	321; 322	19/04/2017	26/01/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Betriebsstandort Kaiseraugst, 4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
18	Sopharma AD	16 Iliensko Shosse Str., Sofia 1220, Bulgaria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ.	EU-GMP	BG/GMP/2017/097	29/05/2017	23/03/2020	Bulgarian Drug Agency	1	
20	IND-SWIFT LIMITED	OFF NH-21 Village Jawaharpur Tehsil Dera Bassi District S.A.S Nagar (Mohali) Punjab, IN 140507, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 31450 Inps GMP 31450/3603 11-0007	05/03/2016	01/11/2019	United Kingdom's Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
24	Holopack Verpackungstechnik GmbH	Bahnhofstrasse, genaess den vorliegenden Grundrissplaenen vom 17.07.2013, Abtsgmuend-Untergroeningen, 73453, Germany	* Thuốc vô trùng chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, prostaglandin/cytokine, chất ức chế miễn dịch, sulphonamide: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả chế phẩm nhỏ mắt); + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả chế phẩm nhỏ mắt); * Thuốc không vô trùng chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, prostaglandin/cytokine, chất ức chế miễn dịch, sulphonamide: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn. * Thuốc sinh học: Albumin; thuốc công nghệ sinh học (bao gồm cả protein/DNA tái tổ hợp, enzyme); * Thuốc dược liệu; * Thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0143	06/12/2016	20/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	
27	Laboratorios Normon, S.A	Ronda de Valdecarrizo, 6, Tres Cantos 28760 (Madrid) Spain	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, chất hướng thần): + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc cấy ghép và thuốc dạng rắn (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm β-Lactam, thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm β-Lactam); + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, chất hướng thần): Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm β-Lactam); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Viên nén (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm β-Lactam); Viên nén, viên bao kháng virut.	EU-GMP	ES/076HVI/17	07/06/2017	22/05/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
30	Haupt Pharma Amareg GmbH	Donaustaufer Straße 378, 93055 Regensburg, Germany	* Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh, chất độc tế bào/chất kìm tế bào, hormon và các chất có hoạt tính hormon, chất miễn dịch): Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; viên nén.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2017_0024	14/02/2017	12/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
32	Ferring GmbH	Wittland 11, 24109 Kiel, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon): Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; vi nang. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon). * Thuốc sinh học: Thuốc đông khô sản xuất vô trùng có nguồn gốc từ người; thuốc đông khô sản xuất vô trùng sử dụng công nghệ gen.	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2016_0058	22/12/2016	21/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
33	Ferring GmbH (Cơ sở sản xuất)	Wittland 11, 24109 Kiel, Germany	* Sản phẩm: + Bột đông khô pha tiêm tĩnh mạch Glypressin (Terlipressin 0,86mg dưới dạng Terlipressin acetate 1mg) + Dung dịch tiêm tĩnh mạch Duratocin (carbetocin 100mcg/1ml); + Bột pha tiêm Menogon (Menotrophin 75IU FSH + 75IU LH); + Bột pha tiêm Menopur (Menotrophin 75IU FSH + 75IU LH); + Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm Menopur multidose 600IU (Menotrophin tinh khiết cao 600IU/ml); + Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm Menopur multidose 1200IU (Menotrophin tinh khiết cao 1200IU/2ml); + Dung dịch tiêm tĩnh mạch Tractocile (Atosiban acetate, 7,5mg/ml atosiban)	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2016_0058	22/12/2016	21/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	17-0474	06/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
35	SOPHARTEX	21 rue du Pressoir, VERNUILLET, 28500, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh β -Lactam); thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh β -Lactam); viên bao đường.	EU-GMP	HPF/FR/115/2017	27/04/2017	10/11/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
37	Hanmi Pharmaceutical Co., Ltd.	214, Muha-ro, Paltan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc hít (dạng rắn); viên nén tan trong miệng; viên nén nhai. * Dung dịch nhỏ mắt.	PIC/S-GMP	2017-D1-0659	03/03/2017	22/01/2020	Korean Ministry of Food and Drug Safety - Gyeongin Regional Office		2
38	BARD PHARMACEUTICALS LIMITED	UNIT 191, CAMBRIDGE SCIENCE PARK, MILTON ROAD, CAMBRIDGE, CB4 0GW, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; cốm pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	UK MIA 1811 Insp GMP/IMP 1811/21989-0031	19/02/2017	08/11/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
45	ONE PHARMA INDUSTRIAL PHARMACEUTICAL COMPANY SOCIETE ANONYME	60th km N.N.R. Athinon-Lamias, Sximatari Voiotias, 32009, Greece	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén.	EU GMP	39675/ 27-4-2017	16/05/2017	16/03/2020	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
46	LABORATORIO ALDO-UNIÓN SL	Baronessa de Maldà, 73, 08950 Esplugues de Llobregat (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc phun mù (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon); dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	NCF/1707/0 01/CAT	23/03/2017	22/12/2019	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
49	Frosst Iberica, S.A.	Via Complutense, 140, Alcala de Henares 28805 (Madrid) - Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	ES/044HVI/17	05/04/2017	27/02/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
50	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Neoamiyu	Japan GMP	4136	12/12/2016	06/12/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
51	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Village Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Tehsil Baddi, Distt, Solan (H.P.) 173 205, India	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng (Ascoril Expectorant, Fenspiride 2mg/ml) ; viên nén (Ascoril, Glemont CT4, Glemont CT5, Candid-V6 100mg); viên nén bao phim (Glevo 250mg, Glevo 500mg, Glencet Advance, Croffestra, Lizolid-600, Fenspiride 80mg).	EU-GMP	095/2016/S AUMP/GMP	26/01/2017	09/12/2019	State Administration of Ukraine on Medicinal Products		2
58	KRKA, d.d., Novo mesto	Smarjeska cesta 6, Novo mesto, 8501, Slovenia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon). + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	401-15/2016-6	17/03/2017	30/09/2019	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
59	Ipca Laboratories Limited	Plot No. 255/1, Village Athal, Union Territory of Dadra and Nagar Haveli, 396230 Silvassa, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim, viên nén giải phóng chậm, viên nén kháng dịch vị, caplet.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2017_0044	22/03/2017	22/12/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
60	PT. Merck Tbk	JL. TB Simatupang No. 8 Pasar Rebo Jakarta Timur 13760, Indonesia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam, thuốc tránh thai, thuốc chứa hormon sinh dục, thuốc chứa chất kim tế bào: Viên nang cứng.	PIC/s-GMP	4833/CPOB/A/XII/16	16/12/2016	23/12/2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
64	Novo Nordisk Production SAS	45 Avenue d'Orléans, 28000 (hoặc F-28000) Chartres, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch, hỗn dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học	EU-GMP	HPF/FR/074/2017	24/03/2017	09/12/2019	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	1	
69	PT. Abbott Indonesia	Jl. Raya Jakatar - Bogor Km. 37, Kel. Sukamaju, Kec. Cilodong, Depok, Jawa Barat	* Viên nén, viên bao không betalactam (không bao gồm thuốc tránh thai, hóc môn sinh dục khác, thuốc kim tế bào)	PIC/S GMP	4422/CPOB/A/V/15	21/5/2015	31/5/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
71	Patheon Italia S.P.A.	Viale G.B. Stucchi, 110 - 20900 Monza (MB), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm sản phẩm công nghệ sinh học). + Thuốc tiết trung cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm; viên nén (hóc môn và các chất có hoạt tính hóc môn, không corticosteroid và hóc môn giới tính). * Thuốc công nghệ sinh học: protetins tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng.	EU-GMP	IT/73-10/H/2017	02/05/2017	15/12/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
Đợt 52 (theo Công văn số 16256/QLD-CL ngày 12/10/2017 của Cục Quản lý Dược)										
2	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Binger Str. 173, 55216 Ingelheim am Rhein, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc hít; thuốc phun mù (thuốc khí dung); viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào),	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2016_0050	17/08/2016	25/05/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
3	GlaxoSmithKline manufacturing S.P.A	Via A. Fleming, 2 - 37135 Verona (VR), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin.	EU-GMP	IT/45-1/H/2017	28/03/2017	16/12/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
6	DMS Farmaceutici S.P.A	Via Provinciale Per Lecco, 78-22038 Tavernerio (CO), Italy	Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc đạn	EU GMP	IT/90-1/H/2017	19/05/2017	08/02/2020	AIFA Italian Medicines Agency	1	
7	Chanelle Medical	Dublin Road, Loughrea, Co. Galway, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; thuốc bột; thuốc cốm	EU-GMP	14510/M688	03/05/2017	16/12/2019	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
11	Probiotec Pharma Pty Limited	83 Cherry Lane Laverton North Vic 3026, Australia	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn (gel, thuốc mỡ); viên nang cứng, viên nén, thuốc bột; thuốc cốm; viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	MI-2016-LI-09294-1	17/08/2017	01/09/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
12	Saga Laboratories Ltd	Survey No. 198/2 & 198/3, Chachrawadi Vasna, Ta Sannand District, Ahmedabad - 382210, Gujarat, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột và thuốc cốm pha hỗn dịch uống, viên nén (Thuốc được sản xuất tại Block 1 địa chỉ trên)	EU GMP	MT/004HM/2017	27/01/2017	21/09/2019	Medicines Authority of Malta (MAM)		2
14	RECIPHARM FONTAINE	Rue des Près Potets 21121 Fontaine Les Dijon, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	HPF/FR/151/2017	06/06/2017	31/07/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
19	Gracure Pharmaceutical Ltd.	E-1105, Industrial Area, Phase-III, Bhiwadi, Alwar District, Rajasthan, 301019, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; sirô uống; hỗn dịch uống; thuốc bán rắn; viên nén; bột pha hỗn dịch uống; viên nén bao phim.	EU-GMP	OGYÉI/1827 1-6/2017	27/07/2017	02/06/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2
21	Catalent France Beinheim SA	74 rue Principale, Beinheim, 67930, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc bán rắn. * Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm (chứa chất có hoạt tính hormon).	EU GMP	HPF/FR/128/2017	11/05/2017	15/12/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
22	Meditop Gyogyszeripari Kft. / Meditop Pharmaceutical Ltd.	Ady Endre u. 1., Pilisborosjenő, 2097, Hungary	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	OGYÉI/2768 1-7/2017	27/06/2017	10/05/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	1	
23	Fu Yuan Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 95-1, Daliao Rd., Ruifang Dist., New Taipei City 224, Taiwan (R.O.C)	* Thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc; thuốc kem; thuốc mỡ; viên nén bao phim; viên nén bao đường; viên nén; viên nang.	PIC/S-GMP	3702	23/05/2017	27/12/2019	Taiwan Ministry of Health and Welfare		2
24	GE Healthcare Ireland	IDA Business Park, Carrigtohill, Co. Cork, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	13650/M23 5	09/02/2017	19/08/2019	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
26	F. Hoffmann-La Roche Ltd	Grenzacherstrasse 124, 4070 Basel, Switzerland	* Dạng bào chế lỏng: Dung dịch tiêm; Bơm tiêm đóng sẵn.	PIC/S-GMP và EU-GMP	16-2110	30/01/2017	16/11/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
29	Hanmi Pharm. Co., Ltd.	214, Muha-ro, Paltan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc vô trùng: Thuốc nhỏ mắt. * Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng, viên nang mềm; thuốc bột, thuốc hít (dạng cứng), viên nén tan trong miệng, viên nén nhai, viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	2017-D1-0659	03/03/2017	22/01/2020	Korean Food and Drug Safety - Gyeongin Regional Office		2
31	Aeropharm GmbH	Francois-Mitterrand-Allee 1, 07407 Rudolstadt, Germany (* Cách ghi khác: Francois-Mitterrand-Allee 1, D-07407 Rudolstadt, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc nhỏ mắt; * Thuốc không vô trùng: thuốc phun mù; thuốc bột hít(bao gồm thuốc đã lắp thiết bị).	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2017_0018	20/01/2017	03/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
32	EBEWE Pharma Ges.m.b.H. Nfg. KG	Mondseestraße (hoặc Mondseestrasse) 11, 4866 (hoặc AT-4866) Unterach am Attersee, Austria	* Thuốc vô trùng (thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Chế phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Thuốc vô trùng chứa Calcium Folate.	EU GMP	INS-480020-0098-001 (10/10)	30/01/2017	21/11/2019	Federal Office for Safety in Health Care (Bundesamt für Sicherheit im Gesundheitswesen), Austria	1	
33	Cenexi - Fontenay Sous Bois	52 rue Marcel et Jacques Gaucher Fontenay sous Bois, 94120, France	*Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. - Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa sulfonamides). *Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (chứa sulfonamides); thuốc đặt; viên nén (chứa sulfonamides).	EU-GMP	HPF/FR/168/2017	26/07/2017	23/03/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
36	Acme generics LLP	Plot No.115, Industrial Area, Davni, Tehsil Nalagarh, Dist Solan, Himachal Pradesh, 174101, India	*Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén (bao gồm thuốc có chứa hoạt chất có hoạt tính hormone)	EU GMP	OGYÉI/1235 1-6/2016	07/12/2016	24/09/2019	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
40	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Rijksweg 12, Puurs, 2870, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc Prostaglandine); dạng bào chế bán rắn (chứa Prostaglandin); dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa Hormon hoặc Prostaglandin). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Sản phẩm sinh học: + Chế phẩm miễn dịch + Chế phẩm công nghệ sinh học + Chế phẩm tách chiết từ người, động vật	EU-GMP	BE/GMP/2017/001	18/04/2017	26/01/2020	Belgian Federal Agency for Medicines and Health Products (AFMPS)	1	
41	S.C. Antibiotice S.A.	Str. Valea Lupului nr. 1, Iasi, Jud. Iasi, cod 707410, Romania	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (kháng sinh nhóm Penicillins; nhóm Cephalosporin; các kháng sinh khác); viên nén bao phim; dạng bào chế bán rắn; viên đạn; viên nén.	EU-GMP	040/2017/RO	11/08/2017	27/04/2020	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	
44	Bio Products Laboratory Limited	Dagger Lane, Elstree, Borehamwood, WD6 3BX, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: các sản phẩm từ máu	EU-GMP	UK MIA 8801 Insp GMP/GDP/IMP 8801/18235-0025	31/10/2016	08/08/2019	United Kingdom's Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA)	1	
45	Kedrion S.P.A	S.S.7 Bis Km. 19,5 - 80029 Sant' Antimo (NA), Italy	* Thuốc vô trùng là các chế phẩm từ máu: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô. - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: Các sản phẩm máu	EU-GMP	IT/92-5/H/2017	19/05/2017	15/07/2019	AIFA Italian Medicine Agency	1	
47	Leo Pharma A/S	Industriparken 55, Ballerup, 2750, Denmark	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; acid fusidic vô trùng. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén; * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học; chế phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DK H 00088017	23/06/2017	05/04/2020	Danish Medicines Agency, Denmark	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
53	BCWORLD PHARM CO., LTD	872-23, Yeojunam-ro, Ganam-eup, Yeosu-si, Gyeonggi-do, Korea	* Viên nén, viên nang cứng. * Thuốc tiêm bột; Dung dịch thuốc tiêm; Thuốc tiêm đông khô; Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha tiêm Methylprednisolone Sodium Succinate Injection 40mg	PIC/s-GMP	2017-D1-0357	07/02/2017	09/01/2020	Gyeongin Regional Commissioner Food and Drug Administration, Korea		2
55	Karnataka Antibiotics & Pharmaceuticals Limited	Plot No. 14, 2nd Phase, Peenya Industrial Area, Bangalore, 560058 Karnataka, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm (chứa kháng sinh nhóm Penicillin, Cephalosporin); dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	PIC/S-GMP	263b/17	13/07/2017	18/11/2019	Malaysia National Pharmaceutical Control Bureau		2
59	Venus Remedies, Limited	Hill Top Industrial Estate, Jharmajri, EPIP Phase-I (Extn), Bhatoli Kalan, Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh, 173205, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô (bao gồm cả chất kim tế bào); dung dịch thể tích nhỏ, thuốc bột (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin; Carbapenem). + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất kim tế bào).	EU-GMP	FI042/MH/01/2017	28/07/2017	26/05/2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		2
63	Novartis Saglik, Gida Ve Tarim Urunleri San. Ve Tic. A.S.	Yenisehir Mahallesi Ihlara Vadisi Sokak No. 2, Pendik, Istanbul, TR 34912, Turkey	* Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng; - Viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao đường; viên bao tan trong ruột; viên giải phóng kéo dài; viên nén phân tán.	EU-GMP	UK GMP 21635 Insp GMP 30937/3404 21-0006	12/06/2017	25/01/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
64	Novartis Pharma Produktions GmbH	Novartis Pharma Produktions GmbH Öflinger Str. (hoặc Ofllingerstrasse) 44, 79664 Wehr, Germany.	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên bao phim.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_0022	03/03/2017	12/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
65	Salutas Pharma GmbH	Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả các sản phẩm chứa chất kim tế bào); thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả các sản phẩm chứa chất ức chế miễn dịch); viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả các sản phẩm chứa chất kim tế bào, chất ức chế miễn dịch và chất có hoạt tính nhạy cảm cao khác).	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0020	19/05/2017	03/03/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
68	Alcon Research Ltd.	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134, United States of America	* Sản phẩm: Systane Ophthalmic solution (Propylene glycol 0,3%, Polyethylene glycol 400 0,4%).	U.S. cGMP	QWM-77MU	01/08/2017	31/07/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			* Sản phẩm: Azopt (brinzolamide 1%) ophthalmic suspension.		WEF2-MDYQ	02/08/2017	01/08/2019			
			* Sản phẩm: Pataday (Olopatadine 0,2%) ophthalmic solution 2,5 mL.		M9J7-EREJ	14/07/2017	13/07/2019			
			* Sản phẩm: Vigamox (Moxifloxacin 0,5%) ophthalmic solution.		2ZX7-646R	11/07/2017	10/07/2019			
71	Demo Sa Pharmaceutical Industry	21st Km National Road Athens - Lamia, Krioneri Attiki, 14568, Greece (* Cách ghi khác: - 21 st km National Road Athens - Lamia, 14568 Krioneri, Greece; - 21st km National Road Athens - Lamia, 14568 Krioneri, Athens, Greece.)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô; thuốc rắn và cấy ghép chứa kháng sinh nhóm beta lactam. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng.	EU - GMP	38710/22-5-2017	26/06/2017	12/04/2020	National Organization for Medicines, Greece	1	
Đợt 53 (theo Công văn số 21929/QLD-CL ngày 22/12/2017 của Cục Quản lý Dược)										
1	Hutechs Korea Pharmaceutical Co., Ltd	99, Jeyakongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng.	PIC/S-GMP	2017-D1-1595	13/06/2017	13/07/2019	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
3	Ardeypharm GmbH	Ardeypharm GmbH Loerfeldstr. 20, 58313 Herdecke, Germany	* Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học; thuốc nguồn gốc từ người hoặc động vật; thuốc vi sinh vật. * Thuốc dược liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2017_1009	12/06/2017	18/05/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
6	Tai Guk Pharm Co., Ltd	123 Jeyakongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang cứng; hỗn dịch và dung dịch uống; thuốc mỡ; thuốc kem và thuốc Gels.	PIC/S GMP	2016-D1-2769	22/09/2016	13/07/2019	Ministry of Food and Drug Safety (MFDS), Korea		2
7	Abbvie S.R.L	S.R. 148 Pontina Km 52, Snc-Campoverde Di Aprilia (loc. APRILIA) - 04011 APRILIA (LT), Italy	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc hít dạng lỏng; thuốc cổm; viên nén.	EU-GMP	IT/138-2/H/2017	10/07/2017	24/11/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
8	Takeda Pharmaceutical Company Limited, Osaka Plant	17-85, Jusohonmachi 2 - chome, Yodogawa-ku, Osaka 532-8686 Japan	* Sản phẩm: - Bột pha hỗn dịch tiêm Lucrin PDS Depot 3.75 mg (Leuprorelin acetate 3,75 mg) - Bột pha hỗn dịch tiêm Lucrin PDS Depot 11.25 mg (Leuprorelin acetate 11,25 mg)	Japan - GMP	1631	04/07/2016	17/12/2017	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
	AbbVie Deutschland GmbH & Co. KG (Cơ sở đóng gói)	Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany		EU GMP	DE_RP_01_GMP_2016_0060	07/11/2016		Cơ quan thẩm quyền Đức		
	AbbVie Logistics B.V. (Cơ sở xuất xưởng)	Zuiderzeelaan 53, ZWOLLE, 8017 JV, Netherlands		EU GMP	NL/H 16/1008041	31/03/2016		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
9	Aju Pharm. Co., Ltd.	23 Sandan-ro 121beon-gil, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	*Thuốckhông chứa kháng sinh nhóm Betalactam: thuốc tiêm; viên nén; viên nang cứng; thuốc cổm; thuốc Sirô; * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: thuốc bột pha tiêm; viên nén; viên nang cứng.	PIC/S GMP	2017-D1-2751	22/09/2017	03/08/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
11	Sun Pharmaceuticals Industries Limited	V. Ganguwala. Paonta Sahib, District Sirmour, Himachal Pradesh 173025, India	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng: Virostav, capsules 30mg; Effervien, capsules 200mg (Efavirenz); Nupentine, capsules 300mg, 100mg, 400mg (Gabapentin); + Viên nén: Alfirum, modified release tablets 10mg (Alfuzosin); Artinova-AM, film coated tablets 5mg/80mg, 10mg/160mg, 5mg/160mg (Amlodipine, Valsartan); Vergostine, tablets 16mg, 24mg, 8mg (Betahistine); Viro-Z, coated tablets 300mg (Zidovudine); Virocomb, film coated tablets (Lamivudine, Zidovudine); Virolam, film coated tablets 150mg (Lamivudine); Effervien, film coated tablets 600mg (Efavirenz); Candesar, tablets 32mg (Candesartan), Laceran 2,5mg, 10mg, 5mg (Ramipril); Laceran HCT, tablets 5mg/25mg, 2,5mg/12,5mg (Ramipril, Hydrochlortiazide); Oziclide, modified release tablets 30mg, 60mg (Gliclazide); Pemozar, gastro-resistant tablets 40mg, 20mg (Esomeprazole); Rosvator, coated tablets 10mg, 20mg (Rosuvastatin); Storvas, film coated tablets 80mg, 40mg, 10mg, 20mg (Atorvastatin); Filup, coated tablets 50mg, 100mg (Sildenafil); Cifran, coated tablets 250mg, 500mg (Ciprofloxacin); Cifran OD, extended release, film coated tablets 1000mg, 500mg (Ciprofloxacin).	PIC/S GMP	038/2017/GMP	17/07/2017	08/06/2020	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
12	Labesfal - Laboratorios Almiro, S.A	Zona Industrial do Lagedo, Santiago de Besteiros, 3465-157, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột pha tiêm hoặc tiêm truyền (chứa kháng sinh nhóm beta lactam). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	F010/S1/MH/002/2017	28/07/2017	14/07/2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
14	Fournier Laboratories Ireland Limited (Cơ sở sản xuất)	Anngrove, Carrigtwohill, Co. Cork, Ireland	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipidil 145 ONE (Fenofibrate 145mg). Tên tại Việt Nam: Lipanthyl NT 145mg.	EU GMP	13821/M10 20	07/12/2016	2019	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	RECIPHARM FONTAINE (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Rue des Près Potets, 21121 Fontaine Lès Dijon, France		EU-GMP	HPF/FR/151/2017	06/06/2017	31/07/	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France		
15	EA Pharma Co., Ltd	103-1, Shirasakaushishimizu, Shirakawa-shi, Fukushima, Japan	Sản phẩm: Viên nén ATELEC Tablets 10.	Japan GMP	1206	15/06/2017	03/02/2022	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
16	EA Pharma Co., Ltd.	103-1, Shirasakaushishimizu, Shirakawa-shi, Fukushima, Japan	Sản phẩm: Thuốc cốm Amiyu Granules	Japan GMP	1064	31/05/2017	03/02/2022	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
17	Catalent Germany Schorndorf GmbH	Steinbeisstr. 1 und 2, 73614 Schorndorf, Germany (* Cách ghi khác: Steinbeisstr. 2, D-73614 Schorndorf, Germany)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm, globuli, pellet, viên bao, viên nén. * Thuốc từ dược liệu.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1056	07/09/2017	05/07/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
18	TS Corporation	TS Bioplant, TS Corporation 729, Osonggarak-ro, Oksan-myeon, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Hàn Quốc	* Sinh phẩm: Human Erythropoietin alfa (Recombination)	PIC/S GMP	2017-G1-2146	22/09/2017	01/06/2020	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
19	Daihan pharm. Co., Ltd	77, Sandan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc tiêm: dung dịch tiêm; dung dịch tiêm truyền; dung dịch rửa vết thương. * Dung dịch hít. * Dung dịch dùng ngoài: dung dịch dùng ngoài da; dung dịch thẩm phân máu.	PIC/S GMP	2017-D1-2920	16/10/2017	28/09/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
20	Square Pharmaceuticals Limited	Dhaka Unit, Kaliakoir, Gazipur, BD-1750, Bangladesh	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	UK GMP 29943 Insp GMP 29943/3094 03-0005	05/09/2017	17/07/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
21	Korea Pharma Co., Ltd	87 Jeyakongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc kem, viên nén bao đường; viên bao phim.	PIC/S-GMP	2017-D1-1819	30/06/2017	02/01/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
24	Mega Lifesciences (Australia) Pty Ltd	60 National Avenue PAKENHAM VIC 3810, Australia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (chứa cafein); viên nang cứng (chứa L-arginine, cafein); thuốc cổm (chứa cafein); thuốc bột (chứa macrogol, picosulphate hoặc sodium sulphate, cafein).	PIC/S-GMP	MI-2017-LI-03740-1	10/04/2017	16/02/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
28	GlaxoSmithKline Consumer Healthcare Australia Pty Ltd	82 Hughes Avenue Ermington NSW 2115, Australia	* Thuốc không vô trùng không chứa penicillins cephalosporins, chất chống ung thư: Viên nén; viên nén sủi bọt; thuốc dạng lỏng; thuốc đặt; thuốc kem	PIC/S GMP	MI-2017-LI-06123-1	12/07/2017	18/11/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
30	OLIC (Thailand) Limited	166 Bangpa-In Industrial Estate, Udomsorayuth Road, Moo 16, Bangkrason, Bangpa-In, Ayutthaya, 13160, Thailand (* Cách ghi khác: 166 Moo Bangpa-In Industrial Estate, Udomsorayuth Road, Bangpa-In district, Ayutthaya province, Thailand)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, gel, thuốc mỡ); viên nén. * Thuốc không vô trùng chứa hormon sinh dục: viên nang mềm.	PIC/S GMP	1-2-17-17-00035	07/03/2017	06/03/2020	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2
34	F. Hoffmann-La Roche Ltd (Cơ sở sản xuất)	Grenzacherstrasse 124, CH-4070 Basel, Switzerland	* Sản phẩm: + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Avastin (bevacizumab 100mg/4ml, 400mg/16ml) . + Bột đông khô pha tiêm Cymevene (Ganciclovir 500mg). + Bột pha dung dịch tiêm truyền Herceptin (Trastuzumab 150mg).	PIC/S-GMP	17-0774	18/04/2017	18/11/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
	F.Hoffmann-La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói thứ cấp)	Wurmisweg, CH-4303, Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
37	OM Pharma SA	rue du Bois-du-Lan 22, 1217 Meyrin, Switzerland	* Viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm (bao gồm cả sản phẩm chứa dịch ly giải tế bào vi khuẩn đông khô).	PIC/S-GMP và EU-GMP	17-1795	12/09/2017	30/11/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
38	Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH (Cơ sở sản xuất thuốc bột và dung môi)	Herderstraße 1,2 und Molkerei-Bauer-Straße 18, 83512 Wasserburg, Germany	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm và ống dung môi Zomacton (Somatropin 4mg).	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2016_0107	12/09/2016	08/09/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Ferring International Center S.A. (Cơ sở đóng gói cấp 2)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	17-0474	06/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
44	Industria Farmacéutica Cantabria, S.A	Carretera de Cazoña-Adarzo, s/nº, Santander, 39011 Cantabria Spain	* Thuốc không vô trùng chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon): thuốc dùng ngoài dạng lỏng, dạng bào chế bán rắn	EU GMP	ES/066HV/17	22/05/2017	29/03/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
45	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Castlebar Road, Westport, Co. Mayo, Ireland. (* Cách ghi khác: Castlebar Road, Westport, County Mayo, Ireland)	* Sản phẩm: bột sấy khô chân không vô khuẩn để pha dung dịch tiêm Botox (Botulinum toxin loại A Ph.Eur: 100 đơn vị /lọ)	EU-GMP	C17/1215	13/06/2017	15/07/2019	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
48	Rottendorf Pharma GmbH (Cơ sở sản xuất)	Ostenfelder Straße 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany (hoặc cách ghi khác: Ostenfelder Str. 51-61, D-59320 Ennigerloh, Germany).	* Sản phẩm: Viên nén phóng thích kéo dài Nifedipin retard (Nifedipin 20mg).	EU GMP	DE_NW_05_GMP_2017_0003	16/01/2017	24/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Münster)	1	
	Salutas Pharma GmbH (Cơ sở đóng gói)	Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany		EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0020	19/05/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
50	Medochemie Ltd (Factory C)	2, Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha dung dịch tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và Carbapenem.	EU GMP	MED04/2017/001	11/01/2017	29/07/2019	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	1	
	Medochemie Ltd (Factory C)- Oral Facility		* Thuốc không vô trùng + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và Carbapenem: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc cốm và thuốc bột pha hỗn dịch uống; + Thuốc bột pha dung dịch uống.		MED04/2017/002	05/04/2017	25/01/2020			
51	Limited Liability Company "Pharmaceutical company "Zdorovye"	* 22, Shevchenko str., Kharkiv, 61013, Kharkiv Region, Ukraine; * 31/B-2, Kostyantyn Kalinin Street, Kharkiv, 61019, Kharkiv Region, Ukraine; * 46, Katerynynska str., Kharkiv, 61004, Kharkiv Region, Ukraine;	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ . + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; thuốc phun mù; thuốc kem, thuốc mỡ, thuốc gel; viên nén (bao gồm cả viên bao). * Thuốc từ dược liệu.	PIC/S-GMP	015/2017/GMP	24/04/2017	17/03/2020	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
54	Ipca Laboratories Limited	Plot No. 69-72 (B) Sector (II), Kandla Special Economic Zone, IN-370230, Gandhidham, Gujarat, India	* Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh β -lactam): viên nang cứng; viên nén; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc bột pha dung dịch uống.	EU-GMP	UP/I-530-10/17-03/02	02/06/2017	03/03/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Croatia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
56	Cadila Pharmaceuticals Limited	Plot No. 1389, Trasad Road, Dholka, Dist: Ahmedabad, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc đông khô (sản xuất trên dây chuyền vial Filling line 1). + Thuốc bột pha tiêm chứa Cephalosporin. * Sản phẩm cụ thể: + Thuốc đông khô pha tiêm Rabeloc (Rabeprazole Sodium 20mg). + Thuốc bột pha tiêm Fytobact 1g (Cefoperazone 0,5g, Sulbactam 0,5g). + Thuốc bột pha tiêm Fytobact 2g (Cefoperazone 1g, Sulbactam 1g). + Thuốc bột pha tiêm Ceficad 1000 (cefepime 1000mg). + Thuốc bột pha tiêm Ceficad 2000 (cefepime 2000mg).	PICS	019/2017/GMP	24/05/2017	24/03/2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control		2
62	Catalent Germany Schorndorf GmbH (<i>Sản xuất thành phẩm</i>)	Steinbeisstr. 1 und 2, 73614 Schorndorf, Germany (* Cách ghi khác: Steinbeisstr. 2, D-73614 Schorndorf, Germany)	* Sản phẩm: Duodart (Dutasteride 0,5mg; Tamsulosin HCl 0,4mg).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1056	07/09/2017	24/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Rottendorf Pharma GmbH (<i>Sản xuất sản phẩm trung gian Tamsulosin HCl</i>)	Ostenfelder Straße 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany		EU GMP	DE_NW_05_GMP_2017_0003	16/01/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Münster)		
	Catalent France Beinheim SA (<i>Sản xuất sản phẩm trung gian Dutasteride</i>)	74 rue Principale, Beinheim, 67930, France		EU GMP	HPF/FR/128/2017	11/05/2017		French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)		
63	Famar l'Aigle	Usine de Saint-Rémy, Rue de l'Isle , Saint Remy Sur Avre , 28380, France.	*Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: viên nén; thuốc bột; thuốc bán rắn	EU GMP	HPF/FR/225/2017	30/08/2017	25/09/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
64	Bharat Serum and Vaccines Limited	Plot No K-27, Anand Nagar, Additional M.I.D.C., Ambernath (East) Dist Thane, Maharashtra State, India	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ - Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Sản phẩm cụ thể: - Ampholip suspension for solution for infusion, 5mg/ml (Amphotericin B- Lipid Complex) - Amphonex lyophilized for solution for injection 50mg (Liposomal Amphotericin B). - Amphotret lyophilized for solution for injection 50mg (Amphotericin B). - Rhoclone Liquid injection 150mcg & 300mcg (anti RHO-D Immunoglobulin injection 150mcg & 300mcg- Monoclonal). - Thromboflux lyophilized injection 1500000 IU & 750000 IU (streptokinase 1500000 IU, 750000 IU). - Foligraf lyophilized for solution for injection 75 IU & 150IU (Recombinant-Human Follicle Stimulating Hormone). - HucoG-HP lyophilized for solution for injection 5000 IU (Human Chorionic Gonadotrophin). - HucoG- 75HP lyophilized for solution for injection 75 IU (Human menopausal Gonadotrophin). - U-Tryp Liquid injection 100000 IU (Uninastatin 100000 IU) - Endoprost liquid for injection 125mcg, 250mcg (Carboprost Tromethamine 125mcg, 250mcg).	PICS	045/2017/GMP	04/08/2017	12/07/2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control		2
66	PT. Bernofarm	Jl. Gatot Subroto No. 68 Banjarkemantren Km.18, Buduran - Sidoarjo - Jawa Timur, Indonesia	* Thuốc vô trùng không chứa kháng sinh nhóm β -lactam (không bao gồm thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất độc tế bào): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ (£100mL). + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ (£100mL).	PIC/S-GMP	4357/CPOB/A/III/15	30/03/2015	31/03/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
67	Ferrer Internacional, SA	c/. Joan Buscalla, 1-9, 08173 Sant Cugat Del Vallès (Barcelona), Tây Ban Nha	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ, thuốc đông khô. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao; thuốc uống dạng lỏng; thuốc xịt họng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn, thuốc đạn.	EU-GMP	NCF/1718/01/CAT	29/05/2017	12/05/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
68	Sphere Healthcare Pty Ltd	10-12 Church Road MOOREBANK NSW 2170, Australia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén bao phim; thuốc bột và thuốc cốt; viên nang mềm; dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, thuốc mỡ; gel); thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; tinh dầu và dịch chiết dược liệu.	PIC/S - GMP	MI-2017-LI-03792-1	12/05/2017	08/09/2019	Australian Therapeutic Goods Administration (TGA)	1	
69	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Limited	65 Moo 12, Lardkrabang-Bangplee Road, Bangplee, Samutprakarn, Th-10540, Thailand	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng	EU-GMP	UK GMP 20689 Insp GMP 20689/1380 3-0006	31/05/2017	24/04/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
72	LDP-Laboratorios Torlan SA	Ctra. De Barcelona, 135-B, 08290 Cerdanyola Del Valles (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa kháng sinh betalactam (thuốc bột pha tiêm)	EU-GMP	NCF/1728/01/CAT	29/08/2017	06/07/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
74	Troikaa Pharmaceuticals Limited	C-1, Sara Industrial Estate, Selaqui, Dehradun - 248197, Uttarakhand, India	Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang cứng, viên nang mềm	PIC/S	339b/17	29/08/2017	20/04/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency, Malaysia		2
76	Bausch and Lomb Incorporated	8500 Hidden River Parkway, Tampa, FL 33637 United States of America	Sản phẩm: Besivance® (Besifloxacin ophthalmic Suspension) 0.6% (Sterile) Suspension	US-GMP	3D9E-27S9	22/09/2017	21/09/2019	US FDA	1	
77	Fisiopharma S.R.L	Nucleo Industriale - 84020 Palomonte (SA) Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa Corticoid, chất chiết từ động vật); thuốc bột + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm chứa chất chiết xuất từ tế bào, mô động vật.	EU-GMP	IT/125-2/H/2017	23/06/2017	16/12/2019	Italian Medicines Agency AIFA	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
83	Cenexi (Cơ sở sản xuất)	52 rue Marcel et Jacques Gaucher Fontenay sous Bois, 94120, France	Sản phẩm: Viên nang cứng Tamiflu (Oseltamivir 75mg)	EU GMP	HPF/FR/168/2017	27/06/2017	26/01/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
84	PATHEON MANUFACTURING SERVICES, LLC. (Cơ sở sản xuất)	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC 27834, USA	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Kadcyla (ado-trastuzumab emtansine 160mg) injection solution.	US-GMP	C7YP-WN5H	10/08/2017	09/08/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
86	Kyukyu Pharmaceutical Co., Ltd (Kyukyu Pharmaceutical Co., Ltd. Toyama Plant)	2-10 Nihonbashi-honcho 4-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan (32-7 Hibari, Imizu City, Toyama, Japan)	* Sản phẩm: Cao dán Qepentex	Japan GMP	2305	04/08/2017	17/03/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
87	Dae han New Pharm. Co., Ltd.	66 Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	- Thuốc tiêm, thuốc bột đông khô pha tiêm - Thuốc viên nén, viên nang cứng	PIC/S-GMP	2017-D1-2418	17/08/2017	25/06/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
91	Macleods Pharmaceuticals Limited	Unit-II, Plot 12, 15, 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28 & 30, Survey No 366, Premier Industrial Estate, Kachigam 396210 Daman, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2017_1039	02/10/2017	15/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
92	Oncotec Pharma Produktion GmbH (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Roßlau, Germany. (* Cách viết khác: Am Pharmapark, 06861 Dessau -Rosslau, Germany)	* Sản phẩm: Oxaliplatin "Ebewe" 100mg/20ml và 50mg/10ml.	EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0007	15/02/2017	13/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)	1	
	Ebewe Pharma Ges.m.b.H. Nfg. KG. (Cách viết khác: Ebewe Pharma GmbH Nfg. KG.) (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Mondseestrasse 11, 4866 Unterach am Attersee, Austria.		EU GMP	INS-480020-0098-001	30/01/2017		Cơ quan thẩm quyền Áo		
93	Yuria-Pharm Ltd.	108 Verbovetskogo St., Cherkasy, 18030, Ukraine	* Thuốc vô trùng: - Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, siro). * Trừ 02 sản phẩm chưa được chứng nhận: dung dịch đậm đặc pha dịch truyền Rifonat 30mg/ml và Paskonat 30mg/ml.	EU-GMP	006/2017/RO	14/02/2017	28/02/2018	Ministry of Health, National Agency for medicines and medical devices, Romania		2
94	Patheon Manufacturing Services, LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, North Carolina 27834, USA	* Thuốc IV Busulfex (busulfan), 6mg/ml, Injection	CPP (US GMP)	CPP: 7GDF-KR3Z	17/01/2017	16/01/2019	United States Food and Drug Administration	1	
95	PT. Widatra BHAKTI	J1. Stadion No. 1 Pandaan Pasuruan - Jawa Timur 67156, Indonesia	* Thuốc vô trùng tiết trùng cuối: - Thuốc tiêm thể tích lớn không chứa kháng sinh; - Dung dịch rửa không chứa kháng sinh.	PIC/S GMP	4640/CPOB/A/XII/15	23/12/2015	31/12/2020	National Agency For Drug and Food Control Indonesia (NADFC)		2
97	Hovid Berhad	121, Jalan Tunku Abdul Rahman 30010 Ipoh, Perak, Malaysia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa penicillin), viên nang mềm, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc cốm (chứa penicillin), dạng bào chế bán rắn, viên nén (chứa penicillin). * Thuốc dược liệu	PIC/S-GMP	201/17b	17/05/2017	04/04/2020	National Agency For Drug and Food Control Indonesia (NADFC)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
98	BioLab Co., Ltd	625 Moo 4, Bangpoo Industrial Estate Soi 7a, Sukhumvit road, Prakasa, Muang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc không vô trùng: viên nén (sản phẩm Ardeycor coated tablet)	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2017_1016	17/07/2017	14/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Arnsberg)		2
103	B.Braun Medical, S.A.	Ronda de Los Olivares, parcela 11, Poligono Industrial Los Olivares, Jaen, 23009 Jaen Espana, Spain	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả chất gây nghiện, hướng thần, hóc môn, chất có hoạt tính hóc môn): + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; dạng rắn; dạng cấy ghép. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng + Dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả hóc môn và chất có hoạt tính hóc môn). * Thuốc sinh học: chế phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật. * Thuốc vi lượng đồng căn. (Được phép sản xuất và bảo quản đối với các thuốc có yêu cầu đặc biệt chứa chất gây nghiện, hướng thần).	EU-GMP	ES/093HVI/17	05/07/2017	11/05/2020	(Spanish Agency for Medicines and Medical Devices (AEMPS)	1	
104	Industria Química y Farmacéutica vir, S.A. (*Cách viết khác: Química Y Farmaceutica VIR, S.A)	C/Laguna 66-68-70. Pol. Industrial Urtinsa II, Alcorcón, 28923 Madrid, Spain (*Cách viết khác: Laguna 66-68-70. Poligono Industrial Urtinsa II, 28923 Alcorcon (Madrid), Espana-Spain)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén, viên nén bao phim, thuốc dạng bào chế bán rắn	EU GMP	ES/121HVI/17	28/09/2017	01/03/2020	Agencia Española de Medicamentos y Productos Sanitarios (Spanish Agency for Medicines and Medical Devices) (AEMPS)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
105	Joint Stock Company "Lekhim-Kharkiv" (* Cách ghi tên cũ: <i>Joint Stock Company "Lekhim-Kharkov"</i>)	Ukraine, 61115, Kharkiv region, Kharkiv, Severyna Pototskoho street, building 36 Cách ghi địa chỉ cũ: Kharkov, 17-go Partsyezda street, building 36	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: Thuốc đặt * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch, thuốc chiết xuất từ động vật * Thuốc thảo dược	PIC/S GMP	023/2017/GMP	30/05/2017	14/04/2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
109	Mylan Laboratories SAS (tên cũ Abbott Healthcare SAS)	Route de Belleville, lieu-dit Maillard F BP 25, Chatillon sur chalaronne, 01400, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim	EU-GMP	HPF/FR/224/2017	30/08/2017	10/09/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
110	Janssen Pharmaceutica NV	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340, Belgium	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bán rắn; miếng dán ngoài da;	EU-GMP	BE/GMP/2017/007	28/04/2017	27/01/2020	Belgian Federal Agency for Medicines and Health Products (AFMPS)	1	
111	Kukje Pharma Co., Ltd.	47 Sanseong-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); si rô (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); * Thuốc vô trùng: thuốc tiêm; thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); thuốc bột pha tiêm (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin).	PICS-GMP	2017-D1-2300	09/08/2017	21/11/2019	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
112	CJ HealthCare Corporation	811 Deokpyeong-ro, Majang-myeon, Incheon-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Sản phẩm sinh học: thuốc tiêm (vắc xin; DNA tái tổ hợp).	PICS-GMP	2017-D1-1928	10/07/2017	21/05/2020	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
114	GlaxoSmithKline Pharmaceuticals S.A	ul. Grunwaldzka 189, 60-322 Poznań, Poland	* Thuốc không vô trùng: Thuốc cổm; thuốc viên nén	EU-GMP	GIF-IW-400/0092_01_01/04/27/17	20/01/2017	18/11/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
116	Lupin Limited	198-202 New industrial Area No.2, Mandideep (Unit - 1) - 462046, Dist Raisen, M.P., India	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng rắn và cấy ghép, sản phẩm cụ thể: + Thuốc bột pha tiêm Tricef; + Thuốc bột pha tiêm Cefaxone 1g; + Thuốc bột pha tiêm Cefantral 1g; + Thuốc bột pha tiêm Cefotaxime 1g; + Thuốc bột pha tiêm Ceftriaxone 1g;	PIC/S GMP	075/2016/S AUMP/GMP	21/11/2016	14/10/2019	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
117	IBSA Farmaceutici Italia S.R.L.	Via Martiri di Cefalonia, 2-26900, Lodi (LO), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: viên nang mềm; thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn (chứa hormon corticosteroid); thuốc đặt.	EU GMP	IT/98-6/H/2017	23/05/2017	09/09/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
118	Sanofi Winthrop Industrie - Compiègne	56 route de Choisy au Bac, COMPIEGNE, 60205, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc bột (bao gồm cả kháng sinh nhóm Cephalosporins); Viên nén (bao gồm cả kháng sinh nhóm Cephalosporins); Viên nén bao phim (bao gồm cả kháng sinh nhóm Cephalosporins);	EU-GMP	HPF/FR/154/2017	08/06/2017	16/12/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
119	Baxter Pharmaceutical Solutions LLC	927 South Curry Pike, Bloomington, 47403 (hoặc IN-47403), United States.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch.	EU-GMP	UK GMP 18058 Insp GMP 18058/1036 7-0012	25/07/2017	03/04/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
120	Sinopharm Zhijun (Shenzhen) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 16, Lanqing Yilu, Hi-Tech Zone, Guanlan, Longhua New District, Shenzhen, China	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm hoặc tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin (trong đó có Ceftazidim, Ceftriaxon, Cefuroxim).	EU GMP	DE_BY_05_GMP_2017_0041	15/03/2017	15/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
122	Bausch & Lomb Incorporated	Tampa, Florida 33637, USA	* Sản phẩm: Hỗn dịch Lotemax® (loteprednol etabonate ophthalmic suspension) 0.5% (Sterile)	US-GMP	4EQF-V5JC	05/10/2017	04/10/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
Đợt 54 (theo Công văn số 4227/QLD-CL ngày 13/03/2018 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
3	Human Bioplazma Manufacturing and Trading Limited Liability Company	Táncsics M. út 82/A, Gödöllő, 2100, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm máu.	EU GMP	OGYEI/4330 9-7/2017	19/10/2017	27/07/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	1	
4	Laboratoires des realisations therapeutiques elerte - Aubervilliers	181-183 rue André Karman, Aubervilliers, 93300, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc đặt	EU GMP	HPF/FR/215 /2017	21/08/2017	27/04/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
7	Vianex S.A.-Plant C	16th km, Marathonos Ave, Pallini Attiki, 15351, Greece	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào và chất kim tế bào): + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	79257/13-10-2017	16/10/2017	12/09/2020	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
9	Troikaa Pharmaceuticals Limited	C-1, Sara Industrial Estate, Selaqui, Dehradun - 248197, Uttarakhand, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (dạng ống); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (dạng ống, lọ), nhũ tương tiêm (dạng lọ).	PIC/S GMP	412b/ 17	10/11/2017	05/10/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
10	Aupa Biopharm Co., Ltd	1 Kwang-Fu Rd., Huko/Hsin Chu Hsien, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: + Dung dịch thuốc; + Thuốc mỡ; thuốc cream; + Viên nén, viên nén bao đường, viên nén bao phim, thuốc cốm, thuốc bột; viên nang	PIC/S-GMP	3960	30/10/2017	24/11/2019	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2
11	Thymoorgan Pharmazie GmbH	Thymoorgan Pharmazie GmbH Schiffgraben 23, 38690 Goslar, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa chất độc tế bào/kim tế bào; chất có hoạt tính hormon); dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào/kim tế bào); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào/kim tế bào).	EU-GMP	DE_NI_01_G MP_2017_1 002	19/06/2017	15/03/2020	Cơ quan có thẩm quyền của Đức	1	
12	S.C. Magistra C&C S.R.L	B-dul Aurel Vlaicu nr. 82A, Constanta, cod 900055, Jud. Constanta, Romania	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén bao phim, viên đặt âm đạo; + Thuốc mỡ, thuốc kem, gel + Thuốc đạn, thuốc trứng; + Viên nén (bao gồm cả thuốc chứa corticosteroids)	EU-GMP	030/2017/R O	22/05/2017	31/03/2020	National Agency For Medicine And Medical Devices - Romania	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
15	AstraZeneca AB	PET Blow Fill Seal, Forskargatan 18, Södertälje, 151 85, Sweden. (* Địa chỉ chung: Sodertalje, 151 85, Sweden)	* Thuốc vô trùng (ống nhựa sản xuất theo công nghệ Blow - Fill - Seal): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	6.2.1-2017-002201	10/10/2017	24/03/2020	Swedish Medical Products Agency (MPA)	1	
16	Bristol-Myers Squibb S.r.l. (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	LOC. FONTANA DEL CERASO - 03012 ANAGNI (FR), Italy	* Sản phẩm thuốc viên nén bao phim Baraclude (entecavir 0,5mg)	EU GMP	IT/118-1/H/2017	21/06/2017	31/03/2020	United States Food and Drug Administration	1	
	AstraZeneca Pharmaceuticals LP (Cơ sở sản xuất)	4601 Highway 62 East., MOUNT VERNON, IN, 47620, United States			IT/E/GMP/8/2017	09/06/2017		Italian Medicines Agency (AIFA)		
17	AstraZeneca Pharmaceuticals LP	4601 Highway 62 East, Mount Vernon, IN, 47620, United States	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha dung dịch uống; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	IT/E/GMP/8/2017	09/06/2017	05/05/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
20	Janssen Korea Ltd.	45 Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén, nang cứng. + Siro + Dung dịch dùng ngoài	PIC/S GMP	2017-D1-1744	26/06/2017	21/05/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety of Korea		2
21	Octapharma-Lingolsheim	72 rue du Mareschal Foch, Lingolsheim, 67380, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm máu; thuốc miễn dịch.	EU GMP	HPF/FR/27/2017	02/02/2017	21/10/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
23	Biomedica spol. S r.o	Biomedica, spol s r.o. divize Horátev, Horátev 104, 289 12 Nymburk, Czech Republic	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột dạng gói; thuốc cầm dạng gói; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột.	EU-GMP	sukls251011/2016	20/02/2016	08/12/2019	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
26	Oncotec Pharma Produktion GmbH	Am Pharmapark, 06861 Dessau-Roßlau, Germany	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/ chất kìm tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0007	15/02/2017	13/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
27	Ajinomoto Co.,Inc. Tokai Plant	1730, Hinaga, Yokkaichi-shi, Mie, Japan	Sản phẩm: Thuốc cốm Livact.	Japan GMP	3837	31/10/2017	15/05/2022	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
28	A. Nattermann & Cie. GmbH	Nattermannallee 1, 50829 Köln (hoặc D-50829 Cologne), Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm và dạng pastiles; viên nén, viên bao phim, viên bao đường, viên sủi bọt * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2017_1027	22/08/2017	18/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
29	Laboratoire Chauvin	Zone industrielle Ripotier Haut, Aubenas, 07200, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc dùng ngoài	EU-GMP	HPF/FR/082/2017	27/03/2017	09/12/2019	French National Drug and Health Products Safety Agency (ANSM)	1	
30	Daiichi Sankyo Propharma Co., Ltd., Hiratsuka Plant	1-12-1, Shinomiya, Hiratsuka, Kanagawa, Japan	Sản phẩm: Viên nén Japrolox (Loxoprofen sodium hydrate, 60mg Loxoprofen sodium)	Japan-GMP	3467	06/10/2017	06/10/2019	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
31	Sopharma AD	16 Iliensko Shosse Str., Sofia 1220, Bulgaria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thuốc tiêm thể tích nhỏ. * Sản phẩm cụ thể: Thuốc bột đông khô pha tiêm Methylprednisolone.	EU-GMP	BG/GMP/2017/106	17/10/2017	21/09/2020	Bulgarian Drug Agency	1	
32	Uni-Pharma Kleon Tsetis Pharmaceutical Laboratories S.A.	14th km National Road 1, Kato Kifisia Attiki, 14564, Greece	* Thuốc vô trùng (sản xuất vô trùng và có tiết trùng cuối): Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột uống, dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; viên nén.	EU-GMP	66989/10-7-2017	02/10/2017	19/05/2020	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
33	Vianex S.A - Plant A	12km National Road Athinon-Lamias, Metamorfofi Attiki, 14451, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn.	EU-GMP	73120/25-8-2017	12/09/2017	04/07/2020	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
35	Pymepharco Joint Stock Company	166-170, Nguyen Hue Street, Tuy Hoa City, Phu Yen Province, Vietnam	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nang cứng; viên nén bao phim; viên nén.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_1064	14/11/2017	03/10/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
			* Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột và dung môi pha dung dịch tiêm chứa Cephalosporin.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0017	07/02/2018	31/01/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức		
37	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A.	Zona Industrial de Condeixa-a-Nova, Condeixa-a-Nova, 3150-194, Portugal	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc bán rắn; thuốc đạn; viên nén; viên nén bao phim.	EU GMP	F005/S1/MH/001/2017	31/10/2017	27/07/2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
40	Medochemie Ltd (Factory B) - Oral Facility	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm và thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	MED03/2017/002	05/04/2017	25/01/2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
41	Gentle Pharma Co., Ltd.	No.2, Fon Tan Rd., Jiasing Village, Da Bi Hsiang, Yunlin, Taiwan, R.O.C. (* Cách ghi khác: No.2, Fon Tan Rd., Fon Tan Ind. Dist., Da Bi Hsiang, Yunlin Hsien, Taiwan, R.O.C.)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm; thuốc tiêm; thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi, nhỏ tai. + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm. * Thuốc không vô trùng: dung dịch, hỗn dịch; thuốc kem, thuốc mỡ; viên nén, thuốc bột, thuốc cốm, viên nang cứng. * Nguyên liệu dược chất, bán thành phẩm chứa: + Kháng sinh nhóm Carbapenem: Bột pha tiêm. + Kháng sinh nhóm Cephalosporin: Bột pha tiêm, cốm, viên nang. + Kháng sinh nhóm Penicillin: Bột pha tiêm, cốm, bột, viên nang. * Sản phẩm cụ thể: Bột pha tiêm Somidex (Methylprednisolon 40mg, 125mg, 500mg, 1000mg).	PIC/S-GMP	3939	18/10/2017	30/09/2019	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
42	Baxalta US Inc. (Nhà sản xuất)	1700 Rancho Conejo Boulevard, Thousand Oaks, CA 91320, USA	* Sản phẩm: Bột đông khô pha tiêm truyền tĩnh mạch Hemofil M (Antihemophilic Factor (Human) 220-2000IU/lq), 10ml nước cất pha tiêm, bộ kim chuyển và kim lọc.	US -CGMP	JGXU-47EE WHO	30/10/2017	29/10/2019	United States Food and Drug Administration	1	
	Baxter Healthcare Corporation (Nhà sản xuất dung môi)	911 North Davis Avenue, Cleverland, Mississippi 38732, USA								
43	Tenamyd Pharmaceutical Corporation	Lot. Y.01-02A, Tan Thuan Street, Tan Thuan Industrial Park/Export Processing Zone, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha dung dịch tiêm chứa kháng sinh nhóm β -lactam.	EU-GMP	BG/GMP/2017/098	27/06/2017	07/04/2020	Bulgarian Drug Agency		2
44	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Castlebar Road, Westport, Co. Mayo, Ireland. (* Cách ghi khác: Castlebar Road, Westport, County Mayo, Ireland)	* Sản phẩm: OZURDEX (Dexamethasone intravitreal Implant) 0,7mg	US-GMP	X9VZ-45EG	11/10/2017	10/10/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
46	Jeil Pharmaceutical, Co., Ltd.	7 Cheongganggachang-ro, Baegam-myeon, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang; thuốc cốm. * Thuốc tiêm; thuốc tiêm truyền. * Thuốc yêu cầu đặc biệt: Bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Carbapene; Thuốc độc tế bào (viên nén, viên nang, thuốc cốm).	PIC/S GMP	2017-D1-2506	30/08/2017	17/05/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
47	Pharvis Korea Pharm Co., Ltd.	127, Sandan-ro 83beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang; thuốc bột.	PIC/S GMP	2017-D1-3004	25/10/2017	07/08/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
48	Kedrion S.P.A.	Via Provinciale (loc. Bolognana) - 55027 Galliciano (LU), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: các sản phẩm từ máu: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc bột đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm từ máu.	EU-GMP	IT/70-2/H/2017	02/05/2017	08/07/2019	AIFA Italian Medicine Agency	1	
49	Bieffe Medital S.P.A.	Via Stelvio, 94 - 23035 Sondalo (SO), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn.	EU-GMP	IT/55-1/H/2017	03/04/2017	28/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
50	Genentech Inc.	NE Brookwood Pkwy 4625, OR 97124 Hillsboro, United States	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sinh học: chế phẩm công nghệ sinh học. * Cụ thể: + Herceptin (Trastuzumab) + Avastin (bevacizumab) + MabThera (Rituximab)	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1015	12/07/2017	23/03/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	
52	AstraZeneca Pharmaceutical Company Ltd	No. 2, HuangShan Road, Wuxi Jiangsu, 214028, People's Republic of China	* Thuốc không vô trùng: Viên nén.	PIC/S-GMP	MI-2016-CE-07343-1	19/10/2017	29/12/2020	Australian Therapeutic Goods Administration (TGA)		2
53	Orient Pharma Co., Ltd.	No. 8, Kehu 1st Road, Huwei Township, Yunlin County 63247, Taiwan, R.O.C	Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, viên nang	PIC/S-GMP	3743	04/07/2017	28/10/2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
54	Korea Prime Pharm Co., Ltd	100, Wanjusandan 9-ro, Bongdong-eup, Wanju-gun Jeollabuk-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; viên nang mềm	PIC/S-GMP	2017-F1-0399	15/11/2017	12/11/2020	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
56	Taiwan Biotech Co., Ltd.	22, Chieh Shou Rd., Taoyuan Dist., Taoyuan City, Taiwan, R.O.C	* Thuốc vô trùng: Dung dịch thuốc tiêm và tiêm truyền (sản xuất vô trùng và tiệt trùng cuối), dung dịch thuốc nhỏ mắt (sản xuất vô trùng); * Thuốc không vô trùng: Dung dịch; viên nén bao đường; viên nén bao phim; viên nén; thuốc cốt; thuốc bột; viên nang cứng; miếng dán.	PIC/S	3997	10/11/2017	30/12/2019	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
58	Pharmascience INC	6111, Avenue Royalmount, Suite 100, Montreal, QC, Canada, H4P 2T4	Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; thuốc bột, viên nhai, viên bao phim	Canada-GMP	100241-A	19/07/2017	10/07/2020	Health Products and Food Branch Inspectorate (HPFBI), Canada	1	
62	Tilman SA	Zoning Industriel Sud 15, Baillonville, 5377, Belgium	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén. * Thuốc từ dược liệu.	EU GMP	BE/GMP/2017/066	17/11/2017	29/08/2020	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
64	Macleods Pharmaceuticals Limited	Village Theda, Post office Lodhimajra, Tehsil Baddi. District Solan Himachal Pradesh In-174101, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 31303 Insp GMP 31303/1706 716-0007	21/08/2017	27/04/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
65	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC (Cơ sở sản xuất)	Pridco Industrial Park, State road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771, USA	* Sản phẩm Janumet XR 50mg/1000mg (sitagliptin 50mg, metformin HCL 1000mg)	U.S. cGMP	G5FJ-DXMT	24/04/2017	23/08/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
67	Daewoo Pharm. Co., Ltd	153 Dadae-ro, Saha-gu Busan, Korea	* Thuốc viên nén; viên nang cứng; dung dịch nhỏ mắt; hỗn dịch nhỏ mắt	PIC/S-GMP	2017-C1-0242	18/08/2017	13/08/2020	Busan Regional Office of Food and Drug Safety, MFDS, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
68	JSC "Kievmedpreparat"	+ 139, Sakchanskogo St., Kyiv, 01032, Ukraine + 120, Peremogy avenue, Kyiv 03115, Ukraine + 7/33, Chistyakovskaya lane, Kyiv, 03062, Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc tiêm đông khô, thuốc bột pha tiêm * Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc bột, thuốc kem, thuốc mỡ, thuốc gel * Thuốc công nghệ sinh học	PIC/S GMP	096/2016/S AUMP/GMP	26/01/2017	16/12/2019	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
72	Xepa-Soul Pattinson Sdn Bhd	1-5, Cheng Industrial Estate, Melaka, 75250, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc nhỏ mắt; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dung dịch thuốc uống; bột pha hỗn dịch uống; thuốc bán rắn; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	OGYÉI/1825 5-6/2017	01/09/2017	07/07/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2
75	Medochemie Ltd (Factory B)	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	Các sản phẩm chứa kháng sinh nhóm penicilin: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha dung dịch tiêm. + Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm và thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	MED03/201 7/001	11/01/2017	29/07/2019	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	1	
76	Yuhan Corporation	219 Yeongudanji-ro, Ochang-eup, Cheongwon-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: - Viên nén; viên nang; thuốc bột; viên nhai; - Si rô; hỗn dịch uống; thuốc nhỏ mũi; - Thuốc dùng ngoài: thuốc mỡ; kem. * Thuốc vô trùng: - Thuốc tiêm đông khô; - Thuốc tiêm và thuốc bột pha tiêm. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nén; si rô khô; thuốc tiêm đông khô; * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén; si rô khô; thuốc bột; thuốc tiêm đông khô; thuốc bột pha tiêm.	PIC/S GMP	2017-G1-0894	10/04/2017	21/02/2020	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
77	Instituto Grifols, SA	Polígon Industrial Llevant, Can Guasch, 2 08150 Parets Del Valles (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ, Thuốc đông khô; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Chế phẩm máu	EU-GMP	NCF/1726/0 01/CAT	03/08/2017	25/07/2020	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha vùng Catalonia	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
80	Biocon Limited	Biocon Special Economic Zone, Plot No. 2,3,4,&5, Phase IV, Bommasandra-Jigani Link Road, Bommasandra Post, 560099 Bangalore, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc tiêm thể tích nhỏ [lọ (đóng khô), ống tiêm đóng sẵn]; * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; Insulin.	PIC/S-GMP	350a/17	07/09/2017	14/04/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Malaysia		2
82	Catalent Italy S.P.A	Via Nettunense Km.20, 100 - 04011 Aprilia (LT) Italia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm. * Thuốc sinh học: Chế phẩm có nguồn gốc từ động vật, thuốc sinh học khác (sản phẩm lên men lactic); * Thuốc từ dược liệu	EU-GMP	IT/172-2/H/2017	21/09/2017	30/01/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
83	Oncotec Pharma Produktion GmbH	Oncotec Pharma Produktion GmbH Am Pharmapark 06861 Dessau-Roßlau, Germany (cách ghi khác: Am Pharmapark 06861 Dessau-Rosslau, Germany)	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/ chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn.	EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0007	15/02/2017	13/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
84	Auskorea Pharm co., Ltd	252 Munmakgongdan-gil, Munmak-eup, Wonju-si Gangwon, Republic of Korea	Thuốc tiêm	PIC/S GMP	2017-B1-0443	17/10/2017	10/10/2020	Seoul Regional office of Food and Drug Safety		2
89	Octapharma Pharmazeutika Produktionsges.m.b.H	Oberlaaerstraße 235, 1100 Wien, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Thuốc bột đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. * Chế phẩm sinh học: Sản phẩm từ máu; Sản phẩm miễn dịch; Chế phẩm phân đoạn (intermediates out of fractionation)	EU GMP	INS-480018-0060-001 (3/30)	23/10/2017	19/07/2019	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	1	
95	Bolder Arzneimittel GmbH & Co. KG	Bolder Arzneimittel GmbH & Co. KG Rheinische Allee 11, 50858 Köln, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên ngậm (pastilles và lozenges)	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2017_1001	29/05/2017	24/05/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

Đợt 55 (theo Công văn số 7235/QLD-CL ngày 20/04/2018 của Cục Quản lý Dược)

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
5	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, PO Box 4, West Point, PA 19486, USA	Sản phẩm: Thuốc tiêm Vắc xin M-M-R®II (Measles, Mumps and Rubella Virus Vaccine Live, MSD) Tên lưu hành tại Việt Nam: Vắc xin M-M-R®II (Virus sởi ≥ 1000 CCID50; Virus quai bị ≥ 12500 CCID50; virus rubella ≥ 1000 CCID50)	US cGMP	N5QK-6C6K WHO	30/10/2017	29/10/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
9	Patheon France	40 Boulevard de Champaret, Bourgoin Jallieu, 38300, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào); thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào); viên nén (bao gồm cả thuốc chứa chất kim tế bào). * Thuốc sinh học: viên nang cứng chứa bào tử vi khuẩn.	EU GMP	HPF/FR/200/2017	02/08/2017	12/05/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
10	Cipla limited	Plot No. D-7, D-22, D27, MIDC, Kurkumbh, District Pune, Maharashtra, IN-413 802, India	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc đặt, viên nén; các thuốc không vô trùng khác (cốm sủi bọt, cốm không sủi bọt, pellet tan trong ruột)	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/4462 27-0005	13/11/2017	31/07/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
13	Bayer Oy	Pansiontie 47, 20210 Turku, Finland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa chất có hoạt tính hormon); thuốc giải phóng hoạt chất tại tử cung (chứa chất có hoạt tính hormon). * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén (chứa chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	282/06.08.0 0.04/2018	10/01/2018	11/05/2020	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	1	
14	Pymepharco Joint Stock Company	Pymepharco Joint Stock Company 166-170, Nguyen Hue Street, Tuy Hoa City, Phu Yen Province, Vietnam, Viet Nam	* Sản phẩm: - Viên nang cứng Cefaclor Stada 500mg Capsules (Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat) 500mg); - Viên nén bao phim Cepoxitil 200 (Cefpodoxime 200mg) (Tên xuất khẩu: Cefdopoxim Stada 200mg, film-coated tablets)	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_1064;	14/11/2017	03/10/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
16	Laboratoire Unither	Espace Industriel Nord, 151 rue André Durouchez CS 28028, AMIENS, 80084 CEDEX 2, France (* Cách ghi khác: Espace Industriel Nord, 151 rue André Durouchez CS 28028 80084 AMIENS, CEDEX 2, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng.	EU-GMP	HPF/FR/284/2017	20/11/2017	07/07/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
17	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG Birkendorfer Str. 65 88397 Biberach a.d.R. Germany	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ, thuốc đông khô; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm, pellet; * Thuốc công nghệ sinh học: DNA/Protein tái tổ hợp; Kháng thể đơn dòng; cytokines.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1039	18/09/2017	11/05/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
18	SUN Pharmaceutical Industries Ltd.	Industrial Area 3, Dewas, 455 001, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm penem(Sản phẩm: Aris (500mg, 1000mg), Synerpen (30ml, 100ml)). * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (Sản phẩm: Ranoprost (0.4mg), Ranselex (100mg, 200mg), Flucoric (150mg)) , viên nén (Sản phẩm: Candesar (4mg, 8mg,16mg), Pioglar (30mg, 15mg)) , viên nén bao phim (sản phẩm: Altiva (180mg), Brustan, Histac (150mg), Zanolcin OD (400mg, 800mg), Klabax (500mg), Loxof (500mg), Rancleer (62.5mg, 125mg), Serlift (50mg, 100mg), Cifran OD (500mg, 1000mg), Cifran CT) ; dạng thuốc tổng hợp combikit (Sản phẩm: Pylobact Neo).	PIC/S GMP	071/2017/GMP	18/12/2017	04/11/2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
19	Regeneron Pharmaceuticals Inc.	81 Columbia Turnpike, Rensselaer, 12144, United States	* Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học	EU GMP	UK GMP 25041 Insp GMP 25041/7947 54-0004	19/05/2017	20/03/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
21	AstraZeneca AB	PET Turbuhaler and Pumpspray, Forskargatan 18, Södertälje, 15185, Sweden (* Địa chỉ chung: Sodertalje, 15185, Sweden)	* Thuốc không vô trùng: thuốc bột hít đa liều, thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	5.9.1-2017-096501	28/12/2017	14/06/2020	Swedish Medical Products Agency (MPA)	1	
22	Novartis Farma S.P.A.	Via Provinciale Schito 131 - 80058 Torre Annunziata (NA), Italy (Cách viết khác: Via Provinciale Schito 131 Torre Annunziata (NA), Italy)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc từ dược liệu: Viên nén.	EU-GMP	IT/126-3/H/2017	27/06/2017	16/12/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
24	Alcon Research Ltd.	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134, United States of America	* Sản phẩm: Systane® Ultra Lubricant Eye Drops (Polyethylene glycol 400 0,4%, Propylene glycol 0,3%) Tên lưu hành tại Việt Nam: Dung dịch nhỏ mắt Systane Ultra (Polyethylene glycol 400 0,4%, Propylene glycol 0,3%)	U.S. cGMP	RWYT-4HZM	02/02/2018	01/02/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
25	Zakład Farmaceutyczny Adamed Pharma S.A (* Tên tiếng Anh: <i>Pharmaceutical Works Adamed Pharma Joint Stock Company</i>)	ul Szkolna 33, 95-054 Ksawerów, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	IWZJ.405.27.2017.MG.1. WTC/0258_01_01/264	09/01/2018	27/10/2020	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
26	Sopharma AD	Vrabevo vlg, 5660 district of Lovech, Bulgaria	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; dung dịch thuốc dùng ngoài, nước súc miệng, thuốc uống dạng lỏng (siro, dung dịch, hỗn dịch) thuốc kem, gels, mỡ. * Thuốc dược liệu	EU GMP	BG/GMP/2018/116	12/02/2018	12/01/2021	Bulgarian Drug Agency	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
27	Aprogen Pharmaceuticals. Inc	16 Dumeori-gil, Yanggam-myeon, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc mỡ; thuốc kem; thuốc gel. Sản phẩm: Viên nén Metipred Tablet (Methylprednisolon 16mg)	PIC/S-GMP	2017-D1-1277	02/05/2017	15/01/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
28	UMEDICA LABORATORIES Private Limited	GIDC II nd Phase, Plot No 221, Vapi, 396195 Gujarat, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	UP/I-530-10/17-03/04; 381-10-05/244-17-08	10/06/2017	10/03/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia		2
29	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A.	Via Licinio, 11 - 22036 Erba (Co), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon corticosteroid); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả thuốc chứa corticosteroid hormon và hormon sinh dục); thuốc dùng ngoài dạng lỏng (chứa hormon corticosteroid); dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả corticosteroid hormon).	EU-GMP	IT/131-1/H/2017	07/07/2017	28/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
30	Zakład Farmaceutyczny Adamed Pharma S.A (* Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Works Adamed Pharma Joint Stock Company) (Cơ sở sản xuất)	33, Szkolna Str., 95-054 Ksawerow, Poland	* Sản phẩm: Viên nang cứng Egzysta (Pregabalin 50 mg)	EU-GMP	IWZJ.405.27.2017.MG.1	09/01/2018	2019	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Pabianickie Zakłady Farmaceutyczne POLFA S.A. (* Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Works Polfa in Pabianice Joint-Stock Company) (Cơ sở kiểm nghiệm và xuất xưởng)	ul.Marszalka Jozefa, Pilsudskiego 5, 95-200 Pabianice, Poland		EU-GMP	GIF-IW-400/0039_01_01/04/314/16	28/10/2016	01/09/2017			
31	Servier (Ireland) Industries Ltd	Moneylands, Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Ireland (* Địa chỉ rút gọn: Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Ireland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	15483/M68	20/06/2017	23/03/2020	Health Products Regulatory Authority - Ireland	1	
34	Delorbis Pharmaceuticals Ltd	17 Athinon str., Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, Lefkosia, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; bột pha hỗn dịch uống; thuốc bán rắn; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	DELOR/001/2017	22/12/2017	17/05/2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	1	
35	Lek farmacevtska družba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.)	Kolodvorska cesta 27, Mengeš, 1234, Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU GMP	450-40/2017-5	29/11/2017	11/04/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
37	Jeil Health Science Inc.	7 Cheongganggachang-ro, Baegam-myeon, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Miếng dán.	PIC/S GMP	2018-D1-0042	08/01/2018	17/05/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
39	Catalent Australia Pty Ltd	217-221 Governor Road, BRAESIDE Vic 3195 Australia	Thuốc không vô trùng (không chứa penicillin, cephalosporin, hormon, steroid, chất chống ung thư): viên nang mềm.	PIC/S-GMP	MI-2017-LI-11695-1	02/11/2017	28/07/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
40	Union Korea Pharm Co., Ltd	246 Munmakgongdan-gil, Munmak-eup, Wonju-si, Gangwon-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nang; * Thuốc vô trùng: thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin; thuốc tiêm.	PIC/S GMP	2017-B1-0518	05/12/2017	28/11/2020	Ministry of Food and Drug Safety (MFDS), Korea		2
41	Innothera Chouzy	Rue René Chantereau, Chouzy-sur-Cisse, Valloire-sur-Cisse, 41150, FRANCE. (* Các cách ghi khác: + Rue René Chantereau - L'Isle Vert 41150 Chouzy-sur-Cisse, France. + L'Isle Vert, Rue René Chantereau, Chouzy-sur-Cisse, 41150, France.)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	HPF/FR/229/2017	06/09/2017	23/06/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
42	Servier (Ireland) Industries Ltd	Moneylands, Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Ireland (Địa chỉ rút gọn: Gorey Road, Arklow, Co. Wicklow, Ireland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	15483/M68	20/06/2017	23/03/2020	Health Products Regulatory Authority - Ireland	1	
43	Italfarmaco S.A.	C/San Rafael, 3, Pol. Ind. Alcobendas, Alcobendas 28108 Madrid, Spain	Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm, thuốc dạng pellet, thuốc bán rắn (chứa hormone và chất có hoạt tính hormone, thuốc chứa chất gây nghiện, hướng tâm thần).	EU GMP	ES/003HVI/18	16/01/2018	12/09/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
44	Ethypharm	Zone Industrielle de Saint Arnoult, 28170 Chateaufort-en-thymerais, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; thuốc bột và thuốc cốm.	EU-GMP	HPF/FR/219/2017	23/08/2017	17/10/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
47	Laboratórios Vitória, S.A	Rua Elias Garcia, No. 28, Amadora, 2700-327, Portugal	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; viên nén; thuốc bột, thuốc cốm, thuốc đặt.	EU GMP	F019/S1/MH/001/2017	04/09/2017	11/05/2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
48	AbbVie Deutschland GmbH & Co., KG	Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	DE_RP_01_GMP_2017_1026	07/12/2017	23/11/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức (Landesamt Fur Soziales, Jugend und Versorgung)	1	
52	Lek farmacevtska družba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.)	Verovškova ulica 57 (hoặc Verovškova 57), Ljubljana, 1526 (hoặc SI-1526 Ljubljana), Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng.	EU GMP	450-40/2017-1	29/11/2017	25/05/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
53	Lek Pharmaceuticals d.d (viết tắt: Lek d.d)	Verovškova ulica 57 (hoặc Verovškova 57), Ljubljana, 1526 (hoặc SI-1526 Ljubljana), Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả chứa chất ức chế miễn dịch, chất độc tế bào, chất kim tế bào - trastuzumab, rituximab, erlotinib, enzalutamid, afatinib, ibrutinib, dabrafenib, pazopanib, trametinib, alpelisib); Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, Prostaglandins/cytokines, chất ức chế miễn dịch, chất độc tế bào/chất kim tế bào - trastuzumab, rituximab, erlotinib, enzalutamid, afatinib, ibrutinib, dabrafenib, pazopanib, trametinib, alpelisib); Thuốc bột, thuốc cốm; hạt pellet, vi nang (micropellet); * Thuốc được liệu.	EU-GMP	401-25/2017-5	24/01/2018	23/11/2020	Agency for medicinal products and medical devices of the Republic of Slovenia	1	
55	Unimed Pharmaceuticals, Inc	110-27, Sirok-ro, Asan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Viên nén; viên nang cứng. * Thuốc tiêm. * Thuốc nhỏ mắt. * Miếng dán	PIC/S	2017-G1-2665	01/12/2017	15/11/2020	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
56	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.R.L (Cơ sở sản xuất và xuất xưởng)	Via Campo Di Pile, L'Aquila (AQ), 67100, Italy.	* Thuốc không vô trùng: - Viên nén Bilaxten (Bilastin 20mg); - Viên nén bao phim Sympal (Dexketoprofen (dưới dạng Dexketoprofen trometamol) 25mg).	EU GMP	IT/183-1/H/2017	27/09/2017	20/01/2020	AIFA Italian Medicines Agency	1	
	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.R.L (Cơ sở kiểm tra chất lượng)	Via Sette Santi, 3 - 50131 Firenze (FI), Italy.		EU GMP	IT/137-1/H/2017	10/07/2017				
58	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A. (Tên tiếng Ba Lan: Warszawskie Zakłady Farmaceutyczne POLFA Spolka Akcyjna)	22/24, Karolkowa Str., 01-207 Warszawa, Poland (*Tiếng Anh: Karolkow 22/24, 01-207, Warsaw, Poland)	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc nhỏ mũi); thuốc bán rắn; dung dịch thực trực tràng.	EU-GMP	IWZJ.405.4.2 018.MG.1 WTC/0102_02_02/8	09/01/2018	12/10/2020	Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
59	Hospira Australia Pty Ltd	* Địa chỉ 1: 1-5, 7-23 and 25-39 Lexia Place, Mulgrave Vic 3170, Australia. * Địa chỉ 2: 2-10 Lexia Place Mulgrave Vic 3170, Australia.	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm (bao gồm cả các chất độc tế bào/chất kim tế bào); thuốc hít.	PIC/S GMP	MI-2017-LI-11691-1	11/12/2017	12/05/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
60	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm: Dạng bào chế lỏng để hít Forane (Isoflurane, USP) Liquid for Inhalation, 100ml Tên tại Việt Nam: Aerrane	US-GMP	CTFT-35UR	17/01/2018	16/01/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
61	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm: Dạng bào chế lỏng để hít Sevoflurane, USP Inhalation Anesthetic 250mL	US-GMP	6T59-FZK9	19/01/2018	18/01/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
62	Baxter Healthcare Corporation	Route 3, km 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784, USA	* Sản phẩm: Suprane (Desflurane USP, Liquid for Inhalation)	US -GMP	YTU2-STT4	19/01/2018	18/01/2020	United State Food and Drug Administration	1	
64	Pfizer Australia Pty, Ltd	38-42 Wharf Rd, West Ryde NSW 2114, Australia	* Thuốc không vô trùng: dạng bào chế bán rắn; thuốc bột và thuốc cốm; thuốc rắn phân liều (viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng).	PIC/S-GMP	MI-2017-LI-13798-1	11/12/2017	04/07/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
65	Kolmar Pharma Co, Ltd	93 Bio Valley 2-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Viên nén; viên nang cứng; viên nang mềm; viên nhai; thuốc bột; thuốc cốm; viên nén đặt phụ khoa, thuốc kem; yếu tố thẩm phân máu.	PIC/S GMP	2018-G1-0007	03/01/2018	03/11/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
66	Laboratoires Chemineau	93 route de Monnaie, Vouvray, 37210 France	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn (bao gồm chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	HPF/FR/283/2016	29/11/2016	02/09/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
68	Biomendi, S.A.	Poligono Industrial de Bernedo, s/n, Bernedo, 01118 Alava, Spain	* Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	ES/004HVI/18	16/01/2018	16/06/2020	Spanish Agency for Medicines and Medical Devices (AEMPS)	1	
70	Bieffe Medital S.P.A. (Cơ sở sản xuất)	Via Nuova Provinciale - 23034 Grosotto (So), Italy	* Sản phẩm: Dung dịch thuốc tiêm truyền Paracetamol-Bivid (Paracetamol 1g/100ml)	EU-GMP	IT/169-1/H/2017	19/09/2017	20/01/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Sanavita Pharmaceuticals GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Brüder-Grimm-Straße 121 36396 Steinau an der Straße Germany		EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_1054	08/01/2018		Cơ quan thẩm quyền Đức		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
71	Siegfried Hameln GmbH	Langes Feld 13, 31789 Hameln, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn, hỗn dịch + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Thuốc sinh học: Vắc xin vi khuẩn, virút bất hoạt.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2018_0013	16/01/2018	12/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
73	L.MOLTENI & C.DEI F.LLI ALITTI SOCIETA' DI ESERCIZIO S.P.A	Strada Statale 67, Frazione Granatieri - 50018 Scandicci (FI) , Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn chứa corticoid.	EU-GMP	IT/22-1/H/2018	25/01/2018	16/12/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
75	Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH	Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH Herderstrabe 1,2 und Molkerel-Bauer-Strabe 18 83512 Wasserburg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ, dung dịch thể tích lớn, thuốc đông khô (sản phẩm sinh học protein tái tổ hợp). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ, dung dịch thể tích lớn.	EU GMP	DE_BY_04_GMP_2017_0024	21/02/2017	08/09/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
77	A. Menarini Manufaturing logistics and services S.R.L	Via Sette Santi, 3-50131 Firenze (FI), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc bán rắn chiết xuất từ động vật. * Chế phẩm sinh học: Chế phẩm chiết xuất từ động vật. * Sản phẩm: Fastum gel (ketoprofen 2,5g/100g gel).	EU GMP	IT/137-1/H/2017	10/07/2017	20/01/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
86	Delpharm Huningue SAS - Huningue	26 Rue de la Chapelle, Huningue, 68330, France	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hóc môn): thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, dạng bào chế bán rắn, thuốc đạn.	EU-GMP	HPF/FR/180/2017	20/07/2017	12/09/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
89	AstraZeneca Pharmaceuticals LP (Cơ sở sản xuất)	587 Old Baltimore Pike, Newark, DE 19702, USA	* Sản phẩm: Viên nén Arimidex (anastrozol 1mg)	U.S. cGMP	9B9W-MB3Z	02/01/2018	019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Astra Zeneca UK Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Silk Road Business Park, Macclesfield, Cheshire, SK 10 2NA, UK		EU GMP	UK MIA 17901 Insp GMP/GDP/IMP 17901/10117- 0033	07/03/2017	13/12/2018	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		
92	Ta Fong Pharmaceutical Co. Ltd	11, An-Tou Lane, Yen-Ping Li, Changhua City, Taiwan, ROC	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm sản xuất vô trùng và tiết trùng cuối (bao gồm cả sản phẩm học môn). * Thuốc không vô trùng: Dung dịch, thuốc kem mỡ, viên bao phim (viên nén, cốm, bột), viên nang, thuốc đạn	PIC/S GMP	4145	26/01/2018	09/03/2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
94	Lek Pharmaceuticals d.d	Verovškova ulica 57 (hoặc Verovškova 57), Ljubljana, 1526 (hoặc SI-1526 Ljubljana), Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa học môn hoặc chất chứa hoạt tính học môn, thuốc uống dạng lỏng.	EU GMP	450-40/2017-1	29/11/2017	25/05/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
95	Medica Korea Co., Ltd	96, Jeyakongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Viên nén, viên nén bao phim, viên nang	PIC/S GMP	2018-D1-0141	17/01/2018	09/11/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
97	Claris Injectables Limited	Chacharwadi-Vasana, Ahmedabad, In 382213, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Nhũ tương.	EU GMP	UK GMP 20752 Insp GMP 20752/13875-0011	17/08/2017	26/06/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
99	Bristol Myers Squibb S.R.L	Loc Fontana Del Ceraso - 03012 Anagni (FR), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa corticosteroid); thuốc bột (chứa kháng sinh nhóm monobactams (ví dụ: Aztreonam, Tigemonam)); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nén.	EU-GMP	IT/118-1/H/2017	21/06/2017	31/03/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
100	SUN Pharmaceutical Industries Ltd. India, Halol	Baroda Highway, Halol, Gujarat, 389350, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc độc tế bào): Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối (bao gồm cả thuốc độc tế bào): Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hormon, gây độc tế bào): Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	NL/H 17/2001782	02/01/2018	25/08/2020	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		2
101	Unique Pharmaceutical Laboratories	Plot Nos 215-219, 304-308, GIDC Industrial Area, Panoli, Dist. Bharuch - 394 116, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn.	EU-GMP	MT/002HM/2018	15/01/2018	03/10/2020	The Medicines Authority of Malta		2
102	Purdue Pharmaceuticals L.P (Cơ sở sản xuất)	4701 Purdue Drive, Wilson, NC 27893, USA	* Các thuốc viên nén giải phóng kéo dài: - Oxycontin 10mg (hoạt chất Oxycodone HCl 10mg); - Oxycontin 20mg (hoạt chất Oxycodone HCl 20mg).	US-GMP	MSWV-VH9K; GNPB-B3KT	21/02/2018	20/02/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Sharp Corporation (Cơ sở đóng gói)	7451 Keebler Way, Allentown, PA 18106, USA								
Đợt 56 (theo Công văn số 10516/QLD-CL ngày 07/06/2018 của Cục Quản lý Dược)										
1	Hoe Pharmaceuticals Sdn. Bhd.	Lot 10, Jalan Sultan Mohamed 6, Kawasan Perindustrian Bandar Sultan Suleiman, 42000 Pelabuhan Klang, Selangor, Malaysia	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa steroid) : thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc xịt. * Thuốc dược liệu.	PIC/S-GMP	212b/17	20/07/2017	17/02/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Malaysia		2
2	Dragenopharm Apotheke Püschl GmbH	Göllstraße 1, 84529 Tittmoning, Germany (cách ghi khác: Goellstrasse 1, D-84529 Tittmoning, Germany hoặc	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao; thuốc bột; thuốc cốm; viên nang mềm (coating of soft shell capsules). * Thuốc dược liệu; Thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2017_1085	11/12/2017	14/12/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
3	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk (Cơ sở sản xuất)	Bunsenstrasse 4, 22946 Trittau, Germany	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm, truyền và hít Gernebcin 80mg/2mL (Tobramycin 80mg/2ml) Tên lưu hành tại Việt Nam: Medphatobra 80, SDK: VN-19091-15.	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2018_0005	05/02/2018	09/02/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	medphano Arzneimittel GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Maienbergstrasse 10-12, 15562 Rüdersdorf, Germany		EU-GMP	DE_BB_01_GMP_2017_1008	18/08/2017				
4	SC ZENTIVA SA	Bulevardul theodor pallady 50, Sector 3, Bucharest, RO - 032266, Romania	* Sản phẩm: Omeprazole 20mg Gastro-Resistant Hard Capsules. Tên tại Việt Nam: Mepraz 20mg Gastro-Resistant Hard Capsules (Omeprazole 20mg)	EU GMP	PP10153040	12/12/2017	01/03/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
5	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG Birkendorfer Str. 65 88397 Biberach a.d.R. Germany Cách ghi khác: Birkendorfer Straße 65 88397 Biberach an der Riss Germany	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; pellet; * Thuốc sinh học khác: DNA/Protein tái tổ hợp; Kháng thể đơn dòng; cytokines.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1039	18/09/2017	11/05/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
7	Recipharm Strängnäs AB	Mariefredsvägen 35, Strängnäs, 645 41, Sweden	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; + Viên nén; viên bao phim; + Thuốc cốm chứa Penicillin.	EU-GMP	5.9.1-2017-019451	08/03/2017	16/08/2019	Medical Products Agency (MPA), Sweden	1	
14	Shenyang Sunshine Pharmaceutical Co., Ltd	No 3 A1, 10th Road, Economic & Technology Development Zone, Shenyang, Liaoning Province, China	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch. * Cụ thể các sản phẩm được sản xuất tại nhà máy 2: Emavail 2000 IU/ml, 3000 IU/ml, 4000 IU/ml, 10000 IU/ml Erythropoietin alfa người tái tổ hợp; Emaplug 7500 IU/ml, 15000 IU/ml Trombopoietin người tái tổ hợp.	PIC/S GMP	036/2017/GMP	26/07/2017	06/05/2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
17	Croma - Pharma GmbH	Industriezeile 6 und Cromazeile 2, 2100 Leobendorf, Austria	* Thuốc vô trùng + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc bán rắn: Lọ chứa hyaluronic acid đậm đặc (gel) và syringes đóng sẵn chứa hyaluronic acid hoặc HPMC đậm đặc (gel)	EU-GMP	INS-480485-0038-001 (1/2)	27/04/2017	27/11/2020	Austrian Federal Office for Safety in Health Care	1	
19	Laboratoire Aguettant	Lieu-dit Chantecaille, CHAMPAGNE, 07340, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	2018/HPF/F R/048	20/02/2018	19/10/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
20	Cipla Ltd.	Plot No. L-139, S-103 & M-62, Verna Industrial Estate, Verna, salcette 403722 Goa Pin, India	* Địa chỉ: Plot No L-139 (L-139 đến L-146): + Unit 1: Thuốc xịt mũi, + Unit 2: Thuốc hít phân liều, + Unit 3: Viên nén; dạng bào chế bán rắn, + Unit 4: Viên nén, viên nang cứng. * Địa chỉ: Plot S-103 (S-103 đến S-105, S-107 đến S-112, L-147, L-147/1 đến L-174/3, L-174-A, L-138) + Unit VII: Viên nén; viên nang cứng, + Unit VII PD II: Viên nén, + Unit VIII: Thuốc chứa hormon: viên nén, dạng bào chế bán rắn. + Unit X: Thuốc chứa chất độc tế bào: viên nén; viên nang cứng. * Địa chỉ: M-62 (M61, M-62, M-63): + Unit IX: Siro khô.	PIC/S GMP	282a/17	24/07/2017	20/01/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
22	Prasfarma SL	C/ Sant Joan, 11-15 08560 Manlleu (Barcelona), Spain	Thuốc chứa thuốc độc tế bào, hormon hoặc chất có hoạt tính hormon: * Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	NCF/1739/0 01/CAT	17/11/2017	16/06/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
26	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A (Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	ul. Pelplinska 19, 83-200 Starogard Gdanski, Poland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa dược chất nhạy cảm cao): dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối (bao gồm cả thuốc chứa dược chất độc mạnh và chất có nguy cơ quái thai): dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	IWZJ.405.24. 2018.MG.1. WTC/0105_02_04/39	01/03/2018	06/12/2020	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
27	Sofar S.P.A	Via Firenze, 40 - 20060 Trezzano Rosa (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng (chứa corticosteroid); thuốc bột; thuốc cốm; viên ngậm; thuốc dạng khí dung; dạng bào chế bán rắn; viên nén. * Sản phẩm: Dung dịch bơm hậu môn Clisma-lax (Natri monobasic phosphat khan 13.91g, Natri dibasic phosphat khan 3.18g).	EU-GMP	IT/64-1/H/2018	20/02/2018	13/07/2020	AIFA Italian Medicines Agency	1	
28	Orion Corporation (hoặc Orion Oyj hoặc Orion pharma)	Tengströminkatu 8, Turku, FI-20360, Finland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa hormon; Thuốc bột, thuốc cốm, thuốc bột dùng ngoài da; Gel chứa hormon, mỡ; Viên nén chứa hormon, độc tế bào.	EU-GMP	7038/06.08.00.04/2017	04/12/2017	20/04/2020	Finnish Medicines Agency, Inspectorate	1	
29	Laboratorios Salvat, SA	Gall, 30-36, 08950, Esplugues De Llobregat, Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn.	EU-GMP	NCF/1732/02/CAT	17/10/2017	07/07/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
30	PORTON BIOPHARMA LIMITED	MANOR FARM ROAD, PORTON DOWN, SALISBURY, SP4 0JG, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; Độc tố và giải độc tố Botulinum; Enzym từ vi khuẩn (Erwinia L-asparaginase); Giải độc tố từ vi khuẩn.	EU-GMP	UK MIA 44403 Insp GMP/IMP 44403/1316 7-0019	07/02/2017	23/11/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
31	BSP Pharmaceuticals S.P.A	Via Appia Km 65, 561 (loc. Latina Scalo) - 04013 LATINA (LT), Italy	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào: Viên nang cứng; viên nén. * Thuốc sinh học: DNA/Protein tái tổ hợp, kháng thể đơn dòng; Dung dịch thể tích nhỏ và bột đông khô sản xuất vô trùng, dung dịch thể tích nhỏ tiết trùng cuối.	EU-GMP	IT/69-31/H/2017	07/04/2017	13/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
32	Sun Pharmaceutical Medicare Limited	Survey No. 22 & 24, Village: Ujeti, Post: Baska, Tal. Halol - 389 350, Dist: Panchmahal, Gujarat, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc nhỏ mắt.	PIC/S GMP	447c/17	27/12/2017	10/03/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
33	Pierre Fabre Medicament Production - Gien	Site Progipharma, rue du Lycée, GIEN, 45500, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn; viên nén; thuốc cốm; khí dung; viên nén bao phim.	EU-GMP	HPF/FR/300/2017	07/12/2017	15/09/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
34	CSL Behring LLC	Route 50 North, 1201 N. Kinzie, Bradley, IL 60915, USA (* Cách ghi khác: P.O. Box 511 Kankakee, IL 60901, USA hoặc Kankakee, IL 60901, USA)	* Sản phẩm: Albumin (Human) USP, Albuminar®; 25% 50 mL (Albumin 12.5g/50mL)	U.S. cGMP	U76V-RNSF WHO	08/03/2018	07/03/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
35	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Bunsenstrasse (hoặc Bunsenstrasse) 4, 22946 Trittau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa hóa môn và các chất có hoạt tính hóa môn); + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn; * Thuốc sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU GMP	DE_SH_01_GMP_2018_0005	05/02/2018	09/02/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức (State Social Services Agency Schleswig-Holstein)	1	
36	Sandoz GmbH - Organisationseinheit/Business Unit Anti-Infectives FDF (AI-FDF Kundl) (hoặc Sandoz GmbH hoặc Sandoz GmbH-TechOps hoặc Sandoz GmbH-Organisationseinheit/Business Unit TechOps)	Biochemiestrasse (hoặc Biochemiestrasse) 10, 6250 Kundl (hoặc A-6250 Kundl hoặc AT-6250 Kundl hoặc Kundl, 6250), Austria	* Thuốc vô trùng (chứa kháng sinh nhóm Penicillin và Cephalosporin): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc cấy ghép và dạng rắn. * Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh nhóm Penicillin và Cephalosporin): Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim; viên nhai; thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	INS-481921-0123-001 (1/10)	13/03/2018	25/10/2020	Austrian Medicines and Medical Devices Agency (AGES)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
39	Bioindustria Laboratorio Italiano Medicinali S.P.A	Via De Ambrosiis 2/6 - 15067 Novi Ligure (AL), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô (chứa hoạt chất là dẫn chất hoặc chiết xuất từ mô, tế bào động vật); dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ động vật.	EU-GMP	IT/190-1/H/2017	12/10/2017	29/09/2019	AIFA Italian Medicines Agency	1	
40	Laboratorios Atral, S.A.	Rua da Estacao no. 42, Vala do Carregado, Castanheira do Ribatejo, 2600-726, Portugal	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép; thuốc bột chứa cephalosporin và các betalactam; + Thuốc tiệt trùng cuối: Thuốc dạng rắn và cấy ghép; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bột chứa kháng sinh nhóm cephalosporin và betalactam; thuốc dạng bán rắn, thuốc đạn, viên nén, viên đặt.	EU GMP	F015/S1/MH/001/2017	11/09/2017	15/12/2019	Portugese National Authority of Medicines and Health Products, IP	1	
41	Replek Farm Ltd. Skopje	Kozle 188, Skopje, 1000, Macedonia, The Former Yugoslav Republic of Macedonia	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén, thuốc bán rắn, thuốc uống dạng lỏng, thuốc dùng ngoài dạng lỏng.	EU-GMP	409-8/2016-12	15/01/2018	06/10/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)		2
43	BIOSE INDUSTRIE	24 avenue Georges Pompidou, AURILLAC, 15004, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm. * Thuốc sinh học: Lactobacillus. * Sản phẩm: viên nang Gynophilus (môi trường nuôi cấy đông khô Lactobacillus casei thứ rhamnosus doderleini 341mg)	EU GMP	2018/HPF/F R/058	01/03/2018	21/09/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
44	Purdue Pharmaceuticals L.P (Cơ sở sản xuất)	4701 Purdue Drive, Wilson, NC 27893, USA	* Các thuốc viên nén giải phóng kéo dài: + Oxycotin 15mg (Oxycodone hydrochloride 15mg);	US-GMP	MDVS-8X7K	21/02/2018	20/02/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
			+ Oxycotin 30mg (Oxycodone hydrochloride 30mg);		ZU7T-P8W8					
			+ Oxycotin 40mg (Oxycodone hydrochloride 40mg);		6X27-8FN8					
			+ Oxycotin 60mg (Oxycodone hydrochloride 60mg);		Y8F7-XN64					
	Sharp Corporation (Cơ sở đóng gói)	7451 Keebler Way, Allentown, PA 18106, USA	+ Oxycotin 80mg (Oxycodone hydrochloride 80mg);		P9BY-V4TQ	26/02/2018	25/02/2020			

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
45	Interthai Pharmaceutical Manufacturing Ltd	1899 Phaholyothin Road, Ladyao, Chatuchak, Bangkok 10900, Thailand	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nang cứng, thuốc bán rã, dung dịch thuốc dùng ngoài, dung dịch thuốc uống, thuốc hít, viên nén bao phim. * Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ: * Thuốc tiết trùng cuối: thuốc bán rã.	PIC/S GMP	1-2-07-17-18-00019	20/02/2017	19/02/2020	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2
46	Novo Nordisk A/S	Novo Alle, Bagsværd, 2880, Denmark (* Cách ghi khác: Novo Alle, Bagsværd, DK-2880, Denmark)	* Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng: Dạng lỏng thể tích nhỏ (dung dịch, hỗn dịch); * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học	EU-GMP	DK H 00096518	30/01/2018	28/09/2020	Danish Health and Medicines Authority	1	
47	Haupt Pharma Wolfratshausen GmbH	Haupt Pharma Wolfratshausen GmbH Pfaffenrieder Straße 5, 82515 Wolfratshausen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Hỗn dịch và thuốc xịt mũi. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Hỗn dịch. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rã; Viên nén.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2017_1061	24/10/2017	13/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
49	B. Braun Avitum AG	Kattenvenner Str.32 49219 Glandorf, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng.	EU GMP	DE_BE_04_GMP_2017_1005	29/09/2017	23/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
50	Grifols Biologicals Inc (Cơ sở sản xuất)	5555 Valley Boulevard, Los Angeles, California, CA 90032, USA (* Cách ghi khác: 5555 Valley Boulevard, Los Angeles, California, 90032, USA)	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Albutein®Injectable Solution (Albumin 20% : 19-21 g/100ml, purity not less than 96% albumin); (Albumin 25%: 23,75-26,25g/100ml, purity not less than 96% albumin);	EU-GMP	KBRV-APAR WHO	08/03/2018	07/03/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Grifols Biological Inc (Cơ sở đóng gói và dán nhãn)	13111 Temple Avenue, City of Industry, CA 91746, USA								

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
51	Arena Group S.A.	Bd. Dunarii nr.54, Oras Voluntari, Jud. Ilfov, cod 077190, Romania	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-betactam, corticosteroid); viên nén bao phim; viên nén bao đường; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa corticosteroid).	EU-GMP	010/2018/R O	12/02/2018	12/01/2021	Romania National Agency for Medicines and Medical Devices	1	
52	Sanofi Vietnam Shareholding Company	Lot I-8-2, D8 Road, Saigon Hitech Park, District 9, Ho Chi Minh City, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc kem; thuốc gel, thuốc mỡ; + Viên nang cứng; + Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; si rô; + Viên nén; viên nén bao phim; + Thuốc bột; thuốc cốm.	PIC/S GMP	MI-2016-CE-09142-1	19/10/2017	18/08/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia		2
54	Allergan Sales, LLC	8301 Mars Drive, Waco, Texas, 76712, United States (* Cách viết khác: Waco, Texas (TX) 76712 - USA)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn, dung dịch thể tích nhỏ (thuốc nhỏ mắt). * Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế bán rắn.	EU GMP	18363/M11 938	23/01/2018	13/10/2020	Health Products Regulatory Authority of Ireland	1	
55	Y.S.P. Industries (M) Sdn.Bhd	Lot 3,5 & 7, Jalan P/7, Section 13, Kawasan Perindustrian Bandar Baru Bangi, 43000 Kajang, Selangor, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc nhỏ mắt; + Thuốc sản xuất có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; thuốc đạn; viên nén; viên nén nhai; viên nén bao phim; viên đặt âm đạo.	PIC/S-GMP	553/18	27/02/2018	19/01/2021	National Pharmaceutical Control Bureau - Malaysia		2
56	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	4228-1, Aza Kadota, Ishishi, Karatsu-shi, Saga-ken, Japan	* Sản phẩm Bronuck ophthalmic solution 0,1%	Japan GMP	6093	26/03/2018	26/03/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
57	Synthon Hispania, SL	Pol. Ind. Les Salines. c/ Castelló, 1, 08830 SANT BOI DE LLOBREGAT (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, pellets, viên bao (bao gồm cả thuốc gây nghiện và hướng thần), gói thuốc bột (sachets).	EU GMP	NCF/1738/0 01/CAT	16/11/2017	15/11/2019	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
58	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc uống dạng lỏng không chứa kháng sinh * Thuốc uống dạng lỏng chứa kháng sinh không betalactam.	PIC/S GMP	5056/CPOB/A/XI/17	27/11/2017	14/12/2022	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
59	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc viên nén, viên bao không chứa kháng sinh * Thuốc viên nén, viên bao chứa kháng sinh không betalactam	PIC/S GMP	4782/CPOB/A/IX/16	23/09/2016	22/09/2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
60	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml ((bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam). * Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml ((bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam).	PIC/S GMP	4935/CPOB/A/III/17	31/03/2017	31/03/2022	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
61	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam). * Thuốc sản xuất vô trùng: - Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml ((bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam). - Hỗn dịch tiêm thể tích nhỏ đến 100ml ((bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam).	PIC/S GMP	5137/CPOB/A/II/18	14/03/2018	13/03/2023	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
62	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam). * Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml ((bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam).	PIC/S GMP	4613/CPOB/A/XII/15	18/12/2015	31/12/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
63	PT. Ferron Par Pharmaceuticals	Kawasan Industri Jababeka I, Jl. Jababeka VI Blok J3, Cikarang, Kabupaten Bekasi, Indonesia	* Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm thể tích lớn hơn 100ml ((bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam). * Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm thể tích lớn hơn 100ml (không chứa kháng sinh).	PIC/S GMP	4614/CPOB/A/XII/15	18/12/2015	18/12/2020	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
72	Merck KGaA	Frankfurter Strabe 250, A 18, A 31, A 32, D 2, D3, D 11, D 12, D 15, D39, N 79, N 80, N 90, PH 5, PH 16, PH 23, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, 64293 Darmstadt, Germany (* Cách viết khác: Frankfurter Strasse 250 64293 Darmstadt, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc nhỏ mắt. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon); * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch (dung dịch thể tích nhỏ); thuốc công nghệ sinh học (dung dịch thể tích nhỏ).	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0004	10/01/2018	18/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
74	Merck KGaA (Cơ sở sản xuất)	Frankfurter Strabe 250, A 18, A 31, A 32, D 2, D3, D 11, D 12, D 15, D39, N 79, N 80, N 90, PH 5, PH 16, PH 23, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, 64293 Darmstadt, Germany (* Cách viết khác: Frankfurter Strasse 250 64293 Darmstadt, Germany)	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Concor Cor (Bisoprolol fumarate 2.5mg); + Viên nén bao phim Concor (Bisoprolol fumarate 5mg); + Viên nén bao phim Lodoz 2,5mg/6,25mg (Bisoprolol fumarat 2.5mg, hydrochlorothiazid 6.25mg); + Viên nén bao phim Lodoz 5mg/6,25mg (Bisoprolol fumarat 5mg, hydrochlorothiazid 6.25mg); + Viên nén bao phim Lodoz 10mg/6,25mg (Bisoprolol fumarat 10mg, hydrochlorothiazid 6.25mg).	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0004	10/01/2018	18/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Merck KGaA & Co. Werk Spittal (Cơ sở đóng gói)	Hösslasse 20, 9800 Spittal an der Drau, Austria (* Cách ghi khác: Hoesslgasse 20, 9800 Spittal/Drau, Austria)			INS-480021-0053-001 (3/25)	27/02/2017		Austrian Federal Office for Safety in Health Care (AGES)		
75	Pfizer (Perth) Pty Ltd	15 Brodie Hall Drive Technology Park, Bentley WA 6102, Australia	* Thuốc vô trùng: Dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, gel, mỡ); dung dịch thuốc; thuốc tiêm (bao gồm cả các chất độc tế bào/chất kim tế bào); dung dịch rửa vết thương. * Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế bán rắn (thuốc kem, gel, mỡ).	PIC/S-GMP	MI-2016-LI-11771-1	28/09/2017	24/03/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
76	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH - Betriebsstätte Freiburg, Mooswaldallee 1 79090 Freiburg Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính cao); thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm và pellet (bao gồm cả thuốc chứa dược chất có hoạt tính cao); viên nén và viên bao (bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính cao).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1070	09/10/2017	29/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
77	GlaxoSmithKline Manufacturing S.P.A.	Strada Provinciale Asolana N. 90 (loc. San Polo) - 43056 Torrice (PR), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; Prostaglandins/Cytokines; vắc xin vi khuẩn bất hoạt; DNA protein tái tổ hợp; kháng thể đơn dòng); dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào); thuốc tiêm dạng Liposomal (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào); dung dịch thuốc uống; viên nén (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào). * Thuốc sinh học: Vắc xin vi khuẩn bất hoạt; sản phẩm Protein/DNA tái tổ hợp; kháng thể đơn dòng. * Sản phẩm cụ thể: Bột pha dung dịch truyền tĩnh mạch Hycamtin 4mg (Topotecan (dưới dạng Topotecan HCl) 4mg)	EU-GMP	IT/6-1/H/2018	08/01/2018	29/09/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
78	Baxter Oncology GmbH	Baxter Oncology GmbH Kantstraße 2 33790 Halle/ Westfalen Germany (*Cách ghi khác: Kantstrasse 2 D-33790 Halle, Germany)	* Thuốc vô trùng (chứa hormon, chất độc tế bào, chất ức chế miễn dịch): + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật (chứa protein/DNA tái tổ hợp, hormon được tách từ nước tiểu người).	EU-GMP	DE_NW_02_GMP_2017_1001	23/05/2017	18/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
80	Lomapharm Rudolf Lohmann GmbH KG	Lomapharm Rudolf Lohnmann GmbH KG Langes Feld 5, 31860 Emmerthal, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa ciclosporin). * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác (viên nén bao phim, viên bao, thuốc bột, thuốc cốt); viên nén. * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ động vật (không bao gồm có nguồn gốc từ người hoặc từ não, mô động vật); enzym; corticosteroid. * Thuốc từ dược liệu; * Thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2017_1019	17/10/2017	03/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
81	Vuab Pharma a.s	Vltavska 53, 252 63 Roztoky, Czech	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa hormon). + Sản phẩm Thuốc bột pha dung dịch tiêm Suxamethonium Chlorid VUAB 100mg	EU GMP	sukls251187/2016	01/03/2017	15/12/2019	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	
82	Hetero Drugs Limited	Unit-III, TSII-Formulation SEZ, Sy. No. 458 (Part), Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District - 509301, Telangana, India	* Sản phẩm: + Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền RILAST 100/ Maball 100/Rituximab. + Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền RILAST 500/ Maball 500/Rituximab.	PIC/S GMP	DI-2017-10927-APN-ANMAT#MS	20/10/2017	20/10/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
84	Novartis Consumer Health SA	Route de l'Etraz 2, 1260 Nyon, Switzerland	* Dạng bào chế lỏng: Otrivin Schnupfen 0,1% dosierspray và Otrivin children 0,05% dosierspray , Otrivin Schnupfen 0,1% lösung và 0,05% lösung. * Dạng bào chế bán rắn: Voltaren Emulgel 1%, Voltaren Emulgen 12hours; Lamisil 1% cream	PIC/S-GMP và EU-GMP	17-1822	13/09/2017	07/04/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
86	PHIL INTER PHARMA COMPANY LIMITED	NO. 20, HUU NGHI BOULEVARD, VSIP, THUAN AN, BINH DUONG, VN-590000, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm.	EU-GMP	UK GMP 46387 Insp GMP 46387/1467 3770-0001	20/12/2016	11/10/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
Đợt 57 (theo Công văn số 11568/QLD-CL ngày 21/06/2018 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
1	Merck Sante s.a.s	2 rue du Pressoir Vert, 45400 Semoy, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô. * Thuốc không vô trùng: viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim).	EU-GMP	HPF/FR/126 /2017	17/05/2017	03/02/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
2	Merck Sante s.a.s (Cơ sở sản xuất)	2 rue du Pressoir Vert, 45400 Semoy, France	Sản phẩm: Thuốc viên nén phóng thích kéo dài Glucophage XR (Metformin 500mg)	EU-GMP	HPF/FR/126 /2017	17/05/2017	03/02/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France		2
	PT. Merck Tbk (Cơ sở đóng gói)	JL. TB Simatupang No. 8 Pasar Rebo Jakarta Timur 13760, Indonesia (hoặc JL. TB Simatupang No. 8 Pasar Rebo Jakarta 13760, Indonesia)		PIC/s-GMP	4832/CPOB/A/XII/16	16/12/2016		National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		
4	Madaus GmbH	Madaus GmbH Lütticher Straße 5, 53842 Troisdorf, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc xịt mũi); thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác (thuốc bột, thuốc cốm, pastilles); dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường. * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2017_1028	22/08/2017	28/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
5	Jin Yang Pharm. Co., Ltd.	34 Sinpyeong-ro, Jijeong-myeon, Wonju-si Gangwon-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; sirô khô	PIC/s - GMP	2018-B1-0152	26/04/2018	21/03/2020	Seoul Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
9	LG Chem, Ltd.	129, Seokam-ro, Iksan-si, Jeollabuk-do, Republic of Korea	Thuốc sinh học: dung dịch thuốc tiêm; thuốc đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2017-F1-0034	24/01/2017		Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
10	Famar Orleans	5 Avenue de Concyr, Orleans Cedex 2, 45071, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén sủi bọt.	EU-GMP	HPF/FR/100 /2017	04/04/2017	09/09/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
11	Bayer Weimar GmbH und Co.KG	Bayer Weimar GmbH und Co.KG Döbereinerstraße 20, (hoặc Dobereinerstrasse 20) 99427 Weimar, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nén và viên nén bao phim (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2017_1020	28/08/2017	27/04/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
12	Vitex Pharmaceuticals Pty Ltd	4 Alspec Place, Eastern Creek NSW 2766, Australia	* Thuốc không vô trùng: viên nang mềm tan trong ruột; viên nang cứng; viên nén bao phim; viên nén bao tan trong ruột; viên nén sủi; viên nang tan trong ruột; viên nén; viên nang mềm; viên nhai.	PIC/S-GMP	MI-2017-LI-11693-1	18/10/2017	28/07/2020	Therapeutic Goods Administration, Australia	1	
13	BIOCODEX (*Cách ghi khác: BIOCDEX - BEAUVAIS)	1 avenue Blaise Pascal, BEAUVAIS, 60000, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả thuốc nhỏ tai); thuốc cốm, thuốc bột; dạng bào chế bán rắn, thuốc bột sủi bọt. * Thuốc sinh học: thuốc chứa men Saccharomyces boulardii.	EU-GMP	HPF/FR/030/2018	26/01/2018	20/03/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
15	Medochemie (Far East) Ltd., (Aseptic Cephalosporin Facility)	No 10, 12 and 16, VSIP II-A, Street 27, Vietnam-Singapore Industrial Park II-A, Vinh Tan commune, Tan Uyen town, Binh Duong province, Vietnam	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha dung dịch tiêm chứa kháng sinh Cephalosporin.	EU-GMP	MED10/2017/001	14/06/2017	15/03/2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus		2
16	Natur Produkt Pharma Sp. Z o.o.	30, Podstoczysko Street, 07-300 Ostrów Mazowiecka, Poland	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột sủi; bột pha dung dịch uống; viên nén; viên nén sủi. * Thuốc từ dược liệu: Viên nang cứng.	EU-GMP	IWZJ.405.17.2018.MG.1	21/02/2018	30/11/2020	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
18	Lilly France	Zone Industrielle, 2 rue du Colonel Lilly, Fegersheim, 67640, France	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng chứa hóc môn: dung dịch thể tích nhỏ, thuốc đông khô. * Thuốc sinh học: - Sản phẩm công nghệ sinh học	EU GMP	2018/HPF/FR/097	02/04/2018	23/02/2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
19	Lilly S.A.	Avda de la Industria, 30, Alcobendas, 28108 Madrid , Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nén;	EU GMP	ES/052HVI/18	25/04/2018	12/03/2021	Spanish Agency of Drugs and Health Products (AEMPS)	1	
20	Novartis Singapore Pharmaceutical Manufacturing Pte. Ltd. (Cơ sở sản xuất)	10 Tuas Bay Lane, 637461 Singapore, Singapore	sản phẩm: thuốc viên nén Uperio 50mg (Sacubitril/ valsartan 24mg/26mg), Uperio 100mg (Sacubitril/ valsartan 49mg/51mg); Uperio 200mg (Sacubitril/ valsartan 97mg/103 mg)	EU GMP	DE_BY_05_GMP_2017_1005	03/01/2017	16/12/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
	Novartis Farma SpA (Cơ sở đóng gói)	Via Provinciale Schito 131, 80058 Torre Annunziata (NA), Italy		EU GMP	IT/126-3/H/2017	27/06/2017		Italian Medicines Agency (AIFA)		
21	FAREVA AMBOISE	Zone Industrielle, 29 route des Industries, POCE SUR CISSE, 37530, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén (chứa chất có hoạt tính hormon); viên nén bao phim, thuốc bột pha hồ dịch uống, thuốc dán qua da (dị ứng nguyên)(bao gồm cả thuốc có nguồn gốc sinh học).	EU-GMP	2018/HPF/FR/074	15/03/2018	24/02/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
22	Laboratories Sterop NV	Scheutlaan 46-50, Brussel, 1070, Belgium	*Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (có chứa hoạt chất hormon) - Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (có chứa hoạt chất kim tế bào cytostatic).	EU-GMP	BE/GMP/2016/066	20/01/2017	15/09/2019	Federal Agency for Medicines and Health Products of Belgium	1	
23	Swiss Caps AG	Husenstrasse 35, 9533 Kirchberg, Switzerland	Dạng bào chế bán rắn chứa hormon, ester của acid béo, dẫn chất của Vitamin D và Retinoic	PIC/S-GMP và EU-GMP	18-0671	19/03/2018	16/03/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
24	Laboratoires Galderma - Alby Sur Cheran	ZI Montdésir, Alby Sur Cheran, 74540, France	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn.	EU-GMP	2018/HPF/R/017	01/03/2018	04/03/2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	1	
25	Wyeth Lederle S.R.L.	Via Franco Gorgone Z.I. - 95100 Catania (CT), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô chứa kháng sinh nhóm Penicillin, dung dịch thể tích nhỏ chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào.	EU GMP	IT/11-1/H/2018	11/01/2018	20/04/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
26	Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd	174, Sirok-ro, Asan-si, Chungcheongnam-do, Korea	Thuốc chứa Cephalosporin: Viên nén; viên nang; siro thuốc; thuốc bột pha tiêm.	PIC/S-GMP	2017-G1-1339	06/01/2017	23/05/2020	Daejeon Regional Food & Drug Administration		2
27	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	647-240, Ureshinotengeji-cho, Matsusaka-shi, Mie, Japan	* Thuốc tiêm Methycobal injection 500µg	Japan GMP	2777	26/09/2016	19/02/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
28	Kern Pharma, SL	Polígón Industrial Colón II. Venus, 72, 08228 Terrassa (Barcelona) - Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn, thuốc đông khô (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon) + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn, thuốc đạn	EU-GMP	NCF/1807/04/CAT	28/02/2018	27/11/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia - Spain	1	
29	Hetero Labs Limited	Unit III Formulation Plot No 22 - 110 IDA, Jeedimetla, Hyderabad, 500 055 Telangana, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén.	EU-GMP	ES/065HV/17	22/06/2017	03/03/2020	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
30	Sun Pharmaceuticals Industries Limited	Village Ganguwala, Paonta Sahib, District Sirmour, Himachal Pradesh 173025, India	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nang mềm, viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	NL/H 17/2001788	06/03/2018	12/10/2020	Health and Youth Care Inspector - Pharmaceutical Affairs Netherlands		2
31	Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH (Cơ sở sản xuất dung môi)	Herderstraße 1,2 und Molkerei-Bauer-Straße 18, 83512 Wasserburg, Germany	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm và ống dung môi Zomacton (Somatropin 4mg).	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2016_0107	12/09/2016	21/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Ferring GmbH (Cơ sở sản xuất lọ thuốc bột)	Wittland 11, 24109, Kiel, Germany		EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2016_0058	22/12/2016		Cơ quan thẩm quyền Đức		
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói cấp 2)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		EU-GMP	17-0474	06/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
34	F. Hoffmann La Roche AG (* Cách ghi khác: <i>F. Hoffmann La Roche Ltd</i>)	Betriebsstandort Kaiseraugst (Parenterals), 4303 Kaiseraugst, Switzerland (* Cách ghi khác: <i>Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland</i>)	* Thuốc vô trùng (bao gồm thuốc sản xuất vô trùng, thuốc tiết trùng cuối): dung dịch tiêm; dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền và bơm tiêm đóng sẵn. * Chế phẩm sinh học: sản phẩm tái tổ hợp; kháng thể lai và đơn dòng.	PIC/S-GMP và EU-GMP	No. 17-2009	30/01/2018	06/11/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
35	Leopard Medical brand Co., Ltd	19/5 Petchkasem road, Thaphaya, Nakorn Chaisri, Nakorn Pha Thom, 73120, Thailand	* Thuốc dùng ngoài dạng lỏng * Thuốc uống dạng lỏng * Thuốc bán rắn	PIC/S GMP	1-2-07-17-18-00038	12/09/2017	11/09/2020	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2
36	Pacific Pharmaceuticals Limited	30th km Multan road Lahore PK-54500, Pakistan	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén, thuốc dạng bào chế bán rắn	EU GMP	UK GMP 34193 Insp GMP 34193/6558 58-0001	01/06/2017	31/05/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
37	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd	128 Shin Min Road, Chia Yi, Taiwan	* Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm; hỗn dịch tiêm * Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc; thuốc kem; thuốc mỡ; viên nén; viên nén bao phim; viên nang	PIC/S GMP	4257	28/03/2018	17/05/2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
38	Niche Generics Limited	Unit 5, 151 Baldoyle Industrial Estate, Dublin 13, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén	EU GMP	15604/M10 12	06/09/2017	13/04/2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
40	Kern Pharma, SL	Polígono Industrial Colón II. Venus, 72, 08228 Terrassa (Barcelona) - Spain (Cách ghi khác: Venus, 72- Poligono Industrial Colon II, 08228 Terrassa (Barcelona) - Spain)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon) + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả sản phẩm chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn, thuốc đặt.	EU-GMP	NCF/1807/0 04/CAT	28/02/2018	27/11/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia - Spain	1	
42	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited	Survey No. 199 to 201, 208 to 210, Village - Vasana - Chacharwadi, Tal: Sanand, District - Ahmedabad, 382213, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	PIC/S GMP	M007/18	06/03/2018	10/11/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
43	Delpharm Reims	10 rue Colonel Charbonneaux, Reims, 51100, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; viên nén; viên nén bao đường.	EU-GMP	HPF/FR/298 /2017	04/12/2017	05/02/2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
45	Korea United Pharm Int'l JSC.	No. 2A, Tu Do Boulevard, Vietnam-Singapore Industrial Park, Thuan An Town, Binh Duong Province, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên bao phim, viên bao đường	PIC/S GMP	2017-G1-0809	03/04/2017	03/04/2020	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety		2
Đợt 58 (theo Công văn số 13697/QLD-CL ngày 17/07/2018 của Cục Quản lý Dược)										
1	Beaufour Ipsen Industrie	rue Ethé Virton, Dreux, 28100, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc bột pha dung dịch uống; viên nén, viên bao. * Thuốc được liệu	EU GMP	2018/HPF/F R/121	26/04/2018	22/12/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
7	Hetero Labs Limited	Unit-VI, TSIC, Formulation SEZ, Sy No. 410 & 411, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar-District, Telangana, Pin-509301, India	* Thuốc vô trùng chứa chất độc tế bào/kìm tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng chứa chất độc tế bào/kìm tế bào: Viên nén.	EU GMP	17/03742-22	08/01/2018	24/08/2020	Norwegian Medicines Agency (NOMA)		2
8	Zambon Switzerland Ltd	Via Industria 13, 6814 Cadempino, Switzerland	* Thuốc vô trùng (trừ kháng sinh nhóm Penicillin): + Thuốc sản xuất vô trùng : Thuốc bột pha tiêm; * Thuốc không vô trùng: Viên nén; thuốc bột, thuốc cốm.	PIC/S-GMP và EU-GMP	17-1469	20/07/2017	15/12/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
9	Boehringer Ingelheim do Brasil Quimica e Farmaceutica Ltda.	Rod. Regis Bittencourt (BR 116), km 286, 06888-700 Itapeverica da Serra - Sao Paulo, SP, Brazil (* Cách ghi khác: Rodovia Régis Bittencourt, km 286, Itapeverica da Serra, SAO PAULO, CEP 06888-700, Brazil)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc xịt mũi. * Sản phẩm cụ thể: + Dung dịch khí dung: Berodual solution; + Dexta Rhinospray.	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2017_1018	27/10/2017	20/07/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
12	PharmaEstica Manufacturing (PharmaEstica Manufacturing OÜ)	Vanapere 3, Pringi, Viimsi, 74011 Harju county, Estonia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén sủi bọt.	EU GMP	IN-2-14/17/4-7 (H,IMP-Mf)	28/08/2017	28/02/2020	State Agency of Medicines (SAM), Estonia	1	
13	Drogsan İlaçları San. ve Tic. A.Ş.	Esenboğa Merkez Mah. Çubuk Cad. No:31, Çubuk - ANKARA/TURKEY	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén (viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột); thuốc dùng ngoài dạng lỏng (lotion, thuốc xịt miệng, nước súc miệng, thuốc xịt mũi, thuốc nhỏ mũi); thuốc uống dạng lỏng (sirô, hỗn dịch, dung dịch); thuốc bột, thuốc cốm, thuốc cốm sủi bọt, thuốc gói.	PIC/S GMP	TR/GMP/2018/91	14/05/2018	16/03/2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2
16	Rottendorf Pharma GmbH	Ostenfelder Straße 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany (Cơ sở sản xuất)	* Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng; Viên nang mềm; - Viên nén, viên nén sủi bọt, viên nén bao, viên nén chứa hoạt chất có độc tính cao như Tamoxifen, Flutamid, Clomifen và các hoạt chất tương tự. - Thuốc rắn phần liều khác: Thuốc bột, thuốc cốm, hạt pellets. - Sản phẩm sinh học chứa Pancreatin, hoặc các dị ứng nguyên dùng trong trị liệu.	EU GMP	DE_NW_05_GMP_2017_0003	16/01/2017	24/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Münster)	1	
		Am Fleigendahl 3, Ennigerloh, 59320, Germany (Cơ sở đóng gói)		EU GMP	DE_NW_06_GMP_2017_0002	10/01/2017				
18	Béres Pharmaceuticals Private Limited Company (Béres Pharmaceuticals Ltd.)	Nagysándor József u. 39., Szolnok, 5005, Hungary	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén. * Thuốc được liệu.	EU-GMP	OGYÉI/47604-7/2017	24/10/2017	24/08/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	1	
21	West-Ward Columbus Inc.	1809 Wilson road, Columbus, OH 43228, (hoặc: Ohio 43228), United States of America	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Tradjenta (Linagliptin 5mg); Tên tại Việt Nam: Trajenta.	U.S. cGMP	WW84-5AMC	17/05/2018	16/05/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
22	BSP Pharmaceuticals S.p.a (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Via Appia Km 65,561 (loc. Latina Scalo)-04013 Latina (LT), Italy	Sản phẩm (Tên lưu hành tại Việt Nam): Thuốc bột pha tiêm tĩnh mạch Velcade (Bortezomib 1mg).	EU-GMP	IT/69-31/H/2017	07/04/2017	13/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Janssen Pharmaceutica NV (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340, (hoặc B-2340 Beerse) Belgium		EU GMP	BE/GMP/2017/124	20/03/2018		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
24	Cadila Pharmaceuticals Limited	Plot No. 1389, Trasad Road, Dholka, Ahmedabad, IN 382225, India	Thuốc không vô trùng (không bao gồm Rifampicin, beta lactam, insulin): viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim	EU GMP	UK GMP 20872 Insp GMP 20872/14013-0007	11/05/2017	22/03/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
25	ExtractumPharma Zrt./ExtractumPharma Co. Ltd	IV. Kőrszet 6., Kunfehértó, 6413, Hungary	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột và thuốc cốm; viên nén; viên nén bao phim. *Thuốc dược liệu	EU-GMP	OGYÉI/72161-10/2017	03/04/2018	15/02/2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition, Hungary	1	
27	Cenexi - Osny	17 rue de Pontoise, OSNY, 95520, France	* Thuốc không vô trùng chứa hormon: viên nang cứng; viên nén, viên bao đường, viên bao phim * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; chế phẩm tách chiết từ người, động vật.	EU-GMP	2018/HPF/FR/093	12/04/2018	27/10/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
28	Genzyme Ireland Limited	IDA Industrial Park, Old Kilmeaden Road, Waterford, Ireland	*Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô; * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, thuốc bột pha hỗn dịch uống, viên nén bao phim; * Thuốc công nghệ sinh học: thuốc vô trùng chứa hoạt chất sinh học.	EU GMP	16649/M1013	25/07/2017	02/06/2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
29	Laboratoires Grimberg SA	ZA des Boutries rue Vermont, Conflans Sainte Honorine Cedex, 78704 France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột; viên nén.	EU GMP	HPF/FR/221/2017	31/08/2017	03/10/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
31	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Binger Str. 173, 55216 Ingelheim am Rhein, Germany (* Cách ghi khác: Binger Strasse/Straße 173, 55216 Ingelheim am Rhein Germany)	* Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc phun mù (bao gồm dung dịch khí dung) * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; dung dịch để hít; thuốc phun mù (bao gồm dung dịch khí dung); viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào), thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2018_0007	27/02/2018	20/10/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
32	Baxalta Belgium Manufacturing SA	Boulevard René Branquart 80, Lessines, 7860 hoặc (B-7860), Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm máu; + Sản phẩm miễn dịch.	EU-GMP	BE/GMP/2017/118	29/01/2018	15/09/2020	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium	1	
33	Daiichi Sankyo Propharma Co., Ltd., Hiratsuka Plant	1-12-1, Shinomiya, Hiratsuka, Kanagawa, Japan	Sản phẩm: Viên nén Japrox (Loxoprofen sodium hydrate, 60mg Loxoprofen sodium)	Japan-GMP	3467	06/10/2017	26/05/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare government of Japan	1	
34	F. Hoffmann-La Roche Ltd	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland	Sản phẩm: Dung dịch tiêm dưới da Mabthera (Rituximab 1400mg/11,7ml).	EU-GMP	02/18/118411	15/03/2018	10/11/2020	European Medicines Agency	1	
39	Laboratoire Unither	Espace Industriel Nord, 151 rue André Durouchez CS 28028, AMIENS, 80084 CEDEX 2, (hoặc (CS 28028 80084 AMIENS CEDEX 2,) France.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả dung dịch khí dung). * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng. * Sản phẩm Combivent (Ipratropium bromide anhydrous 0,5mg (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate), Salbutamol 2,5mg (dưới dạng salbutamol sulfate)).	EU-GMP	HPF/FR/284/2017	20/11/2017	07/07/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
42	Ferring - Leciva a.s.	K Rybníku 475, 252 42 Jesenice u Prahy, Czech	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng. * Hỗn dịch thực trực tràng Pentasa 1g (mỗi 100ml hỗn dịch chứa mesalazine 1g)	EU-GMP	sukls243350/2016	29/11/2016	27/10/2019	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	
43	Drogsan İlaclari San. VE. Tic A.S	Esenboga Merkez Mah. Cubuk Cad. No: 31, Cubuk Ankara, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén (viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột); Thuốc dạng lỏng dùng ngoài (lotion, thuốc xịt miệng, thuốc súc miệng, thuốc xịt mũi, thuốc nhỏ mũi, thuốc xông hít dạng lỏng); thuốc uống dạng lỏng (siro, hỗn dịch, dung dịch uống);	PIC/S GMP	TR/GMP/2018/87	27/04/2018	14/03/2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2
46	CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd. (CHINOIN Private Co. Ltd.), Site 2	Lévai utca 5, Veresegyház, 2112, Hungary	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén.	EU-GMP	OGYÉI/17757-2/2018	18/04/2018	09/02/2021	National Institute for Quality and Organization Development in Healthcare and Medicines, Hungary	1	
47	Catalent CTS, LLC (Cơ sở sản xuất)	10245 Hickman Mills Dr, Kansas City, MO 64137, USA	* Thuốc viên nang cứng Imbruvica (ibrutinib 140mg)	U.S. cGMP	42AQ-RXXH	17/04/2018	16/04/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	AndersonBrecon Inc., (Cơ sở đóng gói)	4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, USA								
48	Oncotec Pharma Produktion GmbH (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Roßlau, Germany	* Sản phẩm: bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền tĩnh mạch Ribomustin (Bendamustin 22.7mg, 90.8mg).	EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0007	15/02/2017	10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Janssen Pharmaceutica NV (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340, Belgium		EU GMP	BE/GMP/2017/124	20/03/2018	13/1	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
50	BioLab Co., Ltd	625 Soi 7A Bangpoo Industrial Estate, Sukhumvit road, Moo 4, Prakasa, Muang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin, Carbapenem). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon sinh dục); thuốc bột (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin). * Sản phẩm: Punol Inhalation solution (solution for inhalation).	PIC/S GMP	1-2-07-17-18-00029	05/02/2018	04/02/2021	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2
52	Holopack Verpackungstechnik GmbH	Holopack Verpackungstechnik, Bahnhofstrabe, gemäb den vorliegenden Grundrissplänen vom 17.07.2013, 74429, Sulzbach-Laufen, Germany	* Thuốc vô trùng chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, prostaglandin/cytokine, chất ức chế miễn dịch, sulphonamide: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, prostaglandin/cytokine, chất ức chế miễn dịch, sulphonamide: - Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn. * Thuốc sinh học: Albumin; thuốc công nghệ sinh học (bao gồm cả protein/DNA tái tổ hợp, enzyme). * Thuốc dược liệu. * Thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2016_0141	06/12/2016	20/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
53	Fresenius Kabi Austria GmbH	Hafnerstraße (hoặc: Hafnerstrasse) 36, 8055 (hoặc A-8055 hoặc AT-8055) Graz, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; dạng bào chế bán rắn; dung dịch tiêm tĩnh mạch (chứa hormon, chất kim tế bào, kháng sinh). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch và nhũ tương thể tích lớn; dung dịch và nhũ tương thể tích nhỏ; dạng bào chế bán rắn; nhũ tương tiêm tĩnh mạch (chứa hormon, chất kim tế bào, kháng sinh). * Thuốc sinh học: Sản phẩm máu; Thuốc miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	INS-480166-0080-001 (4/5)	27/04/2017	31/03/2020	Austrian Federal Office for Safety in Health Care (BASG)	1	
Đợt 59 (theo Công văn số 17220/QLD-CL ngày 06/09/2018 của Cục Quản lý Dược)										
1	TTY Biopharm Company Limited Chung Li Factory	838, Chung Hwa Rd., Sec. 1, Chungli Dist., Taoyuan City, 32069, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ, thuốc kem);	PIC/S-GMP	4374	21/05/2018	30/09/2019	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2
3	Bipso GmbH (Cơ sở sản xuất)	Robert-Gerwig-Strasse 4, 78224 Singen, Germany	* Sản phẩm: Venofer 20mg/ml solution for injection	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1098	20/12/2017	10/11/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
	Vifor (International) Inc (Cơ sở xuất xưởng)	Rechenstrasse 37, 9014 St. Gallen, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	No.17-0275	13/02/2017				
5	Ranbaxy (Malaysia) Sdn. Bhd.	Lot 23, Bakar Arang Industrial Estate, 08000 Sungai Petani, Kedah, Malaysia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc bột; thuốc cốm.	PIC/S-GMP	KKM/NPRA. PKP/600-2/5	09/04/2018	10/08/2020	Malaysia National Pharmaceutical Control Bureau		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
8	Gland Pharma Limited	Survey No 143-148, 150 & 151, Near Gandimaisamma cross roads, D P Pally, Quthubullapur Mandal, Ranga Reddy District, Hyderabad, IN-500 043, India (Cách ghi mới: Sy. No. 143-148, 150 & 151, Near Gandimaisamma Cross Roads, D.P.Pally, Dundigal Post, Dundigal-Gandimaisamma Mandal, Medchal-Malkajgiri District, Hyderabad-500043, Telangana, India)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU - GMP	UK GMP 39716 Insp GMP 39716/3187 772-0005	19/06/2017	09/01/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
10	S.M.B. Technology SA	Zoning Industriel - Rue du Parc industriel 39, Marchen-Famenne, 6900, Belgium	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc đạn; viên nén.	EU-GMP	BE/GMP/2018/036	22/05/2018	30/03/2021	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
11	Atabay Kimya San. ve Tic. A.S.	Dilovasi Organize Sanayi Bölgesi, 4. Kısım Sakarya Caddesi No:28, Gebze / Kocaeli, Turkey	* Thuốc uống chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nén, viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống; viên nang.	PIC/S GMP	TR/GMP/2018/109	31/05/2018	02/2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2
13	JW Shinyak Corporation	88-24 Sandan-ro, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang; thuốc bột; sirô khô. * Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; lotion, thuốc nhỏ tai; thuốc nhỏ mũi; hỗn dịch xịt mũi. * Thuốc mỡ; thuốc kem; thuốc gel.	PIC/S-GMP	2018-D1-1161	23/05/2018	18/05/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
14	Faes Farma, S.A	C/Máximo Aguirre, 14, Lejona-Leioa, 48940 Vizcaya, Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); viên nén bao đường; viên nén bao phim; thuốc cổm; viên nén (bao gồm cả chứa hormon và chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	ES/064HVI/18	31/05/2018	15/03/2021	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
17	"Liqvor" CJSC	Yerevan 0089, Kochinyan Str., number 7/9, Republic of Armenia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (dung dịch tiêm Neurotop FL - Ethylmethylhydroxypyridine succinate);	PIC/S GMP	091/2016/S AUMP/GMP	10/01/2017	02/12/2019	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
19	Korea United Pharm. Inc.	25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Etopul 150mg (Erlotinib 150mg)	PIC/S - GMP	2018-G1-1658	29/08/2018	07/06/2021	Deajeon Regional Commissioner Food and Drug Administration, MFDS, Korea		2
21	URSAPHARM Arzneimittel GmbH	Industriestraße 35, 66129 Saarbrücken, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ, thuốc bán rắn; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch nhỏ mắt, dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; các dạng thuốc bán rắn; viên nén; cốm. * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_SL_01_GMP_2018_0009	04/04/2018	15/03/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
23	AstraZeneca UK Limited	Silk Road Business Park, Macclesfield, SK 10 2NA, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất LHRH Agonist). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất antieostrogen).	EU-GMP	UK MIA 17901 Insp GMP/GDP/IMP 17901/10117- 0036	19/12/2017	01/11/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
24	Alcon Research Ltd.	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134, United States of America	* Sản phẩm: Natacyn 5% (Natamycin ophtalmic suspension)	U.S. cGMP	6EFX-7D8A	13/03/2018	12/03/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
25	Orion Corporation/Orion Oyj/Orion Pharma	Orionintie 1, 02200 Espoo, Finland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô pha tiêm, tiêm truyền; dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền; dung dịch dùng trong bàng quang; dung dịch dùng trong niêm mạc miệng. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch đậm đặc thể tích nhỏ để pha tiêm, tiêm truyền * Thuốc không vô trùng: thuốc uống nhỏ giọt dạng lỏng, viên nén (bao gồm cả viên nén chứa sulphonamide), viên nén bao phim, thuốc bột hít.	EU-GMP	2258/06.08.00.04/2018	27/03/2018	31/03/2020	Finnish Medicines Agency (FIMEA)	1	
26	Thymoorgan Pharmazie GmbH (Cơ sở sản xuất)	Schiffgraben 23, 38690 Goslar, Germany (* Cách ghi cũ: Schiffgraben 23, 38690 Vienenburg, Germany)	* Sản phẩm: + Thuốc bột đông khô pha tiêm Vammybivid's (Vancomycin 1g). + Thuốc bột đông khô pha tiêm Vammybivid's (Vancomycin 500mg).	EU-GMP	DE_NI_01_GMP_2017_1002	19/06/2017	15/03/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Sanavita Pharmaceuticals GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Brüder-Grimm-Strabe 121 36396 Steinau an der Strabe, Germany			DE_HE_01_GMP_2017_1054	28/01/2018				
27	Laboratorios Francisco Durban, S.A	Poligono Industrial La Redonda, C/IX, no 2, El Ejido, 04710 (Almeria), Spain	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	ES/087HV/18	17/07/2018	05/10/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
28	GP Pharm, SA	Pol. Ind. Els Vinyets - Els Fogars, 2, Ctra. C-244, Km. 22; 08777 Sant Quinti de Mediona (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc đông khô pha dung dịch tiêm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc tiêm không có được chất (dung môi hoàn nguyên và liposomas) được đóng trong lọ, ống tiêm, bơm tiêm đóng sẵn. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc tiêm không có được chất (dung môi hoàn nguyên và liposomas) được đóng trong lọ, ống tiêm, bơm tiêm đóng sẵn.	EU-GMP	NCF/1823/01/CAT	11/05/2018	06/03/2021	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
29	UAB Aconitum	Inovaciju g.4, Biruliskiu k., Kauno r.sav., Lithuania	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén; * Thuốc được liệu, * Thuốc vi lượng đồng căn.	EU GMP	LT/11H/2017	08/12/2017	29/09/2020	State Medicines Control Agency (SMCA), Lithuania	1	
30	Sanofi Winthrop Industrie - Tours (* cách ghi khác: Sanofi Winthrop Industrie)	30-36 avenue Gustave Eiffel, Tours, 37100, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	2018/HPF/FR/072	30/03/2018	12/06/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
31	Laboratoires Merck Sharp&Dohme-Chibret	Route de Marsat, Riom, Clermont-Ferrand Cedex 9, 63963, France	* Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học, sản phẩm miễn dịch; * Sản phẩm: Bột pha dung dịch đậm đặc tiêm truyền Candidas (caspofungin 50mg, 70mg)	EU-GMP	2018/HPF/FR/021	17/01/2018	24/04/2020	European Medicines Agency	1	
33	Eisai Co., Ltd. Kawashima Plant	1, Kawashimatakehayamachi, Kakamigahara-shi, Gifu-ken, Japan	* Sản phẩm: Viên nén Merislon Tablets 12mg	Japan-GMP	6096	28/02/2018	28/02/2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
35	Pierre Fabre Medicament Production (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Site Progipharma, rue du Lycée, GIEN, 45500, France	* Sản phẩm: Viên nén Tanganil (SDK: VD-26608-17)	EU-GMP	HPF/FR/300/2017	07/12/2017	15/09/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
	Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam (Cơ sở đóng gói)	Lô 1, đường 4A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		WHO-GMP	398/GCN-QLD	22/06/2018		Cục Quản lý dược Việt Nam		
37	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Khu vực 8, phường Nhơn Phú, Tp. Qui Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn (100ml và lớn hơn, không bao gồm thuốc phóng xạ, sinh học, kháng sinh betalactam, chất có hoạt tính học môn, steroid và độc tế bào).	PIC/S GMP	MCOM1700002	06/11/2017	07/05/2020	Health Sciences Authority (HSA), Singapore		2
38	Bruschettini S.R.L	Via Isonzo 6-16147 Genova (GE), Italy	* Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa corticosteroid, prostaglandins/cytokines). * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả chế phẩm miễn dịch); Thuốc bán rắn chứa học môn hoặc chất có hoạt tính học môn (bao gồm cả corticosteroid); thuốc đặt; viên nén (bao gồm cả chế phẩm miễn dịch). * Chế phẩm sinh học: Vắc xin vi khuẩn bất hoạt (inactivated bacterial vaccine).	EU GMP	IT/186-1/H/2017	27/09/2017	21/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
39	Pharmacia & Upjohn Company LLC	7000 Portage road, Kalamazoo, MI 49001, USA	* Thuốc bột pha dung dịch tiêm Solu-Medrol (methylprednisolone sodium succinate 40mg)	CPP U.S. cGMP	6YJ2-DBZ9	15/05/2018	14/05/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
40	Pharmacia & Upjohn Company LLC	7000 Portage road, Kalamazoo, MI 49001, USA	* Thuốc bột pha dung dịch tiêm Solu-Medrol (methylprednisolone sodium succinate 125mg)	CPP U.S. cGMP	NC9F-95WW	15/05/2018	14/05/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
41	Shin Poong Pharmaceutical Co., Ltd	7 Wonsi-ro, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: viên nén; viên nang cứng; thuốc cốm. * Thuốc tiêm: thuốc tiêm đóng sẵn syringe; thuốc bột pha tiêm; thuốc bột đông khô pha tiêm.	PIC/S-GMP	2018-D1-1452	20/06/2018	27/04/2020	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
42	Laboratorio Farmaceutico C.T S.R.L.	Via Dante Alighieri, 71-18038 Sanremo (IM), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc bột và bột đông khô chứa kháng sinh nhóm Penicillin và nhóm Cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng.	EU GMP	IT/111-1/H/2018	23/04/2018	22/09/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
44	Phebra Pty Ltd	19 Orion Road, Lane Cove NSW 2066, Australia	* Sản phẩm: Cafnea Injection (Caffeine citrate injection 40 mg/2mL IV injection glass vial).	PIC/S GMP	MI-2018-LI-03655-1	27/03/2018	01/03/2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
				PIC/S GMP	18/0213	01/03/2018				
46	B.Braun Medical AG	Route de Sorge 9, 1023 Crissier, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thuốc tiêm truyền; dung dịch thay thế huyết thanh; dung dịch tiêm truyền dinh dưỡng; dung dịch rửa vết thương.	PIC/S-GMP, EU-GMP	No. 17-1980	13/10/2017	25/08/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
49	ILDONG Pharmaceutical Co., Ltd.	25, Gongdan 1-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: thuốc cốm; viên nén; viên nang cứng; viên ngậm; siro khô. * Thuốc vô trùng: thuốc tiêm. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; siro khô; thuốc tiêm. * Thuốc độc tế bào chống ung thư: Viên nén; viên nang cứng; thuốc tiêm.	PIC/S GMP	2018-D1-1623	10/07/2018	25/04/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
50	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Kishapura, Baddi-Nalgarh Road, Solan District, Himachal Pradesh, IN 173205, India (* Cách ghi khác: <i>Unit III, Village Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Tehsil Baddi, Distt, Solan (H.P.) 173 205, India</i>)	* Thuốc không vô trùng: thuốc bán rắn; thuốc uống dạng lỏng; thuốc hít phân liều.	EU-GMP	UK GMP 33881 Insp GMP 33881/3829 61-0010	08/01/2018	11/10/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
51	Aculife Healthcare Private Limited	Village - Sachana, Taluka - Viramgam, District - Ahmedabad - 382 150, India (Unit-5, Block Biotech (line 531) và Block LVP (line FL-521, line FL-522))	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Sản phẩm cụ thể: + Dung dịch tiêm Heparin 5000 IU/ml, ống 5 ml (Heparin Sodium); + Nhũ tương để tiêm truyền Quifol 10 mg/ml, ống 20 ml (Propofol); + Dung dịch tiêm truyền Nirliv 5 mg/ml, chai 100 ml (Levofloxacin hemihydrate tương đương Levofloxacin 500 mg).	PIC/S GMP	060/2017/GMP	17/10/2017	25/08/2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
52	Ginsana SA	Via Mulini, 6934 Bioggio, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm, siro thuốc.	PIC/S-GMP và EU-GMP	18-0521	05/03/2018	12/10/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
55	Laboratoires Pharmaceutiques Trenker SA	Avenue Thomas Edison 32, Thines, 1402, Belgium	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén.	EU GMP	BE/GMP/2017/137	03/04/2018	30/11/2020	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
56	Glaxo Operations UK Ltd Trading as Glaxo Wellcome Operations	Harmire Road, Barnard Castle, DL12 8DT, United Kingdom. (* Cách ghi khác: <i>Harmire Road, Barnard Castle, County Durham, DL12 8DT, United Kingdom</i>)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào). * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn. Thuốc chứa Cephalosporin: viên nén, viên nén bao phim; cốm pha hỗn dịch uống. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật; thuốc chứa steroid, chống khuẩn, chống nấm.	EU-GMP	UK MIA 4 Insp GMP/IMP 4/3848-0035	18/12/2017	07/11/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
57	Aspen Pharma Pty Ltd.	286-302 Frankston-Dandenong Road, Dandenong South VIC 3175, Australia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; thuốc cốm; thuốc bột; thuốc kem; thuốc phun mù; thuốc súc miệng; dung dịch dùng ngoài; thuốc mỡ, bột nhão.	PIC/S	MI-2017-LI-03557-1	29/01/2018	22/09/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
58	Swiss Pharmaceutical Co., Ltd (Xinshi plant)	No. 182, Zhongshan Rd., Xinshi Dist., Tainan City 744, Taiwan, R.O.C	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm dung dịch (sản xuất vô trùng và tiệt trùng cuối), thuốc nhỏ mắt, nhỏ tai và nhỏ mũi (sản xuất vô trùng). * Thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc; thuốc mỡ, thuốc kem; viên nén bao đường, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột, viên ngậm, thuốc cốm, thuốc bột và viên nang. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: + Thuốc bột, thuốc cốm, viên nang, + Thuốc bột pha tiêm.	PIC/S GMP	0424039(AP)	06/03/2018	10/02/2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
59	Suheung Co., Ltd.	61 Osongsaengmyeong-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang mềm.	PIC/S GMP	2017-G1-1617	17/07/2017	18/06/2020	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2

Đợt 60 (theo Công văn số 19626/QLD-CL ngày 16/10/2018 của Cục Quản lý Dược)

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
1	Remedica Ltd	Aharnon street, Limassol industrial estate, Limassol, Cyprus, 3056, Cyprus (Building 1-main, Building 2-penicillines, Building 4-cephalosporins, Building 5-horm.& cort., Building 10-anti-neoplastic, Immunomodulating)	* Building 1: Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha dung dịch uống; thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn; thuốc đặt; viên nén; viên nén bao phim; * Building 2: Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillins: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc bột pha dung dịch uống. * Building 4: Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nang cứng; viên nén; thuốc bột pha dung dịch uống. * Building 5: Thuốc không vô trùng chứa thuốc chống ung thư/hormon: viên nang cứng; viên nén. * Building 10: Thuốc không vô trùng chứa thuốc chống ung thư: viên nang cứng; viên nén; viên bao phim. * Viên nén bao phim: Kapetral (Capecitabine 150mg, 500mg). Tên tại Việt Nam: Xalvobin.	EU-GMP	REM00/2018/001	01/02/2018	15/11/2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	1	
2	Rentschler Biopharma SE (Tên cũ: Rentschler Biotechnologie GmbH) (Cơ sở sản xuất)	Erwin-Rentschler -Str .21, D-88471 (hoặc 88471) Laupheim, Germany	* Sản phẩm: Bột đông khô pha dung dịch tiêm Firmagon (Degarelix dưới dạng Degarelix acetate) 120mg và 80mg;	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0003	31/01/2018	21/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	
	Ferring GmbH (Cơ sở sản xuất lọ dung môi)	Wittland 11, 24109 Kiel, Germany		EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2016_0058	22/12/2016		Cơ quan thẩm quyền Đức		
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		EU-GMP	17-0474	06/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
3	Pfizer Italia S.R.L	Località Marino Del Tronto - 63100 Ascoli Piceno (AP), Italia	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (chất độc tế bào); + Viên nén và viên nén bao đường (hormon corticosteroid, hormon sinh dục).	EU-GMP	IT/138-2/H/2018	06/06/2018	09/02/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
5	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG	Vetter Pharma-Fertigung Schützenstr. 87 und 99-101, 88212 Ravensburg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: sản phẩm có nguồn gốc từ huyết tương (plasma); thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0067	23/05/2018	17/05/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
6	PT. Boehringer Ingelheim Indonesia	Jalan (hoặc: Jl.) Lawang Gintung 89 Bogor, Indonesia	* Thuốc không vô trùng, không chứa kháng sinh β -Lactam, thuốc tránh thai, hormon sinh dục và chất kim tế bào: viên nén; viên nén bao	PIC/S GMP	4801/CPOB/A/X/16	28/10/2016	23/12/2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
			* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng		4802/CPOB/A/X/16					
9	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Plot No. S-7, Colvale Industrial Estate, Colvale, Bardez, Goa - 403 513, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén * Sản phẩm cụ thể: - Olazax Disperzi, Orodispersible tablet - Olazax, Tablet - Olanzapine Glenmark, Tablet - Olanzapine Glenmark Europe, Orodispersible tablet	EU GMP	sukls287066/2017	08/06/2018	08/02/2021	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic		2
12	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Limited, Plant 1 384, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 Road, Moo 4, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm. Sản phẩm cụ thể: - Viên nang Vitamin E 600; - Viên nang mềm gelatin Alfalcidol 0,25 μ g/1,0 μ g/0,5 μ g; - Viên nang mềm gelatin Ibuprofen 200 mg/400 mg (Tên lưu hành tại Việt Nam: Gofen 400 clearcap)/600 mg; - Viên nang Ursodeoxycholic acid 250mg; - Viên nang mềm gelatin Ferrovit (Ferrous Fumarate 162mg + Folic Acid 0.75mg + Cyanocobalamin 0.0075mg).	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2017_1017	07/07/2017	24/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
13	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Limited, Plant 2, 515/1, Soi 8, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 Road, Moo 4, Praeksa, Mueang Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nang mềm Sản phẩm cụ thể: - Viên nén bao Doloteffin; - Viên nang cứng Korea Ginseng; - Viên nang Vitamin E 600; - Viên nang mềm gelatin Alfacalcidol 0,25µg/ 1µg/0,5 µg; - Viên nang mềm gelatin Ibuprofen 200 mg/400 mg/600 mg; - Viên nang cứng URSOLIV 250mg (Ursodeoxycholic acid 250mg); - Viên nang mềm gelatin Ferrovit (Ferrous Fumarate 162mg + Folic Acid 0.75mg + Cyanocobalamin 0.0075mg).	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2017_1013	07/07/2017	26/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
14	Yoo Young Pharmaceutical Co., Ltd	33, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Korea	* Thuốc tiêm * Viên nén; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc cốm.	PIC/S GMP	2018-G1-1430	31/07/2018	17/04/2021	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
16	Eriochem S.A	Route 12 km 452 (Zip Code 3107), of the City of Colonia Avellaneda, Paraná Department, Province Entre Ríos, Argentina Republic.	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng và thuốc tiết trùng cuối: Bột đông khô pha tiêm chứa chất chống ung thư; dung dịch tiêm.	PICS GMP	20132014000918 18	31/08/2018	31/08/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
17	oncomed manufacturing a.s.	Karásek 2229/1b budova 02 Řečkovice 62100 Brno, Czech Republic	* Thuốc vô trùng chứa chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ	EU GMP	sukls96769/2017	07/09/2017	23/06/2020	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
18	AstraZeneca AB	Freeze Dried and Genuair, Gärtunavägen, Södertälje, 151 85, Sweden (* Địa chỉ chung: SE- 15185 Sodertalje, Sweden)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô. * Thuốc không vô trùng: Thuốc bột hít đa liều.	EU-GMP	6.2.1-2017-061520	21/06/2018	07/12/2020	Swedish Medical Products Agency (MPA)	1	
19	Vetter Pharma-Fertigung GmbH&Co. KG	Vetter Pharma -Fertigung Mooswiesen 2, 88214 Ravensburg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Chế phẩm máu (sản phẩm dẫn chất từ huyết tương); sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học (hormon hoặc chất có hoạt tính hormon), sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0064	23/05/2018	12/04/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
21	YOUNG IL PHARM/ Co., Ltd	6-1 Munhwa 12-gil, Jincheon-eup, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Thuốc Viên nén; thuốc viên nang; thuốc bột; Sirô khô; viên nén bao phim; viên nén bao đường	PIC/S GMP	2018-G1-1441	01/08/2018	07/08/2020	Deajeon Regional Commissioner Food and Drug Administration, MFDS, Korea		2
22	LEO Laboratories Ltd	285 Cashel Road, Crumlin, Dublin 12, D12 E923, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn. * Thuốc không vô trùng: Thuốc khung thẩm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc phun mù; dạng bào chế bán rắn.	EU GMP	19383/M46	13-04-2018	07/02/2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
23	Takeda GmbH	Takeda (Werk Singen) Robert-Bosch-Str. 8, 78224 Singen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; thuốc trứng đặt âm đạo.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0079	04/07/2018	07/02/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	
24	Pierre Fabre Medicament Production	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, IDRON, 64320, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc đông khô (chứa hóc môn); dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hóc môn); * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học	EU -GMP	2018/HPF/F R/186	17-08-2018	27-04-2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
25	JW Pharmaceutical Corporation	56 Hanjin 1-gil, Songak-eup Dangjin-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Thuốc viên nén; viên nang cứng; viên nén phân tán trong miệng. * Thuốc tiêm: Thuốc tiêm; thuốc bột pha tiêm; dung dịch rửa vết thương * Dung dịch thuốc nhỏ mắt. * Thuốc uống dạng lỏng: Dung dịch, si rô, hỗn dịch. * Thuốc sinh học: thuốc tiêm	PIC/S-GMP	2018-G1-1791	18/09/2018	18/06/2021	Daejeon Regional Food and Drug Administration, Korea		2
26	Sterling Drug (Malaya) Sdn Bhd	Lot. 89, Jalan Enggang, Ampang-Ulu Kelang Industrial Estate, 54200 Ampang Selangor, Malaysia	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc bột. + Thuốc viên nén.	PIC/S-GMP	727/18	20/06/2018	26/04/2021	National Pharmaceutical Control Bureau, Ministry of Health Malaysia.		2
27	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Shiga Plant	348-3, Aza-suwa, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch nhỏ mắt Mydrin-P (Tropicamide 50mg; Phenylephrin hydroclorid 50mg/10mL)	Japan-GMP	CPP: 4256 Notification: 2522808000275	16/11/2017	15/07/2021	Pharmaceutical safety and environmental Health Bureau, Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
29	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd	1061 Mountain Highway Boronia Vic (hoặc Victoria) 3155 Australia	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta lactam, hormone, chống ung thư và độc tế bào: * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, thuốc dạng bơm (Insufflation); * Thuốc vô trùng: thuốc dung dịch, thuốc hỗn dịch, thuốc tiêm; thuốc nước uống.	PIC/S GMP	MI-2015-LI-12213-1	27/02/2018	12/10/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
30	Laboratorios Leon Farma S.A	Poligono Industrial Navatejera, C/ La Vallina s/n, Villaquilambre-Leon, Spain	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng. * Thuốc không vô trùng chứa hóa chất hoạt tính và các hoạt chất có hoạt tính hóa học: viên nang cứng; viên nang mềm, dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên nén bao phim; vòng đặt âm đạo.	EU GMP	4208/18	11/04/2018	08/03/2021	Cơ quan thẩm quyền Tây Ban Nha	1	
31	Pierre Fabre Medicament Production (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Aquitaine Pharm International, Avenue du Béarn, 64320, IDRON, France	* Sản phẩm: + Dung dịch thuốc tiêm Aloxi Solution for Injection (250 mcg palonosetron hydrochloride /lq). + Dung dịch thuốc tiêm ALOXI palonosetron 75mcg/1.5mL.	EU-GMP	2018/HPF/FR/186	17/08/2018	/2020	European Medicines Agency	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Helsinn Birex Pharmaceuticals Ltd. (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Damastown, Mulhuddart, Dublin 15, Ireland		EU GMP	15413/M294	08/03/2017	20/01			
32	Steri-Pharma, LLC.	South West Street 429, Syracuse, NY 13202, United States	* Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha dung dịch tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm betalactam.	EU-GMP	IT/GMP/E/01/2018	15/01/2018	22/09/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
33	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.P.A (Cơ sở sản xuất)	Via Licinio 11, 22036 Erba (Co) Italia	* Sản phẩm: thuốc bột và dung môi pha tiêm Gluthion 600mg/4ml	EU GMP	IT/131-1/H/2017	07/07/2017	28/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Laboratorio Farmaceutico C.T S.R.L (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Via Dante Alighieri, 71-18038 Sanremo (IM), Italy		EU-GMP	IT/111-1/H/2018	23/04/2018		Italian Medicines Agency (AIFA)		
34	Pymepharco Joint Stock Company	Pymepharco Joint Stock Company 166-170, Nguyen Hue Street, Tuy Hoa City, Phu Yen Province, Vietnam, Viet Nam	* Sản phẩm: thuốc bột pha tiêm Ceftriaxone EG 1g/10ml (Ceftriaxone 1g)	EU-GMP	II 23.2 (Bey) - 18/02(21)-B 55	06/07/2018	31/07/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
35	Denk Pharma GmbH & Co.KG	Göllstr. 1, 84529 Tittmoning, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2018_0071	28/06/2018	22/03/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
36	Exeltis İlaç San. Ve Tic. A.Ş.	Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Gaziosmanpaşa Mahallesi Fatih Bulvarı No:19/2, Çerkezköy-Tekirdağ, Turkey	* Thuốc đạn, thuốc trứng; * Thuốc kem, thuốc gel.	PIC/S - GMP	TR/GMP/2018/149	02/07/2018	01/05/2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency		2
37	Medochemie (Far East) Ltd., (Liquids and Semi-solids Facility)	No 10, 12 and 16, VSIP II-A, Street 27, Vietnam Singapore Industrial Park II-A, Vinh Tan commune, Tan Uyen town, Binh Duong province, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn (kem, mỡ, gel).	EU-GMP	MED09/2018/001	09/03/2018	14/12/2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus		2
39	Laboratoires Expanscience	Rue des Quatre Filles, EPERNON, 28230, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng.	EU-GMP	2018/HPF/FR/165	12/07/2018	16/03/2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
40	Eczacıbaşı Monrol Nükleer Ürünler San. ve Tic. A.Ş.	Bariş Mah., Dr. Zekiacar Cad. No:1 (Tübitak Mam Teknoparki) Gebze Kocaeli, Turkey	* Sản phẩm: + Dung dịch tiêm tĩnh mạch MON.MIBG-123-Diagnostic 40-820 MBq. + Dung dịch tiêm tĩnh mạch MON.FDG (¹⁸ F) (Fluorodeoxyglucose). + Dung dịch tiêm tĩnh mạch MON.GALYUM-67 74 MBq/ml (Gallium-67 Citrate). + Dung dịch tiêm tĩnh mạch MON.TALYUM 2011 (Thallium Chloride) 37 MBq/ml. + MON.TEK ⁹⁹ Mo/ ^{99m} Tc Generator Sodium Pertechnetate (⁹⁹ Tc) Sodium Molybdate (⁹⁹ Mo). + Viên nang MON.İYOT-131 037-7400 MBq (10µCi-200mCi) (Sodium Iodide (¹³¹ I)). + Dung dịch uống MON.İYOT-131 74 - 18500 MBq (Sodium Iodide (¹³¹ I)). + Dung dịch tiêm tĩnh mạch MON.MIBG- ¹³¹ I-Diagnostic 9-120 MBq/ml (¹³¹ I). + Dung dịch tiêm tĩnh mạch MON.MIBG- ¹³¹ I-Therapeutic 370-3700 MBq.	PIC/S GMP	TR/GMP/2018/105	29/05/2018	30/11/2020	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
41	Pharmachemie B.V.	Swensweg 5, HAARLEM, 2031GA, Netherlands	* Thuốc vô trùng chứa chất kim tế bào: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng chứa bột hít.	EU GMP	NL/H 18/2003994	15/06/2018	08/02/2021	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	1	
42	S.C. ZENTIVA S.A.	Bulevardul theodor pallady 50, Sector 3, Bucharest, RO - 032266, Romania	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén bao phim, viên nén bao, viên nén; pellet, viên nang chứa pellet.	EU-GMP	017/2018/RO	18/05/2018	01/03/2020	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	
43	Sanofi Aventis, SA	Ctra. C35 La Batlloria a Hostalric, km 63,09, 17404 Riells I Viabrea (Girona), Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao (bao gồm cả thuốc chứa hormones hoặc chất có hoạt tính hormone;); Thuốc bột.	EU-GMP	NCF/1817/01/CAT	04/04/2018	02/03/2021	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
44	FARMAK JSC	Frunze Street 74, Kyiv, 04080, Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ chứa hormon. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm chứa hormon; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng chứa hormon; dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa hormon); viên nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon); thuốc bột/cốm pha dung dịch uống. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học (dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng).	EU-GMP	UP/I-530-10/18-03/06	19/06/2018	22/12/2020	Agency for Medicinal Product and Medical Devices, Croatia		2
45	Nipro Pharma Corporation, Kagamiishi Plant	428, Okanouchi, Kagamiishi-machi Iwase-gun, Fukushima 969-0401, Japan	* Viên nén IRESSA Tablets 250.	Japan GMP	2001	10/07/2017	10/07/2022	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
47	Huons Co., Ltd.	100 Bio valley-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	- Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, Viên nang, Viên nén nhai. - Thuốc tiêm. - Dung dịch Thuốc nhỏ mắt. - Thuốc uống dạng lỏng: Hỗn dịch, Siro.	PIC/S-GMP	2018-G1-1506	16/08/2018	16/05/2021	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
48	PANPHARMA	ZI du Clairay, LUITRE, 35133, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa kháng sinh nhóm beta lactam).	EU-GMP	2018/HPF/F R/158	20/06/2018	08/03/2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
50	Menarini - Von Heyden GmbH	Leipziger Straße 7-13, 01097 Dresden, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nén (bao gồm viên nén giải phóng kéo dài); viên nén bao phim; thuốc cốm	EU-GMP	DE_SN_01_GMP_2018_0012	18/03/2018	28/03/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
51	Torrent Pharmaceuticals Ltd - Baddi Plant	Village: Bhud & Makhnu Majra, Tehsil: Baddi - 173205, Dist.: Solan (Himachal Pradesh (hoặc H.P.)), India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2018_0017	06/03/2018	14/02/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
52	S.A.L.F. SPA Laboratorio Farmacologico	Via G. Mazzini, 9- 24069 Cenate Sotto (BG), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	IT/235-1/H/2017	21/12/2017	22/07/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
54	Clausen Laboratories S.A	3896 Artigas Boulevard, Montevideo, Oriental Republic of Uruguay	Bơm kim tiêm bơm sẵn với hoạt chất sinh học và công nghệ sinh học	PICS GMP	DI-2017-10921-APN-ANMAT#MS	20/10/2017	20/10/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
55	Janssen Pharmaceutica NV	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340 (hoặc B-2340, Beerse), Belgium	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc nhỏ mắt.	EU GMP	BE/GMP/2017/124	20/03/2018	24/11/2020	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
56	Boryung Pharmaceutical Co., Ltd.	107, 109 Neungan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea.	* Thuốc uống: viên nén, viên nang, thuốc bột, thuốc cốm, viên hoàn; * Thuốc tiêm: dung dịch tiêm; thuốc bột pha tiêm; dung dịch tiêm truyền; dung dịch rửa phẫu thuật; * chế phẩm đặc biệt: + Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin: viên nén, viên nang, syro khô; + Thuốc chứa kháng sinh nhóm cephalosporin: viên nén, viên nang, syro khô; bột pha tiêm, bột đông khô pha tiêm; + Thuốc chứa hormon sinh dục: hỗn dịch uống; + Chất độc tế bào chống ung thư: viên nén, viên nang; dung dịch thuốc tiêm, bột đông khô pha tiêm.	PIC/S GMP	2018-D1-1712	20/07/2018	31/01/2020	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
57	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Industriestr. 3, 34212 Melsungen, Germany	Sản phẩm: + Dung dịch thuốc tiêm Deplin 600 mg (Alpha-Lipoic acid 600mg/24ml); + Dung dịch tiêm truyền Fanlodo (Levofloxacin hemihydrat 512,46mg/100ml);	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0090	05/07/2018	06/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Biokanol Pharma GmbH (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Kehler Str. 7, 76437 Rastatt, Germany		EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_0001	10/01/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức		
58	Samyang Biopharmaceuticals Corporation	79, Sinildong-ro, Daedeok-gu, Daejeon, Republic of Korea	* Thuốc tiêm chứa chất độc tế bào chống ung thư	PIC/S-GMP	2018-G1-1324	16/07/2018	11/04/2021	Daejeon Regional Food of Drug Safety, Korea		2
59	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH	Industriestr.3 34212 Melsungen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (không bao gồm thuốc vi lượng đồng căn), dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc vi lượng đồng căn.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0090	05/07/2018	23/05/2021	Cơ quan có thẩm quyền của Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
60	Octapharma AB	Lars Forssels gata 23, Stockholm, 11275, Sweden	Sản phẩm công nghệ sinh học (sản xuất thuốc từ tế bào người)	EU-GMP	5.9.1-2017-023633	24/05/2017	08/09/2019	Medical Products Agency (MPA), Sweden	1	
61	Catalent Germany Eberbach GmbH (Cơ sở sản xuất)	Gammelsbacher Str.2, 69412 Eberbach, Germany	* Sản phẩm: + Viên nang mềm Sandimmun Neoral 25mg (Ciclosporin 25mg); + Viên nang mềm Sandimmun Neoral 100mg (Ciclosporin 100mg)	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0072	11/06/2018	26/01/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Novartis Pharma Stein AG (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	18-0868	16/04/2018		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
62	Cilag AG	Hochstrasse 201, 8200 Schaffhausen, Switzerland	* Thuốc dạng lỏng: Dung dịch thuốc tiêm; ống tiêm đóng sẵn (bao gồm cả chứa hoạt chất sinh học). * Dạng bào chế rắn: Viên nang; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả chứa hormon và chất có hoạt tính hormon).	PIC/s - GMP; EU-GMP	18-0790	10/04/2018	30/11/2020	Swissmedic, Swiss Agency for Therapeutic Products	1	
63	Baxter Healthcare Corporation	Route 3 Km, 144.2, Guayama, Puerto Rico 00784 USA	* Sản phẩm: Dạng bào chế lỏng để hít Forane (Isoflurane, USP) Liquid for Inhalation, 250ml Tên tại Việt Nam: Aerrane	US-GMP	6UHW-DHMG	13/07/2018	12/07/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
64	Patheon Inc. (Cơ sở sản xuất)	Toronto Region Operations, 2100, Syntex Court, Mississauga, Ontario, L5N 7K9, Canada	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Tracleer (Bosentan 125 mg).	Canada-GMP	69773	13/07/2018	13/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Canada	1	
	Actelion Pharmaceuticals Ltd (Cơ sở xuất xưởng)	Gewerbestrasse 12, 4123 Allschwil, Switzerland		EU-GMP						

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
66	Sandoz GmbH - Organisationseinheit/Business Unit Biologics Technical Development and Manufacturing Drug Product Schaffhausen (BTDM DPS)	Biochemiestraße 10, 6336 Langkampfen, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép; + Thuốc tiết trùng cuối: thuốc dạng rắn và cấy ghép; * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học; kháng thể đơn dòng	EU GMP	INS-482451-0051-001 (3/3)	27/04/2017	10/01/2021	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	1	
67	Penmix Ltd.	33, Georimak-gil, Jiksan-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Thuốc tiêm: + Thuốc tiêm, thuốc đông khô; + Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin: Thuốc đông khô, thuốc tiêm bột; * Thuốc uống dạng rắn chứa kháng sinh nhóm penicillin: Viên nén, bột pha xi rô .	PIC/S-GMP	2018-G1-1648	29/08/2018	10/05/2021	Daejeon Regional Food of Drug Administration, Korea		2
68	Catalent Germany Eberbach GmbH (Cơ sở sản xuất)	Gammelsbacher Str. 2, 69412 Eberbach, Germany	* Sản phẩm: + Viên nang Rocaltrol (Calcitriol 0,25 mcg);	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0072	11/06/2018	26/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
69	Kyung Dong Pharm. Co., Ltd	224-3 Jeyakdanji-ro, Yanggam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nang cứng, viên nang mềm, viên nén bao phim, viên nén bao đường; * Thuốc tiêm bột (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); Thuốc đông khô pha tiêm; dung dịch thuốc tiêm.	PICS GMP	2018-D1-1998	29/08/2018	13/07/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
71	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	27, Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc viên nén; viên nén bao phim; viên nang; thuốc bột; dung dịch thuốc uống; thuốc hít.	PICS-GMP	2018-D1-1027	03/05/2018	23/04/2020	Gyeongin of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
72	Dong -A ST Co., Ltd	(N-dong, B-dong Section 2) 493, Nongong-ro, Nongong -Eup, Dalseong-gun, Daegu, Korea Rep., Republic of Korea	Sản phẩm sinh học: Thuốc tiêm ADN tái tổ hợp, vắc xin tiêm.	PIC/S GMP	2018 -E1-0140	05/09/2018	25/07/2021	Daegu Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
73	F. Hoffmann-La Roche Ltd (Cơ sở sản xuất)	Grenzacherstrasse 124, 4070 Basel, Switzerland	Sản phẩm: viên nén bao phim Bonviva (Ibandronic acid 150mg)	EU-GMP	16-2108	14/12/2016	10/11/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland		EU-GMP	17-0015	03/04/2017				
74	Korea United Pharm. Inc.	25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang; viên nhai. * Thuốc tiêm: thuốc tiêm; bột đông khô pha tiêm; bột pha tiêm. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nén; viên nang; bột pha sirô.	PICS GMP	2018-G1-1658	29/08/2018	07/06/2021	Daejeon Regional Food and Drug Administration		2
75	Panpharma	10 rue du Chênôt, Parc d'Activité du Chênôt, BEIGNON, 56380, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa kháng sinh non β -lactam, chất có hoạt tính hormon).	EU-GMP	HPF/FR/267/2016	18/11/2016	28/09/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
76	XL Laboratories Private Limited	E -1223, Phase-1, Extn. (Ghatal), RIICO Industrial Area, Bhiwadi, Rajasthan, 301019, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; gói bột pha dung dịch uống	EU GMP	OGYÉI/1386 0-6/2017	23/08/2017	12/05/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition, Hungary		2
77	Atlantic Pharma - Produções Farmacêuticas, S.A.	Rua da Tapada Grande, nº 2, Abrunheira, Sintra, 2710-089, Portugal	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	F036/S1/MH/001/2018	26/06/2018	07/12/2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
78	AbbVie Inc.	1401 Sheridan road, North Chicago, IL 60064, USA	* Sản phẩm: Survant [®] (beractant) Intratracheal Suspension 25 mg/ 1 ml; Tên tại Việt Nam: Hỗn dịch Survanta (phospholipids 25 mg/ml).	U.S. CGMP	HWYR-DQJ9	23/07/2018	22/07/2020	United States Food and Drug Administration	1	
79	Egis Pharmaceuticals Plc Site 3	Mátyás király út 65., Körmend, 9900, Hungary	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm; thuốc phun mù (bao gồm cả aerosol chứa kháng sinh và thuốc bột hít); dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn; viên nén (bao gồm cả chứa chất kim tế bào), viên nén bao phim.	EU GMP	OGYÉI/2087 7-7/2018	02/07/2018	04/05/2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	1	
80	Macarthys Laboratories Limited T\A Martindale Pharma	Bampton Road, Harold Hill, Romford, RM38UG, United Kingdom.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đạn; viên nén; viên nang cứng.	EU GMP	UK MIA 1883 Insp GMP/GDP 1883/2700-0046	06/02/2018	28/11/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
81	PMG Pharm Co., Ltd.	59, Gyeongje-ro, Siheung-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang cứng.	PIC/S GMP	2018-D1-0029	04/01/2018	26/07/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
83	Mother's Pharmaceutical Co., Ltd.	18 Gongdan 6-ro 24-gil, Jillyang-eup, Gyeongsan-si Gyeongsangbuk-do, Republic of Korea	Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang.	PIC/S-GMP	2018-E1-0051	04/06/2018	17/10/2019	Daegu Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
84	Baxalta US Inc.	25212, W. Illinois Route 120, Round Lake, IL 60073, USA	* Sản phẩm Albumin (Human), USP, 20% Solution, Flexbumin 20%.	US-GMP	HMHG-YGQ3 WHO	27/06/2018	26/06/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
85	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG (Cơ sở sản xuất)	Schutzenstrasse 87 and 99-101, 88212 Ravensburg, Germany	* Sản phẩm: Humira Solution for Injection (Adalimumab 40mg/0,8ml). Tên lưu hành tại Việt Nam: Dung dịch tiêm Humira (Adalimumab 40mg/0,8ml).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0067	23/05/2018	/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	AbbVie Biotechnology GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany		EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2016_0064	06/12/2016	23/11	Cơ quan thẩm quyền Đức		
86	POOYESH DAROU Co.	Noavari 18 St., Pardis Technology Park, 15 km Abali Road, Tehran, Iran	* Thuốc tiêm vô trùng: + Peginterferon alfa-2a 180µg Prefilled Syringe; + Filgrastim 30 MIU Prefilled Syringe; + Pegfilgrastim 6mg, 3mg Prefilled Syringe; + Erythropoietin alfa 2000, 4000, 10000, 20000 IU Prefilled Syringe; + Erythropoietin beta 2000 IU Prefilled Syringe; + Enoxaparin 4000, 6000, 8000 IU Prefilled Syringe.	PIC/S GMP	665/39072	24/07/2018	03/07/2021	Iranian Food and Drug Administration (IFDA)		2
87	Pharbil Waltrop GmbH	Pharbil Waltrop GmbH Im Wirrigen 25 45731 Waltrop, Germany	* Thuốc không vô trùng: - Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc bán rắn; Pellets; thuốc cốt; viên nén. - Thuốc chứa hormon: viên đặt âm đạo.	EU-GMP	DE_NW_05-GMP_2018_0009	07/03/2018	16/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
88	Teva Czech Industries s.r.o	Ostravská 305/29, Komárov 747 70 Opava, - Czech Republic	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng chứa chất kim tế bào; Viên nang mềm chứa chất ức chế miễn dịch; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa hormon; Thuốc uống dạng lỏng chứa chất ức chế miễn dịch; Viên nén chứa chất kim tế bào, hoạt chất có hoạt tính cao và hormon.	EU-GMP	sukls238001/2016	07/02/2017	11/11/2019	State institute for drug control, Czech Republic.	1	
92	Denk Pharma GmbH Co. KG	Denk Pharma GmbH & Co. KG Göllstr. 1, 84529 Tittmoning, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim).	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2018_0071	28/06/2018	22/03/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
93	Merck Sharp & Dohme Corp. (Cơ sở sản xuất lọ vắc xin)	770 Sumneytown Pike, West Point, PA 19486, USA	* Sản phẩm: Vắc xin M-M-R®II (Measles, Mumps and Rubella Virus Vaccine Live, MSD); Tên lưu hành tại Việt Nam: Vắc xin M-M-R®II (Virus sởi ≥ 1000 CCID50; Virus quai bị ≥ 12500 CCID50; virus rubella ≥ 1000 CCID50). * Sản phẩm: Vắc xin VARIVAX® (Varicella Virus Vaccine Live - Oka/Merck)	EU-GMP	NL/H 16/1009483	29/05/2017	13/10/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
	Jubilant HollisterStier LLC (Cơ sở sản xuất dung môi)	3525 North Regal Street Spokane, 99207, United States		EU-GMP	UK GMP 4737 Insp GMP 4737/15674-0011	13/04/2017		Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Waarderweg, 39, Haarlem, 2031 BN, Netherland		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
94	Merck Sharp & Dohme Corp. (Cơ sở sản xuất lọ vắc xin)	770 Sumneytown Pike, PO Box 4, West Point, PA 19486, USA	* Sản phẩm: Vắc xin Gardasil, mỗi liều 0,5ml chứa 20mcg protein L1 HPV6, 40mcg protein L1 HPV11, 40mcg protein L1 HPV16, 20mcg protein L1 HPV18,	EU GMP	NL/H 16/1009483	29/05/2017	13/10/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Waarderweg, 39, Haarlem, 2031 BN, Netherland		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
95	Aurobindo Pharma Ltd Unit VI, Blocks D and E	Sy. No. 329/39 & 329/47, Chitkul Village, Patancheru Mandal, Medak District Telangana State, 502307, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (Cephalexin); thuốc bột pha hỗn dịch uống (Cefalexin, Cefprozil, Cefpodoxime proxetil); viên nén (Cefuroxime, Cefalexin, Cefixime, Cefprozil, Cefpodoxime proxetil).	EU-GMP	000085/06.0 8.02.00/2016	14/08/2018	26/04/2021	Finnish Medicines Agency (FIMEA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
96	Aurobindo Pharma Limited Unit XII	Survey Number 314, Bachupally (Village), Quthubullapur (mandal), R.R. District, Hyderabad, Telangana State, 500 090, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; thuốc bột pha tiêm/tiêm truyền (chứa Amoxicillin Sodium; Ampicillin Sodium; Ampicillin & Sulbactam; Flucloxacillin Sodium; Piperacillin/Tazobactam). * Thuốc không vô trùng: viên nén (chứa Flucloxacillin; Phenoxymethyl penicillin; Pivmecillinam (Penomax)); viên nang cứng (chứa Amoxicillin; Cloxacillin; Flucloxacillin, Dicloxacillin); thuốc rắn khác: thuốc bột pha hỗn dịch uống (chứa Amoxicillin; Co-amoxiclav; Flucloxacillin); viên bao phim (chứa Co-amoxiclav). Viên nén phân tán Amoxicillin, Viên kháng acid dịch vị Pantoprazole 40mg, viên nén Clarithromycin 500mg, viên nén Amoxicillin BP 500/750/1000mg	EU-GMP	000308/06.0 8.02.00/2017	14/08/2018	20/04/2021	Finnish Medicines Agency (FIMEA)		2
100	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A (Pharmaceutical Works Polpharma S.A.)	ul. Ozarowska 28/30, 05-850 Ozarów Mazowiecki, Poland	* Thuốc không vô trùng; Viên nén, viên nén bao phim chứa cephalosporins	EU GMP	GIF-IW-400/0105_01_01/04/2017	05/09/2017	23/06/2020	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
101	Lek S.A	ul. Podlipie 16, 95-010 Stryków, Poland (Cách ghi khác: 16 Podlipie Street, 95-010 Stryków, Poland)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim).	EU-GMP	IWZJ.405.43.2018.MG.2	10/04/2018	12/01/2021	Chief Pharmaceutical Inspector	1	
103	Square Pharmaceuticals Limited	Dhaka Unit, Kaliakoir, 1750 Gazipur, Bangladesh	* Thuốc không vô trùng: ; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa cephalosporin); viên nang cứng; thuốc dạng xịt có áp lực	PIC/S GMP	M023/18	04/05/2018	07/02/2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
104	Fresenius Kabi France	6 rue du Rempart, Louviers, 27400, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng.	EU -GMP	2018/HPF/F R/099	12/04/2018	24/11/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
108	Mipharm S.P.A	Via Bernardo Quaranta, 12 -20141 Milano (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (chứa corticosteroid và các hormon khác, không bao gồm hormon sinh dục); thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn (chứa hormon corticosteroid); thuốc đặt; viên nén (chứa hormon corticosteroid và hormon sinh dục). * Sản phẩm sinh học: Viên nang cứng chứa chất chiết từ động vật. * Thuốc xịt mũi Nasostad 50mcg (Mometasone furoate), tên tại Việt Nam: EU-Fastmome 50 micrograms/actuation (mỗi 100g hỗn dịch chứa mometasone furoate dưới dạng mometasone furoat monohydrate)	EU-GMP	IT/96-1/H/2018	09/04/2018	25/01/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
110	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH	Industriestr.3 (hoặc Industriestrase 3) 34212 Melsungen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (không bao gồm vi lượng đồng căn), dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc vi lượng đồng căn	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0090	05/07/2018	23/05/2021	Cơ quan có thẩm quyền của Đức	1	
112	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	35-14, Jeyakongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc bột; siro khô; + Thuốc uống dạng lỏng: siro; dung dịch; nhũ dịch; hỗn dịch; * Thuốc sinh học: thuốc tiêm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng.	PIC/S-GMP	MFDS-3-F-1289-2-2018-21	11/06/2018	28/03/2021	Gyeongin Regional Commissioner Food and Drug Administration		2
113	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited	Dansom Lane, Hull, HU8 7DS, United Kingdom.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén. * Thuốc sinh học: Nystatin (Thuốc kem Timodine);	EU-GMP	UK MIA 63 Insp GMP 63/17092-0037	19/10/2017	11/09/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
114	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG	Vetter Pharma-Fertigung Schützenstr. 87 und 99-101, 88212 Ravensburg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm từ huyết tương; thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0067	23/05/2018	17/05/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
116	Laboratories Merck Sharp & Dohme Chibret	Route de Marsat, Riom, Clermont-Ferrand Cedex 9, 63963, France (* Cách viết khác: <i>Route de Marsat, Riom, F-63963 Clermont-Ferrand Cedex 9, France</i>)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; * Sản phẩm sinh học: sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học. * Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp Invanz (Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri) 1g).	EU-GMP	2018/HPF/FR/021	17/01/2018	24/04/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
118	Farmea	10 rue Bouché Thomas, ZAC d'Orgemont, Angers, 49000, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn; thuốc đặt; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	2018/HPF/FR/064	06/03/2018	21/05/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
119	Balkanpharma - Razgrad AD	68 Aprilsko vastanie Blvd., Razgrad 7200, Bulgaria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc bột pha dung dịch tiêm (kháng sinh nhóm Cephalosporin). + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dạng bào chế bán rắn; viên nén (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	BG/GMP/2018/126	10/07/2018	11/05/2021	Bulgarian Drug Agency	1	
120	Biosidus S.A.	Av. De los Quilmes 137, Bernal Oeste, Quilmes, Buenos Aires, Argentina Republic	* Dung dịch tiêm, bột đông khô pha tiêm (bao gồm hoạt chất công nghệ sinh học, không chứa beta lactam và chất kim tế bào, chất có hoạt tính hormon); bột pha hỗn dịch uống chứa hoạt chất có nguồn gốc sinh học.	PICS GMP	20132014001126 18	07/08/2018	07/08/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
121	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, PO Box 4, West Point, PA 19486, USA	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng. * Sản phẩm sinh học: sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	NL/H 16/1009483	29/05/2017	13/10/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
122	Merck Serono S.A.	* Succursale d'Aubonne, Zone Industrielle de l'Ouriettaz, 1170 Aubonne, Thụy Sĩ * Centre Industriel, 1267 Coinsins, Thụy Sĩ	* Sản phẩm sinh học sản xuất theo công nghệ tái tổ hợp, lai ghép và kháng thể đơn dòng: + Dạng bào chế rắn sản xuất vô trùng: bột pha tiêm (lọ; ampoule); + Dạng bào chế lỏng sản xuất vô trùng: dung dịch tiêm (lọ; cartridge; bơm tiêm). * Dung môi: + Sản xuất tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (lọ; bơm tiêm).	PIC/S-GMP	18-0578	12/03/2018	06/10/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
123	Jubilant Generics Limited	Village Sikandarpur, Bhainswal, Roorkee-Dehradun Highway, Bhagwanpur, Roorkee District Haridwar, Uttarakhand, IN-247661, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	BE/GMP/20 18/015	19/06/2018	18/01/2021	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium		2
124	Boehringer Ingelheim Ellas A.E	5th km Paiania-Markopoulo, Koropi Attiki, 19400, Greece (* cách ghi khác: 5th km Paiania-Markopoulo, 194 00 Koropi, Greece	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén. * Thuốc dược liệu.	EU-GMP	24076/11-4-2018	30/04/2018	02/03/2021	National Organization for Medicines, Greece	1	
125	Qilu Pharmaceutical Co. Limited	No. 317, Xinluo road, High-tech zone, Jinan, Shandong province, CN-250101, China	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	UK GMP 23083 Insp GMP 23083/1880 916 -0002	17/02/2017	21/11/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
126	LABORATORIO REIG JOFRE, SA	Gran Capità, 10, 08970 Sant Joan Despí (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); Dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); dạng bào chế bán rắn (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon); thuốc đặt; viên nén (chứa hormon hoặc các chất có hoạt tính hormon). * Thuốc sinh học (không bao gồm hoạt động với vi sinh vật sống hoặc nuôi cấy tế bào): Chế phẩm miễn dịch; chế phẩm công nghệ sinh học; chế phẩm tách từ người hoặc động vật. * Thuốc dược liệu.	EU-GMP	NCF/1840/01/CAT	18/07/2018	20/04/2021	Ministry of Health of Government of Catalonia - Spain	1	
127	BIOFARM Sp. z o.o.	BIOFARM Sp. z o.o. ul. Walbrzyska 13, 60-198 Poznan, POLAND	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm. * Thuốc dược liệu.	EU GMP	IWZJ.405.14.2017.MG.2 WTC/0060_01_02/246	08/12/2017	15/09/2020	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
128	Jeil Pharmaceutical, Co., Ltd.	7 Cheongganggachang-ro, Baegam-myeon, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang; thuốc cốm. * Thuốc tiêm; thuốc tiêm truyền. * Thuốc yêu cầu đặc biệt: Bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Carbapenem; Thuốc độc tế bào (viên nén, viên nén bao phim, viên nang, thuốc cốm).	PIC/S GMP	2018-D1-1990	29/08/2018	17/05/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
129	Ahngook Pharmaceutical Co., Ltd.	40, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang; thuốc bột. + Thuốc uống dạng lỏng: Sirô.	PIC/S-GMP	2018-D1-2043	05/09/2018	21/03/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety , Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
132	Aflofarm Farmacja Polska Sp. Z.o.o	133/151 Partyzancka Street, 95-200 Pabianice, Poland	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc kem; thuốc mỡ; gel; thuốc bột. * Thuốc từ dược liệu.	EU GMP	IWZJ.405.68.2018.MG.1 WTC/0108_03_01/138	07/06/2018	09/03/2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
133	Novartis Pharma Stein AG	Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc dạng lỏng sản xuất vô trùng hoặc tiệt trùng cuối: dung dịch tiêm, dung dịch tiêm truyền (bao gồm cả hoạt chất nhạy cảm hoặc hoạt tính cao; hormon) + Sản phẩm sinh học: Sản phẩm miễn dịch (chất gây dị ứng); sản phẩm sản xuất từ công nghệ tái tổ hợp, tế bào lai, kháng thể đơn dòng. + Thuốc dạng rắn sản xuất vô trùng: bột pha tiêm (bao gồm cả sản phẩm chứa hoạt chất nhạy cảm hoặc hoạt tính cao; hormon). + Sản phẩm sinh học: Sản phẩm miễn dịch (chất gây dị ứng); sản phẩm sản xuất từ công nghệ tái tổ hợp, tế bào lai, kháng thể đơn dòng.	PIC/S-GMP và EU-GMP	18-0600	02/05/2018	31/01/2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
135	Novartis Pharma Stein AG	Novartis Technical Operations Schweiz, Stein Solids, Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang cứng chứa bột hít (bao gồm cả chất có hoạt tính cao); viên nén; viên nén bao phim; hệ điều trị qua da.	PIC/S-GMP và EU-GMP	18-0868	16/04/2018	26/01/2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
Đợt 61 (theo Công văn số 21438/QLD-CL ngày 09/11/2018 của Cục Quản lý Dược)										

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
1	Corden Pharma Latina S.P.A	Via Del Murillo Km 2,800-04013 Sermoneta (LT), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn (chất độc tế bào/chất kim tế bào); thuốc đông khô (chất độc tế bào/chất kim tế bào); dung dịch thể tích nhỏ (chất độc tế bào/chất kim tế bào); thuốc bột chứa kháng sinh nhóm penicillin và cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (chất độc tế bào/chất kim tế bào); * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; kháng sinh nhóm penicillin và cephalosporin); viên nén (chứa chất độc tế bào/chất kim tế bào; kháng sinh nhóm cephalosporin); thuốc bột (chứa kháng sinh nhóm penicillin và cephalosporin).	EU GMP	IT/19-1/H/2018	25/01/2018	21/04/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
3	Unit I, Cipla Limited, Indore Sez	Unit I, Plot No, 9, 10 & 15, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District DHAR, Madhya Pradesh, In-454 775, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc nhỏ mắt, nhỏ tai sử dụng công nghệ BFS (Thổi, Đóng thuốc; Hàn kim).	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/1638 7074-0001	22/06/2017	20/02/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
4	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	05-850 Ozarow Mazowiecki, 28/30 Ozarowska Street, Poland	Sản phẩm: thuốc bột pha tiêm Biotum, powder for solution for injection or infusion (Ceftazidime 2g) Tên tại Việt Nam: Biocetum	EU-GMP	304/18	26/07/2018		Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
5	Pharmaceutical Works Polpharma S.A. Production Plant in Duchnice	Duchnice, 28/30, Ozarowska Str. 05-850 Ozarow Mazowiecki - Poland	Sản phẩm: thuốc bột pha dung dịch tiêm Biofazolin (Cefazolin (dưới dạng Cefazolin natri) 1g) Tên tại Việt Nam: Biofazolin	EU-GMP	GIF-IW-4011/980/E R/16	21/11/2016		Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
6	Samchundang Pharm. Co., LTD	71, Jeyakongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao đường; viên nén bao phim; viên nang cứng. * Dung dịch nhỏ mắt; hỗn dịch nhỏ mắt. * Hỗn dịch xịt mũi.	PIC/S-GMP	T5PJ-OIP5-SEBN-OGWF	19/09/2018	27/06/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
8	GAP AE/ GAP SA	46, Agissilaou str., Agios Dimitrios Attiki, 17341, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm (chứa hormon); viên nén.	EU-GMP	94836/28-11-2017	06/02/2018	10/10/2020	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
10	GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co.KG	GlaxoSmithKline Biologicals Zirkusstrabe 40, 01069 Dresden, Germany	* Sản phẩm sinh học: sản phẩm miễn dịch	EU-GMP	DE_SN_01_GMP_2018_0004	07/03/2018	07/12/2020	Cơ quan có thẩm quyền của Đức (Landesdirektion Sachsen)	1	
12	Cơ sở sản xuất: Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG	Schutzenstrasse 87 and 99-101, 88212 Ravensburg, Germany	Sản phẩm: Dung dịch tiêm Actemra (Tocilizumab 162mg/0,9ml)	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0067	23/05/2018	26/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: F. Hoffmann - La Roche Ltd	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products		
13	Norton Healthcare Limited T\A Ivax Pharmaceuticals UK	Aston Lane North, Whitehouse Vale Industrial Estate, Runcorn, WA7 3FA, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ, nhũ dịch và hỗn dịch. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	UK MIA 530 Insp GMP 530/14004-0025	07/07/2017	25/04/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
14	Pfizer Pharmaceuticals L.L.C	KM 1.9 Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, United State	Sản phẩm: Viên nang Neurontin® (gabapentin 300 mg).	US-GMP	FFMN-RKUB	08/08/2018	07/08/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
15	Pfizer Pharmaceuticals L.L.C	KM 1.9 Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, United State	Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (atorvastatin calcium) 10 mg	US-GMP	B9CH-JRU7	17/08/2018	16/08/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
16	Pfizer Pharmaceuticals L.L.C	KM 1.9 Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, United State	Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (atorvastatin calcium) 40 mg	US-GMP	DGQ2-7YP5	17/08/2018	16/08/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
17	Pfizer Pharmaceuticals L.L.C	KM 1.9 Road 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, United State	Sản phẩm: Viên nén bao phim Lipitor® (atorvastatin calcium) 20 mg	US-GMP	VX32-YUJE	17/08/2018	16/08/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
19	Reliance life sciences Pvt. Ltd.	Dhirubhai Ambani Life science centre (DALC), Plant 2, R-282, TTC Industrial Area of MIDC, Thane Belapur road, rabale, 400701, Navi Mumbai, Hindistan, India	Sản phẩm: Dung dịch tiêm truyền Adalibay 20mg/0.4ml, Adalibay 40mg/0.8ml (Adalimumab); dung dịch pha tiêm truyền Bevabay 100mg/4ml, Bevabay 400mg/16ml (Bevasizumab); dung dịch pha tiêm truyền Rituxay 100mg/10ml, Rituxay 500mg/50ml (Rituksimab); thuốc tiêm bột Trastubay 150mg, Trastubay 440mg (Trastuzumab).	PIC/S GMP	41993881-000-E.113619	19/06/2018		Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2
21	Patheon Puerto Rico Inc (Cơ sở sản xuất)	State Road 670 Km.2.7, Manati, Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/1000mg (sitagliptin phosphate monohydrate 50mg/metformin HCL 1000mg)	US-GMP	2K4B-DUQR	22/05/2018	21/05/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN , Netherlands		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
22	Patheon Puerto Rico Inc (Cơ sở sản xuất)	State Road 670 Km.2.7, Manati, Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/500mg (sitagliptin phosphate monohydrate 50mg/metformin HCL 500mg)	US-GMP	PCEM-MTJS	23/05/2018	22/05/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN , Netherlands		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
23	Patheon Puerto Rico Inc (Cơ sở sản xuất)	State Road 670 Km.2.7, Manati, Puerto Rico 00674, USA	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Janumet 50mg/850mg (sitagliptin phosphate monohydrate 50mg/metformin HCL 850mg)	US-GMP	Q2K4-24VG	21/05/2018	20/05/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN, Netherlands		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
24	Hanmi Pharmaceutical Co., Ltd. (Cơ sở sản xuất)	214, Muha-ro, Paltan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Cozaar XQ 5mg/100mg (Amlodipine 5mg; Lonsartan kali 100mg); + Viên nén bao phim Cozaar XQ 5mg/50mg (Amlodipine 5mg; Lonsartan kali 50mg);	PIC/S-GMP	2017-D1-0659	03/03/2017	22/01/2020	Korean Ministry of Food and Drug Safety - Gyeongin Regional Office		2
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN, Netherlands		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
25	Enviro Korea Co., Ltd.	167-10 Techno 2-ro, Yuseong-gu, Daejeon, Republic of Korea	* Thuốc tiêm: Thuốc phóng xạ.	PICS GMP	2018-G1-1510	16/08/2018	21/12/2020	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
26	ANSTO t/a ANSTO Health	Buildings 23 and 54, New Illawarra Road, LUCAS HEIGHTS NSW 2234, Australia	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiêm. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng.	PIC/S GMP	MI-2018-LI-05913-1	24/05/2018	28/10/2019	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
29	Haupt Pharma Livron	1 rue Comte de Sinard, 26250 Livron-Sur-Drome, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc đặt * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch.	EU GMP	2018/HPF/F R/023	22/01/2018	15/09/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
30	LG Chem, Ltd.	151, Osongsaengmyeong 1-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Korea	* Viên nén, viên nang * Thuốc tiêm, thuốc đông khô * Sản phẩm sinh dược: Vắc xin, tái tổ hợp gen	PIC/S GMP	2017-G1-0200	25/01/2017	06/11/2019	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
31	Government Pharmaceutical Organization - Merieux Biological Products Co., Ltd	241 Gateway city industrial estate, Moo 7, Huasamrong, Plaeangyao, Chacioengsao 24190, Thailand	* Vắc xin: vắc xin đại tế bào vero, vắc xin cúm, vắc xin viêm não Nhật Bản	PIC/S GMP	1-2-07-17-18-00027	04/09/2017	03/09/2020	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2
32	U Chu Pharmaceutical Co., Ltd.	(32473) No. 17-1 Chih Lan Vil., Shin Wu dist., Tao Yuan city, Taiwan, R.O.C	* Thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc; thuốc mỡ, kem; viên nén bao phim, viên nén, thuốc bột, thuốc cốm; viên nang cứng, viên nang mềm	PIC/S-GMP	4003	23/11/2017	14/10/2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
35	Korea United Pharm. Inc.	107, Gongdan-ro, Yeonseo-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc độc tế bào chống ung thư: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang; Thuốc tiêm (dung dịch, bột, bột đông khô).	PIC/S - GMP	2018-G1-1863	02/10/2018	27/06/2021	Deajeon Regional Commissioner Food and Drug Administration, MFDS, Korea		2
38	SANOFI S.P.A.	S.S. 17 Km 22 - 67019 Scoppito (AQ), Italia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường và viên nhai (bao gồm cả thuốc chứa hormon Corticosteroid). * Thuốc từ dược liệu: Viên nang mềm; Viên nén.	EU-GMP	IT/130/H/2018	29/05/2018	27/07/2020	Italian Medicines Agency AIFA	1	
39	Astellas Ireland Co. Ltd	Killorglin, Co. Kerry, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng.	EU GMP	17463/M1035	13/11/2017	25/08/2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
40	Merck Sharp & Dohme B.V.	Waarderweg 39, HAARLEM, 2031BN, Netherlands	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột đóng túi; viên nén.	EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018	09/11/2020	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
41	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC (Cơ sở sản xuất)	Pridco Industrial Park, State road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771, USA	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Janumet XR® (sitagliptin/metformin HCL) 50mg/1000mg) Tablet, extended release; + Viên nén bao phim Janumet XR® 100mg/1000mg (sitagliptin, metformin HCL) Tablet, extended release; + Viên nén bao phim Janumet XR® 50/500mg (metformin HCL 500mg; sitagliptin 50mg) Tablet, extended release. ②	U.S. cGMP	+ G5FJ-DXMT + BN9Q-FAK8 + JMNC-NUZC	24/08/2017	23/08/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Merk Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN, Netherlands								
42	Rontis Hellas Medica and Pharmaceutical Products S.A.	P.O. BOX 3012 Larisa Industrial Area, Larisa, 41004, Greece	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU GMP	85753/14-8-2018	27/08/2018	05/07/2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
43	IDT Biologika GmbH	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Roßlau, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học; vắc xin.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2018_031	01/10/2018	08/06/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
44	Patheon Manufacturing Services, LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC 27834, USA	* Sản phẩm: IV Busulfex (busulfan), Injection (busulfan 6mg/ml)	CPP (US GMP)	JFF7-RUX8	16/02/2018	15/02/2020	United States Food and Drug Administration	1	
45	Korea Arlico Pharm Co., Ltd	21, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc viên nén; viên nén bao phim; viên nang; thuốc mỡ; thuốc kem; thuốc gel.	PIC/S-GMP	2018-G1-1677	03/09/2018	29/05/2021	Daejon Regional Office of Food and Drug Safety		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
46	AstraZeneca AB	SE-15185 Sodertalje, Sweden (Địa chỉ cụ thể: PET Packaging, Gartnavagen, Sodertalje, 15185, Sweden)	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; pellet, thuốc cốm; viên nén.	EU-GMP	6.2.1-2018-030278	17/09/2018	14/06/2021	Swedish Medical Products Agency (MPA)	1	
47	Reliance life sciences private limited	R-282, T.T.C Area of M.I.D.C, Thane Belapur Road, Rabale Navi Mumbai 400701, India (Các cách ghi khác: + Plant 2, R-282, T.T.C Area of M.I.D.C, Thane Belapur Road, Rabale Navi Mumbai, Maharashtra, 400701, India; + Dhirubhai Ambani Life Sciences Center Plant 2, Plot No R-282, TTC Area of MIDC, Thane Belapur Road, Rabale Navi Mumbai, 400701, Maharashtra State, India)	* Dây chuyền sản xuất DS (nguyên liệu) và DP (thành phẩm) thuốc công nghệ sinh học/Retepase.	PIC/S GMP	BIO-97-89	01/07/2018	01/07/2020	Iran Food and Drug Administration (IFDA)		2
48	Samnam Pharmaceutical Co., LTD	77 Insam-ro, Geumsam-eup, Geumsan-gun, Chungcheongnam-do, Republic of , Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang; thuốc bột; thuốc cốm.	PIC/S-GMP	2018-G1-1273	05/07/2018	05/04/2021	Deajeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
49	Oncomed manufacturing a.s. (cơ sở sản xuất)	Karásek 2229/1b budova 02, 62100 Brno- Reckovice - Czech Republic	* Sản phẩm: Bột đông khô pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch Pemetrexed biovagen (dưới dạng Pemetrexed dinatri hemipentahydrat 100mg)	EU GMP	sukls96769/2017	07/09/2017	2019	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Synthon Hispania, SL (cơ sở xuất xưởng)	Pol.Ind.Les Sallines. Carrer Castelló, 1, 08830 SANT BOI DE LLOBREGAT (Barcelona), Spain.		EU GMP	NCF/1738/01/CAT	16/11/2017	15/11/	Ministry of health of Government of Catalonia - Spain		
50	Sabiedrība ar ierobežotu atbildību "PHARMIDEA" (* Tên viết tắt: SIA PHARMIDEA) Cách viết khác: Limited liability company PHARMIDEA (PHARMIDEA SIA)	Rūpnīcu iela 4, Olaine, Olaine novads, LV-2114, Latvia Cách viết khác: 4 Rupnicu Street, Olaine, Olaine district, LV-2114, Latvia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào); dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào).	EU-GMP	ZVA/LV/2018/012H	16/08/2018	24/05/2021	State Agency of Medicines (ZVA), Latvia	1	
51	Cipla Limited (Unit IV)	Unit IV, Plot No, 9, 10 & 15, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District DHAR, Madhya Pradesh, In-454 775, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/1638 7119-0001	22/06/2017	20/02/2020	United Kingdom's medicines and Healthcare Products Regulatory Agency MHRA		2
52	Cipla Ltd	Plot No. L-139, S-103 & M-62, Verna Industrial Estate, Verna, Salcette, 403722 Goa Pin, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc xịt mũi, thuốc hít dạng phân liều, sirô khô; thuốc bán rắn; viên nén.	PICS-GMP	282a/17	24/07/2017	20/01/2020	National Pharmaceutical Regulatory Agency, Malaysia		2
53	Cipla Ltd	Unit I, Plot Nos. L-139 - L-143, Verna Industrial Estate, Verna Salcette, Goa 403722, India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc xịt mũi dạng hỗn dịch chứa Azelastinhydrochlorid/Fluticasonopropionate.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_1038	14/09/2017	26/04/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
54	Cipla Limited (Unit II)	UNIT II, Plot No. 9, 10 & 15, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District DHAR, Madhya Pradesh, In-454 775, India	* Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế xịt bằng áp lực.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/1638 7087-0001	22/06/2017	20/02/2020	United Kingdom's medicines and Healthcare Products Regulatory Agency MHRA		2
57	Cipla Limited (Unit III)	Unit III, Plot No 9, 10 & 15, Indore Special Economic Zone, Phase II, Pithampur, District DHAR, Madhya Pradesh, In-454 775, India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc xịt mũi.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/1638 7104-0001	22/06/2017	20/02/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
58	Cipla Limited (Unit II)	UNIT II PLOT NO A-42, MIDC, PATALGANGA, DISTRICT RAIGAD, MAHARASHTRA, IN-410220, INDIA	* Thuốc không vô trùng: Viên nén.	EU-GMP	UK GMP 14694 Insp GMP 14694/4416 87-0005	22/05/2018	19/02/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
60	Lek Pharmaceuticals d.d (Cơ sở sản xuất)	Verovskova ulica 57, 1526 Ljubljana, Slovenia. (Cách viết khác: Verovskova 57, 1526 Ljubljana, Slovenia)	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Tensiber Plus (Irbersartan 150mg và Hydrochlorothiazide 12,5mg). + Viên nén bao phim Periloz Plus (Perindopril tert-butylamine 4mg và Indapamide 1,25mg). Tên tại Việt Nam: Periloz Plus 4mg/1,25mg	EU GMP	401-25/2017-5	24/01/2018	23/11/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
	Lek Pharmaceuticals d.d (Cơ sở đóng gói)	Trimlini 2D, Lendava, 9220, Slovenia. (Cách viết khác: Trimlini 2D, 9220 Lendava, Slovenia)		EU-GMP	401-8/2018-4	30/07/2018		Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)		
61	Fresenius Kabi AB	Rapsgatan 7, Uppsala, 75174, Sweden	* Thuốc vô trùng có tiết trùng cuối: + Dung dịch, nhũ tương thể tích lớn. + Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	6.2.1-2016-098801	26/09/2018	07/04/2020	Medical Products Agency, Sweden	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
62	Medochemie (Far East) Ltd., (Oral Facility)	No. 40, VSIP II Street 6, Vietnam-Singapore Industrial Park II, Binh Duong Industry-Service-Urban Complex, Hoa Phu ward, Thu Dau Mot city, Binh Duong province, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén (bao gồm cả viên bao phim).	EU-GMP	MED08/2018/001	09/03/2018	14/12/2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus		2
			* Sản phẩm được xét nhóm thầu 1 (được lưu hành tại Cyprus): Viên nén Hurmat 25mg (Captopril 25mg). Tên tại Cyprus: Rilcapton 25mg.						1	
63	Kusum Healthcare Pvt. Ltd	Sp-289 (A), RIICO Industrial Area, Chopanki, Bhiwadi, Dist. Alwar (Rajasthan), India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc cốm; thuốc bán rắn; thuốc đặt, viên nén, viên nén bao phim, viên nhai. * Sản phẩm: + Viên nén Alendra (Sodium alendronate); Ambroxol (Ambroxol HCl); Vertinex (Prochlorperazine maleate); Gripgo (Paracetamol, ascorbic acid, phenylephrine HCl); Mezacar 200mg (Carbamazepine); Nimid 100mg (Nimesulide); Nimid Forte (Nimesulide Tizanidine HCl); Pyrantel 250mg (Pyrantel pamoate); Suprelax 10mg (Isoxsuprine HCl); Fanigan (Paracetamol, Diclofenac Sodium); Fusys 50mg, 100mg, 150mg, 200mg (Fluconazole); + Viên bao L-CET (Levocetirizine dihydrochloride); Vidanol (Tranexamic acid); Wolvit (Biotin); Denigma 5mg, 10mg (Memantine HCl); Diclotol 100mg (Aceclofenac); Eszol 100mg (Itraconazole); Ziomyacin 250mg, 500mg (Azithromycin dihydrate); Quanil 500mg (Citicoline Sodium); Larfix 8mg (Lornoxicam); Lefno 20mg (Leflunomide); Loflatil (Loperamide HCl, Simeticone); Neurodar 500mg (Citicoline Sodium); Ozerlyk 400mg (Gatifloxazine Sesquihydrate); Orgyl 500mg (Ornidazole); Polymic (Ofloxacin Ornidazole); Rinit 150mg (Ranitidine HCl); Servonex 5mg, 10mg (Donepezil HCl); Tigeron 500mg, 750mg (Levofloxacin hemihydrate);	PIC/S-GMP	001/2018/GMP			State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			+ Viên bao phim Wonder 30mg, 60mg (Dapoxetine HCl); Diacobal 500mcg (Methylcobalamin); Lion 600mg (Linezolid); Moginin 50mg, 100mg (Sildenafil); Montular 10mg (Montelukast Sodium); Neurocobal 500mcg (Methylcobalamin); Oxapin 300mg (Oxcarbazepine); Samitol 500mg (Secnidazole); + Viên bao tan trong ruột Serrata 10mg (Serratiopeptidase); + Viên nén giải phóng chậm Mezacar SR 400mg (Carbamazepine); + Viên nén phân tán Fusys DT 50mg (Fluconazole); + Viên nhai Ascozon (Ascorbic acid, sodium ascorbate, zinc oxide) + Viên đặt âm đạo Gynex, Gynex Forte (Metronidazole & Miconazole nitrate); Dermazole 400mg (Ketoconazole); Mistol 500mg (Metronidazole); + Viên đặt Diclosafe 100mg (Diclofenac sodium) + Viên nang cứng Zonik 150mg (Pregabalin); Nuropentine 300mg (Gabapentin); + Thuốc cầm Gripgo hotmix (Paracetamol, ascorbic acid, phenylephrine HCl); Kataria (Sodium citrate); Quanil (Citicoline Sodium); Nimid 100mg (Nimesulide); + Thuốc kem Dermazole (Ketoconazole); Clofan (Clotrimazole); + Gel dùng ngoài Diclosafe, Diclosafe Forte (Diclofenac diethylamine); Diclosafe Max (Diclofenac sodium); Nimid (Nimesulide); Fanigan Fast (Diclofenac diethylamine, Methylsalicylate, Mentol, Linseed oil); Fusys (Fluconazole); + Thuốc mỡ Phorcal (Calcitriol); + Dung dịch dùng ngoài Remov (Dimethicone);			22/02/2018	15/12/2020			
64	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd	G-17/1, M.I.D.C., Tarapur, Boisar, Dist-Thane 401506, Maharashtra State, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; * Sản phẩm thuốc chứa Omeprazol; Esomeprazole; Pantoprazole; Rabeprazole; Azithromycin; Capreomycin; Clarithromycin; Propofol	PIC/s-GMP	072/2017/GMP	18/12/2017		State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
65	Medreich Limited Unit 1	12th Mile, Old Madras Road, Virgonagar, Bangalore, IN 560-049, India	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	UK GMP 17742 Insp GMP 17742/9885-0010	27/11/2017	12/01/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
66	Bilim Ilac Sanayi Ve Ticaret Anonim Sirketi	Gebze Organize Sanayi Bolgesi 1900 Sokak No: 1904, 41400 Gebze, Kocaeli, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (siro và hỗn dịch); dạng bào chế bán rắn; viên nén; bột pha hỗn dịch uống (đóng chai và gói).	EU-GMP	381-10-05/162-18-07	05/01/2017	19/10/2020	Croatia Agency for Medicinal Products and Medical devices		2
67	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	28/30 Ozarowska Street, Duchnice, 05-850 Ozarow Mazowiecki, Poland	* Sản phẩm: - Thuốc bột pha dung dịch tiêm Bio-Taskym (cefotaxim 1g);	EU GMP	GIF-IW-4011/109/E R/16	27/01/2016		Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
			- Thuốc bột pha dung dịch tiêm Thuốc Poltraxon (Ceftriaxon 1g);		GIF-IW-4011/110/E R/16	27/01/2016				
			- Thuốc bột pha dung dịch tiêm Biofumoksym (Cefuroxim 1,5g)		GIF-IW-4011/1079/I P/15	29/12/2015				
			- Thuốc bột pha dung dịch/ hỗn dịch tiêm Biofumoksym (Cefuroxim 750mg)		GIF-IW-4011/1082/I P/15	29/10/2015				
Đợt 62 (theo Công văn số 312/QLD-CL ngày 14/01/2019 của Cục Quản lý Dược)										
1	Haupt Pharma Münster GmbH	Haupt Pharma Münster GmbH Schleibrüggenkamp 15, 48159 Münster, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén và viên nén bao (bao gồm các chất độc tố tế bào đối kháng hormon và ức chế sinh tổng hợp hormon)	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2017_1001	17/05/2017	08/12/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
2	Gilead Sciences Ireland UC	IDA Business and Technology Park, Carrigtohill, Co. Cork-Ireland.	*Thuốc không vô trùng: viên nén; thuốc bột	EU GMP	20496/M589	05/07/2018	13/04/2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
3	N.V.Organon (Cơ sở sản xuất)	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands (* Cách ghi khác: Molenstraat 110, 5342 CC Oss, Netherlands hoặc: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Netherlands)	* Sản phẩm: - Bột pha dung dịch tiêm Pregnyl®5000 IU (Chorionic gonadotrophin (hCG) 5000 IU) và dung môi; - Bột pha dung dịch tiêm Pregnyl®15000 IU (Chorionic gonadotrophin (hCG) 15000 IU) và dung môi.	EU GMP	NL/H 16/1010471	03/10/2016	08/09/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
	Jubilant HollisterStier LLC (Cơ sở sản xuất và kiểm nghiệm dung môi)	3525 North Regal Street, Spokane, Washington 99207, USA		EU GMP	UK GMP 4737 Insp GMP 4737/15674-0011	18/09/2017		Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		
5	Daewon Pharm Co., Ltd.	24, Jeyakongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén; viên nang; si rô khô; * Thuốc tiêm; * Sirô (dạng lỏng); hỗn dịch uống; * Hỗn dịch chứa hormon sinh dục.	PIC/S GMP	2018-D1-2252	02/10/2018	12/07/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
6	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Unit III, Village Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Tehsil Baddi, Distt, Solan (H.P.) 173 205, India	* Thuốc không vô trùng: - Thuốc xịt mũi phân liều (bao gồm cả thuốc chứa hormon): + Glenspray, nasal spray, suspension 50mcg/dose, 60 or 120 MD in vials <u>N</u> o 1; + Glenspray Active, nasal spray, suspension 75 or 150 MD in vials <u>N</u> o 1; - Thuốc hít phân liều (bao gồm cả thuốc chứa hormon): + Airtec, metered dose inhalers (25/125mcg/dose; 25/250mcg/dose; 25/50mcg/dose), 120 MD in container <u>N</u> o 1; + Glenbecar, metered dose inhalers, (50mcg/dose; 100mcg/dose; 200mcg/dose; 250mcg/dose), 200 MD in container <u>N</u> o 1.	PIC/S GMP	047/2018/GMP	21/09/2018	27/07/2021	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
7	DELPHARM LILLE SAS	Parc d'Activités Roubaix - Est, 22 rue de Toufflers CS 50070, LYS LEZ LANNOY, 59452, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc bán rắn chứa hormon; viên nang cứng (chứa thuốc độc tế bào, Hormon); viên nén (chứa thuốc độc tế bào, Hormon); * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	2018/HPF/F R/052	28/02/2018	29/09/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
8	Softgel Healthcare Pvt. Ltd	Line 3 and Line 4: Survey No. 20/1, Vandalur, Kelambakkam Road, Pudupakkam Village, Kancheepuram District, Tamil Nadu, 603 103, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm.	EU GMP	OGYÉI/5374-6/2018	05/07/2018	27/04/2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2
9	TEVA Gyógyszergyár Zrt. (Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company)	Site1; Pallagi út 13., Debrecen, 4042, Hungary Cách ghi khác: H-4042 Debrecen, Pallagi út 13., Hungary	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm sản phẩm có hoạt tính học môn); viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc vi nang; thuốc bột; thuốc bán rắn (bao gồm sản phẩm có hoạt tính học môn); thuốc đạn; viên nén (bao gồm cả viên nén bao phim; bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính học môn).	EU-GMP	OGYÉI/5319 1-6/2017	03/11/2017	22/09/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI) Hungary	1	
10	Merck Sharp & Dohme Corp. (Cơ sở sản xuất)	2778 South East Side Highway, Elkton, VA 22827, USA	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Primaxin ® I.V. (Imipenem + Cilastatin sodium 500mg/ 500mg, Injection). Tên đăng ký thương mại quốc tế: Tienam I.V. 500mg/ 500mg, powder for solution for infusion (Tên tại Việt Nam: Bột pha truyền tĩnh mạch Tienam)	U.S. cGMP	HXYB-SMNV	25/09/2018	24/09/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Laboratories Merck Sharp & Dohme Chibret (Cơ sở đóng gói)	Route de Marsat, Riom, 63963 Clermont Ferrand cedex 9, France; (* Cách ghi khác: Route de Marsat lieu-dit Mirabel Riom, Cedax 9, Clermont-Ferrand 63963, France)		EU-GMP	2018/HPF/F R/021	17/01/2018	24/04/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
12	Medi-Radiopharma Egészségügyi Szervező, Tanácsadó, Szolgáltató és Kereskedelmi Kft./Medi-Radiopharma Ltd.	Site 1., Szamos u. 10-12., Érd, 2030, Hungary	* Thuốc phóng xạ vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; Kit chẩn đoán Technetium. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; Kit chẩn đoán Technetium.	EU-GMP	OGYÉI/2913 4-6/2018	01/08/2018	14/06/2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	1	
13	BILIM İLAÇ SANAYİ VE TİCARET ANONİM ŞİRKETİ	Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaağaç Mh. 5. Sk. No.6, Kapaklı- Tekirdağ 59510, Turkey	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm β -lactam: Viên nang cứng, viên nén, bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	UP/I-530-10/17-03/16; 381-10-05/243-17-11	22/12/2017	13/10/2020	Croatia Agency for Medicinal Products and Medical devices		2
15	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Freseniusstrasse 1, 61169 Friedberg, Germany (* Cách viết khác: <i>Freseniusstraße 1, 61169 Friedberg, Germany</i>)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0129	02/11/2018	21/09/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierungspräsidium Darmstadt)	1	
16	Les Laboratoires Servier Industrie	905 route de Saran, GIDY, 45520, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tính đối với khả năng sinh sản); thuốc cốm pha hỗn dịch/dung dịch uống; vi cốm (microgranules); viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tính đối với khả năng sinh sản).	EU GMP	2018/HPF/F R/235	31/10/2018	27/11/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
18	Laboratorios Casasco S.A.I.C.,	Avenida Boyaca No 229/37/41/49/63/65, Terrero No 250/52/60 y Baracay No 1843/45, Ciudad Autonoma de Buenos Aires, Republic Argentina	Sản phẩm: thuốc bột Urokit (tên tại VN: U-Stone) (Kali citrate 3g)	PIC/S GMP	20132020 000784 18	18/09/2018	18/09/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
19	2nd Plant, Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.,	No. 154, Kaiyuan Road, Sinying District, Tainan City 73055, Taiwan (* Cách ghi cũ: 154, Kai-yuan Road, Hsin-ying (730), Taiwan, Republic of China)	* Thuốc không vô trùng: + Dạng thuốc lỏng: hỗn dịch, dung dịch. + Dạng thuốc bán rắn: mỡ, kem; gạc tẩm kháng sinh. + Dạng thuốc rắn: viên nén bao ; viên nén; thuốc cốm; viên nang; thuốc đạn.	PICS GMP	4701	11/12/2018	12/11/2021	Food and Drug Administration, Tawain		2
20	Actavis Italy S.P.A.	Via Pasteur, 10-20014 Nerviano (MI), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô (chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào); dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào; hormon sinh dục hoặc chất có hoạt tính hormon sinh dục). * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon sinh dục hoặc chất có hoạt tính hormon sinh dục). * Thuốc sinh học: Protein tái tổ hợp dạng đông khô.	EU-GMP	IT/132/H/2018	30/05/2018	16/02/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
21	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Survey N. 214, Plot No. 20, Govt.Indl.Area, Phase II, Piparia, Silvassa-396230, U.T. of Dadra & Nagar Haveli, India	* Thuốc không vô trùng: + Viên bao phim Admenta (Memantine 5mg, 10mg); + Viên bao phim Arizil (Donepezil 5mg, 10mg); + Viên nang cứng Gabantin 300 (Gabantin 300mg); + Viên nén bao tan trong ruột Encorate (Sodium valproate 200mg, 300mg); + Viên bao giải phóng có kiểm soát Encorate Chrono (Sodium valproate 200mg, 300, 500mg); + Viên nén Zeptol (Carbamazepine 200mg) + Viên bao phim Clofranil (Clomipramine 25mg); + Viên nén bao phim Levenium (Levetiracetam 250, 500mg, 750mg, 1000mg); + Viên nang cứng Maxgalin (Pregabalin 75mg, 150mg); + Viên bao tan trong ruột Mesacol (Mesalamine 400mg); + Viên nén bao phim Mirtaz (Mirtazapine 15mg, 30mg); + Viên nén hòa tan nhanh Oleanz Rapitab (Olanzapine 5mg, 10mg) + Viên nén Parkizol (Pramipexole 0.25mg, 1mg); + Viên nang cứng Prodep (Fluoxetine 20mg); + Viên nén Sunirovel (Irbesartan 150mg, 300mg); + Viên nén Sunirovel H (Irbesartan 150mg, Hydrochlorothiazide 12,5mg); + Viên nén bao phim Suncardivas (Carvedilol 12,5mg, 6,25mg); + Viên nén bao phim Sunoxitol (Oxcarbazepine 150mg, 300mg); + Viên nén Sunsizopin (Clozapine 100mg, 25mg); + Viên nén bao phim Suntopirol (Topiramate 25mg, 50mg);	PIC/S-GMP	070/2018/GMP	28/11/2018	20/11/2021	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
22	CMG Pharmaceutical Co., Ltd	27 Gongdan 1-daero 27beon-gil, Siheung-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nang, miếng thuốc tan trong miệng (orodispersible film)	PIC/S-GMP	2018-D1-2039	09/05/2018	20/06/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety , Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
23	Remedina S.A.	23 Gounari & Areos Str., Kamatero Attiki, 13451 Greece	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng rắn và cấy ghép: chứa kháng sinh betalactam. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh betalactam: Viên nang cứng; viên nén; * Thuốc bột, viên nén bao phim chứa kháng sinh Cephalosporin.	EU-GMP	70779/2-7-2018	13/09/2018	02/05/2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
24	Cooper S.A.	64 Aristovoulou str., Athens, 11853, Greece	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: + Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc dạng rắn và cấy ghép (chứa kháng sinh betalactam); - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng	EU-GMP	39834/13-4-2018	30/04/2018	16/02/2021	National Organization for Medicines of Greece	1	
25	China Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd. Hsinfong Plant	182-1, Keng Tze Kou, Hsinfong, Hsinchu Taiwan, R.O.C	* Thuốc vô trùng: - Thuốc bột đông khô (sản xuất vô trùng); thuốc bột (sản xuất vô trùng) - Thuốc tiêm thể tích nhỏ (sản xuất vô trùng và tiết trùng cuối); Dung dịch thể tích lớn (tiết trùng cuối) * Thuốc không vô trùng: - Dung dịch; Thuốc bán rắn; Viên nén; viên nén bao; thuốc bột, thuốc cốm; viên nang; thuốc đạn.	PIC/S GMP	4525	31/07/2018	09/10/2020	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2
27	Biogen U.S. Corporation (Biogen Incorporated)	900 Davis Drive, Research Triangle Park, 27709, United State	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	UK GMP 22913 Insp GMP 22913/1404 041-0005	14/09/2016	18/07/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
29	Sanofi Pasteur	Parc industriel d'Incarville, Val-de-reuil, 27100, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	2018/HPF/F R/188	20/08/2018	31/01/2020	French Health Products Safety Agency (AFSSAPS)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
30	S.C. Rompharm Company S.R.L.	Str. Eroilor nr. 1A, Oras Otopeni, cod 075100, Jud. Ilfov, Romania	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	048/2017/R O	10/10/2017	30/06/2020	Romanian National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD)	1	
31	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang. (Tên tiếng Anh: <i>DHG Pharmaceutical Joint-Stock Company - DHG Pharmaceutical Plant Branch in Hau Giang</i>)	Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh- Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam (Địa chỉ tiếng Anh: <i>Lot B2-B3 Tan Phu Thanh Industrial Zone- Phase 1, Chau Thanh A District, Hau Giang Province, Vietnam</i>)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén sủi bọt; thuốc bột sủi bọt.	PICS-GMP	M01/19	24/01/2019	08/03/2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency, Ministry of Health Malaysia		2
34	Patheon Manufacturing Services, LLC (Cơ sở sản xuất)	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC (hoặc North Carolina) 27834, USA	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm Bridion Solution for injection (Sugammadex 100mg/ml; 10 vials x 5 ml)	EU-GMP	UYQZ-938E	21/09/2018	08/09/2019	European Medicines Agency	1	
	N.V. Organon (Cơ sở đóng gói)	Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, The Netherlands			NL/H 16/1010471 C	26/03/2017		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
35	Baxter Pharmaceutical Solutions LLC (Cơ sở sản xuất)	927 South Curry Pike, Bloomington, IN-47403, USA	Sản phẩm: Dung dịch tiêm Simponi (Golimumab 50mg/0,5ml)	EU-GMP	UK GMP 18058 Insp GMP 18058/1036 7-0012	25/07/2017	4/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Cilag AG (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Hochstrasse 201, 8200 Schaffhausen, Switzerland			18-0790	10/04/2018	03/0	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
36	Incepta Pharmaceuticals Limited - Zirabo Plant	Dewan Idris Road, Bara Rangamala, Zirabo, Savar, Dhaka, Bangladesh	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén, Viên nén bao phim	EU GMP	UK GMP 35139 Insp GMP 35139/9035 04-0003	28/09/2017	17/07/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
37	Baxalta US Inc.	25212, W. Illinois Route 120, Round Lake, IL 60073, USA	* Sản phẩm Albumin (Human), USP, 20% Solution, Flexbumin 20%.	US-GMP	HMHG-YGQ3 WHO	27/06/2018	26/06/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
39	Piramal Critical Care, Inc.	3950 Schelden Circle, Bethlehem, PA 18017, USA	* Sản phẩm: Thuốc dạng lỏng không vô trùng Sojourn (Sevoflurane, USP).	U.S. cGMP	A2VY-UNRH	10/10/2018	09/10/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
40	IPR Pharmaceuticals INC. (Cơ sở sản xuất)	Carr 188 Lote 17, San Isidro Industrial Park, PO Box 1624, Canovanas, PR 00729, Puerto Rico, United States	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Crestor 5mg (Rosuvastatin calcium 5.2mg); + Viên nén bao phim Crestor 10mg (Rosuvastatin calcium 10.4mg); + Viên nén bao phim Crestor 20mg (Rosuvastatin calcium 20.8mg);	EU-GMP	PP10156713 PP10153247 PP10153246	16-08-2018 27-12-2017 27-12-2017	28/3/2020; 28/3/2020; 28/3/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
	Astra Zeneca UK Limited (Cơ sở đóng gói)	Silk Road Business Park, Macclesfield, Cheshire, SK10 2NA, United Kingdom		EU-GMP	UK MIA 17901 Insp GMP/GDP/I MP 17901/1011 7- 0036	19/12/2017		Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		
44	MSD International GmbH (Singapore Branch) (Cơ sở sản xuất)	21 Tuas South Avenue 6, 637766, Singapore	* Sản phẩm: + Viên nén Isentress (Raltegravir 400mg)	EU GMP	NL/H 16/1012621	15/01/2017	12/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, NL-2031 BN Haarlem, Netherlands		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018	14/1	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
45	Sanofi Pasteur INC	1 Discovery Drive, Swiftwater PA 18370, US	Dung dịch pha tiêm Menactra, 0,5ml (vắc xin não mô cầu các typ và Giải độc tố bạch hầu)	US-GMP	MGBT-MRMU WHO	18/10/2018	17/10/2020	USFDA	1	
47	Upsa Sas	979 Avenue des Pyrénées, Le Passage, 47520, France	* Thuốc không vô trùng: thuốc cốm; thuốc bột; thuốc bột sủi bọt; viên nén; viên nén sủi bọt.	EU GMP	2018/HPF/F R/157	13/06/2018	09/11/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
48	Limited Liability Company Pharmaceutical Plant BIOFARMA	Building 37, Kyivska street, Bila Tserkva, Kyiv region 09100 Ukraine	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính hormon); Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính hormon); thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi và xịt mũi.; - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính hormon); và dịch chiết. * Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính hormon); Viên đạn, viên đặt âm đạo; * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học; thuốc chiết xuất từ người hoặc động vật	PIC/S - GMP	037/2018/GMP	07/04/2018	15/06/2021	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control		2
49	Fresenius Kabi Austria GmbH	Hafnerstraße 36, 8055 Graz, Austria	Dung dịch pha tiêm truyền Zometa (Zoledronic acid: 4mg/100ml)	EU-GMP	INS-480166-0080-001 (4/5)	27/04/2017	31/03/2020	Austrian Federal Office for Safety in Health Care (BASG)	1	
52	Patheon Manufacturing Services, LLC (Cơ sở sản xuất)	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC (hoặc North Carolina) 27834, USA	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm Bridion Solution for injection (Sugammadex 100mg/ml; 10 vials x 2 ml	EU-GMP	WAP7-EA4V	21/09/2018	2019	European Medicines Agency	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	N.V. Organon (Cơ sở đóng gói)	Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, The Netherlands			NL/H 16/1010471 C	26/03/2017	08/09/2017	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
53	Pierre Fabre Medicament Production (Cơ sở sản xuất)	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, IDRON, 64320, France	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô Cernevit.	EU -GMP	2018/HPF/F R/186	17/08/2018	27/04/2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
	Baxter SA (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng lô)	Boulevard Rene Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium		EU GMP	BE/GMP/2018/104	19/11/2018		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
54	Aspen Notre Dame De Bondeville	1 rue de l'Abbaye Notre Dame De Bondeville, 76960, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sinh học: Thuốc chiết xuất từ người và động vật.	EU-GMP	2018/HPF/F R/171	27/07/2018	30/09/2019	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	1	
55	Pfizer Ireland Pharmaceuticals	Little Connell, Newbridge, Co. Kildare, Ireland	* Thuốc không vô trùng bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính học môn: Viên nang cứng; viên nén.	EU GMP	15440/M1063	30/06/2017	17/02/2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
56	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG (Cơ sở sản xuất)	Vetter Pharma-Fertigung Schützenstr. 87 und 99-101, 88212 Ravensburg, Germany	* Sản phẩm: dung dịch tiêm Elonva 100mcg/0,5ml (corifollitropin alfa); Elonva 150mcg/0,5ml (corifollitropin alfa); dung dịch tiêm Orgalutran (ganirelix 0,25mg/0,5ml)	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0067	23/05/2018	08/09/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	N.V. Organon (Cơ sở đóng gói)	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands Cách ghi khác: Molenstraat 110, 5342 CC Oss, Netherlands hoặc: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Netherlands		EU GMP	NL/H 16/1010471 C	26/03/2017		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
58	Famar Lyon	29 Avenue Charles de Gaulle, Saint Genis Laval, 69230, France (hoặc 29 Avenue Charles de Gaulle, 69230 Saint Genis Laval, France)	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột (kháng sinh nhóm cephalosporin); Dạng bán rắn; Viên nén (kháng sinh nhóm cephalosporin); Viên nén bao phim.	EU-GMP	HPF/FR/193/2017	01/08/2017	24/03/2020	French National Agency for Medicines and Health Products Safety	1	
62	Janssen Cilag S.P.A.	Via C. Janssen (loc. Borgo S. Michelle), 04100 Latina (LT), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc phun mù; viên nén, viên nén bao phim	EU GMP	IT/184/H/2018	08/08/2018	18/05/2021	AIFA Italian Medicines Agency	1	
63	Biotest AG (Cơ sở sản xuất)	Biotest AG, Landsteinerstrasse 5, 63303 Dreieich, Germany	* Sản phẩm: - Bột và dung môi pha tiêm Haemoctin SDH 250; - Dung dịch tiêm truyền Intratect; - Bột và dung môi pha tiêm Haemoctin SDH 500; - Dung dịch tiêm tĩnh mạch Pentaglobin; - Dung dịch tiêm Fovepta; - Dịch truyền Biseko (Protein huyết tương người 50g (Albumin 31g; Kháng thể người 10g)/1000ml). - Dịch truyền Albiomin 20% (Protein huyết tương người 200g (Albumin ≥ 96%)/1000ml).	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0111	04/10/2018	03/02/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Biotest Pharma GmbH (Cơ sở chứng nhận xuất xưởng)	Biotest Pharma GmbH, Landsteinerstrasse 5, 63303 Dreieich, Germany		EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2017_0018	15/02/2017				
67	Mega Lifesciences Australia Pty Ltd (Cơ sở sản xuất, đóng gói và xuất xưởng)	60 National Avenue PAKENHAM VIC 3810 Australia	* Sản phẩm: Thuốc bột uống Flexsa 1500 (Glucosamin sulfate 2 KCl, 1500mg Glucosamin sulfate)	PIC/S GMP	MI-2017-LI-03740-1	10/04/2017	16/02/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia		2
	Mega Lifesciences Public Company Limited (Cơ sở kiểm nghiệm (phép thử vi sinh, hóa học và vật lý))	384 Moo 4 Soi 6 Bangpoo Industrial Estate Pattana 3 Road Phraeska Mueang Samutprakarn 10280 Thailand			DE_NW_01_GMP_2017_1017	12/04/2018		Cơ quan thẩm quyền Đức		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
69	Dr. Gerhard Mann Chem.-pharm. Fabrik GmbH	Brunsbütteler Damm 149-153, 155a, 165-173, 13581 Berlin, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bán rắn; Gel nhỏ mắt; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng.	EU GMP	DE_BE_01_GMP_2018_0017	22/08/2018	04/04/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
70	S.C. Laropharm S.R.L.	Șos. Alexandriei nr. 145A, Oraș Bragadiru, Jud. Ilfov, cod 077025, Romania	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén bao phim; viên nén; dạng bào chế bán rắn.	EU-GMP	038/2018/R O	19/10/2018	31/05/2020	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	
71	Xellia Pharmaceuticals ApS	Dalslandsgade 11, Kobenhavn S, 2300 (hoặc 2300 Copenhagen S), Denmark	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; thuốc bột pha tiêm, tiêm truyền; thuốc bột hít.	EU-GMP	DK H 00099518	27/03/2018	17/08/2020	Danish Health and Medicines Authority	1	
72	Rentschler Biopharma SE (Tên cũ: Rentschler Biotechnologie GmbH)	Erwin-Rentschler-Straße 21, 88471 Laupheim, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch (vắc xin, huyết thanh); thuốc công nghệ sinh học (Protein tái tổ hợp; kháng thể đơn dòng; cytokine).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0003	31/01/2018	13/12/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
73	Shin Poong Pharmaceutical Co., Ltd	70 Sandan-Ro 19beongil, Danwon-Gu, Ansan-Si, Gyeonggi-do, Repulic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: viên nén; thuốc cốt; * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nén; siro khô; thuốc tiêm	PIC/S-GMP	2018-D1-2274	04/10/2018	10/05/2021	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
74	Dr. Reddy's Laboratories Ltd. FTO-VII	Plot No. P1 to P9, Phase-III, Duvvada, VSZE, Visakhapatnam, Andhra Pradesh 530046, India	* Sản phẩm: + Pemetrexed for I.V. infusion 100 mg; + Pemetrexed for I.V. infusion 500 mg;	Japan GMP	AG13300276	23/02/2018	14/12/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan		2
75	Lilly France (Cơ sở sản xuất ống thuốc)	2 rue du Colonel Lilly, 67640 Fegersheim, France	* Sản phẩm: Hỗn dịch tiêm Humalog Mix 75/25 KwikPen (insulin lispro injection 300 units)	US-GMP	4EUV-FA6P	21/08/2018	20/08/2020	United States Food and Drug Administration	1	
	Eli Lilly and Company (Cơ sở lắp ráp, đóng gói bút tiêm Kwikpen)	Indianapolis IN 46285, USA								

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
76	Lilly France (Cơ sở sản xuất ống thuốc)	2 rue du Colonel Lilly, 67640 Fegersheim, France	* Sản phẩm: Hỗn dịch tiêm Humalog Mix 50/50 KwikPen (insulin lispro injection 300 units)	US-GMP	BWEG-ZBB2	20/08/2018	19/08/2020	United States Food and Drug Administration	1	
	Eli Lilly and Company (Cơ sở lắp ráp, đóng gói bút tiêm Kwikpen)	Indianapolis IN 46285, USA								
77	Lilly France (Cơ sở sản xuất ống thuốc)	2 rue du Colonel Lilly, 67640 Fegersheim, France	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm Humalog KwikPen (insulin lispro injection 300 units)	US-GMP	M9VQ-UKKN	20/08/2018	19/08/2020	United States Food and Drug Administration	1	
	Eli Lilly and Company (Cơ sở lắp ráp, đóng gói bút tiêm Kwikpen)	Indianapolis IN 46285, USA								
78	Il-Yang Pharm. Co., Ltd	110 Hagal-ro, Giheung-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Korea	* Viên nén; viên nang; thuốc bột; viên nhai. * Dung dịch thuốc uống, siro uống; hỗn dịch thuốc uống.	PIC/S-GMP	2018-D1-2120	12/09/2018	16/04/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
80	Austin Pharm Co., Ltd	20 Seonggok-ro 146 beongil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén; viên nang cứng; thuốc cốm; thuốc bột; viên hoàn. * Dung dịch thuốc uống; Si rô thuốc; hỗn dịch thuốc uống. * Thuốc kem, thuốc mỡ; thuốc gel.	PIC/S-GMP	2018-D1-2196	28/09/2018	25/07/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
81	TTY Biopharm Company Limited Chung Li Factory	838, Chung Hwa Rd., Sec. 1, Chungli Dist., Taoyuan City, 32069, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ, thuốc kem); * Thuốc chứa chất độc tế bào: thuốc tiêm (sản xuất vô trùng và tiệt trùng cuối); viên nang, viên nén bao phim	PIC/S-GMP	4682	29/10/2018	30/09/2019	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2
82	Baxter Manufacturing S.P.A	Via G.B.Oliva, 2 (loc. Ospedaletto) 56100 Pisa (PI) (hoặc 2-56121 Loc. Ospedaletto Pisa) talia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn (chế phẩm máu).	EU-GMP	IT/35-1/H/2017	07/03/2017	24/11/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
83	AstraZeneca AB (Cơ sở sản xuất)	PET Nexium/Losec, Gartunavagen, Sodertalje, 15185, Sweden) (Cách ghi khác: SE-15185 Sodertalje, Sweden)	Sản phẩm: + Viên nén Nexium (esomeprazole) các hàm lượng + Viên nén Losec (Omeprazole) các hàm lượng	EU-GMP	6.2.1-2018-004246	06/09/2018	08/03/2021	Swedish Medical Products Agency (MPA)	1	
	AstraZeneca AB (Cơ sở đóng gói)	PET Packaging, Gartunavagen, Sodertalje, 15185, Sweden (Cách ghi khác: SE-15185 Sodertalje, Sweden)		EU-GMP	6.2.1-2018-030278	17/09/2018	14/06/2021	Swedish Medical Products Agency (MPA)		
85	Alpex Pharma SA	Via Cantonale, 6805 Mezzovico-Vira, Switzerland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén phân tán.	PIC/S-GMP và EU-GMP	17-2448	08/01/2018	06/12/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
86	Micro Labs Limited	Old building or Plot 16 (site number ML11): No. 16, Veerasandra Industrial Area, Anekal Taluk, Bangalore 560 100, Karnataka, India	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin: Viên nén; Viên nén bao phim; Thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0098	17/08/2018	25/04/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierungspräsidium Darmstadt)		2
87	Kopran Limited	Village Savroli, Khalapur, Raigad, Maharashtra, IN-410202, India	* Plant I: Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nang cứng; viên nén. * Plant II: Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm beta lactam: viên nang cứng; viên nén; viên bao.	EU-GMP	UK GMP 14967 Insp GMP 14967/5900-0010	01/12/2016	19/09/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
88	Korean Drug Co., Ltd	69-10, Wonjeok-ro, Sindun-myeon, Icheon-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; viên rã trong miệng, viên nhai; dung dịch thuốc uống; si rô; hỗn dịch uống.	PIC/S-GMP	2018-D1-2542	02/11/2018	29/08/2021	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
90	Merck Sharp Dohme International GmbH (Singapore Branch) (Cơ sở sản xuất)	21 Tuas South Avenue 6, Singapore 637766, Singapore	* Sản phẩm: Thuốc viên nén Vytorin 10mg/10mg; 10mg/20mg; 10mg/40mg (Ezetimibe 10mg/Simvastatin 10mg; Ezetimibe 10mg/Simvastatin 20mg; Ezetimibe 10mg/Simvastatin 40mg).	PIC/S-GMP	NL/H 16/1012621	15/01/2017	14/12/2019	Health Sciences Authority (HSA), Singapore		2
	PT. Merck Sharp Dohme Pharma Tbk (Cơ sở đóng gói)	Jl. Raya Pandaan Km. 48, Pandaan, Pasuruan, Jawa Timur, Indonesia			5141/CPOB/A/II/18	21/02/2018		National Agency for Drug and Food Control Indonesia (NADFC)		
91	LTS Lohmann Therapie - Systeme AG	Lohmannst. 2, 56626 Andernach, Germany	* Thuốc không vô trùng: thuốc khung thẩm; dạng bào chế bán rắn; miếng dán ngoài da chứa hóc môn và các chất có hoạt tính hóc môn.	EU-GMP	DE_RP_01_GMP-2018_0005	06/02/2018	26/10/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
92	Chiesi Farmaceutici S.P.A.	Via San Leonardo 96 - 43122 Parma (PR), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (chứa corticosteroid, thuốc sinh học). * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng (chứa corticosterid); thuốc bột (chứa corticosteroid); thuốc phun mù (chứa corticosteroid); viên nén. * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ động vật.	EU-GMP	IT/112-1/H/2017	06/07/2017	02/01/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
		Via Palermo, 26/A - 43122 - Parma (PR), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (thuốc sinh học). * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng. * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ động vật.							
Đợt 63 (theo Công văn số 2579/QLD-CL ngày 06/03/2019 của Cục Quản lý Dược)										
1	Pierre Fabre Medicament Production (Cơ sở sản xuất)	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, IDRON, 64320, France	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô Cernevit.	EU -GMP	2018/HPF/F R/186	17/08/2018	4/2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Baxter SA (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng lô)	Boulevard René Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium		EU GMP	BE/GMP/2018/104	19/11/2018	27/0	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
2	Baxter SA	Boulevard René Branquart 80, Lessines, 7860, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: - Dung dịch, nhũ dịch thể tích lớn; - Dung dịch, nhũ dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	BE/GMP/2018/104	19/11/2018	19/10/2021	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
3	Cadila Pharmaceuticals Limited	1389, Trasad Road, Dholka 382225, Ahmedabad, Gujarat, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc bột pha tiêm chứa Cephalosporin.	PIC/S GMP	M045/18	05/11/2018	30/03/2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
4	Baliarda S.A	Saavedra 1260/62 (C1247AAA), Ciudad Autónoma de Buenos Aires, República Argentina	* Sản phẩm viên nén bao phim Reagin Plus (Citicolin (dưới dạng Citicolin natri) 100mg, Nimodipin 30mg)	PIC/S GMP	CPP: 20132020 001264 18	05/11/2018	05/11/2019	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
5	Bilim İlaç Sanayi Ve Ticaret Anonim Şirketi	Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Karaağaç Mh. 5. Sk. No.6, Kapaklı-Tekirdağ, 59510, Turkey	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Beta lactam: Viên nang cứng; viên nén; bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	UP/I-530-10/17-03/16; 381-10-05/243-17-11	22/12/2017	13/10/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia		2
6	PHARMATHEN INTERNATIONAL SA	Industrial Park Sapes Rodopi Prefecture, Block No 5, Rodopi, 69300, Greece Cách viết khác: Sapes industrial park, Block 5, Rodopi, GR-69300-Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép (thuốc bột pha tiêm). *Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	82818/ 1-8-2018	26/09/2018	22/06/2021	Greece National Organization for Medicines	1	
8	Fresenius Kabi Oncology Limited	19, HPSIDC, Industrial Area, Baddi, Distt. Solan, Himachal Pradesh 173205, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch tiêm; thuốc bột đông khô pha tiêm.	PIC/S GMP	109-0695	19/11/2018	31/10/2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
9	Patheon Manufacturing Services LLC. (Cơ sở sản xuất)	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, North Carolina (hoặc NC) 27834, USA	* Sản phẩm: Cốm uống SINGULAIR® ORAL, Granule (Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 4mg).	EU-GMP	EK26-WH86	02/11/2018	19/04/2020	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
	Merck Sharp & Dohme Corp. Wilson Plant (Cơ sở đóng gói cấp 1)	4633 Merck Road, Wilson, North Carolina (hoặc NC) 27893, USA		EU-GMP	NL/H 17/1014440	08/06/2017		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói cấp 2)	Waaderweg 39, HAARLEM, 2031BN, Netherlands		EU-GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
10	AstraZeneca AB	SE-15185 Sodertälje, Sweden (Địa chỉ cụ thể: Oral Solid Dosage, Gärtunavägen, Södertälje, 151 85, Sweden)	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; pellet, thuốc cốm; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	5.9.1-2018-085989	27/11/2018	25/01/2021	Swedish Medical Products Agency (MPA)	1	
11	Corden Pharma GmbH	Corden Pharma, Otto-Hahn-Str. 68723 Plankstadt, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc cốm, thuốc bột (chứa hoạt chất có hoạt tính cao); viên nén, viên bao (chứa hoạt chất có hoạt tính cao).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0116	20/09/2018	02/08/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
12	Corden Pharma Societa' Per Azioni	Viale Dell' Industria, 3 E Reparto Via Galilei, 17-20867, Caponago (MB), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch, nhũ tương thể tích nhỏ.	EU GMP	IT/129/H/2018	24/05/2018	30/09/2019	AIFA Italian Medicines Agency	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
15	CSL Behring GmbH	CSL Behring GmbH Görzhäuser Hof 35041 Marburg (Stadtteil Michelbach) Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô. * Chế phẩm sinh học: chế phẩm từ máu; thuốc công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Human-thrombin; fibrinogen từ người	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0144	21/11/2018	14/06/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
16	Nobel Ilac Sanayii ve Ticaret A.S.	Sancaklar Mah.Eski Akcakoca Cad. No: 299 81100, Düzce-Turkey	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm nhóm Cephalosporin. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc xịt, dung dịch dùng ngoài; hỗn dịch uống; siro và nhũ dịch uống; thuốc kem, mỡ (pomade) và thuốc gel; viên nén; viên ngậm; viên nén bao phim và viên nén bao tan trong ruột, viên bao đường (dragee); thuốc bột; thuốc cốm. * Thuốc dược liệu: Siro; viên nén. * Thuốc chứa Cephalosporin: viên bao phim; bột pha hỗn dịch uống.	EU GMP	TR/GMP/2018/204	27/09/2018	12/04/2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2
18	cơ sở sản xuất: Novartis Pharma Stein AG	Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Switzerland	* Sản phẩm: + Bột hít chứa trong nang cứng Onbrez Breezhaler (Indacaterol (dưới dạng indacaterol maleat) 150mcg). + Bột hít chứa trong nang cứng Onbrez Breezhaler (Indacaterol (dưới dạng indacaterol maleat) 300mcg).	EU GMP	18-0868	16/04/2018	26/01/2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
	cơ sở đóng gói và xuất xưởng: NOVARTIS FARMACÉUTICA, S.A.	Ronda de Santa Maria, 158, 08210 Barbera Del Valles (Barcelona), Spain Cách ghi khác: Ronda de Santa María, 158, Barberá del Vallés, 08210, Spain		EU GMP	NCF/1851/01/CAT	19/10/2018		Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain		
19	Sichuan Kelun Pharmaceutical Co. Ltd.	South of No. 2 road, Xindu Satellite City Industrial Development Zone, Chengdu, Sichuan, China	* Sản phẩm: Sodium chloride injection, 100mL Polypropylene bottle "CMX"	Japan GMP	AG10500628	29/06/2017	31/07/2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
21	SUN Pharmaceutical Industries Ltd.	Industrial Area -3, AB Road, Dewas F, General Block, Block B & C, PENEM Block, Madhya Pradesh - 455001, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang; thuốc bột pha hỗn dịch; Thuốc bột carbapenem.	PIC/S GMP	26/7/3/3/1/G0083/2018	03/09/2018	03/09/2019	South African Health Products Regulatory Authority		2
22	Branch of ImexPharm Corporation	Vinh Loc Hi-Tech Pharmaceutical Antibiotic Plant, Lot B15/I - B16/I, Street 2A, Vinh Loc Industrial Park, Binh Hung Hoa B Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm β -lactam: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, thuốc bột.	EU GMP	FT072/S1/MH/001/2018	02/01/2019	21/09/2021	National Authority of Medicines and Health Products, Portugal		2
23	Helsinn Birex Pharmaceuticals Ltd	Damastown, Mulhuddart, Dublin 15, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bán rắn; viên nén; thuốc bột; thuốc cốm.	EU GMP	15413/M294	08/03/2017	20/01/2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
25	Siegfried Hameln GmbH (Cơ sở sản xuất)	Langes Feld 13, 31789 Hameln, Germany	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm Esmeron (Rocuronium bromide 10mg/ml)	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2018_0013	16/01/2018	08/09/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	N.V. Organon (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands (* Cách ghi khác: Molenstraat 110, 5342 CC Oss, Netherlands hoặc: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Netherlands)		EU GMP	NL/H16/1010471C	26/03/2017		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
27	Zim Laboratories Limited	B-21/22, MIDC Area, Kalmeshwar, Nagpur, 441501, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén; phim khuếch tán trong miệng.	EU GMP	FT065/MH/002/2018	03/07/2018	01/02/2021	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
28	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Bayan Lepas Free Industrial Zone, 11900 Bayan Lepas, Pulau Pinang, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; Dung dịch thể tích lớn.	PIC/S-GMP	698/18	30/05/2018	12/01/2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency - Malaysia		2
29	Amanta Healthcare Ltd	Plot No. 876, .N.H., No. 8, Village Hariyala, Tal-Matar, District Kheda, Gujarat, 387411, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (dung dịch nhỏ mắt, dung dịch khí dung). * Sản phẩm: + Dung dịch xịt khí dung Salbutamol 2.5mL	PIC/S GMP	063/2018/GMP	21/11/2018	20/07/2021	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2
30	Biofarma Ilac Sanayi Ve Ticaret AS.	Akpınar mah. Osmangazi cad. No: 156, Sancaktepe, Istanbul Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm gelatin; dung dịch dùng ngoài; Sirô, dung dịch, hỗn dịch uống; thuốc bán rắn (kem, gel, mỡ); thuốc đạn, thuốc trứng; viên nén, viên nén nhai, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột, viên nén bao đường; thuốc bột, thuốc cốm pha hỗn dịch uống; viên nén, viên nén bao phim chứa dược chất có hoạt tính hormon.	PIC/S GMP	TR/GMP/2018/130	19/06/2018	09/05/2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2
31	Limited liability company <<Yuria-Pharm>>	* 108, Kobzarska street, Cherkassy, Cherkassy region, Ukraine, 18030; * 21, Chygyrynska street, Cherkassy, Cherkassy region, Ukraine, 18030.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thẩm phân phúc mạc; dung dịch rửa vết thương; dung dịch để hít; hỗn dịch để hít (chứa hormon), thuốc nhỏ mắt. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc xịt (chứa hormon).	PIC/S GMP	071/2018/GMP	05/12/2018	26/10/2021	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
32	CSL Behring AG	Wankdorfstrasse 10, 3014 Bern, Switzerland	* Thuốc vô trùng chứa sản phẩm từ máu và huyết tương: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ, thuốc đông khô.	PIC/S-GMP và EU-GMP	18-1611	16/07/2018	04/05/2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
33	Catalent Germany Eberbach GmbH (Cơ sở sản xuất)	Gammelsbacher Str.2, 69412 Eberbach, Germany	* Sản phẩm: Viên nang mềm Navelbine (Vinorelbine 20mg, 30mg)	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0072	11/06/2018	19/04/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Pierre Fabre Medicament Production (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, 64320 IDRON, France		EU -GMP	2018/HPF/FR/186	17/08/2018		National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
34	Pierre Fabre Medicament Production (hoặc Pierre Fabre Medicament Production- Idron) (Cơ sở sản xuất)	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, Idron, 64320 (hoặc F-64320 Idron) , France	* Sản phẩm: Bột pha dung dịch tiêm Velcade (Bortezomib 3,5mg)	EU -GMP	2018/HPF/F R/186	17/08/2018	24/11/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
	Janssen Pharmaceutica NV (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340 (hoặc B-2340 Beerse), Belgium		EU GMP	BE/GMP/2017/124	30/03/2018		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
35	Ctcbio Inc	228-16 Gangchon-ro, Danwon -gu, Ansan-si Gyeonggi -do, Republic of Korea	Thuốc uống dạng rắn: Thuốc viên nén; thuốc bột; phim tan dưới lưỡi (orodispersible film);	PIC/S GMP	2018-D1-2278	05/10/2018	27/06/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
36	Catalent Germany Eberbach GmbH	Gammelsbacher Str.2 69412 Eberbach Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; viên nang đặt trực tràng và viên nang đặt âm đạo.	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0072	11/06/2018	19/04/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
37	Novartis Farmaceutica, SA	Ronda de Santa Maria, 158, 08210 Barbera Del Valles (Barcelona), Spain	*Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, hướng thần): - Viên nén; viên nén bao phim - Viên nang cứng (bao gồm cả chất kim tế bào).	EU-GMP	NCF/1851/001/CAT	19/10/2018	11/10/2021	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
38	Janssen Cilag Manufacturing LLC (Cơ sở sản xuất)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (hoặc Puerto Rico 00778), USA	* Sản phẩm: Viên nén giải phóng kéo dài Concerta 18mg (methylphenidate HCl).	U.S. cGMP	CPP: DMQP-CSWA			United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	AndersonBrecon Inc., (Cơ sở đóng gói)	4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, USA				17/09/2018	18/07/2020			

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Janssen Ortho LLC (Cơ sở kiểm tra chất lượng để xuất xưởng lô thuốc)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (hoặc Puerto Rico 00778), USA				0	0			
39	Janssen Cilag Manufacturing LLC (Cơ sở sản xuất)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (hoặc Puerto Rico 00778), USA	* Sản phẩm: Viên nén giải phóng kéo dài Concerta 36mg (methylphenidate HCl).	U.S. cGMP	CPP: CGSE-8QSC	029/7/2018	08/07/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	AndersonBrecon Inc., (Cơ sở đóng gói)	4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, USA								
	Janssen Ortho LLC (Cơ sở kiểm tra chất lượng để xuất xưởng lô thuốc)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (hoặc Puerto Rico 00778), USA								
40	Janssen Cilag Manufacturing LLC (Cơ sở sản xuất)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (hoặc Puerto Rico 00778), USA	* Sản phẩm: Viên nén giải phóng kéo dài Concerta 54mg (methylphenidate HCl).	U.S. cGMP	CPP: PAKP-86KH	07/09/2018	08/07/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	AndersonBrecon Inc., (Cơ sở đóng gói)	4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, USA								
	Janssen Ortho LLC (Cơ sở kiểm tra chất lượng để xuất xưởng lô thuốc)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (hoặc Puerto Rico 00778), USA								

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
41	Janssen Cilag Manufacturing LLC (Cơ sở sản xuất)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (hoặc Puerto Rico 00778), USA	* Sản phẩm: Viên nén giải phóng kéo dài Concerta 27mg (methylphenidate HCl).	U.S. cGMP	CPP: H8GR-65KZ	07/09/2018	08/07/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	AndersonBrecon Inc., (Cơ sở đóng gói)	4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, USA								
	Janssen Ortho LLC (Cơ sở kiểm tra chất lượng để xuất xưởng lô thuốc)	State road 933 km 0.1, Mamey ward, Gurabo, Puerto Rico (hoặc Puerto Rico 00778), USA								
42	Laboratoire Aguettant	1 rue Alexander Fleming, Parc Scientifique Tony Garnier, Lyon, 69007, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	2018/HPF/FR/230	25/10/2018	29/06/2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
43	Lainco, SA	Poligon Industrial Can Jardi, Avgda. Bizet, 8-12, 08191 RUBI (Barcelona), Spain	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn.	EU-GMP	NCF/1854/001/CAT	21/11/2018	19/07/2021	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
44	Cadila Healthcare Limited	Plot No. 417, 419, 420, Sarkhej - Bavla N.H.No. 8A, Village -Moraiya, Tal-Sanand, Dist: Ahmedabad-382 210, India	* Thuốc tiêm tiệt trùng cuối; * Viên nén; viên bao phim; viên nang cứng; thuốc phun mù.	PIC/S GMP	1066054406	21/06/2018	30/11/2019	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
45	New Gen Pharm INC.	117 Seogam-ro 9-gil, Iksan-si Jeollabuk-do, Republic of Korea	- Thuốc viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc mỡ	PIC/S-GMP	2018-F1-0158	24/10/2018	25/12/2020	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
46	AstraZeneca Pty Ltd	10-14 Khartoum Road, NORTH RYDE, NSW 2113, Australia	* Thuốc vô trùng: Hỗn dịch khí dung dùng để hít	PICS-GMP	MI-2018-LI-10042-1	27/08/2018	23/06/2020	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
47	Dae Hwa Pharmaceutical Co., Ltd	495, Hanu-ro, Hoengseong eup, Hoengseong-gun, Gangwon-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nang; phim phân tán trong miệng. * Thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc gel * Miếng dán, thuốc đắp. * Dung dịch uống chứa chất độc tế bào.	PICS GMP	2018-B1-0320	27/11/2018	01/11/2021	Seoul Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
48	Laboratoires Galeniques Vernin	20 Rue Louis-Charles Vernin, Dammarie Les Lys, 77190, (hoặc 77190 Dammarie Les Lys) France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; thuốc bột; viên nén; viên nén bao phim; thuốc đạn.	EU-GMP	2018/HPF/F R/156	21/06/2018	22/03/2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety Agency (ANSM)	1	
49	Laboratoires Opodex Industrie	36-42 avenue Marc Sangnier, 92390 Villeneuve La Garenne (hoặc Villeneuve La Garenne 92390) France	* Thuốc không vô trùng: - Thuốc dùng ngoài dạng lỏng - Thuốc uống dạng lỏng - Các thuốc dạng rắn khác: Thuốc bột - Các thuốc dạng bán rắn	EU GMP	2018/HPF/F R/129	17/05/2018	02-20-21	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	1	
50	Getz Pharma Pvt. Ltd.	Plot 29-30, Sector 27, Korangi Industrial Area, 74900 Karachi, Pakistan	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; viên nhai; thuốc hít phân liều.	PICs-GMP	M040/18	14/08/2018	05/04/2021	Malaysian National Pharmaceutical Control Bureau (NPCB)		2
51	Sofarimex - Indústria Química e Farmacêutica, S.A	Av. Das Indústrias - Alto do Colaride, Cacém, 2735-213, Portugal.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm (bao gồm cả thuốc bột đông khô pha tiêm); dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cổm; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	F027/S1/MH/001/2018	13/07/2018	02/02/2021	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
52	Pfizer Pharmaceuticals LLC	K.M 1.9, Rd 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA	* Viên nang Celebrex (celecoxib 200mg)	U.S. cGMP	NNV6-Z2WR	17/09/2018	16/09/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
53	Berko Ilac Ve Kimya San. A.S	Adil Mahallesi., YÖrükler Sokak No: 2 34920 Sultanbeyli, Istanbul, Turkey.	- Siro thuốc; thuốc uống nhỏ giọt; thuốc xịt (không có khí gas); dung dịch thuốc; hỗn dịch thuốc; viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc gói; thuốc bột pha hỗn dịch; thuốc đạn; lotion; thuốc trứng; thuốc kem; thuốc mỡ; thuốc gel	PIC/S GMP	TR/GMP/2018/283	26/11/2018	20/04/2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2
54	Merck Sharp & Dohme Limited	Shotton Lane, Cramlington, NE23 3JU (hoặc Northumberland NE23 3JU), United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên bao phim, viên nhai.	EU-GMP	UK MIA 25 Insp GMP/IMP 25/4061-0028	04/12/2018	12/06/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
55	Merck Sharp & Dohme Limited (Sản xuất)	Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom.	* Sản phẩm: - Thuốc viên nén Renitec 5mg (Enalapril maleat 5mg). - Thuốc viên nén bao phim Singulair (Montelukast dưới dạng Montelukast natri 10mg).	EU-GMP	UK MIA 25 Insp GMP/IMP 25/4061-0028	04/12/2018	09/11/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
	Merck Sharp Dohme B.V (Đóng gói)	Waarderweg, 39, 2031 BN, Haarlem, Netherlands		EU-GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
56	Amgen Manufacturing Limited	Road 31, Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, United States	- Sản phẩm dung dịch tiêm Neupogen (bơm tiêm đóng sẵn chứa Filgrastim 30mcg/0,5ml)	EU GMP	SUW2-JX2P	31/10/2018	30/10/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
57	Exir Pharmaceutical Co	2nd Km of Ring road, Boroujerd, 69189 , Iran	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao; viên nang cứng; thuốc bột, thuốc uống dạng lỏng. *Thuốc vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (tiêm/tiêm truyền); thuốc đông khô. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Thuốc bột pha tiêm/tiêm truyền; thuốc bột	PIC/S GMP	665/93417	02/01/2019	10/12/2021	Iranian Food and Drug Administration (IFDA)		2
58	Medopharm Private Limited	No.50 Kayarambedu Village, Guduvanchery, Chengalpet District, Tamil Nadu, IN-603 202, India	*Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc bột khô pha hỗn dịch uống. * Thuốc sinh học: sản phẩm chứa beta-lactum	EU-GMP	UK GMP 31201 Insp GMP 31201/3490 94-0008	31/07/2018	21/03/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
59	Sanofi Winthrop Industrie (<i>Cách ghi khác: Sanofi Winthrop Industrie - Carbon Blanc</i>)	1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, Carbon Blanc, 33565, France (* Cách ghi khác: 1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, 33565 Carbon Blanc Cedex, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; vi cốt. * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật; Enzym vi sinh vật.	EU-GMP	2018/HPF/68/196	04/09/2018	20/04/2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
60	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd	G17/1 Tarapur industrial Area (M.I.D.C), Boisar, Maharashtra, 401506, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc độc tế bào): Thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối (bao gồm cả thuốc độc tế bào): dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sản xuất không vô trùng (bao gồm cả thuốc độc tế bào): Viên nang cứng, viên nén.	EU-GMP	OGYEI/41297-4/2018	29/01/2019	28/08/2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition, Hungary		2
61	PT. Ethica Industri Farmasi (PT. Ethica)	Kawasan Industri Jababeka Tahap V, Blok B1B1, Desa Jayamukti, Kecamatan Cikarang Pusat, Kabupaten Bekasi, Jawa Barat, Indonesia	* Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam, không bao gồm thuốc tránh thai, các hormon sinh dục khác và thuốc kìm tế bào). * Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc tiêm thể tích nhỏ dưới 100ml (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh không betalactam, không bao gồm thuốc tránh thai, các hormon sinh dục khác và thuốc kìm tế bào)	PIC/S GMP	4753/CPOB/A/VI/16	11/03/2016	21/06/2021	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
62	Eli Lilly Italia S.P.A	V.Gramsci, 731-733 - 50019 Sesto Fiorentino (FI), Italia <i>cách viết khác: "Via Gramsci, 731-733, Sesto Fiorentino, 50019 Florence, Italia</i>	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ chứa chế phẩm công nghệ sinh học. * Thuốc sinh học: - Chế phẩm công nghệ sinh học: chế phẩm protein tái tổ hợp.	EU GMP	IT/232/H/2018	14/11/2018	22/06/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
63	Recipharm Karlskoga AB	Bjorkbornsvagen 5, Karlskoga, 69133, Sweden	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiết trùng cuối dạng bán rắn; * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn (kem, gel); thuốc đạn; miếng dán ngoài da	EU GMP	5.9.1-2018-102303	20/12/2018	23/08/2021	Sweden Medical Products Agency	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
64	GlaxoSmithKline Biologicals - Saint Amand Les Eaux . Cách ghi khác: GlaxoSmithKline Biologicals.	637 Rue des Aulnois, SAINT AMAND LES EAUX, 59230, France	*Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	2018/HPF/FR/249	12/11/2018	20/07/2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
66	Frosst Iberica, S.A. (Cơ sở sản xuất)	Via Complutense, 140, Alcala de Henares 28805 (Madrid) - Spain	* Sản phẩm: Thuốc viên nén bao phim ARCOXIA 60mg (Etoricoxib 60mg); ARCOXIA 90mg (Etoricoxib 90mg); ARCOXIA 120mg (Etoricoxib 120mg).	EU-GMP	ES/044HVI/17	05/04/2017	27/02/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
	Merck Sharp & Dohme Limited	Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, UK		EU GMP	UK MIA 25 Insp GMP/IMP 25/4061-0028	04/12/2018		Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		
67	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang. Tên tiếng anh: DHG Pharmaceutical Joint-Stock Company - DHG Pharmaceutical Plant Branch in Hau Giang	Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh- Giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam Địa chỉ tiếng anh: Lot B2-B3 Tan Phu Thanh Industrial Zone- Phase 1, Tan Phu Thanh commune, Chau Thanh A District, Hau Giang Province, VietNam.	* Thuốc không vô trùng: Viên nén	Japan-GMP	5123008015895	05/02/2019	17/08/2023	Pharmaceutical and Medical Devices Agency (PMDA), Japam		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
70	Shilpa Medicare Limited	Unit-4, Pharmaceutical Formulation SEZ, Plot No's S-20 to S-26, Pharma SEZ, TSIC, Green Industrial Park, Polepally (V), Jadcherla (M), Mahabubnagar (Dt), 509301 Telangana, India	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô. - Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc vô trùng: Viên nén	EU GMP	INS-482698-0001-001	20/04/2018	20/01/2021	Federal Office for Safety in Health Care, Austria		2
71	PT. Sanbe Farma	Jalan Mahar Martanegara No. 162 (Jl. Leuwigajah No. 162) RT.01 RW.12 Kelurahan Baros Kecamatan Cimahi Tengah Kota Cimahi, Indonesia	* Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm chứa cephalosporin và dẫn xuất (bao gồm cả dẫn xuất penem)	PICS GMP	4360/CPOB/A/III/15	30/03/2015	31/03/2020	National Agency For Drug and Food Control, Indonesia		2
72	PT. Sanbe Farma	Jalan Industri I No.9, RT.01 RW.08, Kelurahan Utama Kecamatan Cimahi Selatan, Kota Cimahi, Indonesia	* Thuốc không vô trùng non-betalactam (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-betalactam): Viên nén, viên nén bao; thuốc bột uống; thuốc nước uống	PICS GMP	4921/CPOB/A/II/17 4924/CPOB/A/II/17 4923/CPOB/A/II/17	28/02/2017	06/03/2022	National Agency For Drug and Food Control, Indonesia		2
73	PT. Sanbe Farma	Jl. Industri Cimareme No.8 Desa Cimareme, Kecamatan Ngamprah, Kabupaten Bandung Barat, Indonesia	* Thuốc vô trùng non-betalactam (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-betalactam): Dung dịch thể tích nhỏ; Dung dịch thể tích lớn; hỗn dịch/nhũ dịch thể tích lớn. * Thuốc vô trùng non-betalactam: Dung dịch thẩm phân.	PICS GMP	4542/CPOB/A/IX/15 4543/CPOB/A/IX/15	25/09/2015	28/09/2020	National Agency For Drug and Food Control, Indonesia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
74	PT. Sanbe Farma	Jalan Mahar Martanegara No. 162 (Jl. Leuwigajah No. 162) RT.01 RW.12 Kelurahan Baros Kecamatan Cimahi Tengah Kota Cimahi, Indonesia	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm penicillin và dẫn xuất: Viên nén, viên nén bao; thuốc bột uống. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm cephalosporin và dẫn xuất: Viên nén, viên nén bao; thuốc bột uống. * Thuốc bột vô trùng pha tiêm chứa penicillin và dẫn xuất	PICS GMP	5178/CPOB/A/VI/18 5180/CPOB/A/VI/18 5182/CPOB/A/VI/18 5184/CPOB/A/VI/18 5181/CPOB/A/VI/18	26/06/2018	28/06/2023	National Agency For Drug and Food Control, Indonesia		2
76	Mylan Laboratories Limited	Plot No H12&H13 MIDC, Waluj Industrial Estate, Aurangabad, In-431136, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén	EU GMP	18368	22/12/2017	17/11/2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland		2
79	SmithKline Beecham Ltd T\A SmithKline Beecham Pharmaceuticals (* Cách ghi khác: <i>SmithKline Beecham Ltd hoặc SmithKline Beecham PLC.</i>)	Clarendon Road, Worthing, BN14 8QH, United Kingdom (* Cách ghi khác: <i>Clarendon Road, Worthing, West Sussex, BN14 8QH, United Kingdom</i>)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc cấy ghép và dạng rắn (bao gồm cả thuốc chứa penicillin). * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả chứa penicillin, Potassium clavulanate/amoxicillin Trihydrate).	EU-GMP	UK MIA 10592 Insp GMP 10592/3922-0034	11/10/2018	19/06/2021	United Kingdom's medicines and Healthcare Products Regulatory Agency MHRA	1	
80	ABC Farmaceutici S.P.A.	Via Cantone Moretti, 29 (loc. Localita' San Bernardo) - 10015 Ivrea (TO), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	IT/107-1/H/2018	20/04/2018	15/02/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
81	Bliss GVS Pharma Ltd. - Unit II	11, Dewan, Udyog Nagar, Aliyali, Palghar, Maharashtra, 401 404, India	Thuốc không vô trùng: viên đặt	EU-GMP	058/2017/R O	20/12/2017	31/10/2020	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
82	Zydus Hospira Oncology Private Limited	Plot No. 3, Pharmez-Special Economic Zone, Sarkhej Bavla highway, N.H. No. 8A, Matoda, Taluka Sanand, Ahmedabad In 382213, India	* Thuốc vô trùng : + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ	EU GMP	UK GMP 32340 Insp GMP 32340/409199-0006	01/02/2017	12/09/2019	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
83	Narodowe Centrum Badan Jadrowych	ul. Andrzeja Soltana 7, 05-400 Otwock, Poland	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ - Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm thuốc phóng xạ), bình phát hạt nhân phóng xạ (radionuclide generators) * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (chứa thuốc phóng xạ). * Thuốc sinh học: chế phẩm từ máu.	EU GMP	GIF-IW-400/0348_01_01/04/115/17	08/05/2017	10/02/2020	Chief Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
84	Genfarma Laboratorio, S.L	Avda. De la Constitución, 198-199, Polígono Industrial Monte Boyal, 45950 Casarrubios del Monte, (Toledo), Spain	* Sản phẩm: Thuốc bột pha dung dịch tiêm Colistimetato de Sodio G.E.S 1 MUI	CPP EU GMP	2018/02407	25/09/2018	25/09/2019	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
85	Rowa Pharmaceuticals Ltd	Newtown, Bantry, Co. Cork, P75 V009, Ireland	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, dạng bào chế bán rắn, thuốc bột.	EU-GMP	21671/M00074	11/12/2018	10/05/2021	HPRA	1	
86	Bayer AG	Müllerstraße (hoặc: Müllerstrasse) 178, 13353 Berlin, Germany	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc hóa học) - Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ (ampoules, vials and cartridges) - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (infusion bottles and cartridges), dung dịch thể tích nhỏ (vials and pre-filled syringes) * Thuốc công nghệ sinh học (protein tái tổ hợp/DNA aflibercept (Eylea)	EU GMP	DE_BE_01_GMP_2018_0032	15/11/2018	03/09/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
87	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31, Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, United States	* Thuốc dung dịch tiêm Neulastim (pegfilgrastim 6mg/0,6ml) (tên tại Mỹ là Neulasta (pegfilgrastim 6mg/0,6ml) single dose prefilled syringe for injection)	CPP cGMP USA	PNJB-ENC8	19/09/2018	18/09/2020	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
89	Help Abee/ Help S.A.	Pedini Ioanninon, Ioannina, 45500, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên đặt (chứa hormon); viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả hormon). * Thuốc được liệu.	EU GMP	65690/ 8-6-2018	09/07/2018	27/04/2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
91	Pharmatis	Zone d'Activités Est n° 1, ESTREES SAINT DENIS, 60190, France	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	HPF/FR/102/2017	13/04/2017	27/01/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
92	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Freseniusstrasse (hoặc Freseniusstraße) 1, 61169 Friedberg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0129	02/11/2018	21/09/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
93	Young Poong Pharmaceutical Co., Ltd.	333 Hambangmoe-ro, Namdong-gu Incheon, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén đặt âm đạo; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc cốt.	PIC/S GMP	2018-D1-2584	08/11/2018	21/07/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
95	LTS Lohmann Therapie-Systeme AG (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Lohmannstr. 2, 56626 (hoặc D-56626) Andernach, Germany	* Sản phẩm: Miếng dán hấp thu qua da Neupro (Rotigotine 2,25 mg/5 cm ² ; 4,5 mg/10 cm ² ; 6,75 mg/15 cm ² ; 9,0 mg/20 cm ² ; 13,5 mg/30 cm ² ; 18 mg/40 cm ²).	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2018_0005;	06/02/2018		Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Aesica Pharmaceuticals GmbH (Cơ sở đóng gói thứ cấp)	Mittelstr. 15, 40789 Monheim am Rhein, Germany		EU-GMP	DE_NW_03_GMP_2016_0048;	20/04/2017	05/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		
	Aesica Pharmaceuticals GmbH (Cơ sở kiểm tra chất lượng)	Alfred-Nobel-Str. 10, 40789 Monheim am Rhein, Germany		EU-GMP	DE_NW_03_GMP_2016_0047;	20/04/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức		
	Aesica Pharmaceuticals GmbH (Cơ sở kiểm tra chất lượng)	Galileistraße 6, 08056 Zwickau, Germany		EU-GMP	DE_SN_01_GMP_2017_1004;	15/11/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức		
	UCB Manufacturing Ireland Limited (Cơ sở xuất xưởng)	Shannon Industrial Estate, Shannon, Co. Clare, Ireland		EU GMP	17472/M687	09/11/2017		Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland		
96	Pharmavision San. Ve Tic. A.S.	Davutpaşa Caddesi No:145, Topkapı Zeytinburnu / Istanbul, Turkey	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch tiêm thể tích nhỏ; + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch tiêm truyền thể tích lớn; dung dịch tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch); thuốc uống dạng lỏng (dung dịch, hỗn dịch, si rô, thuốc nhỏ giọt); bột pha hỗn dịch uống; dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ, gel, nhũ tương); viên nén; viên nén bao phim; viên bao đường (dragee). + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén; viên nén bao phim; bột pha hỗn dịch uống; viên nang cứng; + Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin: viên nén; thuốc bột.	PIC/S GMP	TR/GMP/2018/203	25/09/2018	06/04/2021	Turkish Medicines and Medical Devices Agency (TMMDA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
97	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Industriepark Höchst (hoặc Hoechst)- Brüningstrabe 50 (hoặc Brüningstrasse), H500, H590, H600, H785, H790, 65926 (hoặc D-65926) Frankfurt am Main (hoặc Frankfurt am Main Allemagne), Germany.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (chất độc tế bào/chất kim tế bào, hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc cấy ghép và dạng rắn (hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); vi hạt (hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng (hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); dạng bào chế bán rắn. * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học; sản phẩm chiết xuất từ người hoặc động vật.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0093	12/07/2018	11/04/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
98	Bioton S.A.	Macierzysz, ul. Poznańska 12, 05-850 Ożarów Mazowiecki, Poland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sinh học: chế phẩm công nghệ sinh học.	EU GMP	IWPS.405.19.2018.ER.1 WTC/0026_01_05/312	02/01/2019	04/10/2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
99	Sophartex (Cơ sở sản xuất)	21 Rue du Pressoir 28500 Vernouillet, France	* Sản phẩm: cốm pha hỗn dịch Ery Children 250 mg (Erythromycin dưới dạng Erythromycin ethyl succinat 250mg)	EU GMP	HPF/FR/115/2017	27/04/2017	10/11/2019	National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	1	
	Laboratoires Bouchara Recordati (Cơ sở xuất xưởng)	70, Avenue du General de Gaulle 92800 Puteaux, France		EU GMP	2018 HPF/FR/155	21/06/2018		National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)		
100	Pharmavision Sanayi Ve Ticaret Anonim Şirketi	Davutpasa cad. No:145, Topkapı Istanbul, 34010, Turkey	* Thuốc không vô trùng: - Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nén; bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	UP/I-530-10/17-03/15; 381-10-05/241-18-11	17/01/2018	19/10/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia		2
101	Reliance life sciences Private Limited (Plant 6)	Dhirubhai Ambani Life science centre (DALC), Thane, Belapur road, Rabale, Navi Mumbai, Maharashtra, IN-400701, India	* Thuốc không vô trùng: Thuốc ung thư: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 41432 Insp GMP 41432/6618 812-0004	22/01/2018	03/08/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
102	Sophartex (hoặc Laboratoires Sophartex)	21 rue du Pressoir, 28500 Vernouillet, France	* Sản phẩm: - Viên nén bao phim Antarene Codeine (Ibuprofen/Codein) 200mg/ 30mg. - Viên nén bao phim Antarene (Ibuprofen) 100mg.	EU-GMP	024642; 024645	09/01/2019	10/11/2019	CCI Paris Ile-de-France	1	
103	Dr. Reddy's Laboratories Ltd. Formulation FTO-7	Block A and B, Plot No. P1 to P9, Phase III, Duvvada, VSZE, Visakhapatnam, Andhra Pradesh 530046, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén. * Phạm vi chứng nhận không bao gồm thuốc Azacitidine betapharm 25 mg/mL (100mg/vial) bột pha hỗn dịch	EU GMP	DE_BY_04_GMP_2018_0129	08/11/2018	30/11/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierung von Oberbayern)		2
104	MSD International GmbH T/A MSD Ireland (Carlow) (Cách ghi khác: MSD Ireland) (Cơ sở sản xuất)	Dublin Road, Carlow, Co. (hoặc County) Carlow, Ireland	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch Keytruda (Pembrolizumab 100mg/4ml)	EU GMP	18380/M11312/00001	13/03/2018	24/11/2020	Health Products Regulatory Authority, Ireland	1	
	Schering-Plough Labo NV (Cơ sở đóng gói cấp 2)	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium		EU GMP	BE/GMP/2018/125	17/01/2019		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
105	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC (Cơ sở sản xuất)	State Road 183, Pridco Industrial Park, Las Piedras, Puerto Rico 00771, USA	* Sản phẩm: Viên nén Zetia (Ezetimibe 10mg). Tên thương mại quốc tế: Ezetrol.	U.S. cGMP	CWQ8-G2G9	04/10/2018	10/03/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Schering-Plough Labo NV (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium		EU GMP	BE/GMP/2018/125	17/01/2019		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
106	Patheon Inc (Cơ sở sản xuất, kiểm nghiệm đóng gói cấp 1)	Whitby Operations, 111 Consumers Drive, Whitby, Ontario L1N 5Z5, Canada	* Sản phẩm: Hỗn dịch uống Noxafil (Posaconazole, 40mg/ml).	EU-GMP	70113	27/08/2018	/2019	European Medicines Agency	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Cenexi HSC (Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng)	2, rue Louis Pasteur, 14200 Herouville St Clair, France		EU-GMP	2018/HPF/F R/261	06/12/2018	27/08/2019			
107	Orion Corporation (hoặc Orion Oyj hoặc Orion pharma) (Cơ sở sản xuất)	Tengströminkatu 8, Turku, FI-20360 (hoặc 20360), Finland	* Sản phẩm: Viên nang cứng Temodal Capsule (Temozolomide 5mg, 20mg, 100mg, 140mg, 180mg, 250mg)	EU-GMP	7038/06.08. 00.04/2017	04/12/2017	20/04/2020	Finnish Medicines Agency, Inspectorate	1	
	Schering-Plough Labo NV (Cơ sở đóng gói)	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium		EU-GMP	BE/GMP/2018/125	17/01/2019		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
108	Pfizer Biotech Corporation, Hsinchu Plant	No.290-1, Chung Lun Village, Hsinfeng, Hsinchu, 30442, Taiwan (R.O.C)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim, thuốc bột, viên nang cứng. * Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: Thuốc đông khô chứa Penicillin	PIC/S GMP	4721	20/11/2018	26/11/2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
109	Facta Farmaceutici S.P.A.	Nucleo Industriale S. Atto (loc. S. NICOLO' A TORDINO) - 64100 Teramo (TE), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	IT/142/H/2018	06/11/2018	13/04/2021	AIFA Italian Medicines Agency	1	
110	Daewon Pharm Co., Ltd.	24, Jeyakongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén bao phim; viên nang cứng; si rô khô; * Thuốc tiêm; * Sirô (dạng lỏng); hỗn dịch uống; * Hỗn dịch chứa hormon sinh dục.	PIC/S GMP	2018-D1-2252	02/10/2018	12/07/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
Đợt 64 (theo Công văn số 5110/QLD-CL ngày 08/04/2019 của Cục Quản lý Dược)										
1	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Noto plant	2-14, Shikinami, Hodatsushimizu-cho, Hakui-gun, Ishikawa, Japan	* Sản phẩm: Hỗn dịch nhỏ mắt Kary Uni, Ophthalmic Liquids and Solutions (Pirenixine 0.05mg/mL)	Japan-GMP	CPP 5747	02/08/2018	23/3/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
2	Santen Pharmaceutical Co., Ltd (Santen Pharmaceutical Co., Ltd Shiga Plant)	9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka, Japan (348-3, Aza-suma, Oaza-shide, Taga-cho, Inukami-gun, Shiga, Japan)	Thuốc mỡ tra mắt Oflovid, Ophthalmic Onitment (Ofloxacin 0.003g/1g)	Japan-GMP	2579	27/8/2018	15/7/2021	Japan Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
4	Lipa Pharmaceuticals Ltd	21 Reaghs Farm Road, MINTO NSW 2566, Australia	* Thuốc không vô trùng không chứa kháng sinh nhóm Penicillins, Cephalosporins, hóc môn, steroids (trừ prednisone, prednisolone) và thuốc chống ung thư: Thuốc dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc cốm; bột; viên nang mềm; viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng.	PIC/S-GMP	MI-2018-LI-12631-1	11/06/2018	18/5/2020	Australian Therapeutic Goods Administration (TGA)	1	
5	Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A. (Tên tiếng anh: Pharmaceutical Works Polpharma S.A)	28/30, Ożarowska Str., Duchnice, 05-850 Ożarów Mazowiecki, Poland (cách viết khác: Duchnice, ul. Ożarowska 28/30, Ożarów Mazowiecki, 05-850, Poland)	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: Bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin	EU-GMP	IWPS.405.13 .2019.KKW.1 WTC/0105_01_03/27	12/02/2019	23/11/2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
6	XL Laboratories Private Limited	E-1223, Phase I Extn. (Ghatal), RIICO Industrial Area, Bhiwadi, Rajasthan, 301019, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; gói bột pha dung dịch uống; viên nén	EU GMP	OGYÉI/3394 1-6/2018	03/01/2019	12/09/2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2
7	Eisai Manufacturing Limited	European Knowledge Centre, Mosquito Way, Hatfield, AL10 9SN, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	UK MIA 32301 Insp GMP/GDP/IMP 32301/7262 19-0008	06/02/2019	27/11/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
8	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	Sản phẩm: Viên nén tan trong miệng Aricept Evess 10mg	Japan-GMP	5316	14/2/2019	06/08/2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
9	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	Sản phẩm: Viên nén tan trong miệng Aricept Evess 5mg	Japan-GMP	5315	14/2/2019	06/08/2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
10	Neovii Biotech GmbH	Am Haag 5,6,7 82166 Gräfelfing Germany	* Các sản phẩm sinh học: sản phẩm miễn dịch (dung dịch đậm đặc pha tiêm Grafalon).	EU GMP	DE_BY_04_GMP_2018_0091	04/10/2018	14/08/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
11	Actavis Ltd	BLB015-016, Bulebel Industrial Estate, Zejtun ZTN3000, Malta	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	MT/031HM/2018	20/12/2018	29/11/2021	Medicines Authority of Malta (MAM)	1	
12	Hospira Zagreb d.o.o. (Tên tiếng anh: Hospira Zagreb Ltd.)	Prudnička cesta 60, Prigorje Brdovečko, 10291, Croatia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện, hướng thần): dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	UP/I-530-10/17-03/01; 381-10-05/244-17-09	24/04/2017	31/01/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia	1	
13	Upsa Sas (CSSX và đóng gói)	304 avenue du Docteur Jean Bru, AGEN, 47000, France	sản phẩm: Viên đạn Efferalgan (paracetamol 80 mg/viên); Viên đạn Efferalgan (paracetamol 300 mg/viên),	EU GMP	2018/HPF/F R/282	18/12/2018	11/09/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
	Upsa Sas (CS xuất xưởng)	979 Avenue des Pyrénées, Le Passage, 47520, France		EU GMP	2018/HPF/F R/157	13/06/2018		French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)		
14	AV Manufacturing Sdn. Bhd	Lot 10621 (PT 16700), Jalan Permata 2, Arab Malaysian Industrial Park, 71800 Nilai, Negeri Sembilan, Malaysia	Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; viên nén; viên nén bao phim.	PIC/S GMP	655/18	14/05/2018	28/03/2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
15	KMS Pharm Co., Ltd	236 Sinwon-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng	PIC/S-GMP	2019-D1-0469	19/2/2019	26/06/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety , Korea		2
16	Binex Co., Ltd	368-3, Dadae-ro, Saha-gu, Busan, Republic of Korea	* Thuốc dạng rắn: viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốt. * Thuốc nhỏ mắt: dung dịch nhỏ mắt; hỗn dịch nhỏ mắt.	PIC/S-GMP	2019-C1-0053	18/02/2019	04/10/2021	Busan Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
17	Mirae Pharm. Co., Ltd	104, Gongdan 2-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc cốt	PIC/S-GMP	2019-D1-0479	21/02/2019	29/08/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, MFDS, Korea		2
18	BCWORLD PHARM CO., LTD	872-23, Yeojunam-ro, Ganam-eup, Yeoju-si, Gyeonggi-do, Korea	* Viên nén; viên nén bao phim; viên nén tan rã trong miệng; viên nang cứng. * Dung dịch thuốc tiêm; thuốc bột pha tiêm; thuốc bột đông khô pha tiêm;	PIC/s-GMP	2019-D1-0496	21/02/2019	09/01/2020	Gyeongin Regional Commissioner Food and Drug Administration, Korea		2
19	Infomed Fluids S.R.L.	Bulevardul Theodor Pallady nr. 50, sector 3, Bucuresti cod 032266, Romania (Cách ghi khác: Str. Theodor Pallady nr. 50, sector 3, București, cod 032266, Romania).	* Thuốc vô trùng tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn.	EU GMP	004/2019/RO	16/01/2019	28/09/2021	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	
20	Pooyesh Darou Co.	Noavari 18 St., Pardis Technology Park, 15 km Abali Road, Tehran, Iran	* Thuốc vô trùng: + Dung dịch thể tích nhỏ cho tiêm/tiêm truyền;	PIC/S GMP	665/79033	20/11/2018	07/11/2021	Iranian Food and Drug Administration (IFDA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
21	Eurolife Healthcare Pvt. Ltd.	Khasra No. 520, Bhagwanpur, Roorkee, Haridwar, India	* Thuốc vô trùng: Anapiron, solution for infusion, 10mg/100ml (Pracetamol); Gatilin, solution for infusion, 200mg/100ml; 400mg/100ml (Gatifloxacin); Gentice, eye drops 0,3%, 10ml (Gentamicin); Glunta, solution for infusion 25%, 100ml (Dextrose); Levasept, solution for infusion, 500mg/100ml (Levofloxacin); Levoaar I.V., solution for infusion 500mg/100ml ((Levofloxacin); Levofloxacin, solution for infusion, 500mg/100ml (Levofloxacin); Lizoline solution for infusion, 2mg/ml, 300ml Metressa, solution for infusion, 0,5%, 100ml (Metronidazole); Metronidazole, solution for infusion, 0,5%, 100ml (Metronidazole); Orniaar I.V., solution for infusion, 500mg/ 100ml (Ornidazole); Ornistil, solution for infusion, 500mg/100ml (Ornidazole); Ofloxacin, solution for infusion, 200mg/100ml (Ofloxacin); Rapimax, solution for infusion, 400mg/100ml (Moxifloxacin Hydrochloride); Tazole, solution for infusion, 200mg/100ml, cỡ 400ml (Tinidazole); Tobran, eye drops, 0,3%, 10ml (Tobramycin); Trichlor, solution for infusion, 0,9%, 100ml (Sodium Chloride); Flucoaar I.V., solution for infusion, 200mg/100ml (Fluconazole); Fluconazole, solution for infusion, 200mg/100ml (Fluconazole);	PIC/S GMP	075/2017/GMP	13/02/2018	10/11/2020	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
22	Aflofarm Farmacja Polska Sp. Z o.o.	ul. Krzywa 2, 95-030 Rzgów, Poland	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng. * Thuốc từ dược liệu	EU GMP	IWPS.405.13.2018.ER.1 WTC/0108_01_01/297	12/05/2018	14/09/2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
23	Exemed Pharmaceuticals	Plot No.133/1 & 133/2, G.I.D.C, Selvas Road, Vapi, Gujarat, 396195 India	Thuốc vô trùng: viên nang cứng, viên nén	EU GMP	OGYÉI/5179 1-6/2017	19/04/2018	16/02/2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
24	AstraZeneca AB	PET Blow Fill Seal, Forskargatan 18, Södertälje, 151 85, Sweden. (* Địa chỉ chung: SE- 15185 Sodertalje, Sweden)	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả hormone và chất có hoạt tính hormone); - Thuốc có tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả hormone và chất có hoạt tính hormone); * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả hormone và chất có hoạt tính hormone) (Ghi chú: Thuốc sản xuất đóng ống nhựa theo công nghệ Blow Fill Seal)	EU-GMP	5.9.1-2018-092199	21/12/2018	24/03/2020	Swedish Medical Products Agency (MPA)	1	
25	Excella GmbH & Co.KG	Nürnberg Str. 12, 90537 Feucht, Germany	* Thuốc không vô trùng chứa hormone và hoạt tính hormone, thuốc chứa chất độc tế bào, chất kim tế bào, chất ức chế miễn dịch : viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim	EU GMP	DE_BY_05_GMP_2018_0064	13/08/2018	09/05/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
26	Delpharm Milano S.R.L	Via Carnevale, 1 - 20090 Segrate (MI), Italia	* Thuốc không vô trùng : +Viên nang cứng, viên nén , viên nén bao phim chứa chất độc tế bào, chất kim tế bào, chất ức chế miễn dịch + Thuốc uống dạng lỏng	EU GMP	IT/191-1/H/2017	23/10/2017	12/05/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
27	Sanofi Winthrop Industrie (* Cách viết khác: Sanofi Winthrop Industrie - Maisons Alfort)	180 rue Jean Jaurès, Maisons-Alfort, 94700, France (Cách viết khác: 180 rue Jean Jaurès, 94702 Maisons-Alfort Cedex, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc cấy ghép và dạng rắn (chứa chất độc tế bào). * Thuốc sinh học: Thuốc chiết xuất có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	2018/HPF/F R/286	21/12/2018	15/08/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
28	Doppel Farmaceutici S.R.L	Via Martiri Delle Foibe, 1-29016 Cortemaggiore (PC), Italia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm; thuốc khung thấm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc cốm; thuốc dạng bán rắn (hóc môn corticosteroid); thuốc đặt chứa hóc môn corticosteroid, viên nén (chứa corticosteroids, hormone sinh dục và hormone khác như estrogen, hormone antidiuretic, ức chế thụ thể aromatase (aromatase inhibitors receptor)). * Thuốc sinh học: Sinh phẩm chiết xuất từ động vật: viên nang mềm chứa ethyl ester của acid béo chưa bão hòa từ dầu cá; thuốc dạng bán rắn chứa heparin và heparinoids. * Sản phẩm: Thuốc viên trứng đặt âm đạo Meclon (Clotrimazole 100mg, Metronidazole 500mg).	EU GMP	IT/162/H/2018	02/07/2018	24/11/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
29	AstraZeneca AB	Turbuhaler and Pumpspray, Forskargatan 18, Sodertalje, 151 85, Sweden	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả hormone và hoạt chất có hoạt tính hormon): Thuốc dùng ngoài dạng lỏng, thuốc uống dạng lỏng, bột hít đa liều.	EU GMP	6.2.1-2017-088812	19/12/2018	14/06/2020	Medical Products Agency (MPA), Sweden	1	
30	Patheon Inc (Cơ sở sản xuất)	2100 Syntex Court, Mississauga, Ontario, Canada L5N 7K9	* Sản phẩm: Viên nén Zytiga (Abiraterone acetate 250mg);	Canada-GMP	Giấy chứng nhận GMP: 70637	01/11/2018	01/11/2019	Health Products and Food Branch Inspectorate (HPFBI), Canada	1	
	Janssen Cilag S.P.A. (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Via C. Janssen (loc. Borgo S. Michelle), 04100 Latina (LT), Italy		EU GMP	IT/184/H/2018	08/08/2018		AIFA Italian Medicines Agency		
31	Medochemie Ltd (Cogols Facility)	1-10 Constantinoupolis Street, 3011, Limassol, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đạn.	EU-GMP	MED02/2018/001	14/09/2018	24/05/2021	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	1	
32	Medochemie Ltd (Central Factory)	1-10 Constantinoupolis Street, 3011, Limassol, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, thuốc viên nén giải phóng biến đổi, viên nén kháng dịch vị, viên nén bao phim.	EU-GMP	MED01/2018/002	14/09/2018	24/05/2021	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
33	Berlin Chemie AG	Cơ sở sản xuất: Berlin-Chemie AG, Tempelhofer Weg 83, 12347 Berlin, Germany	* Sản phẩm: Viên nén Nebilet (Nebivolol HCl 5mg); viên nén bao phim Spasmomen (Otilonium bromide 40mg); viên nén Benalpril 5 (Enalapril maleate 5mg); viên nén Benalpril 10 (Enalapril maleate 10mg); viên nén bao phim Siofor 500 (Metformin Hydrochloride 500mg); viên nén bao phim Siofor 850 (Metformin Hydrochloride 850mg); viên nén Berlthyrox (levothyroxine sodium 100mcg)	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2017_1065	20/12/2017	10/11/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
		Cơ sở đóng gói, xuất xưởng : Berlin-Chemie AG, Glienicker Weg 125, 12489 Berlin, Germany		EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2019_0009	11/02/2019				
34	Cơ sở sản xuất: Tên cũ: RP Scherer GmbH & Co. KG Tên mới: Catalent Germany Eberbach GmbH	Catalent Germany Eberbach GmbH Gammelsbacher Str. 2, 69412 Eberbach, Germany	Sản phẩm: Viên nang mềm Espumisan Capsules (Simeticone 40mg)	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2015_0085	19/04/2018	19/04/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
		Cơ sở đóng gói, xuất xưởng: Berlin Chemie AG Glienicker Weg 125 12489 Berlin, Germany		EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2019_0009	11/02/2019		Cơ quan thẩm quyền Đức		
36	UCB Farchim SA	Z.I. de Planchy, Chemin de Croix Blanche 10, 1630 Bulle, Switzerland	* Dạng bào chế rắn: viên nén, viên nén bao phim.	PIC/S-GMP và EU-GMP	18-2028	01/10/2018	27/03/2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
38	Italfarmaco S.A. (Cơ sở sản xuất)	C/san Rafael, 3, Pol. Ind. Alcobendas, Alcobendas 28108 Madrid, Spain	* Sản phẩm: Dung dịch uống Ferlatum (sắt protein succinylat 800mg).	EU GMP	ES/003HVI/18	16/01/2018	12/09/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
	CIT S.r.l (Cơ sở đóng gói)	Via Primo Villa, 17-20875 Burago di Molgora (MB), Italia		EU GMP	IT/19/H/2019	28/01/2019		Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
39	N.V. Organon	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands Cách ghi khác: Molenstraat 110, 5342 CC Oss, Netherlands hoặc: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng chứa hormone: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối chứa hormone: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc cấy ghép và dạng rắn. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng ; viên nang mềm (chứa hormone); thuốc uống dạng lỏng; viên nén (chứa hormone); thuốc cốm. * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người và động vật; thuốc có nguồn gốc từ nước tiểu (urine).	EU GMP	NL/H 16/1010471 C	26/03/2017	08/09/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
40	Maco production SAS-Mouvoux	Rue Lorthiois, Mouvoux, 59420, France	* Thuốc vô trùng: Dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ tiết trùng cuối	EU GMP	2018/HPF/F R/268	18/12/2018	30/12/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
41	Astellas Pharma Europe B.V.	Hogemaat 2, Meppel, 7942 JG, Netherlands	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả kháng sinh nhóm betalactam); thuốc bột và thuốc cốm.	EU-GMP	NL/H 18/2008094	22/11/2018	20/09/2021	Health and Youth Care Inspectorate, Pharmaceutical Affairs, Netherlands	1	
42	GlaxoSmithKline Dungarvan Limited	Knockbrack, Dungarvan, Co. Waterford, Ireland	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén sủi bọt; miếng dán.	EU-GMP	19379/M47 7	24/04/2018	09/02/2021	Health Products Regulatory Authority	1	
43	KRKA, d.d, Novo mesto	Smarjeska cesta 6, Novo mesto, 8501, Slovenia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; thuốc bột, thuốc cốm; viên đạn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả hormon và chất có hoạt tính hormon). * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	401-12/2018-5	16/01/2019	27/09/2021	Agency for medicinal products and medical devices of the Republic of Slovenia	1	
44	Lindopharm GmbH (Cơ sở sản xuất)	Neustraße 82, 40721 Hilden, Germany. (Cách viết khác: Neustrasse 82, 40721 Hilden, Germany.)	* Sản phẩm: Bột pha dung dịch uống ACC 200 (Acetylcystein 200mg, gói 3g).	EU GMP	DE_NW_03_GMP_2018_0038	25/10/2018	3/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Düsseldorf)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Salutas Pharma GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany		EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_020	19/05/2017	03/0	Cơ quan thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)		
45	Fulton Medicinali S.P.A	VIA MARCONI, 28/9 - 20020 ARESE (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: + Viên đặt chứa hormon corticosteroid; viên nén; viên nang cứng; thuốc bột. + Chế phẩm sinh học: Viên đặt chứa probiotic.	EU-GMP	IT/177/H/2018	25/07/2018	18/04/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
48	Delpharm Milano S.R.L	Via Carnevale, 1 - 20090 Segrate (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén (thuốc độc tế bào/kìm tế bào, thuốc ức chế miễn dịch); thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	IT/191-1/H/2017	23/10/2017	12/05/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
49	Delpharm Milano S.R.L (Cơ sở sản xuất)	Via Carnevale, 1-20090 Segrate (MI), Italy	Sản phẩm: + Viên nén Dilatrend (Carvedilol 6,25mg); + Viên nén Dilatrend (Carvedilol 12,5mg); + Viên nén Dilatrend (Carvedilol 25mg);	EU-GMP	IT/191-1/H/2017	23/10/2017	26/01/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
50	Infomed Fluids S.R.L.	Bulevardul Theodor Pallady nr. 50, sector 3, Bucuresti, cod 032266, Romania	* Thuốc vô trùng + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn.	EU GMP	004/2019/RO	16/01/2019	28/09/2021	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	
51	Fresenius Kabi Austria GmbH	Estermannstraße 17, 4020 Linz, Austria	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng,	EU-GMP	INS-480019-0065-001 (7/15)	27/04/2017	24/09/2021	Austrian Federal Office for Safety in Health Care (BASG)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
52	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771, USA	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Atozet 10mg/10mg (Ezetimibe/atorvastatin 10mg/10mg); + Viên nén bao phim Atozet 10mg/20mg (Ezetimibe/atorvastatin 10mg/20mg).	US-GMP	H9M6-SED3 JSFN-XG5S	23/10/2017 02/10/2017	22/10/2019	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)		2
	MSD International GmbH (Singapore Branch) (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm cốt ezetimibe và cốt atorvastatin)	70 Tuas West Drive, Singapore 638414, Singapore		PIC/S GMP	UK GMP 39349 Insp GMP 39349/3258 67-0007	23/11/2017		MHRA - United Kingdom		
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031 BN, Netherlands		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
53	Schering-Plough Labo NV	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	BE/GMP/20 18/125	17/01/2019	19/09/2021	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
54	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Plot No. S-7 Colvale Industrial Estate, Bardez, Goa - IN 403 513, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bán rắn; viên nén; viên nén bao phim	EU GMP	UK GMP 33881 Insp GMP 33881/1205 18-0005	21/01/2019	26/09/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
55	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp	797-48 Manghyang-ro, Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Viên nén; viên nang; bột pha siro. * Thuốc tiêm truyền. * Dung dịch nhỏ mắt * Siro (lỏng); hỗn dịch; thuốc uống dạng lỏng và dung dịch uống. * Thuốc chứa penicillin: Viên nén; viên nang; bột pha siro; thuốc bột pha tiêm. * Thuốc chứa cephalosporin: Thuốc bột pha tiêm. * Thuốc ung thư độc tế bào: Dung dịch tiêm, thuốc tiêm đông khô.	PIC/S GMP	2019-G1-0067	15/01/2019	06/09/2021	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
56	Fresenius Kabi Oncology Limited	Village Kishanpura, Baddi, Tehsil Nalagarh, District Solan (hoặc District Solan, Himachal Pradesh), In-174101, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén.	EU GMP	UK GMP 29338 Insp GMP 29338/4438 41-0008	07/12/2018	30/04/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
57	Famar A.V.E. Alimos Plant 63, AG. Dimitriou Str.	Agiou Dimitriou 63, Alimos Attiki, 17456, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng	EU GMP	70002/4-8-2017	12/09/2017	22/06/2020	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
58	Laboratoire Unither - Coutances	ZI de la Guerie, Coutances Cedex, 50211, France	* Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ, dạng bán rắn * Thuốc hỗn dịch chứa bào tử vi khuẩn	EU GMP	HPF/FR/048 /2017	23/02/2017	11/07/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
59	Piramal Critical Care, Inc.	3950 Schelden Circle, Bethlehem, PA 18017, USA	* Sản phẩm: Thuốc dạng lỏng để hít Terrell 250ml(isoflurane, USP); Terrell 100ml(isoflurane, USP);	CPP U.S. cGMP	F5JQ-WAN6 GJHP-SGQX	10/10/2018	09/10/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
60	Tai Yu Chemical& Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Alley 13, Lane 11, Yun San Road, Chutung, Hsinchu, Taiwan R.O.C	* Thuốc vô trùng: - Thuốc tiết trùng cuối: hỗn dịch tiêm (dạng lỏng thể tích nhỏ); thuốc tiêm thể tích nhỏ; thuốc tiêm thể tích lớn; dung dịch thể tích lớn; nước pha tiêm thể tích nhỏ và thể tích lớn. - Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm * Thuốc không vô trùng: viên bao, viên nén, thuốc cốm, viên nang.	PICS-GMP	4904	23/01/2019	07/03/2021	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
61	Korea United Pharm. Inc.	107, Gongdan-ro, Yeonseo-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc độc tế bào chống ung thư: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng; Thuốc tiêm (dung dịch, bột, bột đông khô).	PIC/S - GMP	2019-G1-0241	11/02/2019	27/06/2021	Deajeon Regional Commissioner Food and Drug Administration, MFDS, Korea		2
62	Korea United Pharm. Inc.	25-23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-myeon, Sejong-si, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: - Viên nén (viên nén trần, viên nén giải phóng kéo dài, giải phóng kiểm soát, giải phóng chậm, viên nén hai lớp; viên nén bao phim; viên bao tan trong ruột, viên tan rã) - Viên nang (viên nang cứng; viên nang giải phóng chậm, viên nang mềm) - Viên nhai * Thuốc tiêm: dung dịch; bột đông khô pha tiêm; bột pha tiêm. * Thuốc chữa kháng sinh nhóm Penicillin: Viên nén bao phim; viên nang cứng.	PICS GMP	2019-G1-0242	11/02/2019	07/06/2021	Daejeon Regional Food and Drug Administration		2
63	CJSC Biocad	Building 2, Petrovo-Dalneye, Krasnogorsky district, Moscow Region, 143422 Russia (cách ghi khác: Petrovo-Dalneye, Krasnogorsky district, Moscow Region, 143422 Russia)	* Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học * Sản phẩm: Acellbia (dung dịch đậm đặc pha truyền tĩnh mạch 10mg/ml); Herticad (bột đông khô pha truyền tĩnh mạch, 440mg và 150mg); Avegra (dung dịch đậm đặc pha truyền tĩnh mạch 25mg/ml)	PIC/S GMP	M004/19	30/01/2019	27/07/2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
64	Patheon Manufacturing Services, LLC	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC 27834, USA	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha tiêm Colistimethate for Injection U.S.P (colistin 150 mg, dưới dạng colistimethat natri)	PIC/S GMP	70938	03/12/2018	02/12/2019	United States Food and Drug Administration	1	
65	FDC Limited	B-8 MIDC Industrial Estate, Waluj, Aurangaba, Maharashtra IN-431136, India	* Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ	EU GMP	UK GMP 18807 Insp GMP 15855/7201-0009	23/01/2018	09/10/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
66	FDC Limited	Phase III/A Plot No. L-121/B Salcette, Verna Industrial Estate, Verna, Goa, In-403 722, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén	EU-GMP	UK-GMP 18807 Insp GMP 18807/1409 367-0004	03/11/2017	22/05/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency - UK		2
67	FDC Limited	L-121/B, Phase III/A, Verna Industrial Estate, Verna-403 722, Salcete, Goa India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén	PIC/S GMP	224/17	29/05/2017	29/12/2019	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
68	Merck Serono S.P.A	Via Delle Magnolie 15 (loc. Frazione Zona Industriale) 70026 Modugno (BA), Italy	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng : + Bột đông khô: chế phẩm sinh học; hormon hoặc chất có hoạt tính hormon không phải corticosteorid; + Dung dịch thể tích nhỏ: chế phẩm sinh học, hormon hoặc chất có hoạt tính hormon không phải corticosteorid và cytokines - Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc sinh học: - Sản phẩm từ máu: chế phẩm chứa albumin người được cho vào sản phẩm công nghệ sinh học; dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng; - Sản phẩm công nghệ sinh học: Protein/DNA tái tổ hợp; kháng thể đơn dòng; dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng, bột đông khô sản xuất vô trùng.	EU-GMP	IT/56-1/H/2018	13/02/2018	30/11/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
69	SMB Technology S.A. (Cơ sở sản xuất)	zoning industriel, rue du Parc Industriel 39, 6900 Marche - en- Famenne, Belgium	* Sản phẩm: Viên nén sủi Algotra 37,5mg/325 mg (Paracetamol 325 mg, Tramadol hydrochlorid 37,5 mg).	EU GMP	BE/GMP/2018/036	22/05/2018	05/06/2020	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
	Mallinckrodt Inc. (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm paracetamol-povidone (compap PVP3))	Greenville plant, Covidien, 100 Louis Latzer Drive, Greenville Illinois 62246, USA		EU GMP	UK GMP 20424 Insp GMP 20424/1348 3-0003	07/06/2017		Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
70	Cơ sở sản xuất: IBSA Institut Biochimique SA	Via Cantonale - Zona Sert - 6814 Lamone (Lugano) - Switzerland	* Sản phẩm: - Bột và dung môi pha dung dịch tiêm Fostimonkit 150 IU/ml (Urofollitropin (FSH) 150 IU/ml). - Bột và dung môi pha dung dịch tiêm Fostimonkit 75 IU/ml (Urofollitropin (FSH) 75 IU/ml).	PIC/S-GMP và EU-GMP	18-2487	11/12/2018	09/09/2019	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
	Cơ sở xuất xưởng và kiểm tra chất lượng: IBSA Institut Biochimique S.A.,	Via al Ponte 13, 6903 Lugano, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	18-2289	13/11/2018		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
	Cơ sở sản xuất, đóng gói sơ cấp dung môi: IBSA Farmaceutici Italia Srl	Via Martiri di Cefalonia, 2-26900 Lodi (LO), Italia		EU-GMP	IT/24-1/H/2018	29/01/2018		Italian Medicines Agency (AIFA)		
	Cơ sở đóng gói thứ cấp bộ sản phẩm: IBSA Institut Biochimique S.A.,	Via del Piano - 6915 Pambio Noranco (Lugano) - Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	18-2298	13/11/2018		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
71	SA Alcon-Couvreur NV	Rijksweg 14, Puurs, 2870 (hoặc B-2870), Belgium	* Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: dạng bào chế bán rắn; thuốc nhỏ mắt (dung dịch, hỗn dịch) (Bao gồm cả Prostaglandin).	EU GMP	BE/GMP/2018/132	12/02/2019	09/11/2021	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
72	Lek Pharmaceuticals d.d (Cơ sở sản xuất)	Verovskova ulica 57, 1526 Ljubljana, Slovenia	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Kineptia 1g (Levetiracetam 1000mg); + Viên nén bao phim Kineptia 250mg (Levetiracetam 250mg); + Viên nén bao phim Kineptia 500mg (Levetiracetam 500mg); + Viên nén bao phim Kineptia 750mg (Levetiracetam 750mg);	EU-GMP	401-25/2017-5	24/01/2018	23/11/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
	Lek Pharmaceuticals d.d (Cơ sở đóng gói cấp 1, đóng gói cấp 2 và xuất xưởng)	Trimlini 2D, Lendava, 9220, Slovenia		EU-GMP	401-8/2018-4	30/07/2018		Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
73	Baxter Oncology GmbH	Baxter Oncology GmbH Kantstraße 2 33790 Halle/ Westfalen Germany (*Cách ghi khác: Kantstrasse 2 D-33790 Halle, Germany)	* Thuốc vô trùng (chứa hormon, chất độc tế bào, chất ức chế miễn dịch): + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật (hormon được tách từ nước tiểu người).	EU-GMP	DE_NW_02_GMP_2018_0022	06/09/2018	18/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
74	AstraZeneca Dunkerque Production	224 avenue de la Dordogne, Dunkerque, 59640, France	* Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế có áp lực (bao gồm cả hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít)	EU-GMP	2019/HPF/FR/034	29/01/2019	21/12/2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
75	Dr. Reddy's Laboratories Ltd. - FTO Unit 2	Survey No. 42, 45 & 46, Bachupally Village, Bachupally Mandal Medchal Malkajgiri District, Telangana State, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc cốm.	EU GMP	DE_BY_04_GMP_2018_0131	19/11/2018	18/01/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
76	Natco Pharma Limited	Pharma division Unit IV, Kothur, Mahaboob Nagar District, Telangana, 509228, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén.	EU GMP	71433/12-7-2018	28/08/2018	08/03/2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece		2
77	M/s. Natco Pharma (Pharma-Division) Limited	M/s. Natco Pharma (Pharma-Division), Kothur, Rangareddy District, 509228 Telangana, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô Bendamustin 25mg, 100mg đóng lọ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng Lenalidomide 2,5mg, 5mg, 7,5mg, 10mg, 15mg, 20mg, 25mg; viên nén bao phim Imatinib 100mg, 400mg.	EU GMP	DE_HH_01_GMP-2017_1003	15/05/2017	16/02/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
78	Mega Lifesciences Public Company Limited	384 Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Moo 4, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm.	PIC/S GMP	1-2-07-17-19-00009	/2018	/2021	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
		515/1 Soi 8, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Moo 4, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc bột; viên nén.			04/06	03/06			
79	Teikoku Seiyaku Co., Ltd. (Cơ sở sản xuất và đóng gói)	567 Sanbonmatsu, Higashikagawa, Kagawa 769-2695, Japan	* Sản phẩm: Lignopad® Medicated Plaster 5% (Miếng dán Lignopad (Lidocain 0,7g (5%kl/kl))	PIC/S GMP	MCEL1700466	08/12/2017	07/12/2019	Health Sciences Authority (HSA), Singapore		2
	Zuellig Pharma Specialty Solution Group Pte. Ltd. (Cơ sở đóng gói, dán nhãn)	15 Changi North way, #01-02, #02-02, #02-10, Singapore 498770		PIC/S GMP						
80	Lindopharm GmbH	Lindopharm GmbH Neustrasse (hoặc Neustrabe) 82 40721 Hilden, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm viên nén chứa chất có hoạt tính hormon); thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	DE_NW_03_GMP_2018_0038	11/02/2019	25/10/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
81	Esseti Farmaceutici S.R.L	Via Campobello, 15-00071 (hoặc 15-00040) Pomezia (RM), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa corticosteroid và sản phẩm chiết từ động vật); thuốc bột (chứa kháng sinh nhóm cephalosporin). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ	EU-GMP	IT/40-1/H/2018	09/02/2018	21/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
Đợt 65 (theo Công văn số 9397/QLD-CL ngày 17/06/2019 của Cục Quản lý Dược)										
1	Hetero Labs Limited, Unit - V, Block - VB	TSIIC Formulation SEZ, Sy. NO. 439, 440, 441 & 458, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District., TELANGANA, Pin-509301, India	* Thuốc không vô trùng (thuốc chống ung thư): Viên nén; viên nang cứng.	EU GMP	18/09386-7	19/11/2018	30/08/2021	Norwegian Medicines Agency (NOMA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
4	TEDEC-MEIJII FARMA, S.A.	Ctra. M-300, Km. 30,500, Alcalá de Henares, 28802 Madrid Espana, Spain	* Thuốc vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện/hướng tâm thần): + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc gây nghiện/hướng tâm thần): Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác (thuốc bột; thuốc cốt; pellet) (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh betalactam); thuốc đặt; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh betalactam).	EU-GMP	ES/142HVI/18	13/12/2018	12/11/2021	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
5	MEDOCHÉMIE LTD (FACTORY C)	2, Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha dung dịch tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và Carbapenem.	EU GMP	MED04/2018/002	10/08/2018	30/03/2021	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	1	
6	Tolmar Inc (Cơ sở sản xuất)	701 Centre Avenue, Fort Collins, Colorado, 80526, United States	* Sản phẩm: + Bột pha tiêm Eligard 7,5mg (Leuprorelin acetate (tương đương 6,96mg Leuprorelin) 7,5mg); + Bột pha tiêm Eligard 22,5mg (Leuprorelin acetate (tương đương 20,87mg Leuprorelin) 22,5mg).	EU-GMP	NL/H 16/1009478a	23/01/2017	14/09/2019	Healthcare Inspectorate, Netherlands	1	
	Astellas Pharma Europe B.V. (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Hogemaat 2, Meppel, 7942 JG, Netherlands			NL/H 18/2008094	22/11/2018		Health and Youth Care Inspectorate, Pharmaceutical Affairs, Netherlands		
7	Alcon Research Ltd.	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134, United States of America	* Sản phẩm: Azopt (Brinzolamide ophthalmic suspension) 1%, suspension.	U.S. cGMP	X2X8-37WD	29/08/2018	28/08/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
			* Sản phẩm: Vigamox (Moxifloxacin ophthalmic solution) 0,5%.		YFMX-8JES	31/10/2018	30/10/2020			

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			* Sản phẩm: Pataday (Olopatadine hydrochloride ophthalmic solution) 0,2%.		VCM8-ERSQ	25/10/2018	24/10/2020			
8	LABORATORIOS CINFA, S.A.	Olaz Chipi, 10. Polígono Areta de Huarte 31620 (Navarre) Spain	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén.	EU-GMP	NCF/01/2016	22/12/2016	09/11/2019	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
9	S.C. SINDAN-PHARMA S.R.L.	B-dul Ion Mihalache nr. 11, sector 1, Bucuresti, cod 011171, Romania	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chất kim tế bào/chất độc tế bào); dung dịch thể tích nhỏ (chất kim tế bào/chất độc tế bào; chất điều trị khối u). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (chất độc tế bào/chất kim tế bào). * Thuốc không vô trùng (chất độc tế bào/chất kim tế bào, chất điều trị khối u): Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU GMP	027/2018/R O	23/07/2018	05/04/2021	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	
10	Oncomed manufacturing a.s. (Cơ sở sản xuất, đóng gói sơ cấp)	Karásek 2229/1b budova 02 Řečkovice 62100 Brno, Czech Republic	* Sản phẩm: Bột đông khô: + Bortezomib Biovagen (Bortezomib 1mg); + Bortezomib Biovagen (Bortezomib 3,5mg);	EU GMP	sukls96769/2017	07/09/2017	/11/2019	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	
	GE Pharmaceuticals Ltd (Cơ sở đóng gói thứ cấp)	Industrial Zone, "Chekanitza-South" area Botevgrad, 2140 Bulgaria			BG/GMP/2018/121	31/05/2018		Bulgarian Drug Agency		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Synthon Hispania, SL (Cơ sở xuất xưởng)	Pol. Ind. Les Salines. c/ Castelló, 1, 08830 SANT BOI DE LLOBREGAT (Barcelona), Spain Cách ghi khác: C/Castelló, 1 Polígono Las Salinas, 08830 Sant Boi de Llobregat, Barcelona, Spain.			NCF/1738/01/CAT	16/11/2017	15	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
11	HBM Pharma s.r.o.	Sklabinská 30, 036 80 Martin, Slovak Republic	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nén.	EU-GMP	SK/002V/2019	05/02/2019	30/11/2021	State Institute for Drug Control (SIDC), Slovakia	1	
12	Myungmoon Pharmaceutical Co., Ltd.	26, Jeyakongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc uống: Viên nén; viên nang mềm, viên nang cứng * Thuốc tiêm: Dung dịch thuốc tiêm; Thuốc đông khô để pha dung dịch tiêm truyền; Thuốc tiêm bột. * Thuốc dùng ngoài: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Aerosols; Miếng dán ngoài da; Cao dán. * Thuốc chứa hormon sinh dục: Viên nén; thuốc kem. * Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha tiêm Preforin Inj. 40mg (Methylprednisolone 40 mg)	PIC/S-GMP	2019-D1-0523	22/02/2019	25/10/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety of Korea		2
13	Novartis Farmacéutica, SA (Cơ sở sản xuất)	Ronda de Santa Maria, 158 08210 Barberà Del Vallès (Barcelona), Spain	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Valsartan 80mg, Valsartan 160mg.	EU-GMP	NCF/1851/01/CAT	19/10/2018	03/03/2020	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
	Salutas Pharma GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Salutas Pharma GmbH Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany		EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0020	19/05/2017		Cơ quan thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
14	Oncotec Pharma Produktion GmbH (Cơ sở sản xuất)	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Roßlau (hoặc Dessau -Rosslau), Germany	* Sản phẩm: Medoxa 5mg/ml powder for solution for infusion Tên tại Việt Nam: Bột đông khô pha dịch truyền tĩnh mạch Oxaliplatin Medac (Oxaliplatin 150mg).	EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0007	15/02/2017	13/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)	1	
	Medac Gesellschaft für klinische Spezialpräparate m.b.H. (Cơ sở đóng gói thứ cấp)	Theaterstraße (hoặc: Theaterstrasse) 6, 22880 Wedel, Germany		EU GMP	DE_SH_01_GMP_2018_0039	08/11/2018		Cơ quan thẩm quyền Đức (State Social Services Agency Schleswig-Holstein)		
15	BAG Health Care GmbH	BAG Health Care GmbH Amtsgerichtsstraße 1-5, D-35423 Lich, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học (dạng đông khô); Thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật (dạng đông khô). * Thuốc được liệu.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2017_1056	17/11/2017	06/07/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierungspräsidium Darmstadt)	1	
16	Rentschler Biopharma SE (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Erwin-Rentschler-Straße 21, 88471 Laupheim, Germany	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền Spectrila (Asparaginase 10 000 U).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0003	31/01/2018	19/10/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Medac Gesellschaft für klinische Spezialpräparate mbH (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Theaterstraße 6, 22880 Wedel, Germany		EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2018_0039	08/11/2018		Cơ quan thẩm quyền Đức (State Social Services Agency Schleswig-Holstein)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
17	Oncomed manufacturing a.s. (Cơ sở sản xuất)	Karásek 2229/1b, budova 02, Řečkovice, 62100 Brno, Czech Republic	* Sản phẩm: Detimedac 200mg Tên tại Việt Nam: Dacarbazine medac (Dacarbazine 200mg dưới dạng Dacarbazine citrate 270mg)	EU GMP	sukls96769/2017	07/09/2017	23/06/2020	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	
	Medac Gesellschaft für klinische Spezialpräparate mbH (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Theaterstraße 6, 22880 Wedel, Germany		EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2018_0039	08/11/2018		Cơ quan thẩm quyền Đức (State Social Services Agency Schleswig-Holstein)		
18	ACS Dobfar S.P.A. (Cơ sở sản xuất thành phẩm) (Tên cũ: Facta Farmaceutici S.P.A.)	Nucleo Industriale S. Atto (loc. S. Nicolo' a Tordino) - 64100 Teramo (TE), Italy	* Sản phẩm: Thuốc bột pha dung dịch tiêm truyền Imipenem/Cilastatin Kabi 500 mg/500 mg (Imipenem monohydrate 530 mg, Cilastatin Sodium 530 mg). Tên tại Việt Nam: Imipenem Cilastatin Kabi	EU GMP	IT/6/H/2019	21/01/2019	16/06/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	ACS Dobfar S.P.A. (Cơ sở sản xuất sản phẩm trung gian)	V.Le Addetta 2a/12-3/5 - 20067 Tribiano (MI), Italy (cách ghi địa chỉ cũ: V.Le Addetta 4/12-20067 Tribiano (MI), Italy)		EU GMP	IT/228/H/2018	02/11/2018				
19	Fresenius Kabi Manufacturing SA (PTY) Ltd	6 Gibaud Road, Korsten, Port Elizabeth, 6020, Republic of South Africa	* Thuốc tiêm tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	PIC/S GMP	26/7/3/3/1/G0100/2018	26/10/2018	26/10/2019	South African Health Products Regulatory Authority		2
20	Industria Farmaceutica Galenica Senese S.R.L	Via Cassia Nord, 351-53014 Monteroni D'arbia (SI), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	IT/212/H/2018	25/09/2018	19/01/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
21	Cipla Ltd. (Unit I) Plot No. L-139	Verna Industrial Estate, IN-403 722 Verna, Goa, India	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc dạng lỏng: Thuốc khí dung.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2018_0022	01/11/2018	12/04/2021	Cơ quan có thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)		2
22	Dasan Pharmaceutical Co., Ltd.	342, Deogamsan-ro, Dogomyeon, Asan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; Thuốc cốm.	PIC/S-GMP	2019-G1-0181	29/01/2019	24/04/2021	Cơ quan thẩm quyền Hàn Quốc		2
23	Glaxo Operations UK Ltd Trading as Glaxo Wellcome Operations	Priory Street, Ware, SG12 0DJ, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén; viên nén bao phim; Bột để hít (steroids) dạng đơn và đa liều; bột (cốm) pha hỗn dịch uống. * Thuốc sinh học chứa Steroids	EU-GMP	UK MIA 4 Insp GMP/IMP 4/15159-0027	04/03/2019	21/01/2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
24	LABORATORIOS CINFA, S.A.	Travesia de Roncesvalles, 1 de Olloki 31699 (Navarre) Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Viên nén.	EU-GMP	NCF/02/2016	22/12/2016	09/11/2019	Health Department of the Navarre Government, Spain	1	
25	RAFARM SA	Thesi Pousi-Xatzí Agiou Louka, Paiania Attiki, TK 19002, TØ 37, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; Dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	82820/2-7-2018	17/08/2018	31/05/2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
26	Merck S.A. de C.V. (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Merck S.A. de C.V., Calle 5 No. 7, Naucalpan de Juárez, Edo. De México, C.P. 53370, Mexico. (* Cách ghi khác: Calle 5 No. 7, Fraccionamiento Industrial Alce Blanco, C.P. 53370 Naucalpan de Juárez, Edo. De México, Mexico)	* Sản phẩm: Viên nén Euthyrox (50 microgram, 100 microgram) Tên tại Việt Nam: Levothyrox 50 microgram, Levothyrox 100 microgram	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0034	19/03/2019	2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Merck KGaA (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Frankfurter Strabe 250, A 18, A 31, A 32, D 2, D3, D 11, D 12, D 15, D39, N 79, N 80, N 90, PH 5, PH 16, PH 23, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, 64293 Darmstadt, Germany (* Cách viết khác: Frankfurter Strasse 250 64293 Darmstadt, Germany)			DE_HE_01_GMP_2018_0004	10/01/2018	18/08/2018	Cơ quan thẩm quyền Đức		
27	Laboratorio Pablo Cassara S.R.L.	Carhue N° 1096 (Zip code: C1408GBV), Autonomous city of Buenos Aires, Argentine Republic (* Cách ghi khác: Carhue N° 1096 (C1408GBV), Ciudad Autonoma de Buenos Aires, Republica Argentina)	* Sản phẩm: Thuốc tiêm EPOGEN (rHu Erythropoietin beta 2000 IU/1ml); Tên tại Việt Nam: Dung dịch tiêm Betahema.	PICS GMP	CE-2019-09618694-APN-DECBR#ANMAT	12/02/2019	12/02/2020	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
28	Patheon Inc. (Cơ sở sản xuất)	2100 Syntex Court Mississauga, Ontario, Canada, L5N 7K9	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Eplusa (Sofosbuvir 400mg; Velpatasvir 100mg).	Canada-GMP	71777	15/03/2019	15/03/2020	Cơ quan thẩm quyền Canada	1	
	Gilead Sciences Ireland UC (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	IDA Business and Technology Park, Carrigtohill, Co. Cork-Ireland.		EU GMP	20496/M589	05/07/2018		Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland		
29	Lek S.A (Cơ sở sản xuất)	ul. Podlipie 16, 95-010 Stryków, Poland	* Sản phẩm: Thuốc viên nén bao phim Meglucon 850 (Metformin HCl 850mg)	EU-GMP	IWZI.405.43.2018.MG.2	10/04/2018	2021	Chief Pharmaceutical Inspector	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Lek S.A (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	ul. Domaniewska 50c, 02-672 Warszawa, Poland		EU-GMP	IWPS. 405.4.2019. ER.1 WTC/0095_01_01/7	07/01/2019	12/01/	Main Pharmaceutical Inspector		
30	InfoRLife SA	Casai 7748 Campascio, Switzerland	Thuốc vô trùng dạng dung dịch (bao gồm cả thuốc sản xuất vô trùng và thuốc tiệt trùng cuối).	PIC/S-GMP và EU-GMP	19-0177	12/02/2019	09/11/2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
31	Rivopharm SA	Centro Insema, 6928 Manno, Switzerland	* Thuốc dạng rắn: Viên nén, viên nang cứng, viên nén bao phim.	PIC/S-GMP và EU-GMP	17-1510	05/09/2017	22/06/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
32	RubiePharm Arzneimittel GmbH	Brüder-Grimm-Straße 62, 36396 Steinau a. d. Straße, Germany	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dạng bán rắn; Thuốc đạn.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0003	17/01/2019	03/08/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierungspräsidium Darmstadt)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
33	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Plot No E-37/39, M.I.D.C., Industrial Estate, Satpur, Nasik - 422 007, India (* Cách ghi khác: Plot No E-37, 39, D-Road, MIDC, Satpur, Nashik - 422 007, Maharashtra State, India)	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ, gel); viên nén; viên nén bao phim. * Sản phẩm: + Viên nén Ascoril (Salbutamol Sulphate, Bromhexine HCl, Guaifenesin); + Si rô Ascoril Expectorant (Salbutamol Sulphate, Bromhexine HCl, Guaifenesin, Menthol); + Viên bao phim Glevo 250mg, 500mg (Levofloxacin Hemihydrate), Lizolid 600mg (Linezolid); + Gel Deriva (Adapalene), Deriva C (Adapalene, Clindamycin phosphate), Deriva C MS (Adapalene, Clindamycin phosphate); + Gel âm đạo Candid 20mg/g (Clotrimazole); + Thuốc nhỏ tai Candibiotic (Chloramphenicol, Beclometasone dipropionate, Clotrimazole, Lidocain HCl); + Thuốc kem Candid 10mg/g (Clotrimazole), Candid B (Clotrimazole, Beclometasone dipropionate), Candiderm (Clotrimazole, Beclometasone dipropionate, Gentamicin Sulphate), Momate cream 0.1% (Mometasone Furoate), Onabet 20mg/g (Sertaconazole Nitrate), Powercort 0.05% (Clobetasole Propionat); + Thuốc mỡ Momate ointment 0.1% (Mometasone Furoate), Momate S ointment (Mometasone Furoate, Salicylic acid); + Dung dịch dùng ngoài Candid 10mg/mL (Clotrimazole); + Viên nén đặt âm đạo Candid V6 100mg (Clotrimazole);	PIC/S GMP	004/2019/GMP	22/02/2019	01/12/2021	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control		2
34	Takeda Pharmaceutical Company Limited, Osaka Plant (Cơ sở sản xuất)	17-85, Jusohonmachi 2-chome, Yodogawa -ku, Osaka 532-8686, Japan	* Sản phẩm: - Bột pha hỗn dịch tiêm Lucrin PDS Depot 3.75 mg (Leuprorelin acetate 3,75 mg) - Bột pha hỗn dịch tiêm Lucrin PDS Depot 11.25 mg (Leuprorelin acetate 11,25 mg)	Japan GMP	6551	28/03/2018		Pharmaceuticals and Medical Devices Agency (PMDA), Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	AbbVie Deutschland GmbH & Co., KG (Cơ sở đóng gói)	Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany		EU GMP	DE_RP_01_GMP_2017_1026	07/12/2017	08/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức (Landesamt Fur Soziales, Jugend und Versorgung)		
	AbbVie Logistics B.V. (Cơ sở xuất xưởng)	Zuiderzeelaan 53, Zwolle, 8017JV, Netherlands		EU GMP	NL/H16/100 8041V1	14/02/2019		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
35	PT. Tunggal Idaman Abdi	Jl. Jend. Ahmad Yani No. 7, Rawamangun, Jakarta Timur, Indonesia	Thuốc tiêm thể tích nhỏ chứa hormon sinh dục và tránh thai.	PIC/S GMP	5350/CPOB/A/III/19	22/03/2019	14/04/2024	National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		2
36	Samyang Biopharmaceuticals Corporation	79, Sinildong-ro, Daedeok-gu, Daejeon, Republic of Korea	* Thuốc chứa chất độc tế bào chống ung thư: Dung dịch tiêm; Bột pha tiêm.	PIC/S-GMP	2019-G1-0504	20/03/2019	11/04/2021	Daejeon Regional Food of Drug Safety, Korea		2
37	Guju Pharm. Co., Ltd.	5, Deokjeoljegi-gil, Jeongnam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nang; thuốc bột. + Thuốc uống dạng lỏng: Thuốc uống dạng lỏng, Sirô (dung dịch). * Thuốc vô trùng: + Thuốc tiêm: Dung dịch; bột đông khô pha tiêm. * Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Medcelore Injection (Methylprednisolon dưới dạng methylprednisolon natri succinat 40mg).	PIC/S GMP	2019-D1-0532	25/02/2019	31/10/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
38	Laboratoire Renaudin	Zone Artisanale Errobi, Itxassou, 64250, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	2019/HPF/FR/055	07/02/2019	21/09/2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
39	Ipsen Pharma Biotech	Parc d'Activites du Plateau de Signes, Chemin departemental N° 402, Signes, 83870, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (chứa hormon): Thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối (chứa hormon): Dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc cấy ghép và dạng rắn.	EU-GMP	2019/HPF/F R/025	18/03/2019	22/04/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
40	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	No. 6-20, Tuku., Tuku Village, Sinying District, Tainan City 73055, Taiwan	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc tiêm thể tích nhỏ (dung dịch, hỗn dịch); bột đông khô pha tiêm. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Dung dịch thuốc; Viên nén, viên bao phim, viên bao đường, viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm. * Thuốc bột khô pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosrin.	PIC/S GMP	4985	22/02/2019	11/03/2021	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2
41	N.V. Organon (Cơ sở sản xuất, đóng gói, kiểm nghiệm, xuất xưởng)	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands Cách ghi khác: Molenstraat 110, 5342 CC Oss, Netherlands hoặc: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Netherlands	Sản phẩm: Implanon NXT (Etonogestrel 68mg)	EU GMP	NL/H 16/1010471 C	26/03/2017	08/09/2019	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
	Synergy Health Ede B.V (Cơ sở tiết trùng thành phẩm sau công đoạn đóng gói cuối)	Soeverinstraat 2, 4879NN, Etten - Leur, the Netherlands		EU-GMP	NL/H17/101 4950B	14/04/2017		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
42	Pencef Pharma GmbH	Breitenbachstraße 13-14, 13509 Berlin, Germany	* Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh nhóm beta lactam): viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim, viên nén phân tán, viên nén tan, thuốc bột uống, thuốc cốm uống	EU GMP	DE_BE_01_GMP_2017_1014	29/06/2017	01/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
43	ACS Dobfar S.P.A (Tên cũ: Facta Farmaceutici S.P.A.)	Nucleo Industriale S. Atto (loc. S. Nicolo' A Tordino) - 64100 Teramo (TE), Italia;	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm cepha, penem.	EU GMP	IT/6/H/2019	21/01/2019	13/04/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
45	Kaysersberg Pharmaceuticals	23 avenue Georges Ferrenbach, Kaysersberg, 68240, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	2019/HPF/F R/020	18/01/2019	19/08/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
48	Janssen Pharmaceutica NV (Cơ sở sản xuất)	Lammerdries 55, Olen, 2250 (hoặc B-2250), Belgium	* Sản phẩm: Viên nang cứng giải phóng kéo dài Reminyl 8mg, 16mg (Galantamin 8mg, 16mg).	EU-GMP	BE/GMP/20 16/026	04/07/2016	27/01/2020	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
	Janssen Pharmaceutica NV (Cơ sở kiểm nghiệm, xuất xưởng hạt thuốc giải phóng kéo dài)	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340 hoặc (B-2340), Belgium		EU GMP	BE/GMP/20 17/007	28/04/2017		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
	Janssen Cilag S.P.A. (Cơ sở đóng nang, đóng gói, kiểm nghiệm, xuất xưởng thành phẩm)	Via C. Janssen (loc. Borgo S. Michelle), 04100 Latina (LT), Italy		EU GMP	IT/184/H/20 18	08/08/2018		AIFA Italian Medicines Agency		
49	Hetero Labs Limited - Unit V	Sy. No 439, 440, 441 & 458, TSIIIC Formulation SEZ, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District., Telangana, India	* Viên nén bao phim, viên nang	PIC/S GMP	108-1071	10/04/2018	31/12/2019	Food and Drug Administration, Ministry of Health and Welfare, Taiwan		2
50	Hetero Labs Limited - Unit VI	Sy No. 410 & 411, TSIIIC Formulation SEZ, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar-District, Telangana, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén bao phim	PIC/S GMP	108-1079-1	23/03/2018	31/12/2019	Food and Drug Administration, Ministry of Health and Welfare, Taiwan		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
51	Hetero Labs Limited, Unit III	22-110 Industrial Development Area, Jeedimetla, Hyderabad, Andhra Pradesh, India 500 055	* Thuốc không vô trùng: Viên nén bao phim; viên nang.	PIC/S GMP	107-1137	11/12/2018	30/11/2020	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
52	Hetero Labs Limited, Unit-VI	TSIIC, Formulation SEZ, Sy No. 410 & 411, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar-District, Telangana, Pin-509301, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc đông khô pha tiêm (thuốc Gemcitabine 1g injection) + Dung dịch thể tích nhỏ (thuốc Paclitaxel 30mg/5ml injection)	PIC/S GMP	WSSZ-1061107685	15/05/2018	20/11/2020	Ministry of Health and Welfare, Taiwan		2
54	Eskayef Bangladesh Limited	Unit 2 and FAH building, 400 Squibb Road, Tongi Industrial Area, Tongi, Gazipur, BD-1711, Bangladesh	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU GMP	UK GMP 33631 Insp GMP 33631/5445 60-0006	20/12/2017	09/11/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
55	Inist Bio Pharmaceutical Co., Ltd (JRP Co., Ltd)	34-40 Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nang cứng, siro, thuốc uống dạng lỏng, hỗn dịch uống, thuốc mỡ, kem, gel	PIC/S GMP	2018-D1-2899	26/12/2018	16/05/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
56	Dong Sung Pharm	45 Gwandae-an-gil, Dunpo-myeon, Asan-si, Chungcheongnam-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nang cứng, viên hoàn (pills), bột pha siro, thuốc dùng ngoài dạng lỏng, lotion, thuốc mỡ, kem, gel * Thuốc uống dạng lỏng chứa hoạt chất sinh dục	PIC/S GMP	2018-G1-2198	20/11/2018	23/10/2020	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
57	Synmosa Biopharma Corporation, Synmosa Plant	No. 6, kuang Yeh 1st Rd, Zhongxing village, Hu-Kuo Hsiang, Hsin Chu Hsien, Taiwan, R.O.C (No. 6, kuang Yeh 1st Road, Hu-Kuo Hsiang, Hsin-Chu Ind. Park, Hsin Chu Hsien, Taiwan, R.O.C)	* Thuốc không vô trùng: hỗn dịch; dung dịch; thuốc phun mù; viên nén; viên bao phim, viên bao đường; thuốc bột; viên nang chứa pellet. * Thuốc chứa dược chất hormon: viên nén, viên nén bao phim.	PIC/S-GMP	4913	31/01/2019	23/12/2021	Department of Health, Taiwan, R.O.C		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
58	Novo Nordisk A/S	Brennum Park, Hillerød, 3400, Denmark	* Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học	EU-GMP	DK H 00097718	20/02/2018	14/12/2020	Danish Medicines Agency	1	
59	Mylan Laboratories Limited	Plot nr. 20/21, Pharmez, Pharmaceutical special economic zone, Sarkhej-Bavla NH, No-8A, Village Matoda, Ahmedabad, 382213, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (chứa hóc môn tránh thai)	EU GMP	NL/H 17/1015358	04/07/2017	11/05/2020	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands		2
60	Abbott Biologicals B.V	Veerweg 12, OLST, 8121 AA, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim (chứa hormon). * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	NL/H 19/2010100	08/03/2019	07/03/2022	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
61	SANDOZ S.R.L.	Str. Livezeni nr. 7A, 540472, Targu Mures, Jud. Mures, Romania	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm và thuốc bột pha hỗn dịch uống	EU-GMP	011/2019/R O	30/01/2019	02/11/2021	National Agency for Medicines and Medical Devices (NAMMD), Romania	1	
62	Baxter Healthcare SA, Singapore Branch	2 Woodlands Ind Park D Street 2 Singapore 737778	* Thuốc vô trùng dạng lỏng (không bao gồm thuốc tiêm).	PIC/S-GMP	M00190	15/04/2018	06/05/2020	Health Sciences Authority, Singapore		2
63	Upsa Sas	304 avenue du Docteur Jean Bru, AGEN, 47000, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, viên nén, thuốc uống dạng lỏng, thuốc đặt, thuốc bán rắn	EU GMP	2018/HPF/F R/282	18/12/2018	22/11/2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
64	EVER Pharma Jena GmbH (Cơ sở sản xuất)	Otto-Schott-Str. 15, 07745 Jena, Germany	* Sản phẩm: Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền, Dung dịch tiêm Cerebrolysin 215.2 mg	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2018_0023	14/05/2018	/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	EVER Neuro Pharma GmbH (Cơ sở xuất xưởng)	Oberburgau 3, 4866 Unterach am Attersee, Austria			INS-482197-0053-001 (4/10)	08/02/2019	21/03	Federal Office for Safety in Health Care, Austria		
66	CSL Behring GmbH	CSL Behring GmbH Emil-von-Behring-Strasse (hoặc: Straße) 76 35041 Marburg, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; sản phẩm khác: Fibrinogen Based Glue. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; các sản phẩm khác: Nước cất pha tiêm; dung dịch Calciumchloride. * Chế phẩm sinh học: chế phẩm từ máu; sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Thuốc khác: thrombin, fibrinogen từ người	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0147	26/11/2018	14/06/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
67	Mitsubishi Tanabe Pharma Factory Ltd., Onoda Plant (Cơ sở sản xuất)	7473-2, Ooaza Onoda, Sanyo Onoda, Yamaguchi, Japan	* Sản phẩm: + Viên nang giải phóng có kiểm soát HERBESSER R 200 (Diltiazem Hydrochloride 200mg); + Viên nang giải phóng có kiểm soát HERBESSER R 100 (Diltiazem Hydrochloride 100mg).	Japan GMP	4502, 4503	06/01/2017	15/01/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan		2
	P.T. Tanabe Indonesia (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Jl. Rumah Sakit No. 104 Ujungberung Bandung 40612, Indonesia		PIC/S GMP	4337/CPOB/A/I/15	15/01/2015		National Agency for Drug and Food Control (NADFC), Indonesia		
68	Special Product's Line S.P.A	Via Fratta Rotonda Vado Largo, 1-03012- Anagni (Frosinone/FR), Italy. Cách ghi địa chỉ cũ: Strada Paduni, 240-03012 Anagni (FR), Italy	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (chứa hormon corticosteroid); thuốc bột; thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn (chứa hormon corticosteroid); thuốc đặt (chứa hormon corticosteroid); viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả chứa hormon corticosteroid, thuốc độc tế bào, thuốc được liệu). * Thuốc sinh học: sản phẩm trị liệu sinh học: thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	IT/9/H/2019	22/01/2019	06/01/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
69	ACS Dobfar S.P.A	V.Laurentina Km 24,730 - 00071 Pomezia (RM), Italy	* Thuốc không vô trùng: thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nang cứng; viên nén; thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	IT/7/H/2019	21/01/2019	17/11/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
71	Cadila Healthcare Limited	Kundaim Industrial Estate, Plot No. 203 to 213, Kundaim village, Goa, 403 115, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	OGYÉI/5266 4-6/2018	11/03/2019	07/02/2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2
72	Temmler Pharma GmbH	Temmler Pharma GmbH, Temmlerstraße 2, 35039 Marburg, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm; thuốc bột; viên nén; viên nén bao đường; viên nén bao phim; viên nén sủi bọt; viên ngậm.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0011	11/02/2019	07/12/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
74	Genfarma Laboratorio, S.L	Avd. Constitucion 198-199, Pol. Industrial Monte Boyal 28230 Casarubios del Monte (Toledo), Spain	* Thuốc bột pha dung dịch truyền Aciclovir G.E.S 250mg	EU GMP	2019/00673	02/04/2019	21/10/2019	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
75	Besins Manufacturing Belgium SA	Groot Bijgaardenstraat 128, Drogenbos, 1620, Belgium	* Thuốc không vô trùng: dạng bào chế bán rắn.	EU GMP	BE/GMP/20 19/003	22/02/2019	11/01/2020	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium	1	
76	DELPHARM DIJON	6 boulevard de l'Europe, QUETIGNY, 21800, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc bột; Thuốc cốm; Thuốc bán rắn; Viên nén. * Thuốc sinh học: Các sản phẩm chiết xuất có nguồn gốc từ động vật hoặc từ người.	EU GMP	2019/HPF/F R/052	05/02/2019	07/09/2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
77	Medochemie Ltd. (Ampoule Injectable Facility)	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. - Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	MED07/201 8/001	10/08/2018	30/03/2021	Pharmaceutical Services, Ministry of Health, Republic of Cyprus	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
78	Adare Pharmaceuticals SAS	Route de Bû, La Prévôté, Houdan, 78550, France	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, thuốc bột; * Thuốc sinh học: thuốc sản xuất từ công nghệ lên men (không chứa vi sinh vật sống); Sản phẩm: Lacteol 340mg (Lactobacillus fermentum và Lactobacillus delbruekii 10 tỷ)	EU GMP	2019/HPR/F R/047	04/02/2019	24/03/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
79	Ferring pharmaceuticals (China) Co., Ltd.	Ferring pharmaceuticals (China) Co., Ltd. No. 6, Hui Ling Lu (Ferring Road), National Health Technology Park, 528437 Zhongshan city, Guangdong Province, China	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: thuốc cốm (bột pha dung dịch uống)	EU GMP	DE_SH_01_GMP_2017_1002	09/06/2017	21/04/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
80	Berlin-Chemie AG	Berlin-Chemie AG Glienicke Weg 125, 12489 Berlin, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng, thuốc đặt.	EU-GMP	DE_BE_01_GMP_2019_0009	11/02/2019	31/01/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
82	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Willmar-Schwabe-Straße 4, 76227 Karlsruhe, Germany. (* Cách ghi khác: Willmar-Schwabe-Str. 4, D-76227 Karlsruhe, Germany)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, thuốc cốm, globuli (chứa vi nang chứa vi lượng đồng căn); Viên nén, viên nén bao phim. * Các thuốc khác: + Thuốc dược liệu: viên nén, viên nén bao phim + Thuốc vi lượng đồng căn (Homoeopathic products).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0050	19/09/2018	22/03/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)	1	
83	Klonal S.R.L	Lamadrid avenue 802, Quilmes, Province of Buenos Aires (Zip Code 1878), Argentina	* Sản phẩm: Bột pha tiêm Suklocef (1 lọ gồm: Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) 1g; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) 0,5g)	PIC/S GMP	2013201900 011619	05/02/2019	05/02/2020	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
84	Klonal S.R.L	Lamadrid avenue 802, Quilmes, Province of Buenos Aires, Argentine Cách ghi khác: Lamadrid 802, Quilmes, Province of Buenos Aires, Argentine	* Sản phẩm Bột pha tiêm Vakkonal (Vancomycin 500mg, dưới dạng vancomycin hydrochloride 512,6mg)	PIC/S GMP	2013202000105618	22/01/2019	22/01/2020	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
Đợt 66 (theo Công văn số 12668/QLD-CL ngày 25/07/2019 của Cục Quản lý Dược)										
1	C.B.Fleet Company. INC	Lynchburg, VA 24502, United States of America Cách viết khác: 4615 Murray Place, Lynchburg, VA 24502, United States of America	* Sản phẩm: Dung dịch thực tràng Fleet®Enema, Enema (monobasic sodium phosphate 19GM/118 ml; dibasic sodium phosphate 7GM/118ml). Tên tại Việt Nam: Fleet Enema	U.S.CGMP	G8UE-KKPA	10/04/2018	09/04/2020	United States Food and Drug Administration	1	
2	Aesica Queenborough Limited	North Road Queenborough, ME 11 5EL, United Kingdom	* Sản phẩm: Sevoflurane, Inhalation Liquid (sevoflurane 100% v/v). Tên tại Việt Nam: Dung dịch hít Sevorane.	EU-GMP	PP10160606	12/04/2019		Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
3	Anfarm Hellas S.A. (Cơ sở sản xuất)	61st km Nat. Rd. Athens-Lamia, Schimatari Viotias, 32009, Greece (* Cách viết khác: 61st km Nat. Rd. Athens-Lamia, Sximatari Viotias, 32009, Greece)	* Sản phẩm: Homepen Powder for solution for injection/infusion 500mg/vial (meropenem trihydrate 570 mg tương đương meropenem 500mg). Tên tại Việt Nam: Bột pha tiêm Homepen 500mg/vial.	EU GMP	127141	18/12/2018		National Organization for Medicines (EOF), Greece		2
	Savior Lifetec Corporation (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	No. 29, Kejhong Road, Chu-Nan Site, Hsinchu Sciences-Based Industrial Park, Hsinchu, Miao-Li County, TW-350, Taiwan								

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
4	Medana Pharma S.A	57, Polskiej Organizacji Wojskowej, 98-200 Sieradz, Poland (<i>địa chỉ cơ sở sản xuất</i>) 10, Wladyslawa Lokietka, 98-200 Sieradz, Poland (<i>địa chỉ cơ sở xuất xưởng</i>)	* Sản phẩm: - Hỗn dịch uống Pyrantelum Medana, oral suspension (Pyrantel embonate 250mg/5ml). - Hỗn dịch dùng ngoài Pirolam, cutaneous suspension (Ciclopirox olamine 10mg/g). Tên xuất khẩu: Pirolam. - Gel Pirolam, gel (Ciclopirox olamine 10mg/g). Tên xuất khẩu: Pirolam.	EU GMP	284/19; 285/19; 286/19;	18/04/2019		Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
5	Medana Pharma S.A	57, Polskiej Organizacji Wojskowej, 98-200 Sieradz, Poland (<i>địa chỉ cơ sở sản xuất</i>) 10, Wladyslawa Lokietka, 98-200 Sieradz, Poland (<i>địa chỉ cơ sở xuất xưởng</i>)	* Sản phẩm: Hỗn dịch uống Ibufen for children with strawberry flavour, oral suspension (Ibuprofen 100mg/5ml); Tên xuất khẩu: Polebufen	EU GMP	290/19	18/04/2019		Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
6	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	Sản phẩm: Viên nén bao đường Myonal Tablets 50mg. Không áp dụng cho thuốc Viên nén bao đường Myonal 50mg, SĐK: VN-19072-15 được đóng gói và xuất xưởng tại cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Interthai Pharmaceutical Manufacturing Ltd (địa chỉ: 1899 Phaholyothin Road, Ladyao, Chatuchak, Bangkok 10900, Thailand).	Japan-GMP	1123008000792	06/04/2018		Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
7	C.B.Fleet Company. INC	Lynchburg, VA 24502, United States of America Cách viết khác: 4615 Murray Place, Lynchburg, VA 24502, United States of America	* Sản phẩm: Dung dịch thụt trực tràng Monobasic sodium phosphate/Dibasic sodium phosphate, Enema (monobasic sodium phosphate 9,5GM/59ML; dibasic sodium phosphate 3,5 GM/59ML). Tên thương mại: Fleet Enema for Children	U.S.CGMP	HPPN-UZ6D	08/05/2018	07/05/2020	United States Food and Drug Administration	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
8	Stada-VN Joint Venture Co. Ltd., Binh Duong Branch	No. 40, Tu Do Avenue, Vietnam - Singapore, Industrial Park, An Phu Ward, Thuan An District, Binh Duong Province, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim; viên nén bao phim phóng thích kéo dài; viên nén bao phim kháng dịch vị; viên nén sủi bọt; viên nang cứng.	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0065	13/05/2019	07/03/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierungspräsidium Darmstadt)		2
9	Torrent Pharmaceuticals Ltd	Torrent Pharmaceuticals Ltd. - Indrad Plant Near Indrad Village, Taluka Kadi, District Mehsana Gujarat 382721, India (Cách viết khác: Indrad - 382721, Tal: Kadi, City: Indrad, Dist: Mehsana, India)	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm (dạng gói).	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2019_0034	20/05/2019	14/02/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
10	Eli Lilly and Company (Cơ sở sản xuất)	Lilly Corporate Center., Indianapolis, Indiana 46285, USA.	* Sản phẩm: + Hỗn dịch tiêm Humulina NPH 100 UI/ml suspension inyectable en vial (Insulin người isophane PRB) - Tên tại Việt Nam: Humulin N; + Hỗn dịch tiêm Humulina 30:70 100 UI/ml suspension inyectable en vial (Insulin người isophane PRB, Insulin người hòa tan PRB) - Tên tại Việt Nam: Humulin 70/30; + Dung dịch tiêm Humulina Regular 100 UI/ml solucion inyectable en vial (Insulin người hòa tan PRB) - Tên tại Việt Nam: Humulin R.	EU GMP	2019/00973; 2019/00974; 2019/00972;	25/04/2019	25/04/2020	Spanish Agency of Drugs and Health Products (AEMPS)	1	
	Lilly, S.A. (Cơ sở đóng gói, dán nhãn và xuất xưởng)	Avda. de la Industria, 30, 28108 Alcobendas (Madrid), Spain								
11	Taiho Pharmaceutical Co., Ltd Tokushima Plant (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	224-15 Aza-ebisuno, Hiraishi, Kawauchi-cho, Tokushima-shi, Tokushima, 771-0194, Japan	* Sản phẩm: Viên nang TS-One capsule 20, TS-One capsule 25.	Japan GMP	5703	07/03/2019		Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	OLIC (Thailand) Limited (Cơ sở đóng gói thứ cấp)	166 Bangpa-In Industrial Estate, Udomsoraryuth Road, Moo 16, Bangkrason, Bangpa-In, Ayutthaya, 13160, Thailand (* Cách ghi khác: 166 Moo Bangpa-In Industrial Estate, Udomsoraryuth Road, Bangpa-In district, Ayutthaya province, Thailand)		PIC/S GMP	1-2-17-17-00035	07/03/2017	06/03/2020	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		
12	Egis Pharmaceuticals Plc.	Bökényföldi út 118-120., Budapest, 1165, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột, thuốc cốm; viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	OGYÉI/3973-6/2019	09/04/2019	08/02/2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	1	
13	Chemical Works of Gedeon Richter Plc. (Gedeon Richter Plc.)	Gyömrői út 19-21., Budapest, 1103, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch và hỗn dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc có chứa chất kim tế bào). + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột và thuốc cốm; dạng bào chế bán rắn (chứa kháng sinh); viên nén, viên nén bao đường và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon). * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm chiết có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Sản phẩm: + Hỗn dịch tiêm Hydrocortison -Lidocain- Richter (Hydrocortisone acetate 125mg/5ml; Lidocaine hydrochloride 25mg/5ml) ; + Dung dịch tiêm Oxytocin (5IU/1ml).	EU-GMP	OGYÉI/9446-6/2019	18/04/2019	08/03/2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
14	Gedeon Richter Polska Sp. Zo.o. (Cơ sở sản xuất và đóng gói)	ul. Graniczna 35, 05-825 Grodzisk Mazowiecki, Poland (* Cách ghi khác: 35 Graniczna Str., 05-825	* Sản phẩm: + Vidonorm 4mg/5mg tablets (Perindopril 4mg + Amlodipine 5mg). Tên lưu hành tại Việt Nam: Beatil 4mg/5mg tablets; + Vidonorm 4mg/10mg tablets (Perindopril 4mg + Amlodipine 10mg). Tên lưu hành tại Việt Nam: Beatil 4mg/10mg tablets;	EU GMP	IWPS.405.36 .2019.KKW.2 WTC/0031_03_01/68	12/04/2019	17/01/2022	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
	Chemical Works of Gedeon Richter Plc. (Gedeon Richter Plc.) (Cơ sở xuất	Gyömrői út 19-21., Budapest, 1103, Hungary	+ Vidonorm 8mg/10mg tablets (Perindopril 8mg + Amlodipine 10mg). Tên lưu hành tại Việt Nam: Beatil 8mg/10mg tablets; + Vidonorm 8mg/5mg tablets (Perindopril 8mg + Amlodipine	EU GMP	OGYÉI/9446-6/2019	18/04/2019		National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		
15	TAKATA Pharmaceutical Co., Ltd. Kitasaitama Plant	3207-5, Koguki, Kazo city, Saitama 347-0111, Japan	* Sản phẩm: MILRINONE Injection 10mg [TAKATA]. Tên đăng ký tại Việt Nam: Citimax 10mg/10ml.	Japan GMP	1222	07/06/2019	07/06/2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
16	Imexpharm Corporation Branch III (IMP3)	No. 22, Street No. 2, Viet Nam Singapore industrial Zone II, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Viet Nam	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa kháng sinh nhóm beta-lactam; * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm beta-lactam: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột, thuốc cốm.	EU-GMP	ES/106HV/19	24/07/2019	23/02/2022	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain		2
			* Sản phẩm được xét nhóm thầu 1 (lưu hành tại Bồ Đào Nha): + Thuốc bột pha tiêm IMETOXIM 1g (Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 1g)						1	
17	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	13 -15 Othellos Street, Dhali Industrial Area, Nicosia, Cyprus, 2540, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc phun mù; thuốc bán rắn; viên đạn.	EU-GMP	MUN01/2019/001	13/03/2019	08/02/2021	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	1	
18	Medice Arzneimittel Pütter GmbH & Co. KG	Medice Arzneimittel Pütter GmbH & Co. KG Kuhloweg 37, D- 58638 Iserlohn, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang mềm (viên nang mềm vỏ gelatin Nephrotrans); thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế rắn khác (thuốc cốm, pellet); dạng bào chế bán rắn; viên nén; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_NW_01_GMP_2019_0002	04/03/2019	17/01/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
19	Fresenius Kabi Austria GmbH (Cơ sở sản xuất)	Hafnerstrabe 36, 8055 Graz, Austria	Sản phẩm: dung dịch truyền tĩnh mạch Aclasta (Acid Zoledronic khan 5mg (tương ứng 5,33mg acid zoledronic monohydrate)).	EU GMP	INS-480166-0093-001 (7/10)	29/11/2018	31/03/2020	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	1	
	Novartis Pharma Stein AG (Cơ sở đóng gói thứ cấp, xuất xưởng)	Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	18-0600	02/05/2018		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
21	Lek Pharmaceuticals d.d. (Lek d.d)	Verovškova ulica 57, 1526 Ljubljana, Slovenia (* Cách ghi khác: Verovškova 57, SI-1526 Ljubljana, Slovenia).	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (Prostaglandin/ Cytokines; chất độc tế bào/chất kìm tế bào; chất ức chế miễn dịch); dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon, chất độc tế bào/ chất kìm tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon), . * Thuốc sinh học: sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học.	EU GMP	450-4/2019-2	19/03/2019	25/05/2021	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
22	CIS BIO INTERNATIONAL	Route Nationale 306, Saclay BP 32, GIF SUR YVETTE, 91192, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ (thuốc phóng xạ). + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (thuốc phóng xạ); column of molybdenum -99 for radionuclide generator of technetium * Thuốc phóng xạ không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; máy tạo hạt nhân phóng xạ. * Thuốc sinh học phóng xạ : chế phẩm từ máu; thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc chiết xuất từ người hoặc động vật.	EU-GMP	2019/HPF/F R/067	25/02/2019	30/06/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
23	Micro Labs Limited	Plot Nos. 113 to 116, IV Phase Kiadb Bommasandra Industrial Area, Jigani Link Road, Anekal Taluk, Bangalore , IN -560 099 India	Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc nhỏ mắt thể tích nhỏ	EU GMP	UK GMP 22481 Insp GMP 22481/1080 970-0006	12/04/2018	15/01/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
24	FERRING CONTROLLED THERAPEUTICS LIMITED	1 REDWOOD PLACE, PEEL PARK CAMPUS, EAST KILBRIDE, GLASGOW, G74 5PB, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: hệ phân phối thuốc đặt âm đạo (sản phẩm Propess (Dinoprostone 10mg).	EU GMP	UK MIA 8731 Insp GMP /IMP8731/1 8177-0019	12/03/2019	12/03/2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
25	Cơ sở sản xuất: Pharmachemie B.V.	Swensweg 5, HAARLEM, 2031GA, Netherlands	Sản phẩm: bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền tĩnh mạch Decogen (Decitabin 50mg)	EU GMP	NL/H 18/2003994	15/06/2018	24/11/2020	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands	1	
	Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Janssen Pharmaceutica NV	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340 (hoặc B-2340, Beerse), Belgium		EU GMP	BE/GMP/20 17/124	20/03/2018		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
26	Jeil Pharmaceutical, Co., Ltd (1333).	18-29 Seongseo-ro, Dalseo-gu Daegu, Republic of Korea	* Thuốc tiêm;	PIC/S GMP	2019-E1-0037	24/04/2019	03/05/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
27	Oncotec Pharma Produktion GmbH (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Roßlau, Germany	* Sản phẩm: bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền tĩnh mạch Ribomustin (Bendamustin 22.7mg; 90.8mg).	EU GMP	DE_ST_01_GMP_2018_0 010	30/01/2018	24/11/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Janssen Pharmaceutica NV (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340, Belgium		EU GMP	BE/GMP/20 17/124	20/03/2018		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
28	Lek S.A (Cơ sở sản xuất)	ul. Podlipie 16, 95-010 Stryków, Poland	* Sản phẩm: Thuốc viên nén Glimepirid 4mg	EU-GMP	IWZJ.405.43. 2018.MG.2	10/04/2018	2021	Chief Pharmaceutical Inspector	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Lek S.A (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	ul. Domaniewska 50c, 02-672 Warszawa, Poland		EU-GMP	IWPS. 405.4.2019. ER.1 WTC/0095_01_01/7	07/01/2019	12/01/	Main Pharmaceutical Inspector		
29	Sopharma AD	16 Iliensko Shosse Str., Sofia 1220, Bulgaria	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; thuốc từ dược liệu	EU GMP	BG/GMP/2019/153	09/05/2019	12/04/2022	Bulgarian Drug Agency	1	
30	Celltrion Inc.	20, Academy-ro 51 beon-gil, Yeonsu-gu, Incheon, 22014, Republic of Korea	Thuốc sinh học: thuốc tiêm tái tổ hợp ADN	PIC/S GMP	2019-D1-1405	13/06/2019	04/04/2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
31	Abbott Biologicals B.V	Veerweg 12, OLST, 8121 AA, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén (chứa hormon). * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	NL/H 19/2010100	08/03/2019	07/03/2022	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
32	Kleva Pharmaceuticals S.A.	Parnithos Ave. 189, Acharnai Attiki, 13675, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (thuốc chứa hormone). + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (thuốc chứa hormone). * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; các dạng bán rắn (gel chứa hormone); viên nén;	EU GMP	112137, 119180/4-12-2018	15/01/2019	26/03/2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
33	Aeropharm GmbH	Francois-Mitterrand-Allee 1, 07407 Rudolstadt, Germany (* Cách ghi khác: Francois-Mitterrand-Allee 1, D-07407 Rudolstadt, Germany)	* Thuốc không vô trùng: thuốc phun mù; thuốc bột hít (bao gồm thuốc đã lắp thiết bị).	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2018_0004	19/01/2018	27/11/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
34	Pharmaceutical Manufacturing Cooperative GALENA (* Tên tiếng Ba Lan: Farmaceutyczna Spółdzielnia Pracy GALENA)	site address: ul. Dozynkowa 10, 52311 Wroclaw, Poland	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nang cứng; * Thuốc được liệu	EU-GMP	IWZJ.405.41 04.2018.ER. 1 WTC/0047_02_01/194	08/10/2018	08/06/2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
35	N.V. Organon (Cơ sở sản xuất, đóng gói, kiểm nghiệm, xuất xưởng)	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands Cách ghi khác: Molenstraat 110, 5342 CC Oss, Netherlands hoặc: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Netherlands	Sản phẩm: Implanon NXT (Etonogestrel 68mg)	EU GMP	19-0169	14/02/2019		Ministry of Health, Welfare and Sport Netherlands	1	
	Synergy Health Ede B.V (Cơ sở tiệt trùng thành phẩm sau công đoạn đóng gói cuối)	Soevereinstraat 2, 4879NN, Etten - Leur, the Netherlands								
36	B. Braun Melsungen AG	Mistelweg 2, 12357 Berlin, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	DE_BE_01_GMP_2019_0011	04/03/2019	02/03/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
37	MSN Laboratories Private Limited	Formulations Division, Plot No 42, Anrich Industrial Estate, Bollaram, Sangareddy District - 502 325, Telangana, India	* Thuốc không vô trùng: viên nén bao phim * Thuốc vô trùng: - Thuốc tiệt trùng cuối: thuốc tiêm	PIC/S GMP	109-1252	01/03/2018	30/04/2020	Food and Drug Administration, Ministry of Health and Welfare, Taiwan		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
38	GlaxoSmithKline Biologicals SA	Rue de l'Institut 89, Rixensart, 1330, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn. * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học.	EU-GMP	BE/GMP/2018/145	06/03/2019		Federal Agency for Medicines and Health Products (AFMPS)	1	
39	GlaxoSmithKline Biologicals S.A (* Cách gọi khác: GSK Biologicals S.A)	Parc de la Noire Epine - Rue Fleming 20, Wavre, 1300, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học.	EU-GMP	BE/GMP/2018/153	21/03/2019	21/09/2021	Belgian Federal Agency for Medicines and Health Products (AFMPS)	1	
40	PHARMATIS (Cơ sở sản xuất)	Zone d'Activités Est n° 1, Estrees Saint Denis, 60190, (hoặc 60190 Estrees Saint Denis) France	* Thuốc không vô trùng: Gel uống Pepsane (Guaiazulen 0,004g, Dimethicon 3 g)/gói 10g	EU-GMP	HPF/FR/102/2017	13/04/2017	27/01/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
	Laboratoires Rosa-Phytopharma (Cơ sở xuất xưởng)	2 Avenue du Traite de Rome, Chatou, 78400 (hoặc 78400 Chatou), France		EU-GMP	2019/HPF/FR/080	05/03/2019		French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)		
41	Abbott Laboratories GmbH	Justus-von-Liebig-Straße 33, 31535 Neustadt, Germany	* Sản phẩm: Viên nang cứng: Creon 25000 (Pancreatin 300mg)	EU-GMP	02/2019	07/01/2019		Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
42	Zeta Farmaceutici S.P.A	Via Galvani, 10 - 36066 Sandrigo (VI), Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa hormon corticosteroid; Thuốc uống dạng lỏng chứa hormon corticosteroid và thuốc sinh học; Thuốc bột; Thuốc bán rắn chứa hormon corticosteroid; Thuốc đạn chứa hormon corticosteroid. * Thuốc sinh học: Sản phẩm chiết từ động vật	EU GMP	IT/243/H/2018	17/12/2018	20/09/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
43	Monico S.P.A	Via Ponte Di Pietra, 7-30173 Venezia (VE), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	IT/216/H/2018	02/10/2018	22/06/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
44	AEFFE Farmaceutici SRL	Via Torino, 448-10032 Brandizzo (TO), Italy	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng.	EU-GMP	IT/209/H/2018	24/09/2018	23/03/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
45	Ipsen Biopharm Limited	Ash Road Wrexham Industrial Estate Wrexham, LL 13 9UF, United Kingdom.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô. * Thuốc sinh học: thuốc công nghệ sinh học.	EU GMP	UK MIA 3070 Insp GMP/GDP/IMP 3070/14720-0042	29/04/2019	23/04/2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
46	Mitim S.R.L	Via Cacciamali, 34-38-25125 Brescia (BS), Italia	* Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (kháng sinh nhóm beta lactam: penicillin và cephalosporin), thuốc bột pha tiêm (kháng sinh nhóm beta lactam: penicillin và cephalosporin) * Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả chế phẩm tách chiết từ động vật). * Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng (kháng sinh nhóm penicillin). - Thuốc bột (kháng sinh nhóm penicillin) - Viên nén (kháng sinh nhóm penicillin) * Chế phẩm sinh học (chế phẩm chứa, chiết xuất có nguồn gốc từ tế bào, mô động vật)	EU GMP	IT/68/H/2019	26/03/2019	16/11/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
47	Green Cross Corp.	586, Gwahaksaneop 2-ro, Ochang-eup, Cheongwon-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	- Thuốc tiêm - Thuốc sinh học (sản phẩm dẫn xuất huyết tương, sản phẩm tái tổ hợp gen): thuốc tiêm; thuốc đông khô pha tiêm	PIC/S-GMP	2019-G1-0598	04/04/2019	04/10/2021	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
48	Przedsiębiorstwo Farmaceutyczne Jelfa SA (Pharmaceutical Works Jelfa S.A.)	ul. Wincentego Pola, 21, 58-500 Jelenia Góra, Poland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng thuốc bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ * Thuốc không vô trùng: Dung dịch dùng ngoài; thuốc bán rắn; viên nén	EU-GMP	GIF-IW-400_0036_01_05/04/47/17	10/02/2017	01/12/2019	Main Pharmaceutical Inspectorate of Poland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
49	Pfizer Pharmaceuticals LLC	K.M 1.9, Rd 689, Vega Baja, Puerto Rico 00693, USA	* Sản phẩm: Viên nén Norvasc (Amlodipine besylate 5 mg), tên thương mại tại Việt Nam: Amlor	U.S. cGMP	T7ZD-UB2Y	14/05/2019	13/05/2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
50	JW Pharmaceutical Corporation	56 Hanjin-1 -gil, Songak-eup Dangjin-si Chungcheongnam-do Republic of Korea	* Viên nén, viên nang cứng, viên nén đặt dưới lưỡi * Thuốc bột pha tiêm nhóm carbapenem; * Dung dịch thuốc nhỏ mắt; * Dung dịch thuốc uống; si rô, hỗn dịch * Thuốc tiêm truyền, thuốc bột pha tiêm; dung dịch rửa vết thương. * Thuốc công nghệ sinh học: Bột pha đông khô pha tiêm chứa sản phẩm tái tổ hợp gen	PIC/S-GMP	2019-G1-0908	19/06/2018	19/06/2021	Daejeon Regional Food and Drug Administration		2
51	TRB Pharma S.A.	Plaza 939, 1427, Buenos Aires, Republica Argentina	* Sản phẩm: Viên nang cứng Artrodar (Diacerein 50mg)	PIC/S GMP	2019 04895105	03/05/2019	03/05/2020	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
52	Octapharma Pharmazeutika Produktionsges.m.b.H	Oberlaaerstraße 235, 1100 Wien, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Thuốc bột đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. * Chế phẩm sinh học: Sản phẩm từ máu; Sản phẩm miễn dịch; Chế phẩm phân đoạn (intermediates out of fractionation)	EU GMP	INS-480018-0072-001 (21/40)	08/05/2019	14/01/2022	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	1	
53	Industria Farmaceutica Galenica Senese S.R.L. (Cơ sở sản xuất)	Via Cassia Nord, 351 - 53014 Monteroni D'arbia (SI), Italy	* Sản phẩm: + Dung dịch tiêm Falipan (Lidocain hydroclorid 20mg/ml, hộp 05 ống 2ml và hộp 5 ống 10ml); + Dung dịch tiêm Puvivid (5ml dung dịch chứa Bupivacaine hydrochlorid (dưới dạng Bupivacaine hydrochlorid monohydrat) 25mg).	EU GMP	IT/212/H/2018	25/09/2018	19/01/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Deltamedica GmbH (Cơ sở kiểm soát và xuất xưởng)	Ernst-Wagner-Weg 1-5 72766 Reutlingen Germany		EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0006	14/01/2019		Cơ quan thẩm quyền Đức (Baden-Württemberg)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
54	Nexpharm Korea Co., Ltd.	168-41 Osongsaengmyeong 4-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nén bao phim, viên nang cứng; thuốc cốm, thuốc bột.	PIC/S GMP	2019-G1-0980	29/05/2019	07/03/2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
55	Hwail Pharm Co., Ltd.	156 Sandan-ro 67beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea.	* Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: Viên nang cứng; Thuốc tiêm bột. * Viên nang cứng.	PICS GMP	2019-D1-1251	21/05/2019	20/03/2022	Geyongin Regional office of Food and Drug Safety		2
56	LG Chem, Ltd.	129 Seokam-ro, Iksan-si, Jeollabuk-do, Korea.	* Thuốc tiêm, thuốc đông khô pha tiêm * Sản phẩm sinh học: Vắc xin, sản phẩm tái tổ hợp gen.	PIC/S GMP	2019-F1-0104	07/05/2019	31/01/2022	Gwangju Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
57	Valpharma International S.P.A (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Via G. Morgagni, 2 - 47864 Pennabilli (RN), Italia	Sản phẩm: + Viên nén kháng dịch vị dạ dày Esomeprazole 20mg, 40mg Gastro-Resistant Tablets. Tên tại Việt Nam: Goldesome 20mg, 40mg Gastro-Resistant Tablets (Esomeprazole magnesium dihydrate 21,69mg; 43,38mg); + Viên nén giải phóng có kiểm soát Golddicron (30mg Gliclazide).	EU-GMP	IT/318-5/H/2016	27/12/2016	20/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Lamp San Prospero S.P.A (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Via Della Pace, 25/A-41030 San Prospero (MO), Italia		EU-GMP	IT/72/H/2019	04/01/2019		Italian Medicines Agency (AIFA)		
58	Roche Diagnostics GmbH (Cơ sở sản xuất)	Sandhofer Straße 116, 68305 Mannheim, Germany	* Sản phẩm: + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Perjeta (Pertuzumab 420 mg/14ml).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0073	14/06/2018	26/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	F. Hoffmann-La Roche Ltd (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland (cách viết khác: Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland)		PIC/S-GMP và EU-GMP	No. 17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
59	Roche Diagnostics GmbH	Sandhofer Straße 116, 68305 Mannheim, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học (kháng thể đơn dòng sản xuất bằng công nghệ gen, Epoetin beta, Peginterferon alfa-2a, methoxypolyethyleneglycol-epoetin beta và CEA CD3 TCB).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0073	14/06/2018	06/06/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
60	Continental-Pharm Co., Ltd.	85/5 Soi Prachoomporn, Chaeng Wattana 14 Road, Moo 1, Thung Song Hong, Lak si, Bangkok 10210, Thailand.	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dung dịch thuốc uống, thuốc bán rắn, viên đạn, viên nén.	PIC/S GMP	1-2-07-17-19-00049	17/04/2019	03/06/2021	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2
61	Guerbet	16-24 rue Jean Chaptal, Aulnay Sous Bois, 93600, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	2019/HPF/FR/111	10/04/2019	16/11/2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
62	Artesan Pharma GmbH & Co. KG	Wendlandstrabe 1, 29439 Luchow, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng, viên nang mềm, viên nhai dẻo (chewing gum). + Viên nén, thuốc bột, thuốc cốm, dạng bào chế bán rắn (chứa hóc môn và chất có hoạt tính hóc môn, nystatin và các kháng sinh không betalactam). + Thuốc từ dược liệu, thuốc vi lượng đồng căn	EU GMP	DE_NI_03_GMP_2018_0020	05/11/2018	13/09/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
63	Salutas Pharma GmbH (CSSX)	Otto-von Guericke Allee 139179 Barleben, Germany	* Viên nén bao phim Anastrozole 1mg	EU GMP	DE_ST_01_GMP_2017_0020	19/05/2017	03/03/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Lek Pharmaceuticals D.D (CSXX)	Verovskova ulica 57, 1526 Ljubljana, Slovenia			401-25/2017-5	24/01/2018		Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
64	Cơ sở sản xuất: Medana Pharma Spolka Akcyjna	57, Polskiej Organizacji Wojskowej, 98-200 Sieradz, Poland	* Sản phẩm: + Dung dịch uống Aquadetrim Vitamin D3 (Cholecalciferol 15000 IU/ml)	EU GMP	288/19	18/04/2019		Chief Pharmaceutical Inspectorate, Poland	1	
	Cơ sở xuất xưởng: Medana Pharma Spolka Akcyjna	10, Wladystawa Lokietka, 98-200 Sieradz, Poland	+ Hỗn dịch uống Biseptol (mỗi 5ml chứa sulfamethoxazol 200mg, trimethoprim 40mg) + Nhũ dịch uống nhỏ giọt Bobotic (simethicone 66,66mg/ml)		287/19 289/19					
65	R-Pharm Germany GmbH	Heinrich-Mack-Str. 35, 89257 Illertissen, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính, độc tính cao, trừ kháng sinh beta-lactam) + Thuốc uống dạng lỏng + Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm thuốc chứa hoạt chất có hoạt tính, độc tính cao trừ kháng sinh beta-lactam)	EU GMP	DE_BY_04_GMP_2019_0043	01/04/2019	27/02/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierung von Oberbayern)	1	
66	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC (Cơ sở sản xuất)	Pridco Industrial Park, State road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771, USA	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Janumet XR® (sitagliptin/metformin HCL) 50mg/1000mg) Tablet, extended release; + Viên nén bao phim Janumet XR® 100mg/1000mg (sitagliptin, metformin HCL) Tablet, extended release;	EU GMP	BE/GMP/2017/015	24/04/2017	27/01/2020	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
	Merk Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031BN, Netherlands	+ Viên nén bao phim Janumet XR® 50/500mg (metformin HCL 500mg; sitagliptin 50mg) Tablet, extended release. 	EU GMP	NL/H17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
67	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Pridco Industrial Park, State Road 183, PO box 2011, Las Piedras, Puerto Rico, PR 00771-2011, USA	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Atozet 10mg/10mg (Ezetimibe/atorvastatin 10mg/10mg); + Viên nén bao phim Atozet 10mg/20mg (Ezetimibe/atorvastatin 10mg/20mg).	EU GMP	BE/GMP/2017/015	24/04/2017		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	MSD International GmbH (Singapore Branch) (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm cốm ezetimibe và cốm atorvastatin)	70 Tuas West Drive, Singapore 638414, Singapore		PIC/S GMP	UK GMP 39349 Insp GMP 39349/3258 67-0007	23/11/2017	17/01/2020	MHRA - United Kingdom		
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg 39, Haarlem, 2031 BN, Netherlands		EU GMP	NL/H 17/2002429	16/02/2018		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
68	Alcon Research Ltd.	6201 South Freeway, Fort Worth, TX 76134, USA	* Sản phẩm: Systane® Lubricant Eye Drops (Polyethylene glycol 400 0,4%, Propylene glycol 0,3%) Tên lưu hành tại Việt Nam: Dung dịch nhỏ mắt Systane (Polyethylene glycol 400 0,4%, Propylene glycol 0,3%)	U.S. cGMP	P64M-RMD7	19/07/2018	18/07/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
69	Unique Pharmaceutical Laboratories (a Division of J.B. Chemicals & Pharmaceuticals Ltd.)	Plot No.4, Phase-IV, G.I.D.C. Industrial Estate, Panoli - 394 116, Dist: Bharuch, Gujarat, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ.	PIC/S GMP	M051/18	05/12/2018	29/06/2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
70	Sanofi Pasteur	1541 avenue Marcel Merieux, Marcy L'etoile, 69280, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: Sản phẩm máu, Sản phẩm miễn dịch; sản phẩm công nghệ sinh học; sản phẩm có nguồn gốc từ người hoặc động vật.	EU-GMP	2019/HPF/F R/123	15/04/2019	28/04/2020	French Health Products Safety Agency (AFSSAPS)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
71	Laboratorios Bago S.A	Calle Ciudad de Necochea entre las calles Ciudad de Mar del Plata y Av. Matienzo. Parque Industrial de La Rioja, Provincia de La Rioja, Argentina	* Sản phẩm: Bột pha tiêm Trifamox IBL 750, Bột pha tiêm - Powder for Injection (Amoxicillin (dưới dạng amoxicillin Natri vô khuẩn) 500mg, sulbactam (dưới dạng sulbactam Natri vô khuẩn) 250mg)	PIC/S GMP	2013201900 0479 19	02/05/2019	02/05/2020	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
72	Chinoin Pharmaceutical and Chemical Works Private Co., Ltd. (Chinoin Private Co. Ltd)	Csanyikvölgy, Miskolc, 3510, Hungary	* Sản phẩm No-Spa 40mg/2ml (drotaverine hydrochlorid)	CPP	OGYÉI/5301 8-2/2017	20/09/2017		National Institute of Pharmacy and Nutrition, Hungary	1	
73	Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam	Lô I-8-2, đường D8, Khu công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh	* Thuốc vô trùng: Thuốc kem, thuốc gel, thuốc mỡ; Viên nang cứng; thuốc dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim, viên bao đường, thuốc bột, thuốc cốm	PIC/S GMP	MI-2018-CE- 07037-1	17/04/2019	07/09/2022	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia		2
74	Scientific industrial Centre "Borshchahivskiy chemical-pharmaceutical plants" Public Joint-stock Company	17 Myru str., Kyiv, 03134, Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột pha tiêm chứa nhóm Cephalosporin. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc cốm, thuốc bột; viên nén, viên nén bao phim; dạng bào chế bán rắn. * Thuốc từ dược liệu	PIC/s-GMP	017/2019/G MP	19/03/2019	18/01/2022	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
75	Laboratorio Pablo Cassara S.R.L.	Carhué No. 1096 (Zip code: C1408GBV), ciudad autonoma de Buenos Aires, Republic Argentine (* Cách ghi khác: Carhue 1096 (C1408GBV), Ciudad de Buenos Aires, Argentine Republic)	* Thuốc tiêm Epogen (Eritropoyetina recombinante humana 2000 UI/1ml) * Thuốc tiêm Epogen (Eritropoyetina recombinante humana 4000 UI/1ml) * Thuốc tiêm Epogen (Eritropoyetina recombinante humana 10.000 UI/1ml) * Sản phẩm Neutrofil 30 (Filgrastim 30MU/1ml)	PICS GMP	CE-2019-09618694-APN-DECBR#AN MAT 20132020 001499 18 20132020 001496 18 CE-2019-15333407-APN-DECBR#AN MAT	12/02/2019	12/2/2020	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
76	Kedrion S.P.A.	Via Provinciale (loc. Bolognana) - 55027 Galliciano (LU), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (các sản phẩm máu): Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: chế phẩm từ máu (bao gồm cả huyết tương phân đoạn).	EU-GMP	IT/113-1/H/2018	23/04/2018	20/10/2020	AIFA Italian Medicine Agency	1	
77	Dongbang Future Tech & Life Co., Ltd	78 Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Viên nang cứng	PIC/S GMP	2019-D1-1261	22/05/2019	22/11/2021	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
78	Genfarma Laboratorio, S.L	Avda. De la Constitución, 198-199, Polígono Industrial Monte Boyal, 45950 Casarrubios del Monte, (Toledo), Spain	* Sản phẩm: Thuốc bột pha dung dịch tiêm Colistimetato de Sodio G.E.S 1 MUI (clolistimethate sodium)	EU GMP	2019/00672	02/04/2019	02/04/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
79	Pfizer Ireland Pharmaceuticals	Grange Castle Business Park, Clondalkin, Dublin 22, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch (vắc xin, cộng hợp bơm tiêm đóng sẵn).	EU GMP	21704/M11 173	25/04/2019	09/11/2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
80	Ferring - Leciva a.s.	K Rybníku 475, 252 42 Jesenice u Prahy, Czech	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng. * Sản phẩm Hỗn dịch thực trực tràng Pentasa 1g (mỗi 100ml hỗn dịch chứa mesalazine 1g)	EU-GMP	sukls200879 /2018	26/06/2018	07/06/2021	State Institute for Drug Control (SÚKL), Czech Republic	1	
81	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan: Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland (Cách ghi khác: ul. A. Fleminga 2, 03-176 Warszawa, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dạng bào chế rắn và cấy ghép (bao gồm cả kháng sinh nhóm β -Lactam)	EU-GMP	IWZJ.405.10 8.2018.ER.1 WTC/0196_02_05/201	03/09/2018	06/06/2021	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
82	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A (Tên Ba Lan: Tarchominskie Zakłady Farmaceutyczne "Polfa" Spolka Akcyjna)	2, A. Fleminga Str., 03-176 Warsaw, Poland (Cách ghi khác: ul. A. Fleminga 2, 03-176 Warszawa, Poland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô.	EU-GMP	IWZJ.405.23. 2018.MG.1 WTC/0196_02_02/38	22/02/2018	24/11/2019	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
83	Dr. Reddy's Laboratories Ltd. - FTO 7	Plot No. P1 to P9, Phase-III, VSZE, Duvvada, Visakhapatnam district, Andhra Pradesh, India-530046, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (chứa chất độc tế bào/chất kìm tế bào); viên nén.	EU GMP	DE_BY_04_ GMP_2019_0038	25/03/2019	06/11/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierung von Oberbayern)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
84	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Survey No. 47, Bachupally Village, Bachupally Mandal, Medchal Malkajgiri District, Telangana, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. * Sản phẩm: - Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền Redditux 10 mg/ml, 10 ml (Rituximab 100 mg) hoặc 50 ml (Rituximab 500 mg); - Dung dịch tiêm Grastim 0,3mg/ml (Filgrastim), ống 1ml hoặc syringe đóng sẵn 1ml.	PIC/S	014/2019/GMP	16/04/2019	25/01/2022	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
85	Generis Farmacêutica, S.A.	Rua João de Deus, n.º 19, Venda Nova, 2700-487 Amadora, Portugal	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	F051/S1/MH/001/2019	18/03/2019	23/03/2021	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
86	Laboratoires Galeniques Vernin (cơ sở sản xuất)	20 Rue Louis-Charles Vernin, Dammarie Les Lys, 77190, (hoặc 77190 Dammarie Les Lys) France	* Sản phẩm: viên nén bao đường Chophtol.	EU-GMP	2018/HPF/F R/156	21/06/2018	22/03/2021	French National Agency for Medicines and Health Products Safety Agency (ANSM)	1	
	Laboratoires Rosa-Phytopharma (cơ sở xuất xưởng)	2 avenue du Traité de Rome, CHATOU, 78400, France			2019/HPF/F R/080	05/03/2019				
87	Tubilux Pharma S.P.A	Via Costarica, 20/22 - 0071, Pomezia, 00040, Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; thuốc bán rắn (thuốc chứa hormon corticosteroid); dung dịch thể tích nhỏ (thuốc chứa hormon corticosteroid, Prostaglandins).	EU GMP	IT/26-1/H/2018	29/01/2018	28/06/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
88	Balkanpharma - Dupnitsa AD	3 Samokovsko Shosse Str., Dupnitsa 2600, Bulgaria	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	BG/GMP/2019/151	19/04/2019	01/03/2022	Bulgarian Drug Agency	1	
89	Lek Pharmaceuticals d.d (Tên viết tắt: Lek d.d)	BU Production Prevalje, Perzonalni 47, Prevalje, 2391, Slovenia	* Sản phẩm: - Viên nén bao phim Amoksiklav 875mg/125mg (amoxicillin 875mg, acid clavulanic 125mg); Tên tại Việt Nam: Curam 1000mg.	EU-GMP	ffo-150/2018-7	27/07/2018	3/2022	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			- Viên nén bao phim Levofloksacin Lek 500mg (levofloxacin 500mg); Tên tại Việt Nam: Volfacine		ffo-2712018-8	08/01/2019	14/0			
90	Boehringer Ingelheim Espana, SA	c/ Prat de la Riba, 50, 08174 Sant Cugat Del Valles (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch tiêm thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	NCF/1913/001/CAT	25/03/2019	08/02/2022	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain	1	
91	Polipharm Co. Ltd.	109 Soi Wat Bang Phli Yai Nai, Bangna-trad road, Moo 12, Bang Phli Yai, Bang Phli, Samut Prakan 10540, Thailand	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc bán rắn; viên nén.	PIC/S GMP	1-2-17-17-19-00097-00616	30/10/2018	29/10/2021	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2
92	Upsa Sas (CSSX và đóng gói)	304 avenue du Docteur Jean Bru, AGEN, 47000, France	* Sản phẩm: Viên đạn Efferalgan (paracetamol 150 mg/viên)	EU GMP	2018/HPF/F R/282	18/12/2018	11/09/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
	Upsa Sas (CS xuất xưởng)	979 Avenue des Pyrénées, Le Passage, 47520, France			2018/HPF/F R/157	13/06/2018		French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)		
93	Fleet Laboratories Limited (Cơ sở sản xuất gel)	94 Rickmansworth Road, Watford, Hertfordshire, WD18 7JJ, United Kingdom. (* Cách ghi khác: 94 Rickmansworth Road, Watford, WD18 7JJ, United Kingdom)	* Sản phẩm: Gel dùng đường âm đạo Crinone (Progesterone 8%)	EU-GMP	UK MIA 4394 Insp GMP/GDP 133/3787-0020	02/09/2016	19/07/2019	United Kingdom Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency	1	
	Maropack AG (Cơ sở sản xuất ống tra thuốc)	Industriestrasse Briseck 4, 6144 Zell LU, Switzerland		EU-GMP	18-0435	09/04/2018		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Central Pharma (Contract Packing) Limited (Cơ sở đóng gói thứ cấp, xuất xưởng)	Caxton Road, Bedford, MK41 0XZ, United Kingdom. (* Cách ghi khác: Caxton Road, ELM Farm Industrial Estate, Bedford, Bedfordshire, MK41 0XZ, United Kingdom)		EU-GMP	UK MIA 27794 Insp GMP/GDP 27794/1317-0029	27/03/2019		United Kingdom Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency		
94	Cơ sở sản xuất: Baxter Oncology GmbH	Baxter Oncology GmbH Kantstraße 2 33790 Halle/ Westfalen Germany (* cách ghi khác: Kantstrasse 2 D-33790 Halle, Germany)	*Sản phẩm: Cetrotide 0,25mg (dưới dạng Cetrorelix acetate)	EU-GMP	DE_NW_02_GMP_2017_1001	23/05/2017	18/08/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Cơ sở sản xuất dung môi: Abbott Biologicals B.V	Veerweg 12, OLST, 8121 AA, Netherlands		EU-GMP	NL/H 19/2010100	08/03/2019		Cơ quan thẩm quyền Đức		
	Cơ sở xuất xưởng : Merck KGaA	Frankfurter Strabe 250, A 18, A 31, A 32, D 2, D3, D 11, D 12, D 15, D39, N 79, N 80, N 90, PH 5, PH 16, PH 23, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, 64293 Darmstadt, Germany (* Cách viết khác: Frankfurter Strasse 250 64293 Darmstadt, Germany)		EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2018_0004	10/01/2018		Cơ quan thẩm quyền Đức		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
95	Italfarmaco S.P.A	Viale Fulvio Testi, 330-20126 Milano (MI), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ chứa hormon và chất có hoạt tính hormon (không bao gồm hormon corticosteroid và hormon sinh dục). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột và thuốc cốm; viên nén. * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ động vật (dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng).	EU-GMP	IT/88/H/2019	06/05/2019	01/02/2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
96	Probiotec Pharma Pty Limited	83 Cherry Lane Laverton North Vic 3026, Australia	* Thuốc không vô trùng: thuốc dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn (kem, gel, thuốc mỡ); viên nang cứng; viên nén; thuốc bột; thuốc cốm.	PIC/S-GMP	MI-2018-LI-11818-1	24/10/2018	15/03/2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
97	Astellas Pharmatech Co., Ltd (Toyama Technology Center) (Cơ sở sản xuất)	2-178 Kojin-machi, Toyama City, Toyama 930-0809, Japan	Sản phẩm: Thuốc mỡ Protopic (Tacrolimus dưới dạng Tacrolimus monohdrate 3mg và 10mg)	Japan GMP	MCEL1800507	09/04/2018	08/04/2020	Health Sciences Authority (HSA), Singapore		2
	Zuellig Pharma Specialty Solutions Group Pte. Ltd (Cơ sở đóng gói)	15 Changi North Way #01-02, #02-02, #02-10 Singapore 498770, Singapore.		PIC/S-GMP						
98	Abbott Biologicals B.V. (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm đơn giá và tam giá)	C.J. van Houtenlaan 36, WEESP, 1381 CP, Netherlands	Sản phẩm: Influvac (haemagglutinin 15ug/0,5ml) hỗn dịch thuốc tiêm;	EU GMP	NL/H 17/1014466a	20/03/2017	/2020	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Abbott Biologicals B.V. (Cơ sở sản xuất thành phẩm)	Veerweg 12, OLST, 8121 AA, Netherlands		EU GMP	NL/H 19/2010100	08/03/2019	16/03	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
99	Ahlcon Parenterals (India) Limited	SP-917-918, Phase-III, RIICO Industrial Area, Bhiwadi, Dist. Alwar (Rajasthan), 301 019, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích lớn, dung dịch thể tích nhỏ	EU-GMP	FT09/MH/001/2018	10/08/2018	18/05/2021	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		2
100	RECIPHARM FONTAINE	Rue des Près Potets Fontaine Les Dijon, 21121, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	2018/HPF/FR/056	01/03/2018	10/11/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
101	Glenmark Pharmaceuticals Limited	Plot No. 2, Phase II, Pharma Zone SEZ, Pithampur, District Dhar, Madhya Pradesh, IN 454775, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	UK GMP 33881 Insp GMP 17350/5879 877-0006	05/07/2018	19/04/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
102	Aurobindo Pharma Ltd - Unit VII	Special Economic Zone, TSIIIC, Plot No. S1, Sy. Nos., 411/P, 425/P, 434/P, 435/P and 458/P Green Industrial Park, Polepally Village, Jedcherla Mandal, Mahaboobnagar District, Telangana State, 509302, India	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc viên nang cứng; viên nang mềm; pellet; viên nén (Main Block) + Thuốc viên nén (Oral Contraceptive Block (OCB))	EU-GMP	FT002/MH/001/2018	04/09/2018	25/05/2021	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		2
103	Lek farmacevtska družba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.)	Verovškova ulica 57 (hoặc Verovškova 57) , Ljubljana, 1526 (hoặc SI-1526 Ljubljana) Slovenia (Cơ sở sản xuất)	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Losartan HCT-Sandoz (Losartan kali 50mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg).	EU GMP	401-25/2017-5	24/01/2018	11/2020	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
		Trimlini 2D, Lendava, 9220, Slovenia (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)		EU GMP	401-8/2018-4	30/07/2018	23/1	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)		
104	Bluepharma - Indústria Farmacêutica, S.A	S. Martinho do Bispo, Coimbra, 3045-016, Portugal	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	F001/S1/MH/002/2018	01/08/2018	07/12/2020	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal	1	
105	LABORATORIO REIG JOFRE, SA	C/ Jarama 111 Polígono Industrial, Toledo, 45007 Toledo Espana	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicilins và cephalosporin: thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc không vô trùng: Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicilins và cephalosporin: viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, viên nén, viên nén bao phim, bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	ES/070HVI/19	28/05/2019	04/03/2022	Agency de Medicaments and Sanitary Products - Spain	1	
Đợt 67 (theo Công văn số 14933/QLD-CL ngày 29/08/2019 của Cục Quản lý Dược)										
1	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	Sản phẩm: Viên nén Methycobal Tablets 500µg.	Japan-GMP	2737	04/09/2018	27/03/2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
2	Nipro Pharma Corporation, Odate Plant	5-7, Maedano, Niida, Odate, Akita, Japan	Sản phẩm: Meiunem 0.5g (Meropenem Hydrate 0,5 g)	Japan-GMP	5029	29/01/2019	29/01/2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
3	Nipro Pharma Corporation, Odate Plant	5-7, Maedano, Niida, Odate, Akita, Japan	Sản phẩm: Meiunem 1g (Meropenem Hydrate 1g)	Japan-GMP	5028	29/01/2019	29/01/2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
4	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Castlebar Road, Westport, Co. Mayo, Ireland. (* Cách ghi khác: Castlebar Road, Westport, County Mayo, Ireland)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả hỗn dịch nhỏ mắt, dung dịch nhỏ mắt); Thuốc cấy ghép và dạng rắn; sinh phẩm sấy khô chân không vô khuẩn. + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc cấy ghép và dạng rắn. * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học.	EU GMP	20423/M00 148-00001	17/06/2019	04/05/2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
5	Aesica Pharmaceuticals S.R.L	Via Praglia, 15-10044 Pianezza (TO), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	IT/78/H/2019	09/04/2019	01/02/2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
6	Industria Farmaceutica Nova Argentia S.P.A.	Via G. Pascoli, 1 - 20064 Gorgonzola (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bán rắn; thuốc đặt. * Thuốc sinh học: Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật: Thuốc bán rắn. * Thuốc từ dược liệu: thuốc đặt.	EU-GMP	IT/219/H/2018	15/10/2018	25/05/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
		Reparto Distaccato - Via Muoni, 15-20064 - Gorgonzola (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: Thuốc bột; viên nén. * Thuốc từ dược liệu: Thuốc bột.							
		Reparto Distaccato - Via Muoni, 10-20064 - Gorgonzola (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: viên nén.							
7	Cilag AG (Cơ sở sản xuất)	Hochstrasse 201, 8200, Schaffhausen, Switzerland	* Sản phẩm: Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền Remicade (Infliximab 100 mg)	EU-GMP	05/18/1173 11	16/02/2018		European Medicines Agency	1	
	Janssen Biological B.V. (Cơ sở xuất xưởng)	Einesteinweg 101, Leiden, 2333CB, Netherlands								
8	Oncotec Pharma Produktion GmbH (Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp)	Am Pharmapark, 06861 Dessau -Roßlau, Germany. (* Cách viết khác: Am Pharmapark, 06861 Dessau -Rosslau, Germany)	* Sản phẩm: Oxaliplatin "Ebewe" 100mg/20ml và 50mg/10ml.	EU GMP	DE_ST_01_GMP_2018_0010	30/01/2018	19	Cơ quan thẩm quyền Đức (Sachsen-Anhalt)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Ebewe Pharma Ges.m.b.H. Nfg. KG. (Cách viết khác: Ebewe Pharma GmbH Nfg. KG.) (Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Mondseestrasse 11, 4866 Unterach am Attersee, Austria.		EU GMP	INS-480020-0126-001 (8/10)	27/04/2017	31/12/2020	Cơ quan thẩm quyền Áo		
9	cơ sở sản xuất: Aeropharm GmbH	Francois-Mitterrand-Allee 1, 07407 Rudolstadt, Germany (* Cách ghi khác: Francois-Mitterrand-Allee 1, D-07407 Rudolstadt, Germany)	* Sản phẩm: Hỗn dịch xịt Salbutamol 100 mcg/1dos (mỗi liều xịt chứa Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulphat) 100mcg	EU-GMP	DE_TH_01H_GMP_2018_0004	19/01/2018	27/11/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	cơ sở xuất xưởng: Lek S.A	ul. Podlipie 16, 95-010 Stryków, Poland (Cách ghi khác: 16 Podlipie Street, 95-010 Stryków, Poland)		EU-GMP	IWZJ.405.43.2018.MG.2	10/04/2018		Chief Pharmaceutical Inspector (Poland)		
10	SANOFI S.P.A.	Viale Europa, 11-21040 Origgio (VA), Italia	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng. * Thuốc sinh học (men vi sinh): Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc bột, thuốc cốm. * Thuốc được liệu: Thuốc uống dạng lỏng	EU-GMP	IT/85/H/2019	19/04/2019	13/12/2021	Italian Medicines Agency AIFA	1	
11	Sanofi S.P.A	Via Valcanello, 4, 03012 Anagni (Fr), Italy (* Cách ghi cũ: Località Valcanello , 03012 Anagni (Frosinone), Italy)	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha tiêm Targosid (Teicoplanin 400mg/3ml).	EU-GMP	CPP/2019/676	09/04/2019		Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
12	Pierre Fabre Medicament Production	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, IDRON, 64320, France (Cách ghi khác: Aquitaine Pharm International, Avenue du Béarn, 64320 (hoặc F-64320) Idron, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc đông khô (chứa hormon); dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào). + Thuốc tiết trùng cuối: Thuốc bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hóc môn); * Thuốc sinh học: Thuốc công nghệ sinh học	EU -GMP	2018/HPF/F R/187	17/08/2018	27/04/2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
13	Haupt Pharma Wuelfing GmbH ex: Wuelfing Pharma GmbH	Bethelner Landstrasse 18, Gronau/Leine, Niedersachsen, 31028, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bột; Thuốc cốm; Viên nén bao; Thuốc bán rắn; Thuốc đạn; Viên nén. * Sản phẩm công nghệ sinh học. * Thuốc từ dược liệu.	EU-GMP	DE_NI_02_G MP_2018_0 022	17/05/2018	21/02/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức (Staatliches Gewerbeaufsichtsamt Hannover)	1	
14	Delpharm Tours	Rue Paul Langevin, Chambray Les Tours, 37170, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng.	EU-GMP	2019/HPF/F R/153	04/06/2019	12/12/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
15	Mepro Pharmaceuticals Private Limited	Unit II, Q Road, Phase IV GIDC, Wadhwan, Surendranagar, Gujarat, 363 035, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; dạng bào chế bán rắn; viên nén; viên nén bao phim.	EU GMP	OGYÉI/248-7/2019	03/06/2019	24/04/2022	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
16	Lomapharm GmbH	Langes Feld 5, 31860 Emmerthal, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa ciclosporin, Tacrolimus). * Thuốc không vô trùng: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén bao phim, viên bao, thuốc bột, thuốc cốm; viên nén. * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ động vật (không bao gồm có nguồn gốc từ người hoặc từ não, mô thần kinh động vật); enzym; corticosteroid. * Thuốc từ dược liệu; * Thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2018_0042	01/03/2019	05/12/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
17	Abbott Laboratories GmbH	Justus-von-Liebig-Straße 33, 31535 Neustadt, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; * Thuốc sinh học: thuốc có nguồn gốc từ người và động vật.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2019_0013	03/04/2019	18/09/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
18	Rottapharm Ltd.	Damastown Industrial Park, Mulhuddart, Dublin 15, Ireland	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha dung dịch uống; viên nén.	EU-GMP	23729/M868	14/06/2019	18/01/2022	Health Products Regulatory Authority, Ireland (HPRA)	1	
19	Cơ sở sản xuất, kiểm soát chất lượng và đóng gói sơ cấp: Pierre Fabre Medicament Production	Aquitaine Pharm International 1, Avenue du Béarn, IDRON, 64320, France Cách ghi khác: Aquitaine Pharm International, Avenue du Béarn, 64320 (hoặc F-64320) Idron, France	* Sản phẩm: Cetrotide (Cetrorelix (dưới dạng Cetrorelix acetate) 0,25mg)	EU-GMP	12/17/114496	/2017	/2019	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
	Cơ sở sản xuất ống dung môi: Abbott Biologicals B.V	Veerweg 12, OLST, 8121 AA, Netherlands						Cơ quan thẩm quyền Đức		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Cơ sở xuất xưởng: Merck KGaA	Frankfurter Strabe 250, A 18, A 31, A 32, D 2, D3, D 11, D 12, D 15, D39, N 79, N 80, N 90, PH 5, PH 16, PH 23, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, 64293 Darmstadt, Germany (* Cách viết khác: Frankfurter Strasse 250 64293 Darmstadt, Germany)				16/11	18/08	Cơ quan thẩm quyền Đức		
20	R.X. Manufacturing Co., Ltd	76 Salaya-Bangpasi Road, Moo 10, Narapirom, Banglane, Nakornpathom 73130, Thailand	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam: Viên nang cứng; viên nén.	PIC/S GMP	1-2-07-17-19-00016	22/05/2018	21/05/2021	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2
21	Ferring GmbH (Cơ sở sản xuất)	Wittland 11, 24109 Kiel, Germany	* Sản phẩm: + Bột đông khô pha tiêm tĩnh mạch Glypressin (Terlipressin 0,86mg dưới dạng Terlipressin acetate 1mg) + Dung dịch tiêm tĩnh mạch Duratocin (carbetocin 100mcg/1ml); + Bột pha tiêm Menogon (Menotrophin 75IU FSH + 75IU LH); + Bột pha tiêm Menopur (Menotrophin 75IU FSH + 75IU LH); + Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm Menopur multidose 600IU (Menotrophin tinh khiết cao 600IU/ml); + Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm Menopur multidose 1200IU (Menotrophin tinh khiết cao 1200IU/2ml); + Dung dịch tiêm tĩnh mạch Tractocile (Atosiban acetate, 7,5mg/ml atosiban)	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2019_0008	26/03/2019	15/09/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	17-0474	06/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
22	Pharbil Pharma GmbH (Cơ sở sản xuất)	Pharbil Pharma GmbH Reichenberger Strasse 43, 33605 Bielefeld, Germany	* Sản phẩm: Viên đặt trực tràng Pentasa (Mesalazine 1g).	EU-GMP	DE_NW_02_ GMP_2019_ 0003	15/01/2019	15/09/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St- Prex, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	17-0474	06/03/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
23	Dr. Reddy's Laboratories Ltd. - FTO - 3	Survey No. 41, Bachupally Village, Bacuhpally Mandal, Medchal Malkajgiri, District Telangana 500 090, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên bao phim; viên nang cứng.	EU GMP	DE_BY_04_ GMP_2019_ 0067	27/05/2019	01/05/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
24	Stada - VN Joint Venture Co., Ltd.	Stada- VN Joint Venture Co. Ltd. Binh Duong Branch, 40 Tu Do Avenue, Vietnam - Singapore Industrial Park, Thuan An, Binh Duong Province, Viet Nam	Sản phẩm được xét nhóm thầu 1 (lưu hành tại Đức): + Viên bao phim Bisoprolol Stada 5mg (Bisoprolol fumarat 5mg). (Tên tại Việt Nam: Bisostad 5). + Viên bao phim Bisoplus Stada 5mg/ 12,5mg (Bisoprolol furamat 5mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg) (Tên tại Việt Nam: Bisoplus HCT 5/12.5); Bisoplus Stada 10mg/25mg (Bisoprolol furamat 10mg, Hydrochlorothiazid 25mg). + Viên nén Lisinopril Stada 10mg (Lisinopril 10mg). + Viên nén Lisiplus Stada 10mg/12,5mg (Lisinopril 10mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg) (Tên tại Việt Nam: Lisiplus HCT 10/12.5); Lisiplus Stada 20mg/12,5mg (Lisinopril 20mg, Hydrochlorothiazid 12,5mg) (Tên tại Việt Nam: Lisiplus HCT 20/12.5).. + Viên bao phim Losartan Stada 50mg (Losartan Kali 50mg) (Tên tại Việt Nam: Lostad T50). + Viên bao phim Metformin Stada 500mg (Metformin hydroclorid 500mg); Metformin Stada 850mg (Metformin hydroclorid 850mg).	EU-GMP	DE_HE_01_ GMP_2019_ 0065	13/05/2019	07/03/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			+ Viên bao phim tan trong ruột Pantoprazol Stada 40mg (Tên tại Việt Nam: Pantostad 40). + Viên nén Paracetamol Stada 500mg (Tên tại Việt Nam: Partamol Tab.). + Viên bao phim Piracetam Stada 800mg (Tên tại Việt Nam: Pracetam 800); Piracetam Stada 1200mg (Tên tại Việt Nam: Pracetam 1200) + Viên nén giải phóng thay đổi Felodipin Stada 5mg retard (Felodipine 5mg). + Viên nén bao phim Ibuprofen STADA 600 mg.							
25	Genepharm AE / Genepharm SA	18th km Marathonos Ave, Pallini Attiki, 15351, Greece	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	70926/3-6-2019	21/06/2019	17/04/2022	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
26	ACCORD-UK LIMITED	WHIDDON VALLEY, BARNSTAPLE, EX32 8NS, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc đặt; viên nén.	EU-GMP	UK MIA 142 Insp GMP/IMP 142/6742-0039	21/12/2018	17/09/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
27	Novartis Singapore Pharmaceutical Manufacturing Pte. Ltd.	10 Tuas Bay Lane, 637461 Singapore, Singapore	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nén bao phim	EU GMP	DE_BY_05_GMP_2017_1005	29/05/2017	28/04/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
28	Stada-Vietnam Joint Venture Co. Ltd.	No. 40, Tu Do Boulevard, Vietnam - Singapore Industrial Zone, Thuan An District, Binh Duong Province, Vietnam	* Thuốc không vô trùng: hỗn dịch thuốc; dung dịch thuốc; viên nén bao phim; viên nén; viên nén sủi bọt; viên nang cứng.	PIC/S GMP	110-0968	24/07/2019	30/06/2021	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
29	Engelhard Arzneimittel GmbH & Co. KG	Herzbergstraße 3, 61138 Niederdorfelden, Germany	* Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột, viên nén ngậm; dạng bào chế bán rắn.	EU-GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0045	08/04/2019	27/03/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
30	Samyoung Unitech Co., Ltd.	33, Techno 11-ro, Yuseong-gu, Daejeon, Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nang cứng chứa dược chất phóng xạ. * Thuốc tiêm chứa dược chất phóng xạ. * Thuốc uống dạng lỏng: Dung dịch uống chứa dược chất phóng xạ.	PIC/S GMP	MFDS-6-F-2419-2-2019-8	30/01/2019	08/01/2022	Daejeon Regional Food & Drug Administration, Korea		2
31	Union Korea Pharm Co., Ltd	246 Munmakgongdan-gil, Munmak-eup, Wonju-si, Gangwon-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng, viên nang mềm; * Thuốc vô trùng: Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin; thuốc tiêm.	PIC/S GMP	2019-B1-0326	08/07/2019	28/11/2020	Ministry of Food and Drug Safety (MFDS), Korea		2
32	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd. Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizouka-shi, Shizuoka, Japan	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm truyền Aminic (hỗn hợp Acid amin)	Japan-GMP	1652	08/07/2019	08/07/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare, Government of Japan	1	
33	Recordati Industria Chimica E Farmaceutica S.P.A	Via Matteo Civitali, 1-20148 Milano (MI), Italia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa corticosteroid; thuốc uống dạng lỏng chứa corticosteroid; thuốc bột; thuốc ngậm (lozenges); thuốc dạng bán rắn chứa corticosteroid; viên nén, viên nén được liệu, viên nén bao phim.	EU GMP	IT/105/H/2019	27/05/2019	25/01/2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
34	PHARMASTER (Cơ sở sản xuất)	Zone Industrielle de Krafft, ERSTEIN, 67150 (hoặc 67150 ERSTEIN), France	* Sản phẩm: + Dung dịch nhỏ tai Otofà (Rifamycin natri 0,26g/10mL) + Dung dịch nhỏ tai Polydexa (Neomycin sulphat 1g; Polymycin B sulphat 1.000.000 IU; Dexamethason natri metasulphobenzoat 0,100g)	EU-GMP	HPF/FR/141/2017	19/05/2017	31/03/2020	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
	LABORATOIRES BOUCHARA RECORDATI (Cơ sở xuất xưởng)	Immeuble "le Wilson", 70 avenue du Général de Gaulle, PUTEAUX, 92800 (hoặc 92800 PUTEAUX), France		EU-GMP	2018/HPF/FR/155	21/06/2018				

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
35	Anfarm Hellas S.A.	61st km Nat. Rd. Athens-Lamia, Schimatari Viotias, 32009, Greece (* Cách viết khác: 61st km Nat. Rd. Athens-Lamia, Sximatari Viotias, 32009, Greece)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Bột đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh beta lactam). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; các dạng bào chế bán rắn; viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả kháng sinh beta lactam).	EU GMP	62713/23-4-2019	11/07/2019	22/03/2022	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
36	Sun Pharmaceutical Industries Limited	Industrial Area 3, A.B. Road, Dewas, 455001, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Carbapenem; * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin, Cephalosporin); + viên nén (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin, Cephalosporin); viên nén bao phim; + thuốc bột pha hỗn dịch uống (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin).	EU-GMP	NL/H 19/2009632	04/02/2019	31/01/2022	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		2
37	Haupt Pharma Latina S.R.L	Borgo San Michele S.S 156 Km. 47,600 - 04100 Latina (LT), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bột (chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin và Penicillin). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (chứa kháng sinh nhóm Penicillin); thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm beta lactam); dạng bào chế bán rắn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm beta lactam). * Thuốc dược liệu: Viên nén.	EU-GMP	IT/181/H/2018	06/08/2018	30/01/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
38	Patheon Italia S.P.A.	2° Trav. SX Via Morolense, 5 - 03013 Ferentino (FR), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon, sản phẩm công nghệ sinh học, sản phẩm chiết có nguồn gốc từ người và động vật, chế phẩm từ máu, trừ hormon corticosteroid); dung dịch thể tích nhỏ (chứa hormon và chất có hoạt tính hormon, sản phẩm công nghệ sinh học). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: + Chế phẩm từ máu: Thuốc đông khô; + Sản phẩm công nghệ sinh học: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ sản xuất vô trùng; + Sản phẩm chiết có nguồn gốc từ người và động vật: Thuốc đông khô.	EU-GMP	IT/156/H/2018	26/06/2018	19/04/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
39	FAMAR L'AIGLE	Usine de Saint-Rémy, Rue de l'Isle, SAINT REMY SUR AVRE, 28380, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Sản phẩm: Bột pha dung dịch tiêm truyền Klacid 500mg (Clarithromycin 500mg).	EU GMP	2019/HPF/F R/071	28/02/2019	09/11/2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
40	MYLAN LABORATORIES SAS	route de Belleville, lieu-dit Maillard, CHATILLON SUR CHALARONNE, 01400, France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén, viên nén bao phim.	EU-GMP	2019/HPF/F R/149	27/05/2019	23/11/2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	
41	Medochemie Ltd (Factory B)	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	* Thuốc sản xuất vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: thuốc bột pha dung dịch tiêm	EU-GMP	MED03/2018/002	10/08/2018	30/03/2021	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	1	
42	Taiguk Pharm.Co., Ltd	821 Geumbaek-ro, Chochon -myeon, Buyeo-gun, Chungcheongnam-do, Republic of Korea.	Thuốc không vô trùng: + Thuốc dùng ngoài dạng lỏng: dung dịch, lotion, dung dịch dùng cho đường mũi; + Thuốc bán rắn: Kem; gel, mỡ.	PIC/S GMP	2019-G1-0787	26/04/2019	12/02/2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
43	Taiguk Pharm.Co., Ltd	123 Jeyakongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea.	Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang; dung dịch thuốc uống; hỗn dịch thuốc uống; kem; gel; mỡ.	PIC/S GMP	2019-D1-1315	29/05/2019	11/04/2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
44	Fidia Farmaceutici S.P.A	Via Ponte Della Fabbrica 3/A-35031 Abano Terme (PD) Italy	*Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chiết xuất từ động vật); thuốc xịt. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả sản phẩm chiết xuất từ động vật); thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc khung thấm; thuốc bán rắn; viên nén; * Thuốc sinh học: Chế phẩm miễn dịch (vắc xin virus sống giảm độc lực); Sản phẩm nguồn gốc từ động vật.	EU-GMP	IT/120/H/2019	18/06/2019	01/03/2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
45	Medochemie Ltd (Factory AZ)	2 Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, Agios Athanassios, Limassol, 4101, Cyprus	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén giải phóng thay đổi; viên nén kháng dịch vị; viên nén bao phim.	EU-GMP	MED05/2019/01	21/01/2019	19/10/2021	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus	1	
46	Medochemie Ltd (Factory B)	48 Iapetou Street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol, Cyprus	Các sản phẩm chứa kháng sinh nhóm penicilin: + Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm và thuốc bột pha hỗn dịch uống.	EU-GMP	MED03/2018/001	29/01/2018	25/01/2020	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus	1	
47	Dr.Reddy's Laboratories Limited - Formulation Unit (FTO)-VII	Plot No: P1 to P9, Phase III, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam, District 530046, Andhra Pradesh, INDIA	* Thuốc vô trùng: dung dịch thuốc tiêm; thuốc đông khô pha tiêm; * Thuốc không vô trùng: Viên nang; viên nén;	PIC/s - GMP	26/7/3/3/1/G0024/2019	11/03/2019	11/03/2020	South African Health products regulatory authority (SAHPRA)		2
48	Dr.Reddy's Laboratories Limited - Formulation Unit (FTO)-IX	Plot No: Q1 to Q5, Phase III, VSEZ, Duvvada, Visakhapatnam, District 530046, Andhra Pradesh, INDIA	* Thuốc vô trùng: dung dịch thuốc tiêm; thuốc đông khô pha tiêm; * Thuốc không vô trùng: Viên nang; viên nén;	PIC/s - GMP	26/7/3/3/1/G0025/2019	11/03/2019	11/03/2020	South African Health products regulatory authority (SAHPRA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
49	Cơ sở sản xuất: Spreewälder Arzneimittel GmbH	Schulstraße 9, 15913 Märkische Heide, Germany	Sản phẩm: nhũ dịch uống Ka-Vit drops (phytomenadione, 20mg/ml)	EU GMP	DE_BE_01_GMP_2017_1011	08/11/2017	06/09/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	cơ sở xuất xưởng: Medphano Arzneimittel GmbH	Maienbergstraße 10-12; 15562 Rüdersdorf, Germany		EU GMP	DE_BE_01_GMP_2017_1008	18/08/2017	26/07/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
50	LABORATORIOS LICONSA, S.A.	Avda. Miralcampo, 7, Pol. Ind. Miralcampo, Azuqueca de Henares, 19200 Guadalajara, Spain	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa chất gây nghiện, hướng tâm thần): + Viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); thuốc dạng xịt (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon); + Viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; Viên nén; viên nén bao phim;	EU-GMP	ES/085HVI/19	17/06/2019	19/03/2022	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
51	Anfarm Hellas S.A.	61st km Nat. Rd. Athens-Lamia, Schimatari Viotias, 32009, Greece (* Cách viết khác: 61st km Nat. Rd. Athens-Lamia, Schimatari Viotias, 32009, Greece)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép (chứa kháng sinh nhóm beta lactam). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; các dạng bào chế bán rắn; viên nén (kháng sinh beta lactam).	EU GMP	62713/23-4-2019	11/07/2019	22/03/2022	National Organization for Medicines (EOF), Greece	1	
52	Healthcare Pharmaceuticals Limited	Gazariapara, Rajendrapur, Gazipur-1703, Bangladesh	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén	PIC/S GMP	M052/18	05/12/2018	12/07/2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
53	Exeltis İlaç San. Ve Tic. A.Ş.	Çerkezköy Organize Sanayi Bölgesi, Gaziosmanpaşa Mahallesi Fatih Bulvari No:19/2, Çerkezköy-Tekirdağ, Turkey	* Thuốc đặt (hóc môn hoặc chất có hoạt tính hóc môn) * Thuốc bán rắn	EU GMP	ES/074HV/18	24/07/2018	19/02/2021	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
54	Gentle Pharma Co., Ltd.	No.2, Fon Tan Rd., Jiasing Village, Da Bi Hsiang, Yunlin, Taiwan, R.O.C. (* Cách ghi khác: No.2, Fon Tan Rd., Fon Tan Ind. Dist., Da Bi Hsiang, Yunlin Hsien, Taiwan, R.O.C.)	* Bột pha tiêm Somidex (Methylprednisolon 40mg, 125mg, 500mg, 1000mg).	PIC/S-GMP	074405	10/01/2019		Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)		2
55	Novartis Farma S.P.A.	Via Provinciale Schito 131 - 80058 Torre Annunziata (NA), Italy (Cách viết khác: Via Provinciale Schito 131 Torre Annunziata (NA), Italy)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc từ dược liệu: Viên nén.	EU-GMP	IT/36/H/2019	18/02/2019	30/10/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
56	Curida AS (Cơ sở sản xuất)	Solbærvægen 5, ELVERUM, NO-2409, Norway	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm Chirocaine (5mg Levobupivacaine (dưới dạng Levobupivacaine Hydrochloride)/1ml)	EU GMP	18/17136-8	25/04/2019	24/11/2019	Norwegian Medicines Agency (NOMA)	1	
	AbbVie S.R.L (Cơ sở đóng gói)	S.R. 148 Pontina Km 52, Snc-Campoverde Di Aprilia (loc. APRILIA) - 04011 APRILIA (LT), Italy			IT/138-2/H/2017	10/07/2017		Italian Medicines Agency (AIFA)		
57	Roche Diagnostics GmbH (Cơ sở sản xuất)	Sandhofer Strabe 116, 68305 Mannheim, Germany	* Sản phẩm: + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Mabthera (Rituximab 100 mg/10 ml); + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Mabthera (Rituximab 500 mg/50 ml); + Bột đông khô để pha dung dịch tiêm truyền Herceptin (Trastuzumab 150mg); + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Tecentriq (Atezolizumab 1200mg/20ml); + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền Gazyva (Obinutuzumab 1000mg/40ml)	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0073	14/06/2018	26/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	F. Hoffmann-La Roche Ltd (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland (cách viết khác: Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland)		PIC/S-GMP và EU-GMP	No. 17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
58	Roche Diagnostics GmbH (Cơ sở sản xuất)	Sandhofer Strabe 116, 68305 Mannheim, Germany	* Sản phẩm: + Bột đông khô để pha dung dịch tiêm truyền Herceptin (Trastuzumab 150mg);	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0073	14/06/2018	26/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	F. Hoffmann-La Roche Ltd (Cơ sở đóng gói thứ cấp)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland (cách viết khác: Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland)		PIC/S-GMP và EU-GMP	No. 17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
59	Roche Diagnostics GmbH (Cơ sở sản xuất)	Sandhofer Strabe 116, 68305 Mannheim, Germany	* Sản phẩm: + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Tecentriq (Atezolizumab 1200mg/20ml);	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0073	14/06/2018	26/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	F. Hoffmann-La Roche Ltd (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland (cách viết khác: Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland)		PIC/S-GMP và EU-GMP	No. 17-0015	03/04/2017		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
60	Cilag AG (cơ sở sản xuất)	Hochstrasse 201, 8200 Schaffhausen, Switzerland	Sản phẩm: Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Remicade (Infliximab 100mg; 1 đến 5 vial)	PIC/s - GMP;	05/18/1173 11	23/02/2018		EMA European Medicines Agency	1	
	Janssen Biologics B.V., (cơ sở xuất xưởng)	Einsteinweg 101, 2333 CB Leiden, the Netherlands		EU-GMP						
61	Fleet Laboratories Limited (Cơ sở sản xuất gel)	94 Rickmansworth Road, Watford, Hertfordshire, WD18 7JJ, United Kingdom. (* Cách ghi khác: 94 Rickmansworth Road, Watford, WD18 7JJ, United Kingdom)	* Sản phẩm: Gel dùng đường âm đạo Crinone (Progesterone 8%)	EU-GMP	UK MIA 4394 Insp GMP/GDP 133/3787-0020	28/03/2019		United Kingdom Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Maropack AG (Cơ sở sản xuất ống tra thuốc)	Industriestrasse Briseck 4, 6144 Zell LU, Switzerland		EU-GMP	18-0435	09/04/2018	02/02/2021.	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
	Central Pharma (Contract Packing) Limited (Cơ sở đóng gói thứ cấp, xuất xưởng)	Caxton Road, Bedford, MK41 0XZ, United Kingdom. (* Cách ghi khác: Caxton Road, ELM Farm Industrial Estate, Bedford, Bedfordshire, MK41 0XZ, United Kingdom)		EU-GMP	UK MIA 27794 Insp GMP/GDP 27794/1317- 0029	27/03/2019		United Kingdom Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency		
62	Fleet Laboratories Limited	94 Rickmansworth Road, Watford, Hertfordshire, WD18 7JJ, United Kingdom. Cách ghi khác: 94 Rickmansworth Road, Watford, WD18 7JJ, United Kingdom.	* Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả thuốc chứa hormon)	EU-GMP	UK MIA 4394 Insp GMP/GDP 133/3787- 0023	28/03/2019	25/03/2022	United Kingdom Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency	1	
63	Baxalta US Inc. (Cơ sở sản xuất)	1700 Rancho Conejo Boulevard, Thousand Oaks, CA 91320, USA	* Sản phẩm: Bột đông khô pha tiêm truyền tĩnh mạch Hemofil M (Antihemophilic Factor (Human) 220-2000IU/lọ), 10ml nước cất pha tiêm, bộ kim chuyển và kim lọc.	US -CGMP	CPB2-DUX8 WHO	12/06/2019	11/06/2021	United States Food and Drug Administration	1	
	Baxter Healthcare Corporation (Cơ sở sản xuất dung môi)	911 North Davis Avenue, Cleveland, Mississippi 38732, USA								
64	Baxalta Manufacturing Sarl	Route de Pierre-a-Bot 111, 2000 Neuchatel, Switzerland	* Thuốc sinh học dạng rắn, sản xuất vô trùng: thuốc công nghệ tái tổ hợp, kháng thể lai, đơn dòng.	PIC/S-GMP và EU-GMP	19-0202	13/02/2019	09/11/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
65	Patheon Inc. (Cơ sở sản xuất)	2100, Syntex Court, Mississauga, Ontario, L5N 7K9, Canada	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Tracleer (Bosentan (dưới dạng bosentan monohydrate) 125 mg).	Canada- GMP	72292	19	20	Cơ quan thẩm quyền Canada	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Actelion Pharmaceuticals Ltd (Cơ sở xuất xưởng)	Gewerbstrasse 12, 4123 Allschwil, Switzerland		EU-GMP		14/05/20	14/05/20			
66	RPG Life Sciences Limited	Formulation Plant F 2, 3102/A, G.I.D.C. Estate, Ankleshwar 393002 Gujarat State, India	* Thuốc không vô trùng: viên nén Azathioprine 25mg, 50mg; Nicorandil 10mg, 20mg; viên đặt âm đạo Clotrimazole 500mg; viên nén Sodium valproate 200mg, 300mg, 500mg.	EU-GMP	DE_HH_01_GMP_2019_0015	01/04/2019	10/01/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
67	Berlimed S.A	C/Francisco Alonso n0 7, Polígono Industrial Santa Rosa, Alcalá de Henares, 28806 Madrid España, Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm thuốc chứa hormon và chất có hoạt tính hormon); thuốc uống dạng lỏng. (Bao gồm thuốc chứa dược chất gây nghiện, hướng thần)	EU-GMP	ES/078HVI/19	10/06/2019	26/03/2022	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
68	Idol Ilac Dolum Sanayii ve Ticaret A.S	20 Davutpasa Caddesi Cebealibey Sokak, 34020 Topkapi, Istanbul, Turkey	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (đóng ampoule).	EU GMP	BG/GMP/2019/149	05/04/2019	19/02/2022	Bulgarian Drug Agency		2
69	Community Pharmacy Public Company Limited	1 Soi Khubon 11, Khubon road, Ramintra, Khan Na Yao, Bangkok 10230, Thailand	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; thuốc bán rắn; viên nén. Thuốc chứa kháng sinh nhóm Penicillin: viên nang cứng; thuốc bột; viên nén; viên nén bao phim.	PIC/S GMP	1-2-07-17-19-00022	06/11/2018	05/11/2021	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
70	Merck Serono S.P.A	Via Delle Magnolie 15 (loc. Frazione Zona Industriale) 70026 Modugno (BA), Italy	* Thuốc vô trùng: - Thuốc sản xuất vô trùng : + Bột đông khô: chế phẩm sinh học là hormon hoặc chất có hoạt tính hormon (không bao gồm corticosteroid); + Dung dịch thể tích nhỏ: bao gồm cả chế phẩm sinh học, hormon hoặc chất có hoạt tính hormon (không bao gồm corticosteroid) và cytokines. - Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: - Sản phẩm từ máu: chế phẩm chứa albumin người được cho vào sản phẩm công nghệ sinh học; - Sản phẩm công nghệ sinh học: Protein/DNA tái tổ hợp; kháng thể đơn dòng.	EU-GMP	IT/234/H/2018	14/11/2018	22/06/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
71	Patheon Inc (Cơ sở sản xuất, kiểm nghiệm đóng gói cấp 1)	Whitby Operations, 111 Consumers Drive, Whitby, Ontario L1N 5Z5, Canada (hoặc ON, Canada L1N 5Z5)	* Sản phẩm: Hỗn dịch uống Noxafil (Posaconazole, 40mg/ml).	PIC/S GMP	72335	21/05/2019	21/05/2020	Health Products and Food Branch Inspectorate (HPFBI), Canada	1	
	Cenexi HSC (Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng)	2, rue Louis Pasteur, 14200 Herouville St Clair (hoặc Herouville Saint Clair, 14200), France		EU GMP	2018/HPF/F R/261	06/12/2018		French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)		
72	Baxter Manufacturing S.P.A.	Via G.B. Oliva, 2 loc. Ospedalletto - 56121 Pisa (PI), Italy (Cách ghi khác: Via G.B. Oliva, 2-56121-loc. Ospedalletto Pisa (PI), Italy)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (chỉ sản phẩm máu): Dung dịch thể tích lớn; Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: sản phẩm máu (chỉ albumin người).	EU GMP	IT/94/H/2019	22/05/2019	22/02/2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
73	Delpharm Tours (cơ sở sản xuất)	Rue Paul Langevin, 37170, Chambray Les Tours, France	* Dung dịch tiêm Acupan (nefopam 20mg)	EU GMP	2019/HPF/F R/153	04/06/2019	01/01/2019	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Biocodex (cơ sở xuất xưởng) (cách ghi khác: Biocodex - Beauvais)	1, avenue Blaise Pascal, 60000 Beauvais, France			HPF/FR/030/2018	26/01/2018	12/12/2018			
74	DHP Korea Co.,Ltd	50 Osongsaengmyeong 6-ro, Osong-eup, Heungdeok-gu, Cheongju-si, Chucheongbuk-do, Republic of Korea	Dung dịch nhỏ mắt, hỗn dịch nhỏ mắt	PIC/S GMP	2019-G1-0703	17/04/2019	12/02/2020	Ministry of Food and Drug Safety (MFDS), Korea		2
75	Alkem Laboratories Limited	Alkem Laboratories Limited 167 Mahatma Gandhi, Udyog Nagar, Dabhel 396210 Daman, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm betalactam); thuốc uống dạng lỏng; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm betalactam); bột pha siro (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm betalactam).	EU-GMP	DE_BY_05_GMP_2019_0016	18/03/2019	19/06/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức		2
76	Glaxosmithkline Pharmaceuticals S.A	ul. Grunwaldzka 189, 60-322 Poznan, Poland (cách viết khác: Grunwaldzka 189 Street, 60-322 Poznan, Poland)	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa hoạt tính mạnh, độc tính cao, nhạy cảm, dễ cháy, gây kích ứng): Viên nang cứng, viên nang mềm, thuốc bán rắn.	EU GMP	IWPS.405.44.2019.KKW.1 WTC/0092_01_03/81	30/04/2019	01/03/2022	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
77	Medica Korea Co., Ltd (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	96, Jeyakongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Sản phẩm: viên nang mềm Solondo 10mg (Isotretinoin 10mg).	PIC/S GMP	2019-D1-1521	01/07/2019	09/11/2019	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
	RP Bio., Inc (Cơ sở sản xuất)	35-7, Jeyakongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea			2019-D1-1510	28/06/2019				
78	Whan In Pharm Co., Ltd.	50 Gongdan-ro, Anseong-si Gyeonggi-do, Korea	* Viên nén, viên nang	PIC/S GMP	2018-D1-2469	25/10/2018	12/06/2020	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
79	MG Co., Ltd.	27 Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc tiêm truyền.	PIC/S-GMP	2019-G1-1087	14/06/2019	20/03/2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
80	Astellas Pharma tech Co., Ltd . Takaoka Plant	30 Toidesakae-machi, Takaoka city, Toyama 939-1118, Japan	Sản phẩm : Bột đông khô pha dung dịch tiêm Mycamine for injection 50 mg/vial (micafungin natri 50 mg)	Japan-GMP	5968	07/03/2019	07/03/2021	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan	1	
81	Hikma Farmacêutica (Portugal), S.A.	Estrada do Rio da Mó, n.º 8, 8-A e 8-B - Fervença, Terrugem SNT, 2705-906, Portugal	Sản phẩm: Dung dịch đậm đặc pha truyền tĩnh mạch Ribometa (1 lọ 5ml chứa: zoledronic acid (dưới dạng zoledronic acid monohydrat) 4mg)	EU-GMP	2678 Ph-12-21-47	07/08/2018		Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
82	Taiguk Pharma.Co.,Ltd	123 Jeyakongdan 3-gil, Hyangnam -eup, Hwaseong -si, Gyeonggi -do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nang; * Dung dịch thuốc uống; hỗn dịch thuốc uống; * Thuốc mỡ, kem, gel	PIC/S	2019-D1-1315	29/05/2019	11/4/2022	Gyeongin Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
83	DongKook Pharmaceutical Co., Ltd	33-19, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Korea	* Viên nén, viên nang; * Thuốc mỡ, gel, kem; * Thuốc bột dùng ngoài; * Thuốc tiêm; thuốc đông khô	PIC/S-GMP	No.2019 - G1-1174	26/06/2019	10/04/2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
84	Schering-Plough Labo NV	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, B-2220, Belgium	Sản phẩm: Hỗn dịch tiêm Diprospan 1ml chứa Betamethason dipropionate (tương đương 5mg mg Betamethason) + Betamethason disodium phosphate (tương đương 2mg Betamethason)	EU-GMP	00000204-06-19	04/06/2019		Belgian Federal Agency for Medicines and Health Products (AFMPS)	1	
Đợt 68 (theo Công văn số 17363/QLD-CL ngày 10/10/2019 của Cục Quản lý Dược)										
1	Janssen Cilag	Domaine de Maigremont, 27100 VAL-DE-REUIL (hoặc: VAL-DE-REUIL, 27100), France	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng (bao gồm cả nhũ tương bôi ngoài da); thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn; viên nén.	EU GMP	2019:HPF/F R/138	15/05/2019	26/05/2021	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
2	Pharbil Pharma GmbH (Cơ sở sản xuất)	Pharbil Pharma GmbH Reichenberger Strasse 43, 33605 Bielefeld, Germany	* Sản phẩm: Viên đặt trực tràng Pentasa (Mesalazine 1g).	EU-GMP	DE_NW_02_GMP_2019_0003	15/01/2019	23/05/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	19-1017	25/07/2019		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
3	Ferring International Center SA	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St (hoặc CH-1162 Saint)-Prex, Switzerland	* Thuốc dạng rắn: Viên nén; thuốc cốm.	EU-GMP	19-1017	25/07/2019	19/10/2021	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
4	KMS Pharm Co., Ltd	236 Sinwon-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng.	PIC/S-GMP	2019-D1-1784	25/07/2019	28/03/2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety , Korea		2
5	Przedsiębiorstwo Farmaceutyczne Jelfa SA (Pharmaceutical Works Jelfa S.A.)	ul. Wincentego Pola, 21, 58-500 Jelenia Góra, Poland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng (bao gồm cả các thuốc chứa steroid và hormon): Dạng thuốc bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng (bao gồm cả các thuốc chứa steroid và hormon): Dung dịch dùng ngoài; thuốc bán rắn.	EU-GMP	IWPS.405.13 .2019.KKW.1 WTC/0036_01_05/58	29/03/2019	10/01/2022	Main Pharmaceutical Inspectorate of Poland	1	
6	Bio Products Laboratory Limited	Dagger Lane, Elstree, Borehamwood, WD6 3BX, United Kingdom	* Sản phẩm: Bột pha dung dịch tiêm Replenine-VF, 50 IU/ml Human Factor IX, a Powder for Solution, Powder for Injection.	EU GMP	PP10155848	21/06/2018		Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
7	Swiss Parenterals Ltd	Unit-II, Plot No. 402, 412-414 Kerala Industrial Estate, GIDC, Near Bavla, Ahmedabad, Gujarat, 382220, India	* Thuốc vô trùng: Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh β -Lactam.	EU GMP	OGYI/36509-13/2015	01/09/2017	05/05/2020	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
8	USV Private Limited	H-13, 16, 16A, 17, 18, 19, 20, 21 và E-22, OI DC, Mahatma Gandhi Udyog Nagar, Dabhel, Daman, IN-396210, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nén.	EU-GMP	UK GMP 24881 Insp GMP 24881/4167 2-0006	03/01/2019	23/07/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
9	Mylan Laboratories Limited	F-4, F-12 M.I.D.C., Malegaon, Sinnar, In-422113, India (* Cách ghi khác: F-4 and F-12, Malegaon MIDC, Sinnar Nashik District 422113, Maharashtra State, India)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim	EU GMP	HPRA25287/ INS-GMP- 2017-097	10/04/2019	16/11/2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland		2
10	Genentech, INC (Cơ sở sản xuất)	1 DNA Way South San Francisco, CA 94080, USA	* Sản phẩm: Bột cô đặc để pha dung dịch tiêm truyền Herceptin (Trastuzumab 440mg) hộp 1 lọ bột và 1 lọ 20ml dung môi pha tiêm.	PIC/S & EU-GMP	17006815	08/01/2018		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
	F.Hoffmann - La Roche Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland			GMP-CH-1000096	05/04/2019	10/08/2021			
11	Saga Laboratories Ltd	Survey No. 198/2 & 198/3, Chachrawadi Vasna, Ta Sannand District, Ahmedabad - 382210, Gujarat, India	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột và thuốc cốm pha hỗn dịch uống, viên nén (Hạn chế: chỉ áp dụng đối với thuốc được sản xuất tại Block 1 địa chỉ trên).	EU GMP	MT/026HM/ 2019	24/05/2019	17/03/2022	Medicines Authority of Malta (MAM)		2
12	Cilag AG (Cơ sở sản xuất)	Hochstrasse 201, 8200, Schaffhausen, Switzerland	* Sản phẩm: Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền Remicade (Infliximab 100 mg)	PIC/s & EU-GMP	18-0790	10/04/2018	30/11/2020	Swissmedic, Swiss Agency for Therapeutic Products	1	
	Janssen Biologics B.V. (Cơ sở xuất xưởng)	Einesteinweg 101, Leiden, 2333CB (hoặc 2333 CB Leiden), Netherlands		EU GMP	NL/H 18/2008473	22/11/2018		Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
13	Vetter Pharma-Fertigung GmbH&Co. KG. (Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1)	Vetter Pharma -Fertigung Mooswiesen 2, 88214 Ravensburg, Germany	* Sản phẩm: - Dung dịch tiêm Puregon (Follitropin beta 300 IU/0,36 ml); - Dung dịch tiêm Puregon (Follitropin beta 600 IU/0,72 ml);	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0064	23/05/2018	31/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	N.V. Organon (Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng)	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands (* Cách ghi khác: Molenstraat 110, 5342 CC Oss, Netherlands hoặc: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Netherlands)			NL/H 16/1010471 C V1	13/08/2019		Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands		
14	Bausch & Lomb Incorporated	8500 Hidden River Parkway, Tampa, FL 33637 United States of America	* Sản phẩm: Hỗn dịch Lotemax® (loteprednol etabonate 0.5% (5 mg/ml)), ophthalmic suspension.	US-GMP	VTRG-WSE9	16/08/2019	15/08/2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
15	Baxter AG	Industriestrasse 67, A- 1221 Wien (hoặc 1221 Vienna hoặc A-1221 Vienna), Austria. (các điểm SX: Lange Allee 8, Lange Allee 24, Lange Allee 91, Industriestrasse 20, Industriestrasse 72, Industriestrasse 131, Benatzkygasse 2-6, Pasettistrasse 76)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ, * Thuốc sinh học: Chế phẩm từ máu; thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; chế phẩm điều trị gen, thuốc chiết xuất từ người hoặc động vật.	EU GMP	INS-480001-0233-001 (3/10)	29/11/2018	23/04/2022	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	1	
16	Italfarmaco S.P.A (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Viale Fulvio Testi, 330-20126 Milano (MI), Italy	* Sản phẩm: Viên nén Natecal D3 (600mg + 400 UI compresse masticabili).	EU-GMP	IT/88/H/2019	06/05/2019		Italian Medicines Agency (AIFA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	FINE FOODS & PHARMACEUTICALS N.T.M. S.P.A. (Cơ sở sản xuất khâu đầu tạo hạt)	VIA GRIGNANO, 43-24041 BREMBATE (BG), Italy			IT/131/H/2018	30/05/2018	15/12/2019			
	Neologistica S.R.L (Cơ sở đóng gói thứ cấp)	Largo Boccioni, 1 - 21040 Origgio (VA), Italy			IT/206-1/H/2017	11/06/2017				
17	Samil Pharm. Co., Ltd.	216 Sandan-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Korea	* Viên nén (viên bao phim, viên nén giải phóng chậm/ kéo dài); thuốc bột; thuốc cốm; si rô thuốc (dạng rắn); viên nhai. * Dung dịch, hỗn dịch nhỏ mắt. * Thuốc uống dạng lỏng; si rô thuốc (dạng lỏng); hỗn dịch thuốc uống. * Thuốc bôi da dạng lỏng; thuốc xịt mũi dạng dung dịch, hỗn dịch. * Thuốc mỡ; thuốc mỡ tra mắt; thuốc gel.	PIC/S GMP	2019-D1-2067	02/09/2019	30/05/2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
18	Bruschettini S.R.L	Via Isonzo 6-16147 Genova (GE), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa corticosteroid, prostaglandins/cytokines). * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (bao gồm cả chế phẩm miễn dịch); dạng bào chế bán rắn chứa hoạt chất hoặc chất có hoạt tính hoạt học (bao gồm cả corticosteroid); viên nén (bao gồm cả chế phẩm miễn dịch). * Chế phẩm sinh học: Vắc xin vi khuẩn bất hoạt (inactivated bacterial vaccine).	EU GMP	IT/20/H/2019	29/01/2019	18/05/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
19	Sandoz Ilac Sanayi Ve Ticaret A.S	İnönü Mahallesi, Gebze Plastikciler Organize Sanayi Bölgesi Atatürk, Bulvari 9. Cadde No.2, TR-41400 Gebze-Kocaeli, Turkey	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đạn; viên nén; viên nén bao phim; thuốc cốm.	EU-GMP	DE_ST_01_GMP_2019_0024	10/05/2019	14/01/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
20	Merck Healthcare KGaA	Frankfurter Strabe 250, A 31, A 32, D 11, D 12, D 15, D39, F128, PH 5, PH 15, PH 16, PH 23, PH 24, PH 26, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, PH 85, PH 95 64293 Darmstadt, Germany (Cách viết khác: Frankfurter Strasse 250 64293 Darmstadt, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên bao phim. * Thuốc sinh học: Thuốc miễn dịch (dung dịch thể tích nhỏ); thuốc công nghệ sinh học (dung dịch thể tích nhỏ).	EU GMP	DE_HE_01_GMP_2019_0053	21/05/2019		Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
21	P&G Health Austria GmbH & Co. OG	Hosslgasse 20 (hoặc: Hoesslgasse 20), 9800 Spittal an der Drau, Austria	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; viên bao phim, viên bao đường; dạng bào chế bán rắn; viên nén; thuốc cốm. * Thuốc được liệu.	EU GMP	INS-480021-0069-001 (1/10)	29/11/2018	11/09/2021	Federal Office for Safety in Health Care, Austria	1	
22	Biofarma Plasma Limited Liability Company (blood products site)	9M. Amosova St., Kyiv, 03680, Ukraine; 37 Kyivska St., Bila Tserkva, Kyiv region, 09100 Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: sản phẩm từ máu.	PIC/S GMP	050/2019/GMP	26/07/2019	27/06/2022	State Administration of Ukraine on Medicinal Products (SAUMP)		2
23	Contract manufacturing & Packgaking Services Pty Ltd	20-22 Long Street, Smithfield NSW, 2164, Australia	* Thuốc không vô trùng (chứa dược liệu, vitamin, chất khoáng, chất bổ sung dinh dưỡng): viên nén bao phim, viên nang cứng; viên nang mềm, thuốc kem, thuốc mỡ, gel.	PIC/S-GMP	MI-2018-LI-04661-1	19/06/2019	01/02/2022	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
24	ACS Dobfar S.P.A (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	V.le Addetta 2a/12-3/5-20067 Tribiano (MI), Italy	Sản phẩm: thuốc bột pha dung dịch tiêm Meronem (Meropenem trihydrat 500mg, 1000mg)	EU-GMP	IT/228/H/2018	02/11/2018	16/06/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Zambon Switzerland Ltd (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Via Industria, 13, 6814 Cadempino, Switzerland		EU-GMP	19-0037	23/01/2019		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
25	Biosidus S.A.	Av. De los Quilmes 137, Bernal Oeste, Quilmes, Buenos Aires, Argentina Republic	* Dung dịch tiêm, bột đông khô pha tiêm (bao gồm hoạt chất công nghệ sinh học, không chứa beta lactam và chất kim tế bào, chất có hoạt tính hormon); bột pha hỗn dịch uống chứa hoạt chất có nguồn gốc sinh học.	PICS GMP	CE-2019-67885256-APN-DECBR#AN MAT	27/07/2019	27/07/2020	National Administration of Drugs, Foods and Medical Devices (ANMAT), Argentina		2
26	Adamed Pharma S.A. (Tên cũ: Zakład Farmaceutyczny Adamed Pharma S.A)	ul Szkolna 33, 95-054 Ksawerów, Poland	*Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	IWZJ.405.11 5.2018.ER.2 WTC/0258_01_01/224	21/09/2018	10/08/2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
27	Withus Pharmaceuticals Co., Ltd.	103 Je2gongdan 2-gil, Miyang-myeon, Anseong-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim; viên giải phóng chậm; Viên nang (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin)	PIC/S GMP	2019-D1-1871	31/07/2019	09/05/2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
28	Ilko Ilac Sanayi Ve Ticaret AS	3 Osb Buyuk Kayacik Mah Kuddusi Cad 23 Sok No 1 Selcuklu Konya, Turkey (*Cách ghi khác: 3 Organize Sanayi Bolgesi, Kuddusi Cad 23 Sok No 1 Selcuklu Konya, Turkey)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; pellet; dạng bào chế bán rắn; viên nén.	EU-GMP	MT/009HM/2019	25/02/2019	19/11/2021	Medicines Authority of Malta (MAM)		2
29	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG (Cơ sở sản xuất)	Schützenstrasse 87 and 99-101, 88212 Ravensburg, Germany	* Sản phẩm: + Dung dịch tiêm Elonva (corifollitropin alfa 100mcg/0,5ml); + Dung dịch tiêm Elonva (corifollitropin alfa 150mcg/0,5ml); + Dung dịch tiêm Orgalutran (ganirelix 0,25mg/0,5ml).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0067	23/05/2018	31/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	N.V. Organon (Cơ sở đóng gói cấp 2)	Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, The Netherlands		EU GMP	NL/H 16/1010471 C VI	13/08/2019		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
30	N.V. Organon	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands (* Cách ghi khác: <i>Molenstraat 110, 5342 CC Oss, Netherlands</i> hoặc: <i>Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Netherlands</i>)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng chứa hormone: thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc cấy ghép và dạng rắn chứa hormon. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng ; viên nang mềm (chứa hormone); thuốc uống dạng lỏng; viên nén (chứa hormone); thuốc cốm. * Thuốc sinh học: thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người và động vật; thuốc có nguồn gốc từ nước tiểu (urine).	EU GMP	NL/H 16/1010471 C VI	13/08/2019	31/01/2020	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
31	N.V. Organon (Cơ sở sản xuất, đóng gói, kiểm nghiệm, xuất xưởng)	Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, The Netherlands	* Sản phẩm: Que cấy dưới da Implanon NXT (Etonogestrel 68mg).	EU GMP	NL/H 16/1010471 C VI	13/08/2019	31/01/2020	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands	1	
	Synergy Health Ede B.V (Cơ sở tiết trùng thành phẩm sau công đoạn đóng gói cuối)	Soeverinstraat 2, 4879NN, Etten - Leur, the Netherlands		EU-GMP	NL/H 17/1014950 B	14/04/2017		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
32	Warszawskie Zakłady Farmaceutyczne POLFA Spółka Akcyjna (* Tên tiếng Anh: Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.)	ul. Karolkowa 22/24, 01-207 Warszawa, Poland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tính cao, gây quái thai, chất gây nghiện, hướng thần, chất nhạy cảm, tiền chất): dung dịch thuốc tiêm, thuốc tiêm nhũ tương; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tính cao, gây quái thai, chất gây nghiện, hướng thần, chất nhạy cảm): dung dịch thuốc tiêm, thuốc tiêm nhũ tương; * Thuốc sinh học: Thuốc chiết xuất từ người hoặc động vật.	EU-GMP	IWZJ.405.10 9.2018.ER.1 WTC/0102_02_01/202	03/09/2018	08/06/2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
33	GSK Consumer Health SA	Route de l'Etraz, 1260 Nyon, Switzerland (* Cách ghi khác: Route de l'Etraz 2, 1260 Nyon, Switzerland)	* Dạng bào chế lỏng: Otrivin Schnupfen 0,1% dosierspray và Otrivin children 0,05% dosierspray, Otrivin Schnupfen 0,1% lösung và 0,05% lösung. * Dạng bào chế bán rắn: Voltaren Emulgel 1%, Voltaren Emulgen 12hours; Lamisil 1% cream.	PIC/S-GMP và EU-GMP	18-1288	20/07/2018	07/04/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
34	PJSC SIC "Borshchahivskiy Chemical-Pharmaceutical Plant"	17 Mira St., Kyiv, 03134, Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin. * Thuốc không vô trùng: Viên nén.	EU GMP	ZVA/LV/2019/010H	08/07/2019	12/04/2022	State Agency of Medicines (ZVA), Latvia		2
35	"Scientific Industrial Centre "Borshchahivskiy Chemical Pharmaceutical Plant" Public Joint-Stock Company	17 Myra street, Kyiv, 03134, Ukraine	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa kháng sinh nhóm Cefalosporin và Penem (thuốc bột pha dung dịch tiêm). * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (Sirô).	EU GMP	LT/01H/2018	10/04/2018	22/02/2021	State Medicines Control Agency (SMCA), Lithuania		2
36	Haupt Pharma Amareg GmbH	Donaustauffer Straße 378, 93055 Regensburg, Germany	* Thuốc không vô trùng (chứa kháng sinh, chất độc tế bào/chất kìm tế bào, hormon và các chất có hoạt tính hormon, chất ức chế miễn dịch): Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; thuốc đặt; viên nén.	EU GMP	DE_BY_05_GMP_2019_0054	22/07/2019	31/10/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
37	Rottendorf Pharma GmbH	Ostenfelder Straße 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany (Cơ sở sản xuất)	* Thuốc không vô trùng: - Viên nang cứng; Viên nang mềm; - Viên nén, viên nén sủi bọt, viên nén bao, viên nén chứa hoạt chất có độc tính cáo như Tamoxifen, Flutamid, Clomifen và các hoạt chất tương tự. - Thuốc rắn phần liều khác: Thuốc bột, thuốc cốm, hạt pellets. * Thuốc sinh học: Sản phẩm sinh học chứa Pancreatin, hoặc các dị ứng nguyên dùng trong trị liệu. * Thuốc khác: Thuốc dược liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU GMP	DE_NW_05_GMP_2019_0027	01/07/2019	14/03/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức (Bezirksregierung Münster)	1	
		Am Fleigendahl 3, Ennigerloh, 59320, Germany (Cơ sở đóng gói)		EU GMP	DE_NW_05_GMP_2019_0028	01/07/2019				

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
38	MYLAN LABORATORIES LIMITED	PLOT NO 284/B, BOMMASANDRA JIGANI LINK ROAD INDUSTRIAL AREA, JIGANI HOBLI, ANEKAL TALUK, BANGALORE, KARNATAKA, IN-560105, India	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô, dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	UK GMP 20807 Insp GMP 20807/1275 261-0007	29/03/2018	11/12/2020	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
39	Delpharm Milano S.R.L (Cơ sở sản xuất)	Via Carnevale, 1 - 20090 Segrate (MI), Italy.	* Sản phẩm: Viên nén bao phim Cellcept (Mycophenolate mofetil 250mg).	EU GMP	IT/24/H/2019	31/01/2019	12/05/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	F.Hoffmann - La Roche AG (hoặc F.Hoffmann - La Roche Ltd.) (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, CH 4303 Kaiseraugst, Switzerland		PIC/S-GMP	GMP-CH-1000096	05/04/2019		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
40	Nichi-Iko Pharmaceutical Co., Ltd. Aichi Plant	1212, Aza-teramae, Gejocho, Kasugai-shi, Aichi Prefecture, Japan	* Sản phẩm: NIKP-Citicoline Injection 500mg/2ml.	Japan-GMP	244	09/04/2019	09/04/2021	Japan Ministry of Health, Labour and Welfare	1	
41	Hetero Labs Limited	Unit-V, Block V and V-A, TSIC - Formulation SEZ, S. Nos 439, 440, 441 & 458, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District, Telangana State, 509301, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; thuốc bột.	EU GMP	FI006/001/2019	01/04/2019	25/01/2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
42	Bioindustria Laboratorio Italiano Medicinali S.P.A.	Via De Ambrosiis 2/6 - 15067 Novi Ligure (AL), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô (chứa hoạt chất là dẫn chất hoặc chiết xuất từ mô, tế bào động vật); dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén. * Thuốc sinh học: Thuốc chiết xuất từ động vật.	EU-GMP	IT/218/H/2018	15/10/2018	15/06/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
43	Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd	No.19, Gaoxinzhongyi Road, High-tech Industrial Park, Nanshan District, Guangdong Province, Shenzhen 518057, China	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch Enoxaprinum sodium (đóng lọ hoặc bơm tiêm đóng sẵn). * Thuốc sinh học: Thuốc có nguồn gốc từ người, động vật: Enoxaprinum sodium.	EU GMP	IWZJ.405.55.2018.MG.3 WTC/0489_01_01/109	14/05/2018	26/01/2021	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
44	Evertogen Life Sciences Limited	Plot No: S-8, S-9, S-13/P & S-14/P TSIC, Pharma SEZ, Green Industrial Park, Polepally (V), Jadcherla (M), Mahabubnagar, Telangana, IN-509 301, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột pha dung dịch uống; viên nén. * Sản phẩm: + Viên nén bao phim Voritab-200, Voritab-50 (Voriconazole 200mg, 50mg); Ezolong-20, Ezolong-40 (Esomeprazole 20mg, 40mg); Zotek-200, Zotek-300, Zotek-400 (Dexibuprofen 200mg, 300mg, 400mg); Combispasm Gastrocomfort (Dicycloverine, Simethicone); Novox-500, Novox-750 (Levofloxacin 500mg, 750mg); Ofor (Ofloxacin, Ornidazole); Protechon Fast (Glucosamine, Chondroitin Sulphate Sodium, Diclofenac); Respix (Acetylcysteine, Ambroxol); Flamidase (Diclofenac, Paracetamol, Serrapeptase); Cetlo (Levocetirizine 5mg); Cetlo Plus (Levocetirizine, Dextromethorphan); + Viên nén Griplex Active, Combigrip (Paracetamol, Caffeine, Phenylephrine, Chlorphenamine); Griplex Active Max, Combigrip Dexta (Paracetamol, Caffeine, Phenylephrine, Chlorphenamine, Dextromethorphan); Izicard A 40mg/5mg, 40mg/10mg, 80mg/5mg, 80mg/10mg (Telmisartan, Amlodipine); Izicard H 40mg/12.5mg, 80mg/12.5mg, 80mg/25mg (Telmisartan, Hydrochlorothiazide); Casark HD 32mg/25mg, Casark H 16mg/12.5mg (Candesartan, Hydrochlorothiazide); Combispasm (Paracetamol, Dicycloverine); Nimesyn (Nimesulide 100mg); Respix L (Loratidine, Ambroxol);	PIC/S GMP	016/2018/GMP	15/03/2018	28/12/2020	State Service of Ukraine on Medicines and Drugs Control (SMDC)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
			+ Viên nén đặt âm đạo Clotrimazole 100mg; Neotrizole (Ornidazole, Neomycin, Miconazole, Prednisolone); + Thuốc bột pha dung dịch uống Combigril Hot Sip vị quả mâm xôi, vị chanh (Paracetamol, Cetirizine, Phenylephrine); + Viên nang Mebsyn retard (Mebeverine 200mg); Synmeton (Nabumetone 500mg, 750mg); Fedin-20 (Piroxicam 20mg); + Viên nén bao Protechon (Glucosamine, Chondroitin Sulphate); + Viên nén bao tan trong ruột Fibrinaza-10, Fibrinaza-20 (Serrapeptase); + Gynekit: Viên nén bao phim Azithromycin 1g + viên nén bao phim Secnidazole 1g + viên nén Fluconazole 150mg; + Clatinol: Viên bao Tinidazole 500mg + viên bao Clarithromycin 250mg + viên nang Lansoprazole 30mg;							
45	Kyung Dong Pharm. Co., Ltd	224-3 Jeyakdanji-ro, Yanggam-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén, viên nang cứng (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); * Thuốc tiêm bột (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin); Thuốc đông khô pha tiêm; dung dịch thuốc tiêm.	PICS GMP	2019-D1-1717	18/07/2019	18/04/2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
46	Huons Co., Ltd.	100 Bio valley-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao tan trong ruột, viên nén giải phóng chậm, Viên nang, Viên nén nhai. * Thuốc tiêm. * Dung dịch Thuốc nhỏ mắt. * Thuốc uống dạng lỏng: Hỗn dịch, Siro.	PIC/S-GMP	2019-G1-0909	17/05/2018	16/05/2021	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety Korea		2
47	Kaysersberg Pharmaceuticals	23 avenue Georges Ferrenbach, Kaysersberg, 68240, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn; dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc ức chế miễn dịch).	EU GMP	2019/HPF/F R/107	05/04/2019	01/02/2022	French National Agency for Medicine and Health Products Safety (ANSM)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
48	Takeda GmbH	Takeda GmbH - Betriebsstatte Oranienburg Lehnitzstraße 70-98, 16515 Oranienburg, Germany	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén.	EU_GMP	DE_BB_01_GMP_2018_0003	16/01/2018	20/12/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
49	KMS Pharm Co., Ltd	236 Sinwon-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng.	PIC/S-GMP	2019-D1-1858	30/07/2019	28/03/2022	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety , Korea		2
50	Catalent UK Swindon Zydis Limited (Cơ sở sản xuất)	Frankland Road, Blagrove, Swindon, Wiltshire, SN5 8RU, United Kingdom	* Sản phẩm: + Viên đồng khô dạng uống Minirin Melt Oral Lyophilisate 120mcg (Desmopressin 0,12mg); + Viên đồng khô dạng uống Minirin Melt Oral Lyophilisate 60mcg (Desmopressin 0,06mg).	EU GMP	UK MIA 14023 Insp GMP/IMP 14023/4574-0018	22/02/2019	19/10/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói thứ cấp)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		EU-GMP, PIC/s-GMP	19-1017	25/07/2019		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
51	Sichuan Kelun Pharmaceutical Co. Ltd.	South of No. 2 road, Xindu Satellite City Industrial Development Zone, Chengdu, Sichuan, China	* Sản phẩm: Sodium chloride injection, 500mL Polypropylene bottle "CMX"	Japan GMP	5123108006 281	29/06/2017	31/07/2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan		2
52	Sichuan Kelun Pharmaceutical Co. Ltd.	South of No. 2 road, Xindu Satellite City Industrial Development Zone, Chengdu, Sichuan, China	* Sản phẩm: Sodium chloride injection, 250mL Polypropylene bottle "CMX"	Japan GMP	5123108006 280	29/06/2017	31/07/2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan		2
53	Berlin Pharmaceutical Industry Co., Ltd.	222 Romklao Road, Klongsampravit, Latkrabang, Bangkok 10520, Thailand	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột; thuốc bán rắn (bao gồm cả thuốc kem); viên nén; viên nén bao phim.	PIC/S	1-2-07-17-19-00065	21/05/2019	20/05/2022	Food and Drug Administration, Ministry of Public Health, Thailand		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
54	Merck Sharp & Dohme Corp	770 Sumneytown Pike, West Point, PA 19486, USA	* Sản phẩm: vắc xin M-M-R II (Measles, Mumps and Rubella Virus Vaccine Live, MSD), 0.5mL (vắc xin đông khô và dung môi pha tiêm).	U.S.CGMP	MR5Y-VKBW WHO	28/02/2019	27/02/2021	United States Food and Drug Administration	1	
55	PT Novell Pharmaceutical Laboratories	JL.Wanaherang No. 35 Tlajung, Gunung Putri, Bogor, 16962, Indonesia	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	NL/H 19/2009630	20/08/2019	10/01/2022	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		2
56	CSL Behring LLC	Route 50 North, 1201 N. Kinzie, Bradley, IL 60915, USA (* Cách ghi khác: P.O. Box 511 Kankakee, IL 60901, USA hoặc Kankakee, IL 60901, USA)	* Sản phẩm: Albumin (Human) USP, Albuminar®; 25% 50 mL (Albumin 12.5g/50mL)	U.S. cGMP	Q7AQ-3963 WHO	30/08/2019	29/08/2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
57	Merck Sharp & Dohme Corp., US	770 Sumneytown Pike, P.O. Box 4, West Point, PA 19486, USA	* Sản phẩm: RotaTeq® (Rotavirus Vaccine, Live, Oral, Pentavalent); Oral Solution	U.S. cGMP	EGA6-RR5F WHO	11/07/2019	10/07/2021	United States Food and Drug Administration (US FDA)	1	
58	The Acme Laboratories Limited	Dhulivita, Dhamrai, Dhaka, 1350, Bangladesh (hoặc Dhaka, Bangladesh)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao phim.	EU-GMP	UK GMP 44338 Insp GMP 44338/1186 8716 - 0002	29/01/2019	15/10/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
59	Merck Sharp & Dohme Corp. (Cơ sở sản xuất lọ vắc xin, API và đóng gói cấp 1)	770 Sumneytown Pike, West Point, PA 19486, USA	* Sản phẩm: Vắc xin VARIVAX® (Varicella Virus Vaccine Live - Oka/Merck) 1350pfu/dose.	U.S. cGMP	RTZY-WHKT WHO	9	1	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Jubilant HollisterStier LLC (Cơ sở sản xuất dung môi)	Small Volume Parenteral Facilities, 3525 N. Regal Street, Spokane, WA 99207, United States				08/05/201	07/05/202			
	Merck Sharp & Dohme Corp (Cơ sở sản xuất API)	5325 Old Oxford Road, Durham, NC 27712, United States								
60	GlaxoSmithKline LLC	1011 North Arendell Avenue, Zebulon, North Carolina 27597, United State of America (* Cách viết khác: 1011 North Arendell Avenue, Zebulon, NC 27597, United State of America)	* Sản phẩm: Bột hít phân liều Advair Diskus 250/50 Inhalant. Tên tại Việt Nam: Seretide Accuhaler 50/250mcg (salmeterol 50mcg, fluticasone propionate 250mcg).	US-GMP	UM3C-BCTS	11/07/2019	10/07/2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
61	Sun Pharmaceutical Industries Limited	Village Ganguwala, Paonta Sahib, District Sirmour, Himachal Pradesh 173025, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nang mềm, viên nén, viên nén bao phim.	EU GMP	NL/H 17/2001788 A	19/08/2019	12/10/2020	Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affair Netherlands		2
62	GlaxoSmithKline LLC	1011 North Arendell Avenue Zebulon, North Carolina 27597, United State of America (* Cách viết khác: 1011 North Arendell Avenue Zebulon, NC 27597, United State of America)	* Sản phẩm: Bột hít phân liều Advair Diskus 500/50 Inhalant. Tên tại Việt Nam: Seretide Accuhaler 50/500mcg (salmeterol 50mcg, fluticasone propionate 500mcg).	US-GMP	MBCH-9TB5	23/07/2019	22/07/2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
63	Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH (Cơ sở sản xuất dung môi)	Herderstraße 1,2 und Molkerei-Bauer-Straße 18, 83512 Wasserburg, Germany	* Sản phẩm: Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm và ống dung môi Zomacton (Somatropin 4mg).	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2019_0046	16/04/2019		Cơ quan thẩm quyền Đức	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Ferring GmbH (Cơ sở sản xuất lọ thuốc bột)	Wittland 11, 24109, Kiel, Germany		EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2019_0008	26/03/2019	21/07/2019	Cơ quan thẩm quyền Đức		
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói cấp 2)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		EU-GMP và PIC/s-GMP	19-1017	25/07/2019		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
64	Delpharm Milano S.r.l (Cơ sở sản xuất)	Via Carnevale, 1, 20090, Segrate (MI), Italy	* Sản phẩm: Viên nang cứng Tamiflu (Oseltamivir 75mg)	EU GMP	IT/24/H/2019	31/01/2019	12/05/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
	F.Hoffmann - La Roche AG. (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland		EU-GMP và PIC/s-GMP	GMP-CH-1000096	05/04/2019		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
65	Republican unitary enterprise "Belmedpreparaty" - workshop 2	30, Fabritsius Str., Minsk, 220007, Republic of Belarus	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (thuốc độc tế bào/kìm tế bào); Dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	030/2019/RO	09/07/2019	12/04/2022	National Agency for Medicines and medical Devices from Romania		2
66	Siegfried Hameln GmbH	Langes Feld 13, 31789 Hameln, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn, hỗn dịch + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ; dung dịch thể tích lớn. * Thuốc sinh học: Vắc xin vi khuẩn, virus bất hoạt.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2019_0016	15/04/2019	20/12/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
67	TTY Biopharm Company Limited Chungli Factory	838, Chung Hwa Rd., Sec. 1, Chungli Dist., Taoyuan City, 32069, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: Dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ, thuốc kem).	PIC/S-GMP	5351	23/07/2019	23/07/2020	Taiwan Food and Drug Administration (TFDA)		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
68	Corden Pharma Societa' Per Azioni	Viale Dell' Industria, 3 - 20867, Caponago (MB), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch, nhũ tương thể tích nhỏ.	EU GMP	IT/71/H/2019	01/04/2019	20/09/2021	AIFA Italian Medicines Agency	1	
69	Ferring GmbH (Cơ sở sản xuất)	Wittland 11, 24109 Kiel, Germany	* Sản phẩm: + Bột đông khô pha tiêm tĩnh mạch Glypressin (Terlipressin 0,86mg dưới dạng Terlipressin acetate 1mg) + Dung dịch tiêm tĩnh mạch Duratocin (carbetocin 100mcg/1ml); + Bột pha tiêm Menogon (Menotrophin 75IU FSH + 75IU LH); + Bột pha tiêm Menopur (Menotrophin 75IU FSH + 75IU LH); + Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm Menopur multidose 600IU (Menotrophin tinh khiết cao 600IU/ml); + Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm Menopur multidose 1200IU (Menotrophin tinh khiết cao 1200IU/2ml); + Dung dịch đậm đặc pha truyền tĩnh mạch Tractocile (Atosiban acetate, 7,5mg/ml atosiban); + Dung dịch tiêm dưới da Fertipeptil (Tryptoreline acetat 0,1mg/ml).	EU-GMP	DE_SH_01_GMP_2019_0008	26/03/2019	30/05/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói)	Chemin de la Vergognausz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	19-1017	25/07/2019		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
70	Delpharm Milano S.r.l (Cơ sở sản xuất)	Via Carnevale, 1, 20090, Segrate (MI), Italy	* Sản phẩm: Viên nén Madopar (Levodopar 200mg, Benserazide 50mg).	EU GMP	IT/24/H/2019	31/01/2019	12/05/2020	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
	F.Hoffmann - La Roche AG. (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland		EU-GMP và PIC/s-GMP	GMP-CH-1000096	05/04/2019		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
71	Pharmaceutical Works Polpharma S.A. (* Tiếng Ba Lan: Zakłady Farmaceutyczne Polpharma S.A)	19 Pelpinska Street, 83-200 Starogard Gdanski, Poland Tiếng Ba Lan: ul. Pelplinska 19, 83-200 Starogard Gdanski, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc cốm, thuốc cốm pha hỗn dịch uống; viên nén và viên nén bao phim (nguyên liệu hoạt tính cao, nguyên liệu độc tính cao, nguyên liệu gây quái thai).	EU-GMP	IWPS.405.88.2019.KK.2 WTC/0105_02_03/210	03/09/2019	27/06/2022	Main Pharmaceutical Inspectorate (MPI), Poland	1	
72	Roche Diagnostics GmbH (Cơ sở sản xuất)	Sandhofer Strabe 116, 68305 Mannheim, Germany	* Sản phẩm: + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Mabthera (Rituximab 100 mg/10 ml); + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Mabthera (Rituximab 500 mg/50 ml) hộp 01 lọ; + Bột đông khô để pha dung dịch tiêm truyền Herceptin (Trastuzumab 150mg); + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền Gazyva (Obinutuzumab 1000mg/40ml) + Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền Perjeta (Pertuzumab 420mg/14ml).	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0073	14/06/2018	06/06/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	F. Hoffmann-La Roche AG (Cơ sở đóng gói)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland (cách viết khác: Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland)		PIC/S GMP	GMP-CH-1000096	05/04/2019		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
73	Fournier Laboratories Ireland Limited	Anngrove, Carrigtwohill, Co. Cork, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; viên nén bao phim.	EU-GMP	21678/M01 020/00001	20/02/2019	23/11/2021	Health Product Regulatory Authority, Ireland	1	
74	Famar Orleans	5 Avenue de Concyr, Orleans Cedex 2, 45071, France	* Sản phẩm: + Viên nén sủi Calcium-Sandoz 600 + Vitamin D3; + Viên nén sủi Ca-C 1000 Sandoz Orange.	EU-GMP	1900264519 002646	18/04/2019		National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
75	R.X. Manufacturing Co., Ltd	76 Salaya-Bangpasi Road, Moo 10, Narapirom, Banglane, Nakornpathom 73130, Thailand	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam: Viên nang cứng; viên nén. + Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillin: Viên nang cứng, thuốc bột, viên nén.	PIC/S GMP	1-2-07-17-19-00016	07/08/2019	21/05/2021	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		2

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
76	Korea Prime Pharm Co., Ltd	100, Wanjusandan 9-ro, Bongdong-eup, Wanju-gun Jeollabuk-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (viên nén bao phim, viên nén trần, viên nén bao tan trong ruột, viên nén giải phóng kéo dài, viên nén bao đường, viên nén ngậm dưới lưỡi); viên nang cứng; viên nang mềm.	PIC/S-GMP	2019-F1-0164	29/07/2019	12/11/2020	Gwangju Regional Office of Food and Drug Safety, Korea		2
77	Chinoin Pharmaceutical and Chemical Works Private Co., Ltd. (Chinoin Private Co. Ltd)	Csanyikvölgy, Miskolc, 3510, Hungary	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc sinh học: + Thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. + Thuốc miễn dịch	EU-GMP	OGYÉI/3882 9-2/2019	25/06/2019	18/07/2021	National Institute of Pharmacy and Nutrition, Hungary	1	
78	Genfarma Laboratorio, S.L	Avd. Constitucion 198-199, Pol. Industrial Monte Boyal 28230 Casarubios del Monte (Toledo), Spain	* Thuốc bột pha dung dịch truyền Aciclovir G.E.S 250mg	EU GMP CPP	2019/00673	08/05/2019	08/05/2020	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain	1	
79	Sanofi S.P.A	Via Valcanello, 4, 03012 Anagni (Fr), Italy (* Cách ghi cũ: <i>Località Valcanello , 03012 Anagni (Frosinone), Italy</i>)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc bột đông khô pha tiêm (chứa hormone và chất có hoạt tính hormone); dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén; Thuốc đặt (prostaglandins/ cytokines) * Thuốc sinh học: Sản phẩm công nghệ sinh học.	EU-GMP	IT/97/H/2019	22/05/2019	15/02/2022	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
80	Bausch and Lomb Incorporated	8500 Hidden River Parkway, Tampa, FL 33637, United States of America	* Sản phẩm: Besivance® (Besifloxacin ophthalmic Suspension) 0.6% (Sterile) Suspension.	U.S. cGMP	ZFHT-PMK2	01/08/2019	31/07/2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
81	Hetero Labs Limited	Unit V, Block V and V-A, TSIC- Formulation SEZ, S. Nos 439, 440, 441 & 458, Polepally Village, Jadcherla Mandal, Mahaboobnagar District., Telangana, 509301, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nang cứng, thuốc bột; Viên nén bao phim Enterocavir 0,5mg, 1mg (dạng bào chế này chỉ sản xuất tại Unit V-A).	EU GMP	FI006/001/2019	01/04/2019	25/01/2022	National Authority of Medicines and Health Products (INFARMED), Portugal		2
82	Kotra Pharma (M) Sdn Bhd	No. 1, 2, & 3, Jalan TTC 12, Cheng Industrial Estate, 75250, Melaka, Malaysia	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; thuốc bột pha tiêm chứa kháng sinh Cephalosporin. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ, thuốc bán rắn. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bán rắn. * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh Cephalosporin: viên nang cứng; thuốc bột. * Thuốc không vô trùng chứa corticoid: Viên nén; thuốc bán rắn.	PIC/S GMP	1320(f)/19	09/08/2019	15/03/2022	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
83	KVP Pharma + Veterinar Produkte GmbH	Projensdorfer Straße 324 24106 Kiel, Germany	* Thuốc không vô trùng: Thuốc lỏng dùng ngoài, thuốc uống dạng lỏng, thuốc bán rắn, thuốc bột	EU GMP	DE_SH_01_GMP_2018_0015	30/05/2018	15/11/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
84	Schering-Plough Labo NV	Industriepark 30, Heist-op-den-Berg, 2220, Belgium	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch/hỗn dịch thể tích nhỏ.	EU GMP	BE/GMP/2016/010	19/02/2019	21/10/2019	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
85	Pfizer Ireland Pharmaceuticals (Cơ sở sản xuất)	Grange Castle, Business Park, Clondalkin, Dublin 22, Ireland	* Sản phẩm: Hỗn dịch tiêm Prevenar 13 Suspension for injection.	EU GMP	21704/M11173	25/04/2019	/2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
	Wyeth Pharmaceuticals (Cơ sở đóng gói)	New Lane, Havant, Hampshire PO9 2NG, United Kingdom		EU GMP	UK MIA 11 Insp GMP 11/4452-0029	15/03/2019	09/11	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		
86	Bracco Imaging S.P.A	Bioindustry park - Via Ribers, 5-10010 Colletterto Giacosa (TO), Italy	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trung cuối: Dung dịch thể tích nhỏ	EU GMP	IT/21/H/2019	29/01/2019	15/06/2021	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
87	Siegfried Hameln GmbH (Cơ sở sản xuất)	Langes Feld 13, 31789 Hameln, Germany	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm Esmeron (Rocuronium bromide 10mg/ml)	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2019_0016	15/04/2019	31/01/2020	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	N.V. Organon (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands (* Cách ghi khác: Molenstraat 110, 5342 CC Oss, Netherlands hoặc: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Netherlands)		EU GMP	NL/H 16/1010471 CV1	13/08/2019		Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands		
88	Patheon Manufacturing Services, LLC (Cơ sở sản xuất)	5900 Martin Luther King Jr. Highway, Greenville, NC (hoặc North Carolina) 27834, USA	* Sản phẩm: Dung dịch tiêm Bridion Solution for injection (Sugammadex 100mg/ml; 10 vials of 2 ml or 5 ml)	U.S. cGMP	JKZ5-S87E C8BN-JXRB	21/09/2018	31/01/2020	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	N.V. Organon (Cơ sở đóng gói)	Molenstraat 110, OSS, 5342CC, Netherlands (* Cách ghi khác: Molenstraat 110, 5342 CC Oss, Netherlands hoặc: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Netherlands)		EU GMP	NL/H 16/1010471 C V1	13/08/2019		Health and Youth Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs, Netherlands		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
89	Lek Pharmaceuticals d.d (Tên viết tắt: Lek d.d)	Perzonal 47, Prevalje, 2391, Slovenia	* Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm beta-lactam: viên nén; viên nén bao phim.	EU GMP	401-3/2019-5	28/05/2019	14/03/2022	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
90	Lek Pharmaceuticals d.d (Cơ sở sản xuất)	Verovskova ulica 57, 1526 Ljubljana, Slovenia	* Sản phẩm: - Viên nén kháng dịch vị Beprasan 10mg (Rabeprazole 10mg); - Viên nén kháng dịch vị Beprasan 20mg (Rabeprazole 20mg);	EU-GMP	401-8/2018-4	30/07/2018	30/05/2021	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)	1	
	Lek Pharmaceuticals d.d (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Trimlini 2D, Lendava, 9220, Slovenia. (* cách ghi khác: Trimlini 2D, 9220 Lendava, Slovenia)		EU-GMP						
91	Patheon Inc (Cơ sở sản xuất)	2100 Syntex Court, Mississauga, Ontario, Canada L5N 7K9	* Sản phẩm: Viên nén Zytiga (Abiraterone acetate 250mg);	Canada-GMP	72275	15/05/2019	15/05/2020	Health Products and Food Branch Inspectorate (HPFBI), Canada	1	
	Janssen Cilag S.P.A. (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Via C. Janssen (loc. Borgo S. Michelle), 04100 Latina (LT), Italy		EU GMP	IT/184/H/2018	08/08/2018		AIFA Italian Medicines Agency		
92	Hovid Berhad	121, Jalan Tunku Abdul Rahman (Jalan Kuala Kangsar), 30010 Ipoh, Perak, Malaysia	* Thuốc không vô trùng: viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; dạng bào chế bán rắn; viên nang cứng (chứa penicillin); thuốc cổm (chứa penicillin); viên nén (chứa penicillin). * Thuốc được liệu: thuốc bột.	PIC/S-GMP	1136/19	09/04/2019	30/11/2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
93	Hovid Berhad	Lot 56442, 7 1/2 Miles, Jalan Ipoh/Chemor, 31200 Chemor, Perak, Malaysia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cổm; viên nén; viên nén sủi bọt. * Thuốc được liệu: viên nén; thuốc bột.	PIC/S GMP	1133/19	08/04/2019	30/11/2021	National Pharmaceutical Regulatory Agency (NPRA), Ministry of Health, Malaysia		2
94	Glaxosmithkline LLC	1011 North Arendell Avenue, Zebulon, North Carolina, 27597, United States	* Sản phẩm: bột hít phân liều Seretide Accuhaler 50/250mcg; bột hít phân liều Seretide Accuhaler 50/500mcg.	EU GMP	ES/074HV/17	15/06/2017	17/03/2020	Spanish Agency of Medicines and Medical Devices, Spain	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
95	Rottendorf Pharma GmbH	Ostenfelder Straße 51-61, 59320 Ennigerloh, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; viên nang mềm; viên nén (bao gồm viên nén chứa Tamoxifen, Flutamide và Clomifen và các chất tương tự); viên bao; viên nén sủi bọt; thuốc bột; pellet; thuốc cốm. * Thuốc được liệu; thuốc vi lượng đồng căn.	EU-GMP	DE_NW_05_GMP_2019_0027	01/07/2019	14/03/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
96	UCB Pharma SA	Chemin du Foriest, Braine-L'Alleud, 1420, Belgium (Building 3)	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; viên nén bao phim.	EU-GMP	BE/GMP/2018/147	15/03/2019	10/10/2021	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium	1	
97	Aspen Notre Dame De Bondeville	1 rue de l'Abbaye Notre Dame De Bondeville, 76960, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc sinh học: Thuốc chiết xuất từ người và động vật.	EU-GMP	2019/HPF/FR/173	26/06/2019	08/03/2022	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)	1	
98	Roche Diagnostics GmbH (Cơ sở sản xuất)	Sandhofer Strabe 116, 68305 Mannheim, Germany	* Sản phẩm: Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền Tecentriq (Atezolizumab 1200mg/20ml);	EU GMP	DE_BW_01_GMP_2018_0073	14/06/2018	06/06/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	F. Hoffmann-La Roche Ltd (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Wurmisweg, 4303 Kaiseraugst, Switzerland (cách viết khác: Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland)		PIC/S-GMP và EU-GMP	GMP-CH-1000096	05/04/2019		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		
99	Pharbil Pharma GmbH (Cơ sở sản xuất)	Pharbil Pharma GmbH Reichenberger Strasse 43, 33605 Bielefeld, Germany	* Sản phẩm: Viên đặt trực tràng Pentasa (Mesalazine 1g).	EU-GMP	DE_NW_02_GMP_2019_0003	15/01/2019	23/05/2021	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Ferring International Center SA (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng)	Chemin de la Vergognausaz 50, 1162 St-Prex, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	17-1017	25/07/2019		Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)		

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
100	Hutechs Korea Pharmaceutical Co., Ltd	99 Jeyakongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nén bao phim; viên nang cứng.	PIC/S-GMP	2019-D1-1937	13/08/2019	24/04/2022	Gyeongin Regional Food and Drug Administration, Korea		2
101	Bipso GmbH (Cơ sở sản xuất)	Robert-Gerwig-Strasse 4, 78224 Singen, Germany	* Sản phẩm: Venofer 20mg/ml solution for injection	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2017_1098	20/12/2017	23/05/2020	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)	1	
	Vifor (International) Inc (Cơ sở xuất xưởng)	Rechenstrasse 37, 9014 St. Gallen, Switzerland		PIC/S-GMP và EU-GMP	19-0323	08/03/2019				
102	Bayer Pharma AG	Bayer Pharma AG Kaiser-Wilhelm-Allee 1, 51373 Leverkusen, Germany (* Cách ghi cũ: Kaiser-Wilhelm-Allee, 51368 Leverkusen, Germany)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nang chứa bột hít; viên nén; viên nén bao phim; thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2019_0026	02/08/2019	10/05/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
103	Bayer AG	Bayer AG Kaiser-Wilhelm-Allee, 51368 Leverkusen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén; viên nang chứa bột hít; viên nén bao phim; thuốc bột; thuốc cốm.	EU-GMP	DE_NW_04_GMP_2019_0023	02/08/2019	10/05/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
104	Aesica Queenborough Limited	North Road Queenborough Kent ME11 5EL, United Kingdom	* Thuốc không vô trùng: thuốc uống dạng lỏng; viên nén; viên nén bao phim; thuốc gây mê dạng hít.	EU-GMP	UK MIA 32496 Insp GMP 32496/3043 3-0037	09/08/2019	07/05/2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
105	Merck KGaA	Frankfurter Strabe 250, A 18, A 31, A 32, D 2, D3, D 11, D 12, D 15, D39, N 79, N 80, N 90, PH 5, PH 16, PH 23, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, 64293 Darmstadt, Germany (* Cách viết khác: Frankfurter Strasse 250 64293 Darmstadt, Germany)	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Thyrozol 10 mg (Thiamazole 10 mg); + Viên nén bao phim Thyrozol 5 mg (Thiamazole 5 mg);	EU GMP	DeET 103; DeET 104	29/03/2019; 29/03/2019		Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
106	Merck KGaA (Cơ sở sản xuất)	Frankfurter Strabe 250, A 18, A 31, A 32, D 2, D3, D 11, D 12, D 15, D39, N 79, N 80, N 90, PH 5, PH 16, PH 23, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, 64293 Darmstadt, Germany (* Cách viết khác: Frankfurter Strasse 250 64293 Darmstadt, Germany)	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Concor Cor (Bisoprolol fumarate 2.5mg); + Viên nén bao phim Concor (Bisoprolol fumarate 5mg);	EU-GMP	DeAR 21; DeAR 5;	29/01/2018; 09/01/2018		Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
	Merck KGaA & Co. Werk Spittal (Cơ sở đóng gói)	Hösslgasse 20, 9800 Spittal an der Drau, Austria (* Cách ghi khác: Hoesslgasse 20, 9800 Spittal/Drau, Austria)								

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
107	Merck S.A. de C.V. (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng)	Merck S.A. de C.V., Calle 5 No. 7, Naucalpan de Juárez, Edo. De México, C.P. 53370, Mexico. (* Cách ghi khác: Calle 5 No. 7, Fraccionamiento Industrial Alce Blanco, C.P. 53370 Naucalpan de Juárez, Edo. De México, Mexico)	* Sản phẩm: + Viên nén Euthyrox 100 microgram Tên tại Việt Nam: Levothyrox 50 microgram; + Viên nén Euthyrox 50 microgram Tên tại Việt Nam: Levothyrox 100 microgram.	EU-GMP	DeFR 24; DeFR 23	19/06/2018; 19/06/2018		Cơ quan thẩm quyền Đức		2
	Merck KGaA (Cơ sở sản xuất bán thành phẩm)	Frankfurter Strabe 250, A 18, A 31, A 32, D 2, D3, D 11, D 12, D 15, D39, N 79, N 80, N 90, PH 5, PH 16, PH 23, PH 28, PH 31, PH 33, PH 50, PH 51, PH 52, PH 80, 64293 Darmstadt, Germany (* Cách viết khác: Frankfurter Strasse 250 64293 Darmstadt, Germany)								
108	Polfarmex S.A.	9, Józefów Str., 99-300 Kutno, Poland	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; Thuốc uống dạng lỏng; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; Thuốc bột; Thuốc bột để hít; Viên nén, viên bao phim (bao gồm cả thuốc chứa các chất có độc tính cao); Hỗn dịch thuốc (bao gồm cả thuốc chứa hormon steroid tổng hợp). * Thuốc từ dược liệu	EU GMP	IWPS.405.84 .2019.KK.1 WTC/0020_01_01/197	27/08/2019	31/05/2022	Main Pharmaceutical Inspector, Poland	1	
109	Pfizer Ireland Pharmaceuticals	Little Connell, Newbridge, Co. Kildare, Ireland	* Thuốc không vô trùng (bao gồm cả thuốc chứa chất có hoạt tính học môn): Viên nang cứng; viên nén.	EU GMP	18082/M10 63	18/10/2017	06/10/2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
110	Bal Pharma Ltd	Plot No. 1, 2, 3 & 69, Sector 4, IIE, SIDCUL, Pantnagar, Rudrapur, District Udham Singh Nagar, Uttarakhand, India	* Thuốc không vô trùng: viên nén.	EU GMP	MT/011/HM/2019	20/03/2019	20/09/2021	Medicines Authority of Malta (MAM)		2
111	Teva Czech Industries s.r.o	Ostravská 305/29, Komárov 747 70 Opava, - Czech Republic	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng chứa chất kim tế bào; Viên nang mềm chứa chất ức chế miễn dịch; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng chứa hormon; Thuốc uống dạng lỏng chứa chất ức chế miễn dịch; Viên nén chứa chất kim tế bào, hoạt chất có hoạt tính cao và hormon.	EU-GMP	sukls293205/2018	11/12/2018	13/09/2021	State institute for drug control, Czech Republic.	1	
112	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd	30 Gangjeon-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	* Thuốc uống dạng rắn: Viên nang cứng (bao gồm cả Cephalosporin).; Viên nén, viên nén bao phim	PIC/S GMP	2019-G1-1546	07/08/2019	03/04/2022	Daejeon Regional Office of Food & Drug Safety, Korea		2
113	Douglas Manufacturing Ltd	Corner Te Pai Place and Central Park Drive, Lincoln, Auckland 0610, New Zealand	* Thuốc chứa kháng sinh (không bao gồm nhóm penicillin và cephalosporin): Thuốc kem; viên nang cứng; dung dịch; viên nén. * Thuốc chứa hormon và steroid: Thuốc kem; viên nang mềm; kem dưỡng; dung dịch; hỗn dịch; viên nén. * Các chế phẩm (không bao gồm vitamin) có liều nhỏ hơn hoặc bằng 5mg: Viên nang cứng; viên nang mềm; Elixir; Siro ho; dung dịch; hỗn dịch; viên nén. * Thuốc chống ung thư, thuốc ức chế miễn dịch (không bao gồm steroid): Viên nang mềm; viên nén. * Thuốc khác: Thuốc kem; viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống nhỏ giọt; Elixir; Gel; siro ho; kem dưỡng; thuốc mỡ; thuốc bột; dầu gội; dung dịch; hỗn dịch; siro; viên nén.	PIC/S-GMP	TT60-42-16-3-3	24-08-18	24-02-20	Medicines and Medical Devices Safety Authority (Medsafe), New Zealand		2
114	AstraZeneca UK Limited	Silk Road Business Park, Macclesfield, SK 10 2NA, United Kingdom	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng rắn và cấy ghép (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất LHRH Agonist). + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hoạt chất antieostrogen).	EU-GMP	UK MIA 17901 Insp GMP/GDP/IMP 17901/10117- 0039	25/09/2018	06/11/2021	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
115	Corden Pharma GmbH	Corden Pharma, Otto-Hahn-Str. 68723 Plankstadt, Germany	* Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc cốm, thuốc bột (chứa hoạt chất có hoạt tính cao); viên nén, viên bao (chứa hoạt chất có hoạt tính cao).	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2019_0082	21/06/2019	20/03/2022	Cơ quan thẩm quyền Đức	1	
116	Cenexi - Fontenay Sous Bois (Các ghi khác: Cenexi)	52 rue Marcel et Jacques Gaucher Fontenay sous Bois, 94120, France	*Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (chứa sulfonamides). *Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng (chứa sulfonamides); thuốc đặt; viên nén (chứa sulfonamides).	EU-GMP	2018/HPF/FR/223	11/10/2018	19/06/2021	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France	1	
117	Merck KGaA	Frankfurter Strabe 250, A18, A31, A32, D3,D9, D11, D12, D15, D24, D25, D39, I11, N78, N79, N80, N90, PH5, PH16, PH23, PH28, PH50, PH51, PH52, PH80, V40, V41, V42, V66, V67; 64293 Darmstadt, Germany (Cách viết khác Frankfurter Straße 250 64293 Darmstadt, Germany)	Sản phẩm: dung dịch tiêm truyền Erbitux (Cefuximab 5 mg/ml)	EU-GMP	01/19/1278 18	17/01/2019		European Medicines Agency	1	
118	GE Healthcare Ireland Limited	IDA Business Park, Carrigtohill, Co. Cork, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn (bao gồm cả thuốc tiêm truyền và thuốc uống) ; Dung dịch thể tích nhỏ (thuốc tiêm truyền).	EU GMP	21690/M23 5	23/08/2019	21/09/2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	
119	LEO laboratories	285 Cashel Road, Crumlin, Dublin 12, Ireland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dạng bào chế bán rắn. * Thuốc không vô trùng: thuốc dạng khung thấm; thuốc dạng xịt, dạng bào chế bán rắn (bao gồm cả corticosteroid).	EU GMP	26118/M46	29/08/2019	07/02/2021	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
120	Procaps S.A	CALLE 80 NO 78B, BARRANQUILLA, CO-201, Colombia	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm	EU GMP	UK GMP 43225 Insp GMP 43225/1005 6105-0003	06/09/2019	17/06/2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		2
121	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato factory (Sản xuất bán thành phẩm)	950, Hiroki, Ohaza, Misato-machi, Kodama-gun, Saitama-ken, Japan	* Sản phẩm: Viên nén bao đường Myonal Tablets 50mg (Eperison HCL)	Japan-GMP	2728	04/09/2018	19/02/2020	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan; Food and Drug Administration (Thai FDA). Thailand		2
	Interthai Pharmaceutical Manufacturing Limited (Đóng gói).	1899 Phaholyothin Road, Ladyao, Chatuchak, Bangkok 10900, Thailand		PIC/S-GMP	1-2-07-17-18-00019	20/02/2017		Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand		
122	BSC Pharmaceutical S.p.A (Cơ sở sản xuất)	Via Appia Km 65, 561 (loc. Latina Scalo) - 04013 LATINA (LT), Italy	Thuốc bột pha tiêm tĩnh mạch Velcade (1 mg bortezomib)	EU-GMP	IT163/H/2018	02/07/2018	20/10/2020	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Janssen Pharmaceutica NV (Đóng gói thứ cấp và xuất xưởng)	Turnhoutseweg 30, Beerse, 2340 hoặc (B-2340), Belgium			BE/GMP/2017/124	20/03/2018		Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium		
123	Merck Sharp & Dohme Corp (Cơ sở sản xuất)	770 Sumneytown Pike, West Point, PA 19486, USA	Sản phẩm Gardasil (vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi - rút HPV ở người typs 6, 11, 16, 18)	EU-GMP	04/19/1318 68 CPP	18/06/2019		European Medicines Agency	1	
	Merck Sharp & Dohme B.V (Cơ sở đóng gói)	Waarderweg, 39, 2031 BN, Haarlem, The Netherland								
124	Alkermes Pharma Ireland Ltd	Monksland, Athlone, Co.Westmeath, N37 EA09, Ireland	Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén.	EU - GMP	22307/M1067	21/08/2018	16/06/2020	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland	1	

STT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP	NHÓM THUỐC	
									1	2
125	Catalent Australia Pty Ltd	217-221 Governor Road, Braeside Vic 3195, Australia	* Thuốc không vô trùng (không chứa penicillin, cephalosporin, hormon, steroid, antineoplastic): viên nang mềm		MI -2018-LI-09353-1	28/06/2019	29/11/2021	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia	1	
126	BSP pharmaceuticals S.P.A	Via Appia Km 65,561 (loc. Latina Scalo)-04013 Latina (LT), Italy	Thuốc bột pha dung dịch tiêm truyền Adcetris (Brentuximab Vedotin 50 mg)	EU-GMP	IT/69-31/H/2017	07/04/2017	13/10/2019	Italian Medicines Agency (AIFA)	1	
	Takeda Austria GmbH (Cơ sở đóng gói)	St. Peter-Strabe 25, 4020 Linz, Austria			INS-480050-0044-0109-001 (6/20)	19/06/2017		Austrian Federal Office for Safety in Health Care		
127	Teikoku Seiyaku Co., Ltd. (Cơ sở sản xuất và đóng gói)	567 Sanbonmatsu, Higashikagawa, Kagawa 769-2695, Japan	* Sản phẩm: Lignopad® Medicated Plaster 5% (Miếng dán Lignopad (Lidocain 0,7g (5%kl/kl))	Japan - GMP	MCEL19000 61	11/02/2019	10/02/2021	Health Sciences Authority (HSA), Singapore		2
	Zuellig Pharma Specialty Solution Group Pte. Ltd. (Cơ sở đóng gói, dán nhãn)	15 Changi North way, #01-02, #02-02, #02-10, Singapore 498770		PIC/S GMP						
128	AstraZeneca Pharmaceuticals LP (Cơ sở sản xuất)	587 Old Baltimore Pike, Newark, DE 19702, USA	* Sản phẩm: + Viên nén bao phim Arimidex (anastrozol 1mg); + Viên nén giải phóng kéo dài Seroquel XR 50mg (Quetiapine 50mg); + Viên nén giải phóng kéo dài Seroquel XR 200mg (Quetiapine 200mg); + Viên nén giải phóng kéo dài Seroquel XR 300mg (Quetiapine 300mg);	U.S. cGMP	V4A6-QVXB; 3NAP-Z5ZP; F7QJ-RQ4D; 899Y-6R9K	18-06-2019 27-03-2019	26/03/2021	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)	1	
	Astra Zeneca UK Ltd. (Cơ sở đóng gói)	Silk Road Business Park, Macclesfield, Cheshire, SK 10 2NA, United Kingdom		EU GMP	UK MIA 17901 Insp GMP 17901/1011 7- 0039	25/09/2018		Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom		